NĂM THỨ MƯỜI MỘT • # 124 • AUGUST 1999

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 TEL (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

BẠN HIỀN **LÊ TẤT ĐIỀU**

SÀI GÒN
THÁNG NGÀY TRÔI NỔI **TRẦN DOÃN NHO**

TÊN GIẾNG DẦU Ở
THỀM LỤC ĐỊA VIỆT NAM **TRẦN VĂN KHỞI**

PHÁT HÀNH DỊP LỄ LABOR DAY 1999

Xúc động hơn Video Mẹ
Ngậm ngùi hơn Giã Biệt Sài Gòn!

Paris by Night 49

CHÚNG TA ĐI MANG THEO QUÊ HƯƠNG

Lời diễn đọc: nhà văn NGUYỄN NGỌC NGẠN

Cuốn Video hồi tưởng cố hương yêu dấu, cái nôi êm ái đầu tiên đã cho chúng ta tiếng khóc chào đời.

120 phút thiêng liêng sống lại với trăm ngàn Hình Ảnh, Giọng Hát quê hương ba miền Trung, Nam, Bắc qua các địa danh Hạ Long, Lạng Sơn, Tây Bắc, Hà Nội, Bắc Ninh, Huế, Nha Trang, Pleiku, Đà Lạt, Sàigòn, Cần Thơ, Bạc Liêu, Hà Tiên ... và biết bao nhiêu hình ảnh khác.

Cuốn Video quê hương mà mọi người Việt Nam xa lìa đất nước phải có trong tủ nhạc gia đình để cho con cháu Việt Nam hải ngoại biết đâu là xuất xứ Ông Bà, Cha Mẹ mình.

Với các giọng ca và tình cảm diễn tả bởi:

Ái Vân - Khánh Ly - Như Quỳnh - Lưu Bích
Ngọc Minh - Mỹ Huyền - Hoàng Lan - Thiên Kim
Phi Nhung - Elvis Phương - Don Hồ - Nguyễn Hưng
Thế Sơn - Mạnh Đình - Anh Dũng - Kiều Hưng
Đoàn Thanh Niên Phật Tử Chùa Việt Nam Toronto

design: Thien Luyen

THÚY NGA 9295 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 Tel:(714) 893-2860 Fax:(714) 891-9673
Internet: www.thuynga.net Email: thuynga@thuynga.net

Paris By Night 49

Cuốn video Quê Hương Việt Nam đặc sắc
không thể thiếu trong tủ nhạc của người Việt hải ngoại

@ Copyright 1999 THUY NGA. All right reserved

TUYỂN DỤNG NHÂN VIÊN

Công ty **CDS ENSEMBLES** và **DESIGNER ENSEMBLES** tại **Thành phố Greenville** thuộc **tiểu bang South Carolina,** chuyên sản xuất các mặt hàng trang trí nội thất cần tuyển dụng nhân viên cho các khâu như sau:

* *Thợ sửa máy công nghiệp.*
* *Nhân viên chạy máy Quilt.*
* *Nhân viên chạy máy vô gòn.*
* *Thợ may công nghiệp (Overlock, Single Needles)*
* *Nhân viên sản xuất gòn (Fiber)*

Designer và CDS cung ứng một nơi làm việc bảo đảm với chương trình bảo hiểm toàn diện và chương trình hưu trí K401 cho tất cả nhân viên. Lương sản phẩm từ 10 đến 12 dollars một giờ. Công ty sẽ giúp đỡ phương tiện di chuyển từ các Tiểu bang khác, cung cấp chỗ ở cho 2 tháng đầu mới đến. Cơ hội tốt cho những gia đình đông người lao động.

Cho các đối tượng từ Tiểu bang khác đến sẽ được cung cấp chỗ ở đến $550 một tháng cho 2 tháng đầu tiên cho những gia đình tối thiểu 2 người đi làm tại công ty và tiền đặt cọc cho điện và nước tại nơi cư ngụ. Greenville là nơi định cư lý tưởng cho những gia đình mới đến Hoa Kỳ có đông người lao động.

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc với:

Cô ÁNH HỒNG (TINA TRẦN) tại DESIGNER ENSEMBLES

Collect Call: (864) 834-2201

(Week day 8:00 AM - 5:00 PM)

(864) 246-9545 (Weekend)

Anh CHÂN NGUYỄN tại CDS ENSEMBLES

Collect Call: (864) 848-3499

(Week day 8:00 AM - 5:00 PM)

(864) 834-1707 (Weekend)

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998:*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

đã phát hành CD **K. KHÚC CỦA LÊ**

mười một ca khúc do chính tác giả chọn, viết, và đọc lời dẫn nhập từng ca khúc

Tổng phát hành: **Trung Tâm Băng Nhạc BÍCH THU VÂN**
(trong khu Phước Lộc Thọ)
9200 Bolsa Ave., # 137, Westminster, CA 92683. USA. Tel: (714) 897-4519

Kính mời quý độc giả đón đọc:

KỶ YẾU VNCR 1999-2000

Sẽ phát hành (15,000 cuốn) vào giữa tháng Sáu 1999 nhân dịp kỷ niệm Đệ Tứ Chu Niên VNCR

- **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** là một tuyển tập chuyên đề về phát thanh Việt ngữ lần đầu tiên trong lịch sử báo chí Việt Nam hải ngoại, với những bài vở của hàng chục cây bút tên tuổi trong làng văn làng báo.
- **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** là một cẩm nang về truyền thanh - ngành truyền thông đang ở thế mạnh trong tất cả các cộng đồng người Việt hải ngoại.
- **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** không những là một bản tường trình đầy đủ về các chương trình phát hanh VNCR, mà còn giới thiệu tất cả các chương trình phát thanh Việt ngữ hiện có ở các nơi trên thế giới.
- **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** còn là một phương tiện hữu hiệu để các cơ sở thương mại, văn phòng dịch vụ đến với hàng chục ngàn gia đình, qua các trang quảng cáo và danh mục thương mại. 15,000 cuốn **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** sẽ được in ấn công phu và phát miễn phí cho quý độc giả và các thính giả của VNCR.

Lần đầu tiên một đài phát thanh Việt ngữ hải ngoại
gởi Phái viên đi thăm các đài BBC ở Luân Đôn, RFI
ở Paris, SBS ở Sydney, VOA và RFA ở Washington D.C.
Mời quý vị đọc bài tường trình các chuyến đi ấy
trong KỶ YẾU VNCR 1999-2000

xin gọi cho cô **PHAN MỸ SƯƠNG:**

11022 Acacia Parkway, Suite A
Garden Grove, CA 92840
ĐT: (714) 534-9430, 534-9431, 534-9432
Fax: (714) 534-9433
Email: vncr@kicon.com
Webpage: kicon.com/vncr

Quý vị ở xa muốn có **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** xin gửi họ, tên, địa chỉ, kèm theo $5.00 bưu phí, phí tổn đóng gói, chúng tôi sẽ gửi kỷ yếu đến quý vị bằng Priority Mail.

Tranh bìa: **Võ Đình "Tháng Mười Một, 1998"** Polymer trên giấy Fabriano 12" x 13.1/2" - 1998
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Nguyên Long, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Etcetera, Hiếu Đệ**
Ảnh: **Anh Thành, Ninh Hạ,** tư liệu

MỤC LỤC

Số 124 . Tháng Tám 1999

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

12 Hậu quả Hiệp định Thương Mại Việt - Mỹ - **Ngô Nhân Dụng**
19 Bắc Kinh đàn áp Pháp Luân Đại Pháp - **Vương Hữu Bột**
24 Đời sống quanh ta - **Trần Quán Niệm**
31 Những thử thách hiện tại và nguy hiểm tương lai cho Tonle Sap và châu thổ sông Mekông - **Phạm Phan Long**

TÀI LIỆU - NGÔN NGỮ

38 Tên giếng dầu ở thềm lục địa Việt Nam - **Trần Văn Khởi**
46 Tinh hoa của dân tộc - **Nhuệ Hồng**
48 Tiếng Anh, ngôn ngữ quốc tế - **Billy Bryson - Võ Đình Mai** dịch
52 Cộng đồng Việt Nam hải ngoại sẽ đi về đâu? - **Bác sĩ Trần Minh Tùng**

NHÂN VẬT - VĂN HỌC

62 Văn học Kiến An - **Thái Việt**
69 Rabindranath Tagore: Nhà thơ vĩ đại của đạo Phật - **Nguyễn Phúc Bửu Tập**
86 Chân dung ông Tố Hữu - **Thanh Phong**

VĂN

76 Bạn hiền - **Lê Tất Điều**
81 Mưa muộn - **Ngô Nguyên Dũng**
88 Sài Gòn, tháng ngày trôi nổi - **Trần Doãn Nho**
100 Nẻo ngược - **Song Thao**
106 Bị cướp ở Âu Châu - **Phạm Nguyên Lương**

THƠ

50. Cuối đường ngoảnh lại - **Hồ Trường An. 65.** Một chút nhớ, ngày xưa... - **Trần Huy Sao. 79.** Người đi cát bụi - **Huỳnh Liễu Ngạn. 83.** Vấn mùa Đà Lạt - **Nguyễn Hòa Trước. 94.** Cảm hứng Hoàng Hạc Lâu - **Hoa Cúc. 97.** Thua cuộc - Bắt chước Vô Kỵ - **Thái Tú Hạp. 103.** Trái tim biệt thự - **Lê Nhiên Hạo. 109.** Ảnh xưa mây gợn - **Trần Tú Uyên.**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Thư trong tháng: Thế nào là tự do báo chí? - **Vương Hữu Bột**
8 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
56 Sổ tay
112 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành**
116 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiếu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

THẾ NÀO LÀ TỰ DO BÁO CHÍ?

VƯƠNG HỮU BỘT

Nhà báo trẻ tuổi Phan Trần Hiếu, báo Register ở Quận Cam thuật lại với với ký giả Hoàng Trọng Thụy, đài VNCR, cuộc gặp gỡ một vị chủ bút ở Sài Gòn. Khi đặt vấn đề báo chí ở Việt Nam có bị kiểm duyệt hay không, ông Tổng biên tập đó nói là ở Hoa Kỳ thì người viết báo cũng bị kiểm duyệt. Ông nêu thí dụ là mỗi tờ báo đều có chủ nhân, hỏi rằng người làm báo ở Mỹ "có dám viết những gì mà chủ mình không hài lòng hay không? ... (họ) biết có những điều mình muốn viết mà mình không viết được hay không?"

Bạm trẻ Phan Trần Hiếu kể: "Chú ấy (vị chủ bút ở Sài Gòn) nói đó cũng là kiểm duyệt. Chú ấy giải thích như vậy dù không đúng 100% nhưng cũng có cái đúng trong đó..." (bài phỏng vấn đăng trong Kỷ yếu đài VNCR 1999-2000.)

Nhưng có cái gì sai trong lý luận đó?

Điều sai thứ nhất là các cơ sở truyền thông ở Mỹ có chủ nhân, nhưng chủ nhân không thể kiểm duyệt báo chí như đảng Cộng Sản ở Việt Nam được. Hãy kể hai lý do chính sau đây.

Các cơ sở và người làm nghề truyền thông phải tuân luật pháp và theo tập tục, trong đó các quyền tự do được bảo vệ. Người làm truyền thông tự đặt những tiêu chuẩn và các tổ chức nghề nghiệp độc lập với các chủ nhân, độc lập với nhà nước và các đảng chính trị. Nếu các chủ nhân vi phạm các tiêu chuẩn đó thì nhà báo có thể kiện ra tòa. Nhưng ngoài tòa án, còn những tổ chức nghề nghiệp độc lập và dư luận công chúng. Một điều chủ nhân nào cũng muốn tránh, là nếu họ vi phạm các tiêu chuẩn nghề nghiệp thì các báo, các đài của họ sẽ bị công chúng tẩy chay, bị các hội nghề nghiệp lên án. Ở California, báo The Los Angeles Times đã đặt ra một chức "Đại diện Độc giả" trong tòa soạn. Bà Zacchino cũng đóng vai Phó Chủ tịch công ty, chứng tỏ các ông bà chủ kính trọng công chúng ra sao.

Những tờ báo uy tín và có lợi nhuận cao nhất ở Mỹ cũng là những báo phải chứng tỏ họ cố giữ tinh thần độc lập, khách quan nhất, ngay cả khi họ đã chọn một lập trường chính trị. Chỉ các báo hạng hạng ba, hạng tư mới công nhiên tỏ ra thiên vị. Chúng ta có thể thấy những báo ủng hộ đảng Cộng hòa nhưng vẫn loan đầy đủ và trung thực các tin tức, bình luận bất lợi cho đảng này hoặc có lợi cho đảng Dân chủ. Ngược lại, các báo thân đảng Dân chủ cũng làm như vậy. Các vị "chủ nhân" của những báo này biết rằng nếu họ làm khác đi thì uy tín của tờ báo sẽ xuống, số doanh thu sẽ xuống, các cổ đông sẽ phản đối.

Nhưng lý lẽ của vị chủ bút ở Sài Gòn còn một sai lầm căn bản hơn nữa. Giả thiết các ký giả ở các nước tự do vẫn bị lệ thuộc giới chủ nhân, (vì ngay khi tuyển nhân viên, người đứng vai chủ nhiệm, chủ bút có thể đã thiên vị chọn người cùng suy nghĩ như mình rồi,) nhưng ở các nước tự do có hàng ngàn hàng vạn tờ báo, tức hàng vạn chủ báo để người ký giả chọn. Ngược lại, ở Việt Nam chỉ có một vị chủ báo duy nhất, là đảng Cộng Sản. Một nhà báo ở Mỹ nếu bất đồng ý kiến với chủ nhân của mình còn có thể đi kiếm việc trong một tờ báo khác, ngay một báo đối nghịch. Ở Việt Nam thì đi đâu cũng chỉ có một ông chủ vô hình vô ảnh nhưng toàn quyền sinh sát!

Trong xã hội tự do, một tờ báo, một đài phát thanh có chủ, dù chủ nhân có lập trường riêng cũng không hại cho tự do báo chí, vì người dân có những quyền tự do lựa chọn khác. Thí dụ, chọn làm việc cho ai, chọn báo nào nào mình thích đọc. Ở Việt Nam thì nhà báo và độc giả không có quyền đó, đọc báo nào cũng chỉ có một ông chủ báo thôi. Nói chung, tự do bao giờ cũng có nghĩa là là tự do lựa chọn. Khi không có quyền hay không có cơ hội lựa chọn, thì không có tự do.●

BẠN ĐỌC VIẾT

Góp ý sau vụ Bolsa dậy sóng

Hai mươi lăm năm qua, thế hệ sinh sau năm 1975 đã chiếm hơn 60% dân số, bàn cờ thế giới đã thay đổi, những mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam cũng hoàn toàn khác biệt với cách đây một phần tư thế kỷ, những giá trị: lòng yêu nước, cái mà Dương Thu Hương gọi là mỏ vàng ròng của Việt Nam được đảng Cộng sản khai thác, đã không còn ở trong tim đảng Cộng sản, mà đang ở trong tim những người yêu chuộng dân chủ tự do trong và ngoài nước. Những người đó đến từ mọi phía và đi thẳng vào hồng tâm của dân tộc, mong muốn cho dân giàu nước mạnh, tiến kịp với thế giới, mong muốn sự hợp tác mọi thành phần, mọi thế hệ Việt Nam trong và ngoài nước để sớm đưa đất nước, sớm khỏi tình trạng bế tắc, và sự hợp tác đó chỉ có thể giải quyết trên cơ sở tự do dân chủ, đã được áp dụng trên toàn thể các quốc gia trên địa cầu mà Việt Nam là một trong những nước cuối cùng chưa có.

Trên cơ sở đó, đảng Cộng sản Việt Nam, một đảng tự xưng là cách mạng, ngày nay đã trở thành một đảng PHẢN ĐỘNG đang cố cản bước tiến của toàn dân tộc. Cố bám thủ đặc quyền đặc lợi trở thành những tư bản đỏ, dìm cả dân tộc trong ngu si dốt nát, lạc hậu, chậm tiến, nghèo đói.

Do đó, sức mạnh đầu tàu của dân tộc Việt Nam, không còn ở một quân đội thắng Pháp, thắng Mỹ, các vũ khí, phương pháp quân sự, hai mươi lăm năm qua đang trở thành các món đồ cổ cho viện bảo tàng. Phương pháp tổ chức của một đảng thời chiến trở thành cái gông cùm trên bước chân dân tộc trên đường tiến bộ. Qua sông rồi không ai cứ kệ nệ vác chiếc bè lên vai, làm quằn quại cả dân tộc mà phải vất chiếc bè đảng ấy xuống đất. Có điều chiếc bè ấy nặng lắm, phải vất phía nào, vất cùng một nhịp, hoặc đặt xuống đất cho nhẹ nhàng, an toàn, nếu không nó có thể đè gẩy tay, gẩy chân chứ không phải chơi.

Sức mạnh đầu tàu của dân tộc Việt Nam thế kỷ 21 đang nằm ở thế hệ trẻ Việt Nam tại hải ngoại, trong lịch sử dân tộc Việt Nam, chưa bao giờ có một khối lượng nhân tài tốt nghiệp từ các đại học danh tiếng thế giới nhiều như ngày nay, số lượng ấy có thể khoảng bốn năm trăm ngàn người được hai triệu người Việt Nam cưu mang nuôi dưỡng trong hai mươi lăm năm qua. Chỉ cần một phần mười số ấy về nước cũng đủ thay đổi cả bộ mặt đất nước. Thuở mất nước, cha ông ta mơ ước đào tạo nhân tài để gánh vác non sông, cụ Phan Bội Châu gầy dựng nên phong trào Đông Du, gom góp tiền bạc cả nước chỉ nuôi nổi hai trăm sinh viên du học, nhưng nào có học được gì đâu, các lớp học mở ở Thư Viện Hội Đông Á Đồng Văn tại Tokyo chỉ học được tiếng Nhật, vài ba người được học trường Chấn Võ. Sinh viên bữa đói bữa no, tiền học phí phải trả đầy đủ cho các người dạy, lắm lúc các cụ phải gạt nước mắt đi xin ăn. Khi Pháp ký kết với Nhật trục xuất sinh viên, đa số vì đói khổ quá phải trở về đầu thú với Pháp, số còn lại trốn qua Tàu qua Xiêm.

Cụ Phan Châu Trinh, đi Tây Du, đem được người con trai là Phan Châu Dật, vài năm sau các cụ Công ty Liên Thành, trường Dục Thanh Phan Thiết gửi qua thêm một thanh niên nữa là Nguyễn Tất Thành. Phan Châu Dật được các bạn cụ Phan, đảng Xã Hội giúp đỡ cho học Trung Học tại Montparnasse, Nguyễn Tất Thành thì nộp đơn vào Trường Thuộc Địa bị từ chối, nên chỉ còn con đường sang Nga học Đại học Đông Phương. Các cụ sống nhờ việc sửa ảnh, tô màu ảnh lặt vặt do ông Khánh Ký một người Việt có hiệu ảnh ở Paris chỉ dạy, đôi khi đói các cụ phải đi ra chợ trời, nhặt mót rau cải chợ tàn về kho nấu. Quần áo ăn mặc thiếu thốn cả ba đều mắc bệnh lao phổi nặng. Phan Châu Dật, Phan Châu Trinh về nước chẳng bao lâu thì mất.

Các nhà viết sử vì lòng yêu nước, tô hồng các phong trào Đông Du, Tây Du làm chúng ta quên đi các gian lao khốn khó của các cụ. Một thế kỷ sau cái rủi của cả dân tộc, là hai triệu người bỏ nước ra đi lại trở thành cái cơ may của dân tộc. Là hàng trăm ngàn thanh niên được học hành đào tạo nơi xứ người, mà đất nước không bỏ ra một xu nào cả để nuôi

dưỡng.

Tương lai Việt Nam, chỉ còn là một bài toán để giải quyết:

- Nếu muốn đất nước trì trệ, nghèo đói, chậm tiến, làm thuộc địa kinh tế cho các nước lân bang, thì cứ vác cái bè đảng ấy trên vai.

- Nếu muốn đất nước nhanh chóng tiến bộ, giàu mạnh, kết hợp được mọi thành phần dân tộc đất nước, thì phải đặt cái bè đảng ấy vào viện bảo tàng lịch sử, và xây dựng cơ cấu dân chủ như mọi quốc gia trên thế giới, để mọi công dân trong và ngoài nước đều có thể tham gia vào việc tiến bộ của đất nước.

Thế kỷ 21 sắp đến rồi, không còn ai có thể vỗ ngực, kẻ thắng người bại, không còn ngụy cũng không còn cách mạng. Biên giới giữa hai mâu thuẫn trong dân tộc Việt Nam ngày nay là một bên, những người yêu nước yêu dân tộc, muốn cho đất nước sớm có tự do dân chủ để mọi người đều được tham gia vào công việc làm đất nước phồn vinh, bên kia là một thiểu số xưng danh cha tôi, ông nội tôi thắng Pháp, thắng Mỹ nay tôi tiếp tục độc quyền độc đảng, độc tài. Nhóm người ấy càng ngày càng teo dần khi dân trí được khai hóa, khi tiếp xúc với thế giới. Trận chiến hôm nay chỉ còn lại là thuyết phục những người ấy con đường dân chủ, không còn ai chém giết ai, ai cũng có một chỗ đứng trong xã hội, tùy theo tài năng và sức lực của mình, và xã hội phải có bổn phận phải nâng đỡ những người yếu kém.

Khi Việt Nam có dân chủ tự do rồi, các lá cờ, các bài quốc ca cũ chắc chắn phải được thay thế bằng những sáng tác mới được trưng cầu dân ý. Sau một cuộc chiến tranh bao giờ cũng còn những người ôm mãi cái kỷ niệm cũ, mang lại lá cờ cũ, mặc quân phục cũ, lâu lâu tổ chức tưởng niệm quá khứ, chúng ta tôn trọng quá khứ thiêng liêng của mọi người, đó là một màu sắc của dân chủ. Dân chủ có muôn màu muôn sắc, muôn hoa nở rộ, mỗi màu hoa đều làm đẹp tươi thêm đất nước, và sự khác biệt tư tưởng chính là nền tảng của sự giàu có, phồn vinh.

Phạm Trọng Chánh *(Paris, Pháp quốc)*

Bụt hay Phật?

Ngôn ngữ của một dân tộc có những tiếng do một lý do nào đó, không được dùng thường nữa, dần dần biến thành tiếng cổ. Thường dùng thì có tác dụng đến tâm trí, tình cảm, không dùng lâu ngày đọc lên nghe xa lạ. Đó là sự khác nhau giữa sinh ngữ và tử ngữ. Ngay trong truyện Kiều nhiều tiếng xem ra rất thông thường, không phải là chữ Hán, không phải là điển tích, mà không được giảng thì người Việt ngày nay cũng không hiểu, ví dụ:

Gia tư nghỉ *cũng thường thường bậc trung*

Ngày nay, ít nhất là trong ngôn ngữ chính thức của cả nước, tiếng *nghỉ* không có một nghĩa nào khác ngoài động từ *nghỉ ngơi*. Có thể có rất nhiều người hiểu lầm câu Kiều trên là *Gia tư nghĩ cũng...*, trong khi Nguyễn Du dùng "nghỉ" như một danh từ hoặc đại từ, và từ ấy ngày nay đã thành tiếng cổ.

Từ "Bụt" chưa đến nỗi thành tiếng cổ vì vẫn tồn tại nhiều trong truyện cổ tích và văn thơ, nhưng từ "Phật" thì sống động hơn nhiều, vì được dùng phổ biến từ mấy trăm năm, đã biến thành tình cảm sùng mộ của Phật tử Việt Nam. Cố gắng để thay thế chữ này bằng chữ kia có ích gì không? Ngôn ngữ đã đóng vai trò của nó, mỗi tiếng sau một quá trình được sử dụng mang một số "credit" đối với người dùng (và ngược lại không dùng thì credit bị mất đi). Tâm thức của ta được tư tưởng bồi bổ đời này qua đời khác, và tư tưởng thể hiện bằng ngôn ngữ. Chính ngôn ngữ là phát biểu của tâm thức. Vậy nếu tiếng "Phật" đã có vai trò vững chắc trong tâm thức của ta, nó đại diện cho ý niệm từ bi, hiền hòa, giác ngộ v.v..., bây giờ thay bằng một tiếng từ lâu không còn dùng thường (vì thế ít hoặc không gợi lên một ý niệm tôn giáo triết học nào trong lòng chúng ta), thì ta phải chịu những mất mát khó khăn trong việc thay thế ấy để làm gì? Tiếng "bụt" cũng còn ảnh hưởng, nhưng chỉ mang lại một tình cảm cổ tích trong lòng người Việt thôi, còn về mặt học thuật hay tôn giáo thì không.

Trong đời sống của bất cứ dân tộc nào cũng thế, luôn luôn cái này thay thế cho cái kia, cuộc sống chảy trôi là một cuộc làm mới không ngừng. Ngôn ngữ cũng phải theo sự thay đổi ấy, vì nó là công cụ để diễn đạt sự việc. Giả dụ bây giờ có một người từ thời Hai Bà Trưng sống dậy và nói với ta một tràng tiếng Việt của thời đó, liệu ta có thể hiểu nổi không? Mọi cái đã được thay thế, từng tí một theo thời gian. Muốn làm sống lại một từ ngữ đã chết hay đang chết là việc rất khó, cần phải phục hồi lại cả một môi trường sử dụng, trong một thời gian rất dài mới mong có kết quả. Trong khi đó dòng đời vẫn trôi, và mọi sự vật tiếp tục biến thiên...

Trên đây là đôi ý thô thiển của tôi sau khi tôi đọc bài "Bụt hay Phật" đăng trên *Thế Kỷ*

21 số 123, tháng Bảy, 1999.

Lê Vĩnh Kỳ *(San Francisco, CA)*

Rất lấy làm tiếc

Trang "Tiếc thương Lê Đình Điểu" trong số báo 123 vừa rồi là một trình bày rất cảm động. Chúng tôi chỉ nghe tiếng ông Điểu thôi chứ chưa gặp lần nào, nay xem hình ảnh suốt cuộc đời ông cũng hiểu được ông là loại người rất hoạt động. Và tên bè bạn vây quanh các hình ảnh của ông đã tạo một cảm giác thân mật ấm cúng.

Chỉ tiếc một điều: mấy câu trích dẫn Phạm Duy để làm chú thích cho bức ảnh cuối cùng lại bị sai. Chọn mấy câu đó để vào dưới bức ảnh đưa quan tài đi thì thích hợp tuyệt vời, nhưng sao lại thừa ra một chữ rất... vô duyên như thế. *Chào đón xuân tươi ngày mới* chứ không phải là Chào đón xuân tươi *trong* ngày mới. Không có chữ "trong."

Sau đây tôi xin mạn phép ghi lại theo trí nhớ lời bài hát Khúc Ca Ly Biệt của Phạm Duy, ngày nay ít người biết vì chẳng mấy ai hát, nhưng tôi cho là một trong những khúc bi ca hay nhất của văn chương Việt Nam.

I.
Hồn xuân vừa tàn hơi
Hay nắng ấm lung linh qua đời
Nghe lá biếc hơi thu rơi ngang trời
Người yêu dù xa xôi
Xin nhớ tới quê hương u hoài
Trong gió tuyết đêm đông đang trông vời
- Một lần người đưa tiễn nhau
Như vẫn cầu lời hứa năm nào
Đằm thắm cho vui lòng nhau
Một lần người xa cách nhau
Trái tim sầu còn vẫn tươi mầu
Vì đó không ai quên đâu...

II.
Người đi về mai sau
Nghe khóc lóc xe tang đưa sầu
Nghe bóng xế khăn sô bay ngang đầu
Người đi vào không gian
Nghe nuối tiếc đau thương vô vàn
Nghe tiếng hát êm êm ru linh hồn
- Người về dần trong cõi mồ
Như lúc nào vừa mới ra đời
Chào đón xuân tươi ngày mới
Cuộc đời từ trong chiếc nôi
Đã quay về cùng với gió bụi
Về chốn không tên, xa xôi...

Chuyện dư một chữ chắc cũng chỉ là một "tai nạn" trong nghề làm báo. Một tai nạn nhỏ, nhưng xảy ra tại một chỗ như thế thì thật là tiếc quá. Nhất là chữ nghĩa của Phạm Duy thì thật là không thừa không thiếu...

Phạm Tuấn Hi *(Minneapolis, MN)*

Một bài thơ hay

Tôi gởi lời khen đến Khánh Hà, tác giả bài thơ "Giữa Vọng Các Nhớ Sài Gòn" (Thế Kỷ 21 số 123, July 1999). Đây là một bài thơ rất hay và thấm thía, nhất là cho những người Việt Nam ở nước ngoài.

Nguyen Duy Minh (Từ *Internet*)

Vương chứ không phải Dương

Trong bài "Sự biến đổi khái niệm 'Quân tử - Tiểu nhân' từ thời Tiên Tần đến Hậu Hán" đăng trong *Thế Kỷ 21* số 122 June 99, trang 78, cột trái, dòng 21 từ trên xuống, có câu chữ Hán: *Kỳ tại Tổ Giáp, bất nghĩa duy dương...* Chúng tôi nghĩ, thay vì chữ *Dương*, đúng ra phải là **Vương** (vua), vì nghĩa cả câu là: "Như Tổ Giáp, không có nghĩa để làm vua..."

Dòng chữ Hán thì đúng là "vương" nên âm và chữ không trùng nhau.

Một Bạn Đọc (Từ *Internet*)

Ma ma Phật phật

Trong Thư Bạn Đọc số 124, ông Phạm Ngọc Khôi có đưa ra ý niệm *Là con người ai cũng có khuyết điểm về cá tính, vừa có tâm Phật vừa có tâm ma.* Tôi rất đồng ý. Xét trong thực tế ở đời, khó nói ai là hoàn toàn tốt, ai là hoàn toàn xấu. Tốt xấu lẫn lộn, tuy nhiên trên bề mặt, cái tốt được phô ra, cái xấu đậy lại, nên hình ảnh cuộc đời trông cũng đỡ nham nhở. Và chúng ta cũng thường bị lầm vì cái vẻ bề ngoài lắm.

Nói đến các nhà nho ngày xưa, ai trong chúng ta cũng nghĩ ngay là rất đạo mạo, nhưng thực ra các vị ấy cũng nghịch ngợm ghê lắm, nhất là đối với phái nữ cũng đa tình, quậy phá ra trò, cũng sẵn sàng " ghẹo nguyệt giữa ban ngày" chứ chẳng vừa gì. Các danh nhân, tạo sự nghiệp lừng lẫy thì hầu như ai cũng có những "vùng" bê bối riêng, cho nên mới có câu: "Đối với những người hầu cận thì chẳng có ai là anh hùng cả," vì người hầu cận biết rõ cái gì bên dưới lớp che đậy, và "cái gì" ấy đôi khi còn "quá cha thiên hạ." Vả lại người có tài năng càng lớn thì hình như càng có nhiều vấn đề, nên mới có câu "có tật có tài," hoặc nếu không thì "chữ tài liền với chữ tai một vần."

Cái tài, cái đức là những thứ quý và hiếm trên đời, còn cái bê bối thì nhiều quá, ai mà chẳng có? Cho nên trước sự nghiệp một người tôi đề nghị chúng ta chỉ nên xét những cái tinh hoa mà người đó đóng góp cho đời thôi, còn cái phần "ma" của người ấy thì chẳng cần nói đến làm gì, ngoại trừ trong những nghiên cứu đặc biệt. Chỉ với cái hay, cái đẹp sợ chúng ta không đủ thì giờ để tìm hiểu, thưởng thức cho hết, tội gì vạch ra những cái xấu, mà chúng ta biết tỏng là ai cũng phải có?

Trần Soạn *(Richmond, Australia)*

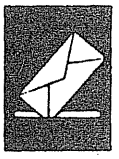

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Nguyễn Sông Núi, Ngô Nguyên Dũng, Thế Giang, Lê Minh Hà, Nguyễn Minh Cần, Thach N. Vu, Đào Phú Cường, Huỳnh Liễu Ngạn, Trần Huy Sao, Phạm Trọng Chánh, Tôn Nữ Thu Nga, Trần Yên Hòa, Vũ Thái Hòa, Trần Doãn Nho, Trần Cao Tường, Hoa Cúc, Thái Tuấn, Trần Quán Niệm.

Vũ Thái Hòa *(Troye, Pháp)*: Xấp hình ảnh minh họa anh gửi về *Thế Kỷ 21* lần trước cuối cùng đã đến Tòa soạn, sau mấy tháng lạc lõng không biết những phương trời nào. Ở Paris cũng có nhận được một bộ tương tự, như vậy là TK 21 giàu có rồi. Băng nhạc tuy cũ âm thanh không tốt nhưng vẫn nhận ra được nét tài hoa của tác giả. Xin cám ơn. PXĐ rất tiếc hôm đó không thu xếp thì giờ để đi Troye gặp hai ông bạn quý được, gởi lời cáo lỗi, hẹn dịp khác. Thân.

Nguyễn Văn Thái *(Houston, TX)*: Khi tổ chức những buổi tưởng niệm và sau đó làm các số báo đặc biệt về một nhân vật nào, chúng tôi không dựa vào tình cảm cá nhân mà dựa trên tiêu chuẩn sự đóng góp của các vị ấy đối với đất nước. Hiện nay chúng tôi nghĩ cần đặt để lại giá trị của những vị có công với đất nước mà bị cộng sản giết hại. Kính.

Hộp thư tị sự

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Nguyễn Văn Cường (NORWAY), Nguyễn Tấn Hưng (NEDERLAND), SBS Radio Melbourne (AUSTRALIA), Tường Loan Lê (Houston TX),Yung Krall (Decatur GA), Đỗ Như Lạc (Dortmund GERMANY), Phan Bá Phụng (Moorpark CA), Lam N.Nguyễn (Elgin IL), Phạm Cao Củng (N.Lauderdale FL),Nguyễn Cần (Orlando FL), Hiền Auto (Golera CA), Frank Nhật Trịnh (AUSTRALIA), Lại Mạnh Cường (NETHERLAND), Trần Thị Thân (AUSTRALIA), Nguyễn Hữu Hồng (San Jose CA), Hiển Nguyễn (San Antonio TX), Nguyễn Xuân Cảo (Missouri City TX), Nguyễn Văn Mỹ (Fremont CA), Nguyễn Kim Trọng (Stockton CA), Nguyễn Văn Hai (Louisville KY), Đàm Trung Pháp (Dallas TX), Lê Chí Toại (W.Hartford CT), Lê Khắc Lý (Fullerton CA), Trần Đức Ái (Irvine CA), Rev Nguyễn Văn Vạn (Costamesa CA), Phạm Minh Triết (Elsmere KY), Tân Văn Hồng (Santa Ana CA), Trịnh Toàn (Clakamas OR),Thiệu Vương (Irvine CA), Thông Văn Phạm (Harvey LA), Han Long Toan (Wilmette IL), Trần Tấn Việt (San Jose CA), Tan Trinh (Pasadena CA), Nguyễn X Hiếu (Rcho Sta Marg CA), Trương V Thành (Elk Grove CA), Triệu Ngọc Quách (Arlington VA), Nguyễn Hòa Trước (San Diego CA), Vũ Đức Bang (Tarpon Springs FL), Tony Trương (Santa Rosa CA), Lê Doãn Kim (Rockville MD), Thanh Dan Doan (Springfield VA), Rev.Trần Cao Tường (Marrero LA), Nguyen d Can (Orlando FL), Nguyen Nguyen Phuong (Denver CO), Nguyễn Thiệp (Garden Grove CA), Trần Vũ Huyền (Montclair CA), Trần Thị Trâm (Pacifica CA), Trần Thị Tuyết Lê (San Tee CA).

Độc giả đổi địa chỉ:

Trần Ngọc Tuấn (CZECH REPUBLICH), NP Vietnamese Bookstore (AUSTRALIA), Nguyễn Văn Quýnh (San Jose CA), Chu Xuân Viên (Fairfax VA), Nguyễn Quốc Đạt (Santa Ana CA), Đặng Trần Huân (West Covina CA), Rev. Joseph Vu, SVD (Chicago Il).●

HẬU QUẢ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT - MỸ

NGÔ NHÂN DỤNG

Tháng Sáu, trong phiên họp của Bộ Chính trị, ông Lê Khả Phiêu đã nghiêng về ý kiến nên xúc tiến nhanh chóng việc ký kết Hiệp định Thương mại song phương với Mỹ. Trong vòng một tuần, phái đoàn Việt Nam tại Washington chịu chấp nhận thêm nhiều điều kiện của Mỹ, về thời hạn để Việt Nam hạ thấp thuế quan và việc mở thêm vài lãnh vực cho các công ty Mỹ đầu tư vào Việt Nam. Tuần báo Kinh tế Viễn đông (FEER) ở Hồng Kông được nguồn tin riêng cho biết một biến cố khiến ông Lê Khả Phiêu muốn có hiệp định với Mỹ sớm, là vào Tháng Năm, Quân đội Nhân dân Trung Hoa đã có lần xâm nhập biên giới Việt-Trung, vụ này không có báo hay đài nào loan tin.

Đảng Cộng Sản Việt Nam trước ngã ba đường

Trong Đảng Cộng Sản Việt Nam, chắc những người muốn ký Hiệp định sớm cũng là những người nắm trong đầu các con số thống kê kinh tế, nhìn rõ tình trạng trì trệ suốt mấy năm qua và thấy khó tìm ra ngõ thoát nếu không thay đổi triệt để hơn. Đầu tư ngoại quốc giảm và gần đây hàng xuất cảng cũng giảm. Họ thấy cơ cấu kinh tế cần thay đổi nhanh hơn, nếu không thì còn sa sút thêm. Và áp lực của Trung Quốc cũng là một lý do khiến ông Lê Khả Phiêu ngả về phía những người này. Không cần đến các vụ quân xâm nhập biên giới, chỉ cần nhìn hàng hóa Trung Quốc đang tràn ngập thị trường Việt Nam với giá rẻ hơn dù không phải hàng lậu, thì cũng đủ lo ngại.

Hiệp định Thương mại có thể không mang lại những lợi ích lớn lao trong vòng vài, ba năm, nhưng sẽ là một liều thuốc kích thích khiến cơ cấu kinh tế phải thay đổi, bắt các Doanh nghiệp Nhà nước và ngân hàng phải làm ăn có hiệu quả hơn, hy vọng như vậy. Hiệp định Thương mại Việt Mỹ sẽ đặt các xí nghiệp quốc doanh trước một củ cà rốt và một cây gậy. Củ cà rốt là hy vọng xuất cảng hàng hóa sang Mỹ. Cây gậy là lo sợ phải cạnh tranh với các công ty Mỹ khi họ vào đầu tư trực tiếp và xuất cảng sang Việt Nam. Các Doanh nghiệp Nhà nước phải đối diện với sự thật là kinh tế thị trường có nghĩa là cạnh tranh, và muốn cạnh tranh phải làm việc có hiệu năng, giảm chi phí, giảm giá thành. Và đó là ích lợi lâu dài cho kinh tế Việt Nam.

Những nhượng bộ sau cùng của Việt Nam sẽ thử thách các đơn vị kinh tế trong nước. Nhiều hạn ngạch về hàng nhập cảng từ Mỹ sẽ bị xóa đi, nhiều thứ không cho nhập cảng sẽ được tự do, các lãnh vực trước không cho người Mỹ đầu tư sẽ được mở ra, như viễn thông, dịch vụ tài chánh, và phân phối hàng hóa. Khi được thi hành, nhà sản xuất hàng và dịch vụ ở Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với các công ty Mỹ, các ngân hàng của nhà nước Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với ngân hàng Mỹ trong việc nhận tiền ký thác và cho các xí nghiệp ngoại quốc vay. Năm 2006 Việt Nam sẽ gia nhập Khối Mậu dịch Tự do Á châu (AFTA) của các nước Đông Nam Á, các hàng rào giữa các nước trong khối ASEAN sẽ phải dẹp bỏ dần. Khi đó, hàng hóa Việt Nam phải cạnh tranh với hàng các nước ASEAN ngay trong thị trường quốc nội.

Nhưng một hệ quả quan trọng là, với hiệp định mới này, những luật lệ về kinh doanh, thủ tục hành chánh, việc thi hành luật thương

mại, luật bản quyền cũng phải phù hợp các tiêu chuẩn quốc tế, mà đặc tính là tôn trọng luật lệ thành văn, và mọi tin tức, mọi quyết định đều phải công khai, minh bạch. Những người có óc thực tế và nắm những con số trong đảng Cộng Sản thấy cần liều thuốc đắng đó để thay đổi cách làm ăn của các cán bộ kinh tế. Nhưng liệu thuốc có công hiệu hay không, đó còn là một dấu hỏi lớn.

Ngược lại, thế nào cũng có người trong giới lãnh đạo đảng không muốn ký cái gì với Mỹ lúc này hết. Không nên chụp cho họ cái mũ "giáo điều, thủ cựu." Họ chống thay đổi, vì họ đang hưởng lợi nhờ tình trạng luật lệ lờ mờ, nửa thị trường nửa bao cấp. Nếu có những đảng viên thật sự giáo điều còn thiết tha với chủ nghĩa Mác Lênin thì quý vị đó chắc cũng đang ngồi chơi, chờ coi ai có đồng chí nào tạ thế, có ai nhờ viết một bài điếu văn hay không. Họ vẫn có dịp nói, nhưng không có ảnh hưởng quyết định.

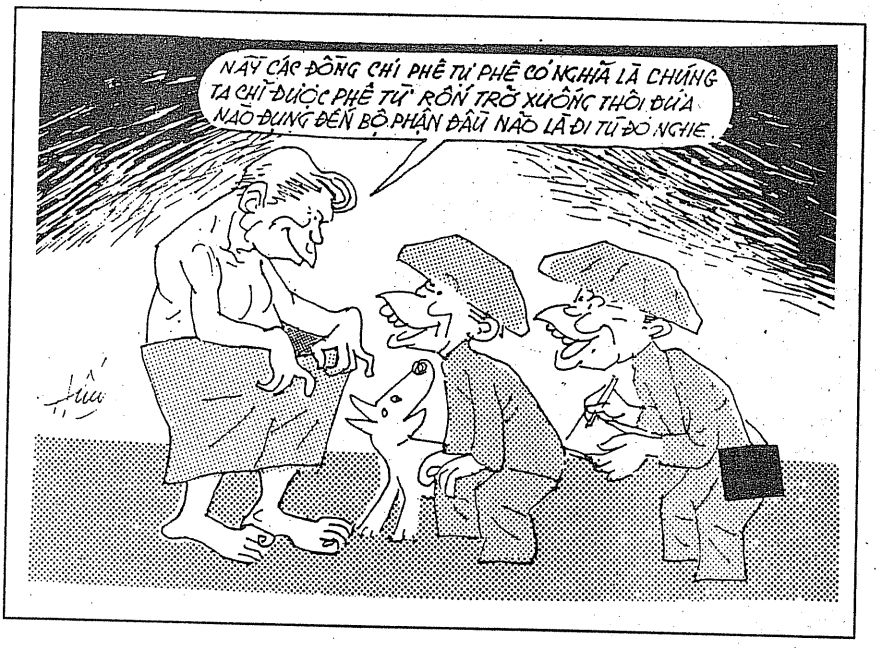

Nhiều người có quyền quyết định đã chống mở rộng thương mại với Mỹ. Khi ký Hiệp định rồi thì họ sẽ cố trì hoãn việc phê chuẩn, khi phê chuẩn rồi vẫn có thể trì hoãn việc thi hành. Nhưng động cơ của họ không phải lý thuyết Kinh tế Chính trị học Mác xít, mà là quyền lợi kinh tế của họ. Nhiều người đã phê bình các doanh gia Mỹ "quá cứng rắn và thiếu hiểu biết phong tục của Á đông." Người Mỹ chỉ muốn làm theo luật lệ thành văn và không biết cách "bồi dưỡng" bằng thủ tục đầu tiên như các doanh nhân Á châu. Nếu không có Mỹ, chỉ làm ăn với các doanh nhân Á đông thì những người nắm bộ máy cai trị dễ kiếm lợi hơn.

Thí dụ nếu có một công ty Mỹ biếu riêng một ông Tổng Bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam một triệu đồng thì theo luật lệ ở Mỹ công ty đó có thể bị truy tố về tội hình. Nếu họ đóng góp cho công việc từ thiện nào đó ở Việt Nam một triệu thì sớm muộn tin đó sẽ trở thành công khai vì phải khai báo với Sở Thuế IRS, ai cũng có thể tìm thấy, chứ không giữ trong vòng bí mật lâu như vụ công ty Đại Hàn đã tặng ông Đỗ Mười. Cho nên giao thương với Mỹ là phải làm ăn theo lối Mỹ, cái gì cũng công khai, không còn cảnh tranh sáng tranh tối được.

Việc ký kết Hiệp định Thương mại trong tháng rồi cho thấy cán cân nghiêng về phía những người thực tế, muốn thay đổi nhanh. Sau khi bản thỏa hiệp nguyên tắc được ký, ông Richard Fisher đại diện Hoa Kỳ đã nồng nhiệt khen ngợi Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, trong khi ông Bộ trưởng Thương mại Trương Đình Tuyển thì vẫn lạnh lùng. Đây là dấu hiệu trong nội bộ đảng vẫn còn nhiều vướng mắc.

Hiệp định Thương mại mở nhiều cửa

Khi Hiệp định Thương mại song phương được thi hành, thuế nhập khẩu đánh trên nhiều thứ hàng hóa xuất cảng từ Việt Nam sang Mỹ sẽ được giảm cho bằng suất thuế mà hơn 100 nước khác phải đóng. Như vậy thì hàng Việt Nam bán sang Mỹ sẽ tăng gấp bội. Hiện nay thuế nhập cảng giầy vào Mỹ chỉ có 33% dù không có quy chế NTR, sau này sẽ xuống 5%, giá giầy sẽ giảm xuống hơn một phần năm (28/133). Các hàng may dệt được lợi nhiều hơn sau hiệp định Thương mại, vì thuế quan từ 68% sẽ xuống chỉ còn 10%. Tổng số hàng may do Việt Nam xuất cảng sẽ tăng từ 1.5 tỷ năm nay hy vọng tăng lên 2 tỷ trong năm

tới.

Năm ngoái, số hàng hóa và dịch vụ Việt Nam bán sang Mỹ là 469 triệu, một con số còn nhỏ. Ngân hàng Thế giới dự trù sau Hiệp định Thương mại số hàng hóa từ Việt Nam bán sang Mỹ sẽ tăng gấp đôi trong năm đầu, và sau đó còn tăng thêm nữa. Năm 1998 Việt Nam thâm thủng mậu dịch 3.3 tỷ Mỹ kim, nếu trong vài năm xuất cảng sang Mỹ thêm được một tỷ thì cũng giảm được gần một phần ba số thâm thủng.

Đổi lại, Việt Nam phải mở cửa thị trường nội địa cho các công ty Mỹ đầu tư, giảm bớt dần dần các lãnh vực còn cấm cản để bảo vệ doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém. Đặc biệt mở cửa lãnh vực viễn thông, tài chánh, phân phối. Tất nhiên, sau Mỹ thì các nước khác cũng đòi được đối xử bình đẳng. Đây chính là những nhượng bộ sau cùng mà Cộng Sản Việt Nam phải chấp nhận trong vòng đàm phán thứ tám ở Washington vào Tháng Sáu.

Hiện nay ngành viễn thông ở Việt Nam do nhà nước và quân đội độc quyền, điều này giải thích tại sao cho đến phút chót thành phần quân sự trong Bộ Chính trị và Trung ương Đảng vẫn chống lại các nhượng bộ mới. Ngành Ngân hàng cũng muốn chống, vì họ biết không thể cạnh tranh nổi với các ngân hàng Mỹ và ngoại quốc. Nếu các ngân hàng ngoại quốc được nhận ký thác và cho vay bằng tiền Việt Nam thì các ngân hàng nhà nước càng nguy khốn. Đó cũng là một lý do Phó đại diện Thương mại mỹ Richard Fisher công khai khen ngợi thiện chí của ông Nguyễn Tấn Dũng, người đứng đầu hệ thống ngân hàng quốc doanh tại Việt Nam.

Khi các công ty Mỹ được quyền phân phối ở Việt Nam thì nhiều xí nghiệp quốc doanh trước đây độc quyền bán sỉ nước ngọt, xà bông, v.v. cũng phải lo cạnh tranh với các nhà sản xuất Mỹ muốn bán lấy, do đó phải thay đổi cách làm ăn. Ngoài ra, Hiệp định nhấn mạnh đến quyền sở hữu trí óc, tức bản quyền về nhãn hiệu. Các công ty ngoại quốc sẽ sử dụng điều này để chống hàng giả đang tràn ngập Việt Nam, hàng nội địa hay hàng Trung Quốc. Sau Hiệp định Thương mại, việc bài trừ những thứ giầy Nike, áo Polo giả mạo ở Việt Nam dễ hơn, nếu thỏa ước được thi hành nghiêm ngặt. Công ty Microsoft đang thí nghiệm coi việc thi hành hiệp định đã ký về bản quyền như thế nào; họ thưa kiện các người bán nhu liệu (phần mềm) sao chép không xin phép ra tòa. Công ty này nói 97% các nhu liệu bán ở Việt Nam là ăn trộm bản quyền.

Mối lợi 120 triệu mỗi năm

Một viên chức Ngân hàng Thế giới tính rằng quy chế NTR sẽ giúp Việt Nam xuất cảng sang Mỹ mỗi năm 800 triệu Mỹ kim, mang lại cho kinh tế Việt Nam thêm 120 triệu một năm. (Còn kinh tế Mỹ sẽ được lợi thêm 56 triệu.) Tính toán cách nào ra con số 120 triệu? Hãy phân tích coi trong một đồng bạc xuất cảng có bao nhiêu phần trăm đem về cho nước xuất cảng. Khi bán qua Mỹ một đô la nông sản, như gạo, cà phê, hạt điều, thì chi phí cho nguyên liệu sản xuất phải mua từ bên ngoài chỉ dưới 20% giá bán. Còn khi bán quần áo, giầy dép, đồ điện tử ra nước ngoài thì cần nhiều nguyên liệu và vật liệu nhập cảng, lên tới 80% giá bán, hay nhiều hơn.

Một nhãn hiệu Nike có năm nhà máy làm giầy ở Việt Nam, một năm sản xuất 20 triệu đôi giầy, bán sang Mỹ được 400 triệu Mỹ kim, bằng 4% tổng số xuất cảng của Việt Nam ra khắp thế giới. Các nhà máy của Nike nhập cảng bộ phận, máy móc, nguyên liệu từ ngoài vào; chỉ có công việc ghép các bộ phận lại thành chiếc giầy là do công nhân ở Việt Nam thực hiện. Trong giá một đôi giầy bán qua Mỹ thì chỉ có một phần tiền nhỏ được trả cho Việt Nam, trong đó có lương bổng công nhân, tiền thuê đất, mua điện, nước, thuế đóng cho chính phủ. Còn phần lớn phải đem trả cho các công ty ở nước khác, nơi sản xuất những bộ phận và vật liệu, và tiền lời của hãng Nike.

Khi hàng Việt Nam bán sang Mỹ bị đánh thuế nhẹ hơn, thì nhiều công ty Mỹ sẽ sang Việt Nam lập nhà máy ráp đồ điện tử, bộ phận máy điện toán, v.v. để đem về Mỹ bán. Những vật liệu để lắp ráp phải nhập cảng từ Mỹ hay từ các chi nhánh của những công ty này ở Đài Loan, Thái Lan, v.v. toàn các món đắt giá. Chi phí nhập cảng vật liệu để chế đồ điện tử xuất cảng có thể cao hơn 80%.

Nếu mỗi đồng bạc xuất cảng có tỷ lệ trả về cho Việt Nam là 20% thì khi xuất cảng "thêm" được 600 triệu đô la, Việt Nam được hưởng thêm 120 triệu, bằng khoảng 2 phần ngàn Tổng Sản Lượng Quốc Nội của Việt Nam trong một năm.

Con số 120 triệu chưa đủ để trả các món nợ mà ông Tăng Minh Phụng vay các ngân hàng ngoại quốc. Theo báo chí trong nước thì nhóm

Minh Phụng-Epco đã được các ngân hàng của chính phủ bảo đảm vay nợ nước ngoài gần 150 triệu mỹ kim - sau đó chính phủ Việt Nam phải lo trả nợ. Đó là chưa kể số tiền hơn 8000 tỷ tương đương gần 600 triệu mỹ kim mà Tăng Minh Phụng làm "thất thoát," nhờ biết bồi dưỡng các quan chức ngân hàng. Nếu so sánh với những vụ tham nhũng của nhóm cầm đầu Tamexco, Công ty Dệt Nam Định thì 120 triệu còn nhỏ hơn nữa.

Mối lợi 120 triệu cũng rất nhỏ khi so sánh với số tiền mà người Việt nam ở nước ngoài gửi về. Theo con số chính thức của Ngân hàng Nhà nước thì số tiền đó là một tỷ Mỹ kim một năm, sự thật còn có thể cao hơn vì không phải đồng tiền nào gửi về cũng đi qua sổ sách nhà nước. Số tiền Hiệp định Thương mại đem lại cho Việt Nam cũng chỉ bằng một phần mười số tiền mà người Việt hải ngoại vẫn chuyển về mà chính quyền không cần ký gì với ai cả.

Một Mỹ kim nhờ xuất cảng đem về Việt Nam tạo ích lợi cho nền kinh tế hơn một đồng kiều hối, và ích lợi cho dân hơn là cho các cán bộ cao cấp. Vì trong một đồng Mỹ kim do xuất cảng sẽ có mấy xu trả cho các công nhân ở Việt Nam, nhiều người Việt Nam sẽ có việc làm. Những đồng bạc đó thường được ghi trong sổ sách các công ty, của các ngân hàng quốc tế, khó che dấu. Còn những đô la do Việt kiều đem về hay gửi giúp thân nhân, sau đó lưu chuyển đi đâu và như thế nào, thì người ngoài khó biết được. Đặc biệt, khi gửi tiền về qua các tổ chức "chui" thì chỉ có các cán bộ cấp cao mới đủ quyền thế để cầm đầu các tổ chức chuyển ngân chui. Họ có thể giữ tiền mỹ kim gửi ở ngoại quốc, có sẵn đô la trong nước trả cho thân nhân chúng ta, hay trả bằng đồng bạc Việt Nam. Họ cất Mỹ kim ở ngoài, có thể bán lại cho người du lịch hay những tư nhân gửi con đi du học, hưởng lợi cả hai đầu.

Có bước qua cửa được không?

Ông Phan Đức, một nhà phân tích kinh tế sâu sắc trên báo Người Lao Động ở Sài Gòn trích dẫn lời ông Frederick Burke, thuộc một văn phòng luật sư cố vấn, coi như đại diện của các nhà kinh doanh Mỹ ở Việt Nam, nói rằng "Hiệp định Thương mại chỉ mở ra một cánh cửa. Bước qua cánh cửa đó như thế nào, mỗi xí nghiệp ở Việt Nam phải tự bước lấy."

Vậy các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam có sẵn sàng đi qua cái cửa mậu dịch với Mỹ chưa? Muốn vào thị trường Mỹ thì phải cạnh tranh với hàng các nước khác. Cùng lúc đó khi gia nhập khối AFTA cũng phải cạnh tranh với các công ty Đông Nam Á ngay trong thị trường nội địa. Muốn biết khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp ở Việt Nam, chúng ta có thể nghe những lời của giới hữu trách để thấy rõ tình trạng ra sao.

Đầu năm nay, ông Phan Văn Khải đã nhắc đến viễn tượng sẽ ký Hiệp định Thương mại với Mỹ, và khi Việt Nam gia nhập Khu Mậu dịch Tự do Á châu (AFTA) vào năm 2006. Ông Khải báo động các xí nghiệp sẽ phải cạnh tranh gắt gao khi việc mua bán giữa các nước phải hoàn toàn tự do. Ông nói như một vị tướng hiệu triệu trước khi lâm trận: "Chậm nhất đến năm 2010 thì tự do thương mại hết rồi. Nếu chậm chân thì chắc chắn thua." Khi nói chuyện với các giám đốc Tổng công ty, ông Phan Văn Khải nêu ra những thí dụ về tình trạng hiệu năng thấp kém của các doanh nghiệp nhà nước. Thí dụ, năng suất lao động ở Việt Nam chỉ bằng 1/200 so với Nhật, và thấp hơn hàng chục lần so với các nước trong vùng. Nghĩa là giá hàng Việt Nam làm ra sẽ cao hơn vì trong cùng một giờ, một người lao động ở các nước kia làm ra gấp chục lần một người Việt Nam. Ông Khải nói: "Bộ máy của chúng ta thừa người!" Một thí dụ ông nêu lên là một nhà máy điện ở Úc sản xuất 14 tỷ KW mỗi giờ chỉ dùng 400 công nhân. Còn một nhà máy điện ở Việt Nam sản xuất 20 tỷ KW/giờ thì dùng hàng vạn công nhân.

Năng suất thấp khiến hàng hóa làm ra đắt quá. Những con số sau đây do ông Hồ Huấn Nghiệp, Thứ trưởng Bộ Thương mại đưa ra, so sánh giá thành ở Việt Nam với các nước trong vùng: "Sản phẩm chăn nuôi của ta cao hơn 20% đến 40%; thép dùng trong việc xây dựng cao hơn 25%; xe gắn máy cao gấp đôi, v.v." Báo Sài Gòn Giải phóng giữa Tháng Bảy cho biết "Mức chênh lệch giá giữa vải nội địa và vải Trung Quốc rất cao. Ví dụ vải mousseline Trung Quốc chỉ có 8000 đồng một mét, trong khi hàng cùng loại của Việt Nam đến 16 000 đồng một mét. Các loại hàng gấm chênh lệch 7 đến 8 ngàn đồng một mét."

Trước tình trạng như vậy, các doanh nghiệp nhà nước không thể cạnh tranh nổi với các nước khác khi vào thị trường Mỹ cũng như trên thị trường thế giới. Chỉ còn những lãnh vực nào các nước khác đã bỏ qua không làm vì ít lợi lộc thì Việt Nam mới hy vọng bước vào. Muốn cạnh tranh thì phải cải thiện hiệu năng

của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có hăng hái cải thiện hiệu năng hay không? Trước các giám đốc doanh nghiệp nhà nước, ông Phan Văn Khải nhận xét: "có vẻ chính phủ lo lắng hơn các doanh nghiệp" trước mối đe dọa phải cạnh tranh với các công ty ngoại quốc!

Nói tới nỗi "lo lắng", ông Phan Văn Khải vô tình đề cập đến mấy vấn đề lý thuyết kinh tế học rất quan trọng, là "động cơ thích hợp" khuyến khích người ta cải thiện hiệu năng, và "cơ cấu" như thế nào thì tạo ra các động cơ thích hợp.

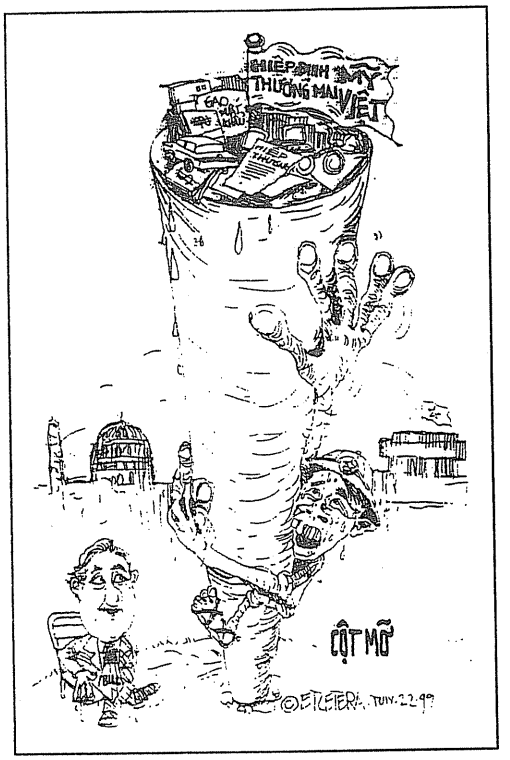

Khi nào thì các vị quản đốc lo lắng cải thiện hiệu năng công việc? Kinh tế thị trường giả thiết rằng mọi người làm việc vì lợi ích của chính mình, người ta lo cải thiện khi thấy có lợi, hay vì sợ bị thiệt thòi cho bản thân. Còn kinh tế chỉ huy, lấy quốc doanh làm chủ đạo thì giả thiết người ta cố gắng cải thiện vì lòng tin ở chủ nghĩa; hoặc nhờ học tập tốt các nghị quyết và chỉ thị từ trên ban xuống.

Trong kinh tế tư bản, người ta tin là khi mọi người đều mưu cầu tư lợi (trong vòng luật pháp và phong hóa tốt) thì tự nhiên cả xã hội cùng được lợi. Do đó, xã hội chỉ lo bảo vệ khung cảnh sống lương thiện và luật pháp được tôn trọng, trong đó mọi người tự do làm việc và cạnh tranh với nhau. Kinh tế thị trường giả thiết con người có nhiều tính xấu và dễ sa ngã, đặt ra pháp chế, luật lệ để ngăn ngừa khuynh hướng sa ngã. Muốn kích thích người ta làm việc thì có tưởng thưởng xứng đáng.

Còn kinh tế xã hội chủ nghĩa lấy quốc doanh làm chủ đạo thì đặt trên giả thiết ngược lại, là các cán bộ đều là người có thiện chí, trên đưa lệnh xuống là họ sẽ cố làm, cả xã hội nhờ thế sẽ được lợi. Nếu có ai sa ngã thì thay thế bằng người tốt hơn. Vai trò của nhà nước có tính tích cực chứ không thụ động như trong kinh tế thị trường, nhà nước sẽ chỉ thị các quản đốc nên làm gì, và giúp cho các người tốt làm các việc tốt. Động cơ lợi ích cá nhân không được chú ý đến. Nhưng vì trong thực tế người ta vẫn tham lam, mà bên ngoài vẫn phải nói chuyện phục vụ nhân dân thôi, cho nên ai cũng phải sống giả dối. Sống giả dối mãi thành quen, lấy việc hô khẩu hiệu thay thế cho công việc làm thật sự. Sau khi nghe ông Phan Văn Khải nói, các quản đốc có thể về nhà mở các hội nghị về cải thiện năng suất, đi ngoại quốc khảo sát về năng suất, có khi còn viết báo cáo nữa. Nhưng sẽ không ai làm được gì cả, vì không biết làm và cũng vì không có động cơ thích hợp thúc đẩy họ phải lo lắng.

Trong thời chiến tranh thì cấp trên dễ ra các mệnh lệnh khiến cho cấp dưới phải lo lắng. Các vị chỉ huy trung đội, đại đội cũng lo lắng không kém, nhiều khi lo hơn hơn các ông sư đoàn trưởng, vì nếu không lo có thể mất mạng. Nhưng trong guồng máy kinh tế thì khác. Làm cách nào nhà nước có thể ra lệnh cho các vị quản đốc doanh nghiệp phải "lo lắng," khi cơ chế bao cấp tạo cho người ta cái tính "vô tư"? Một vị giám đốc không tham nhũng nhưng không biết kinh doanh, làm cho công ty lỗ hàng tỷ hết năm này qua năm khác, cũng không cảm thấy lo. Vì biết rằng "trên" sẽ ra lệnh ngân hàng cho vay thêm, và họ tiếp tục dùng tiền theo lối tiêu tiền chùa, "thoải mái vô tư."

Nếu không thay đổi cơ bản về chính sách kinh tế và tổ chức xã hội thì chắc không tạo được động cơ kinh tế thích hợp, không cải thiện được năng suất, không thể cạnh tranh, dù vào hay không vào khối AFTA, dù có hay không có Hiệp định Thương mại với Mỹ. Nếu còn giữ định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy quốc doanh làm chủ đạo thì không hy vọng thu được lợi lộc gì sau cái hiệp định thương mại này. Và vấn đề năng suất không phải chuyện lý thuyết. Trong phiên họp cuối Tháng Bảy, Hội đồng Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phải công nhận kinh tế không tăng được chỉ vì

các công ty làm việc thiếu hiệu năng.

Bên ngoài phạm vi kinh tế

Khi Hiệp định Thương mại được phê chuẩn, thì chính quyền Clinton phải xin Quốc hội Mỹ chấp nhận cho Việt Nam hưởng quy chế Mậu dịch Bình thường (NTR, Normal Trade Relation), mà trước đây vẫn gọi là Tối huệ quốc (MFN). Mỗi năm chính quyền Mỹ sẽ phải báo cáo với Quốc hội về tình trạng thi hành Hiệp định Thương mại với Việt Nam, cũng như vấn đề nhân quyền ở Việt Nam, như họ vẫn phải làm suốt mười năm qua khi muốn gia hạn quy chế đó cho Trung Quốc. Năm nay có 170 Dân biểu Mỹ chống gia hạn cho Trung Quốc, 260 người ủng hộ. Đây sẽ là một thứ áp lực ngoại giao hàng năm mà sau này chính quyền Việt Nam phải chịu đựng.

Nhiều người trong đảng Cộng Sản Việt Nam chắc nhìn thấy là việc mở cửa giao thương, với Mỹ cũng như với các nước khác, sẽ đe dọa quyền lực của đảng. Nhiều người Việt ở nước ngoài thì thấy Hiệp định Thương mại sẽ giúp đảng Cộng Sản sống dai hơn, và việc Dân chủ hóa Việt Nam sẽ chậm hơn.

Nhưng Hiệp định Thương mại có giúp tăng quyền lực của đảng Cộng Sản hay không? Chúng ta nhớ lại năm 1994 khi chính phủ Mỹ bỏ cấm vận, và năm 1995 bình thường hóa bang giao, nhiều người cũng lo ngại chính quyền Mỹ đang giúp cho đảng Cộng Sản Việt Nam củng cố thêm quyền lực. Nhưng sau năm năm, hình như họ không mạnh hơn mà mỗi ngày một yếu hơn. Nông dân Thái Bình nổi lên khi họ bị ức hiếp, dù Mỹ có bình thường hóa bang giao hay không. Các ông Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang vẫn viết những bài chống đảng, các đảng viên có tuổi vẫn tố cáo tham nhũng, từ ông Đỗ Mười đến ông Phạm Thế Duyệt, họ không chờ coi chính phủ Mỹ làm gì. Nhưng cũng nhờ các cánh cửa mới hé mở mà những tin tức đó được loan báo ra ngoài.

Sau khi Hiệp định Thương mại được phê chuẩn, mỗi năm chính phủ Mỹ sẽ phải báo cáo với Quốc hội về việc thi hành hiệp định và tình trạng nhân quyền ở Việt Nam. Lâu nay, các Dân biểu Mỹ muốn đem vấn đề này ra nói cũng phải chờ nhân một cơ hội thích hợp nào đó. Nay thì họ có một diễn đàn thường xuyên, lúc nào cũng có lý do để nói.

Cũng như khi đảng Cộng Sản Việt Nam chấp nhận tham gia vào khối AFTA trong bẩy năm nữa, Hiệp định Thương mại Việt Mỹ sẽ tạo ra một khung cảnh kinh tế thúc đẩy Đảng Cộng Sản phải cải tổ kinh tế nhanh hơn. Liệu họ có thể vẫn giữ chủ trương kinh tế quốc doanh làm chủ đạo trong lúc cũng muốn tham dự vào thị trường vùng Đông Nam Á và thế giới hay không? Câu trả lời, sớm muộn cũng rõ ràng đối với họ, là quốc doanh thì không thể cạnh tranh với ai được.

Những nhà lãnh đạo chính phủ Hà Nội biết điều đó. Ông Phan Văn Khải đã nói rõ ràng trong cuộc họp với các Tổng công ty: "Ta đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, nên doanh nghiệp nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo. Mà để giữ được vai trò chủ đạo thì phải thể hiện qua hiệu quả kinh tế .. tốt hơn các doanh nghiệp tư nhân. .. Ý đồ ban đầu khi lập các Tổng công ty nhà nước là lập các tập đoàn kinh tế có khả năng cạnh tranh trên thương trương quốc tế."

Sau đó, ông Phan Văn Khải đưa ra những thí dụ cho thấy hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp nhà nước rất thấp kém: "Hiện nay giá đường của ta cao hơn các nước, giá xi măng cũng cao hơn, giá thép cũng cao hơn... Về nông nghiệp thì (hạt) giống của chúng ta tồi hơn, năng suất tồi hơn, công nghệ kém hơn..." Và ông Khải than phiền tình trạng các doanh nghiệp độc quyền: "Ngàng điện .. một mình một chợ, .. Bưu chính viễn thông cũng một mình một chợ.. Độc quyền sinh ra cửa quyền .. Trước đây xây dựng một trạm biến thế cũng chỉ có ngành điện được xây, muốn tính bao nhiêu thì tính, muốn chi bao nhiêu thì chi, giá thành có khi cao gấp ba lần ..."

Ai biết ghép các ý tưởng trong hai đoạn trên lại cũng thấy kết luận: Muốn cải thiện năng suất thì phải dẹp bỏ các doanh nghiệp nhà nước bất lực, phải cho tư nhân tự do kinh doanh. Nghĩa là phải bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa. Chưa bỏ sớm thì bỏ chậm, AFTA và Hiệp định Thương mại với Mỹ sẽ thúc cho quá trình đó nhanh hơn.

Trong quá trình đổi mới chưa cần phải bắt chước Mỹ mà hãy bắt chước Trung Quốc, mà Việt Nam thường đi sau mười năm. Trong phiên họp cuối Tháng Bảy, giới lãnh đạo Cộng Sản Trung Quốc đã quyết định cho thêm nhiều doanh nghiệp nhà nước đăng ký trên thị trường chứng khoán để các quản đốc cảm thấy có trách nhiệm trước thị trường chứ không chỉ trông vào cấp trên bao bọc. Và số cổ phần bán trên thị trường được phép nâng từ 20%, 30%

lên hơn 50%. Nghĩa là trong thực tế, phần nhà nước làm chủ có thể thành thiểu số so với các tư nhân. Đây là một cách để tạo ra động cơ thích hợp cho các quản đốc cảm thấy có trách nhiệm. Đó cũng là tư nhân hóa từng phần các doanh nghiệp nhà nước khá nhất, vì chỉ loại khá mới đăng ký trên thị trường chứng khoán.

Chính phủ Trung Quốc cũng mở cửa cho các công ty ngoại quốc bước vào ngành bán sỉ, để theo đúng điều kiện gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới. Trước đây một công ty Mỹ có mười nhà máy ở Trung Hoa phải lập mười nhà phân phối khác nhau, nếu phân phối trong cùng một tổ chức, trở thành nhà buôn sỉ thì bị cấm. Nay tập hợp lại, họ sẽ tiết kiệm được chi phí, dễ kiểm soát mức tồn kho. Và người tiêu thụ ở Trung Hoa được hưởng giá rẻ hơn. Việc gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới tạo cơ hội cho các xí nghiệp Trung Quốc nhưng cũng giúp người dân Trung Hoa hưởng giá rẻ. Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ hy vọng cũng có tác dụng tương tự khi các công ty ngoại quốc được tự do cạnh tranh trong ngành phân phối. Hiện nay giá gạo từ đồng bằng lên cao nguyên tăng vọt cũng vì hệ thống phân phối kém hiệu năng. Nếu ngành phân phối lương thực được tự do, thể đó cũng giảm bớt nạn đói ở nhiều nơi.

Hiệp định Thương mại tạo hoàn cảnh bắt thay đổi các xí nghiệp quốc doanh, nhưng cũng sẽ ảnh hưởng đến tác phong của cả guồng máy cai trị. Có lẽ nó cũng trở thành một biện pháp trừ tham nhũng. Khi giao thương với Mỹ, người Mỹ chỉ biết hợp đồng và luật pháp, rất khó "thông cảm." Trong tiếng Mỹ không có từ ngữ "bồi dưỡng," việc gì cũng phải rõ rệt, viết trên giấy cho rõ trắng đen, những cơ hội tham nhũng sẽ không lớn như khi mua bán với các nước Á châu khác. Những công ty Mỹ kinh doanh ở Việt Nam đều bị luật lệ của nước Mỹ chi phối, không thể hối lộ. Họ chỉ có thể nhượng bộ tối đa là cho các quan chức cộng sản đi du lịch miễn phí, hoặc nhận cho con, cháu các quan lớn vào làm sở Mỹ. Ngược lại, những công ty Á châu, từ Thái Lan qua Đại Hàn thì biết nhiều cách hối lộ kín đáo.

Nhiều tác phong của bộ máy quan chức cần thay đổi. Đầu tiên là thói quen tập trung chỉ huy. Hiện nay "Chỉ tiêu sản xuất lương thực do Quốc hội quyết định," báo Thanh Niên viết. "Từ đó sinh ra thói quen cố thực hiện bằng được chỉ tiêu sản lượng, không cần tính đến lời lỗ." Ban Kinh tế tỉnh Tây Ninh báo cáo sản xuất công nghiệp tăng 57% trong sáu tháng đầu năm 1999, nhờ công nghiệp mía đường. Vượt chỉ tiêu, nhưng đường trong kho ở Tây Ninh tồn đọng đến 35 ngàn tấn, 200 tỷ đồng Việt Nam, vì không bán được.

Tập trung quyền quyết định vào trung ương nhưng luật lệ không minh bạch khiến các cơ quan chính quyền mâu thuẫn với nhau. Bộ Thương mại mới hé mở thêm cửa cho các nhà quảng cáo làm ăn thì Bộ Văn hóa khép lại, ra lệnh họ phải xin giấy phép cho từng vụ quảng cáo, bên nào cũng cho là mình đúng luật. Doanh nghiệp trong khu chế xuất phải làm giấy bán hàng cho một công ty nước ngoài, rồi họ bán lại cho một doanh nghiệp trong nước. Một công ty ấn loát ở khu chế xuất gần Sài Gòn nhập cảng máy in ba mầu sau một năm chưa làm xong thủ tục hải quan. Vì hải quan ở đó đòi phải có giấy phép của ngành Văn hóa. Sở Văn hóa Sài Gòn bảo phải ra Hà Nội xin phép Cục quản lý xuất bản. Đến khi tới Hà Nội thì ở ngoài đó bảo họ không có quyền gì với các khu chế xuất. Luật lệ đặt ra để phục vụ tham nhũng. Thủ tục Hải quan lại vô cùng giản dị khi có bồi dưỡng, như vụ án Tân Trường Sanh cho thấy.

Một thói quen khác là dồn hết tái nguyên quốc gia vào cho khu vực quốc doanh. Theo báo Thanh Niên thì 70% lượng lúa gạo xuất khẩu là do tư nhân đảm trách, và 80% gạo dùng trong nội địa là do tư thương đảm trách. Nhưng bao nhiêu tiền bao cấp trợ giá, và tín dụng ngân hàng vẫn ưu tiên nuôi các xí nghiệp quốc doanh, và tư thương vẫn bị đánh thuế buôn chuyến.

Một thói quen nữa là không ai coi thủ tục hành chánh ra cái gì. Cơ quan Tài chánh - Vật giá tỉnh Đắc Lắc có tiền quỹ xây dựng cơ bản nhưng không dùng, đem gửi vào ngân hàng lấy lãi, suốt ba năm mới bị đem ra hỏi. Ở Tỉnh Bình Dương 512 mẫu rừng cao su được đem chặt phá vì bán không được, không biết trách nhiệm của ai.

Tất cả những thói quen đó phải thay đổi, nhưng làm cách nào thay đổi? Chỉ khi nào đảng Cộng Sản không còn tập trung quyền hành trong tay, để cho người dân được tự do hơn. Không những cần tự do kinh doanh mà cần cả tự do thay thế chính quyền bằng chính quyền mới theo thủ tục bầu phiếu dân chủ. Khi đó xã hội mới thay đổi quan niệm về trách nhiệm và quyền hạn của các người cầm quyền.●

BẮC KINH ĐÀN ÁP PHÁP LUÂN ĐẠI PHÁP

VƯƠNG HỮU BỘT

Trong tháng qua, thế giới chú ý đến Trung Quốc vì cuộc đấu khẩu với Đài Loan, và vì dấu hiệu kinh tế suy giảm rõ rệt hơn, trong đó có cả mối lo đồng Nguyên bị phá giá. Nhưng đối với đảng Cộng Sản Trung Hoa thì chắc phong trào Pháp Luân Đại Pháp mới thật là mối lo lớn.

Tuy chính phủ Bắc Kinh ồn ào phản đối Tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huy, nhưng điều mà ông Lý nói cũng chỉ chính thức hóa một tình trạng hiện thực chứ không làm thay đổi cân bằng lực lượng giữa hai bên. Trái lại, vì ông Lý Đăng Huy gây sự mà Mỹ đã nghiêng về phía Bắc Kinh để bù lại. Hoa Kỳ đã bãi bỏ một cuộc viếng thăm của các viên chức Bộ Quốc phòng để tỏ ý bất bình vì Tổng thống Đài Loan gây sóng gió. Một cuộc thao dượt của Hải quân Mỹ ở Nam Hải, trong đó có hai hàng không mẫu hạm cũng thay đổi chương trình, không cho báo chí tham dự để tránh làm cho Trung Quốc cảm thấy bị khiêu khích. Và Bộ trưởng Thương Mại Mỹ đã được mời qua Bắc Kinh bàn tiếp về việc gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO).

Về mặt kinh tế, Công ty Thẩm lượng Tín dụng S&P (Ratings Services) hạ thấp dự đoán tương lai kinh tế Trung Quốc từ "ổn cố" (stable) xuống "bi quan," (negative). S&P cũng hạ điểm tín dụng (mức tín nhiệm khi đi vay nợ) của chính phủ và chín cơ sở ngân hàng và đầu tư lớn nhất Trung Quốc. Đây là lần đầu tiên S&P hạ điểm tín dụng của Trung Quốc kể từ sau vụ Thiên An môn, năm 1989. Ông Đới Tường Long, Thống đốc Ngân hàng Trung ương đã cho thị trường hiểu là chính phủ Bắc Kinh không nhất thiết giữ giá đồng nhân dân tệ.

Các khó khăn kinh tế coi có vẻ khẩn trương nhưng vẫn giải quyết được, cùng lắm phải chịu đựng một vài năm rồi sẽ qua đi. Còn những cuộc biểu tình và việc đàn áp các môn đồ Pháp Luân Đại Pháp ở các thành phố Trung Hoa, bây giờ có vẻ dễ dàng dẹp yên, nhưng về lâu dài thì sẽ thách đố chế độ cộng sản từ cơ bản. Nói theo kiểu văn Tam Quốc Chí thì vụ Đài Loan và việc S&P hạ thấp điểm tín dụng là bệnh ngoài da, vụ Pháp Luân Công mới là bệnh tâm phúc - ở trong tim, trong bụng.

Vì các đệ tử của ông Lý Hồng Chí, người sáng lập Pháp Luân Đại Pháp đã đặt đảng Cộng Sản Trung Hoa trước những câu hỏi lớn hơn những vấn đề kinh tế và chính trị.

Tôn giáo hay võ thuật?

Ông Lý Hồng Chí, 47 tuổi, trước là thư ký một sở Mễ cốc, đã khai sinh môn khí công gọi là Pháp Luân Công năm 1992, sau nhiều năm tập luyện các môn khí công khác. Từ quê hương ở Mãn Châu, ông đã về Bắc Kinh và đi các tỉnh truyền bá môn này. Có những cuộc tập họp như ở sân vận động tại Vũ Hán đã có hàng chục ngàn người tham dự. Gần đây ông đã bị chính phủ Bắc Kinh tố giác là thâu tiền của các đệ tử để làm giầu. Nhưng ông cho biết là chính các cán bộ, viên chức đã tổ chức những buổi thuyết giảng của ông, khi thâu tiền đóng góp thì lấy 60% hoa hồng bỏ túi. Còn số tiền ông nhận được thì dùng để in sách biếu không.

Năm 1998 ông Lý Hồng Chí bị ép phải xuất ngoại, và đã chọn qua Mỹ, sống ở New York. Theo phái Pháp Luân thì họ có 70 triệu người tập luyện ở trong nước Trung Hoa và vài ba chục triệu khắp thế giới. Một cuộc thuyết

giảng ở New York diễn ra trong một khách sạn lớn, chi phí 35 ngàn mỹ kim do một đệ tử của Lý Lão sư trả hết.

Pháp Luân Đại Pháp là một hiện tượng đặc biệt, vì họ không tự coi là một tôn giáo. Ông Lý Hồng Chí gọi họ là "học trò" chứ không phải tín đồ, và họ thì gọi ông là Thầy chứ không phải giáo chủ. Trong các sách của ông (hai cuốn Chuyển Pháp Luân và Trung Quốc Pháp Luân công đã dịch ra nhiều thứ tiếng), ông Lý Hồng Chí nhấn mạnh môn tập luyện của ông là Phật gia Khí công, khác Phật giáo.

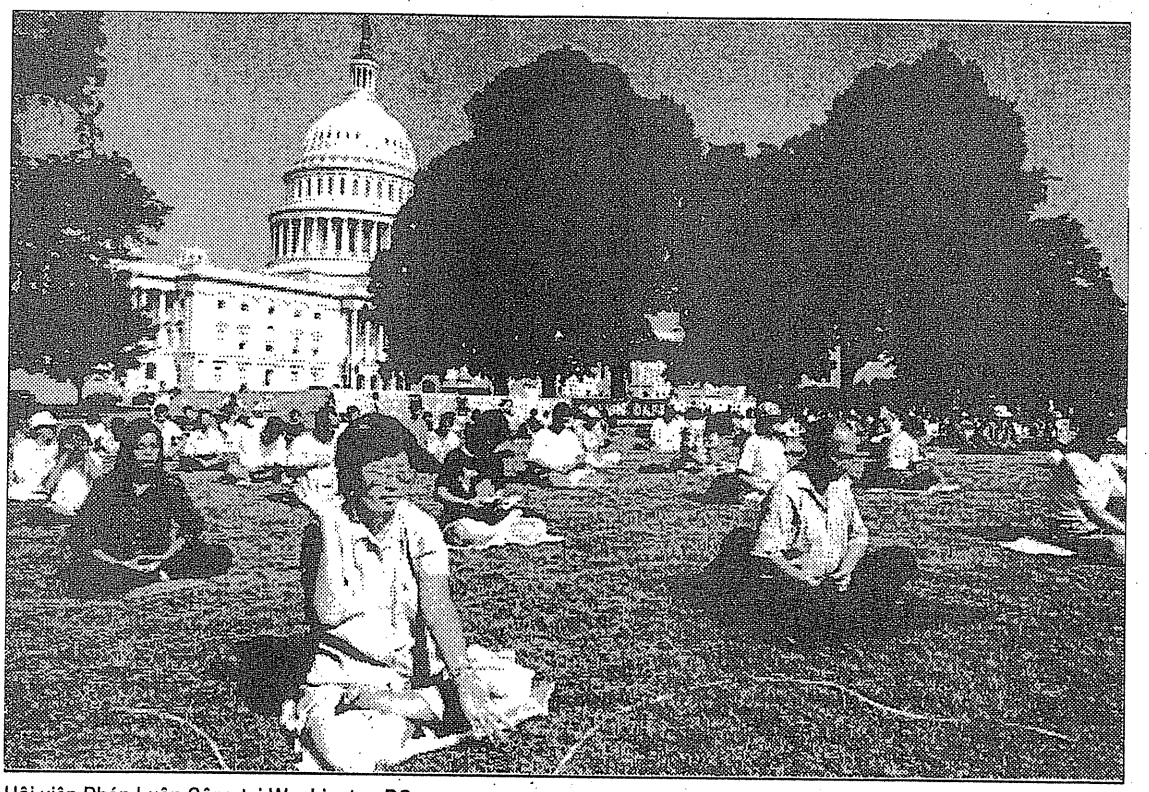

Hội viên Pháp Luân Công tại Washington DC.

Hiến pháp Trung Quốc chỉ công nhận có năm tôn giáo, nếu phái Pháp Luân tự nhận là tôn giáo, họ sẽ bị buộc tội hoạt động bất hợp pháp vì không nằm trong hệ thống kiểm soát Phật giáo của nhà nước. Từ nhiều năm nay, phái Pháp Luân vẫn do Ủy ban Vũ thuật của nhà nước trông coi, cho đến năm nay Ủy ban này mới trục xuất Phái Pháp Luân.

Năm 1997 bên bờ Tây hồ ở Hàng Châu tôi thấy nhiều nhóm tập Khí công, Thái cực. Một nhóm nổi bật lên vì họ vừa tập vừa nghe nhạc và bài giảng qua máy quay cát xét. Khi tôi hỏi, họ tỏ ra rất hãnh diện nói rằng họ cũng tập khí công theo phương pháp riêng, gọi là Pháp Luân công. Có hàng trăm môn phái Khí công khác nhau, một phương pháp gọi là Dung Công do lão sư Trương Hồng Bảo sáng tạo, chính phủ Bắc Kinh nói có 30 triệu đệ tử. Các môn đệ phái Dung Công nhịn ăn khi tập luyện, có người đã nhịn ăn cả tháng.

Ngày 25 Tháng Tư năm nay, đệ tử phái Pháp Luân đã tụ họp hàng chục ngàn người vây quanh Trung Nam Hải, cư xá của các lãnh tụ Trung Cộng, cho đến khi chính phủ chịu tiếp đại diện của họ. Từ năm trước, họ đã nhiều lần tập họp ở Thiên Tân, Bắc Kinh, v.v. phản đối những tờ báo và đài truyền hình phê bình phái Pháp Luân là mê tín và lừa bịp. Nhưng vụ Trung Nam Hải hoàn toàn bất ngờ. Ngày hôm trước, nhiều người dự cuộc biểu tình ở Thiên Tân bị bắt, sáng sớm hôm sau hàng chục ngàn người từ khắp nơi đã về tới Bắc Kinh. Họ liên lạc với nhau bằng điện thoại và Internet, và có một Trang Nhà trên lưới (Web page) riêng.

Khí công trở thành chính trị

Cuối Tháng Năm vừa qua, khi đi qua các thành phố ở Trung Quốc tôi có dịp thấy nhiều cuộc tập họp của các người theo phái Pháp Luân. Họ thường trương tấm bảng tên mầu đỏ chữ vàng và một tấm vải vàng viết đỏ giải

thích chủ trương của môn phái. Họ thường tụ họp ở các nơi công cộng có nhiều người qua lại, hầu như cố ý cho thiên hạ thấy họ có mặt, trương biểu ngữ đề tên môn phái và và treo tấm vải mầu vàng chữ đỏ trình bầy chủ trương để ai cũng biết họ đang làm gì. Tôi đặt câu hỏi, tại sao những người này lại chọn trước cửa một khách sạn quốc tế ở đại lộ Trường An để ngồi thiền tập và luyện hơi thở, thay vì chọn các công viên thoáng mát và vắng vẻ hơn. Một sinh viên ở Bắc Kinh giải thích với tôi là việc lựa chọn địa điểm cũng là một cách bầy tỏ thái độ chính trị. Nhẹ thì coi đó là một phản ứng trước chiến dịch bôi nhọ của các cơ quan truyền thông nhà nước nói họ là một phong trào mê tín. Họ ra trước công chúng, thực tập và nói rõ tôn chỉ, đạo lý, để ai cũng biết rõ ràng. Nhưng cũng có thể coi hành động tập khí công nơi công cộng là một thách thức với chính quyền Cộng Sản Trung Hoa, xem có dám đàn áp họ hay không.

Khi đọc những lời giải thích của ông Lý Hồng Chí thì thấy ông dậy những tư tưởng pha trộn nhiều phần Phật giáo với một phần Lão giáo. Pháp Luân được hiểu như là nguyên lý cao nhất trong vũ trụ, giống như khái niệm Đạo trong Lão giáo. Ông Lý dùng nhiều từ ngữ Phật giáo, như ba chủ trương Bi, Trí, Nhẫn, nhưng các điều khuyên ông răn về đạo đức, luân lý thì có thể phù hợp với bất cứ nền luân lý nào. Ông nói Phật giáo phát xuất từ Ấn Độ nhưng Khí công theo lối nhà Phật là một sáng tạo của người Trung Hoa.

Một điểm đặc biệt trong việc thực tập của phái Pháp Luân là họ không cúng kiếng, không thờ phụng một hình tượng tôn giáo nào cả. Trong các cuốn sách của ông Lý Hồng Chí cũng như trên biểu ngữ ở các nơi tập khí công, người ta cũng không thấy một ý kiến chính trị nào, không phê bình chế độ hay hệ thống kinh tế. Sáng sớm ngày 4 Tháng Sáu, ngày kỷ niệm biến cố Thiên An Môn, tôi thấy mấy người phái Pháp Luân đạp xe đến bên lề đường trước cửa một ngân hàng ở thành phố Thái Nguyên, Sơn Tây. Họ trương biểu ngữ như thường lệ, rồi lại đạp xe đi, và sau đó ít phút thì có người tới gỡ tấm biểu ngữ và bãi bỏ luôn cuộc tập họp hôm đó. Rõ ràng họ không muốn bị coi là dính dáng đến chính trị trong việc kỷ niệm ngày tang Thiên An Môn.

Hoạt động chính của các đệ tử phái Pháp Luân là tập hơi thở và thiền tập, nghe các bài giảng đạo đức và siêu hình của ông Lý Hồng Chí được phát từ băng, cùng với tiếng nhạc. Bây giờ chính quyền Bắc Kinh gán cho họ là "mê tín dị đoan" là một điều rất khó được dân chúng chấp nhận. Người ta có thể nhớ lại trước đây đảng Cộng Sản Trung Hoa thường nói rằng các người đọc cuốn "Trích lời Mao Chủ tịch" rồi thì khỏi bệnh, phụ nữ sinh đẻ không thấy đau, người bị mổ không cần dùng thuốc tê, các lực sĩ mạnh gấp bội. So ra thì còn mê tín hơn nhiều. Ông Lý Hồng Chí thường nhắc đi nhắc lại rằng các đệ tử phải phương pháp của ông với tinh thần khoa học. Chỉ có một điều làm nhiều người lo ngại là ông khuyên đệ tử khi bị bệnh thì không cần dùng thuốc, chỉ luyện tập khí công để tự chữa bệnh.

Các nhà báo Tây phương hay ví phái này với phong trào Thái Bình Thiên quốc thế kỷ 19, điều đó cũng sai. Hồng Tú Toàn, thủ lãnh Thái Bình Thiên quốc bắt chước hình thức của đạo Thiên chúa, có lúc cuộc nổi loạn này được các nước Âu Tây hỗ trợ để chống nhà Thanh. Những người theo Hồng Tú Toàn phần lớn là nông dân cùng khổ và ít học. Các người theo Hồng Tú Toàn tin rằng nếu đeo bùa thì ra trận đạn sẽ bắn không chết. Khi thấy các đệ tử của Lý Hồng Chí đã dùng Internet để liên lạc, tổ chức thì chúng ta hiểu họ không phải là những nông dân quê mùa như các tín đồ của Thái Bình Thiên Quốc. Những người tập khí công theo lối Pháp Luân trên hè phố ở Bắc Kinh, Thái Nguyên, Quảng Châu mà tôi đã thấy, họ thuộc đủ mọi lớp tuổi. Họ có thể thuộc lớp người đang bị cuộc cải cách kinh tế thị trường bỏ qua, nhưng không phải là những người nghèo khổ nhất xã hội. Pháp Luân lấy căn bản từ văn hóa Trung Hoa, tự phát sinh, và thu hút những người dân thành thị, trong đó có nhiều đảng viên cộng sản. Người đại diện phái này gặp Thủ tướng Chu Dung Cơ vào cuối Tháng Tư là ông Lý Trường, một cựu nhân viên bộ Nội vụ, ở trong khu tập thể của Bộ này.

Khoảng trống tâm linh và tư tưởng

Vậy mối đe dọa nào khiến cho đảng Cộng Sản Trung Quốc quyết liệt cấm đoán và bắt bớ các đệ tử Pháp Luân Công? Chính là vì phái này đe dọa không những quyền kiểm soát xã hội mà cả độc quyền văn hóa của đảng. Các đảng Cộng Sản đều muốn kiểm soát tất cả xã hội. Họ muốn kiểm soát chuyện người ta làm gì để kiếm ăn, tức là kinh tế, chuyện phân phối quyền hành và từ đó phân chia lợi lộc

chung của xã hội ra sao, tức chính trị. Và họ cũng muốn cung cấp cả tín ngưỡng, lý tưởng cho dân nữa.

Trong khi các chế độ độc tài của Suharto hay Bokassa chỉ lo chiếm lấy các quyền kinh tế, chính trị không thôi, thì các đảng Cộng Sản hay đảng Nazi còn muốn kiểm soát ngay cả các phạm vi văn hóa, tôn giáo, thông tin, báo chí, nghệ thuật, v.v.. Cộng Sản là một hệ thống độc tài cả chính trị lẫn văn hóa, gọi là toàn trị, Giáo sư Ernest Gellner đặt tên là Caesaro-Papism. Vì muốn mang tính chất tôn giáo, đảng Cộng Sản thường tự coi họ chiếm độc quyền cả về cái thiện, những người chống họ không những bị kết án vi phạm luật lệ mà còn bị gán cho tội lỗi về luân lý, đạo đức nữa.

Từ khi chịu thua trên mặt trận kinh tế, các đảng Cộng Sản còn sót lại trên thế giới đã bắt chước làm kinh tế theo lối tư bản, nhưng không chịu bỏ độc quyền chính trị và văn hóa. Ngay cả khi bàn tay kiểm soát phải nới lỏng ra, đảng Cộng Sản vẫn giữ lấy việc kiểm soát các tổ chức tôn giáo chính thức. Nếu không nắm được hồn, thì cố kiểm soát cái xác.

Khi một đảng cầm quyền tự xưng rằng họ chấp nhận cho tôn giáo tự do sinh hoạt, nhưng lại chỉ công nhận một số tổ chức tôn giáo chính thức mà thôi, thì không thể coi là có tự do tôn giáo. Tự do bao giờ cũng có nghĩa là tự do lựa chọn. Giới hạn các lựa chọn là giới hạn tự do. Cũng giống như nói "quý vị có tự do chọn xe bất cứ mầu gì, miễn là mầu đỏ, hay mầu đen." Dần dần, người dân Trung Hoa sẽ hiểu thứ tự do tôn giáo mà đảng Cộng Sản đang áp dụng là tự do giả!

Căn bệnh tâm phúc của Cộng Sản Trung Quốc bây giờ là Pháp Luân Đại Pháp thách thức độc quyền văn hóa, tư tưởng của đảng. Trong 55 triệu đảng viên bây giờ không còn mấy người tin ở lý thuyết Mác xít vô hồn. Nước Trung Hoa có một khoảng trống tâm linh lớn, các đền miếu của Đạo giáo và chùa Phật giáo thu hút rất đông tín đồ cúng lễ. Người dân vẫn hướng về điều thiện, và họ không nhìn thấy lý tưởng đó trong tổ chức và tư tưởng của đảng Cộng Sản, họ tìm về cội nguồn. Cùng với việc đặt phái Pháp Luân ra ngoài vòng luật pháp, đảng Cộng Sản cũng cấm đảng viên tập khí công theo lối của phái này. Hơn một ngàn viên chức chính phủ đã bị bắt, cho thấy đảng đang lo sợ họ "mất linh hồn." Mất độc quyền làm chủ "cái thiện" sẽ dẫn đến mất độc quyền chính trị. Đó là mối lo trong gan ruột. Sẽ đến lúc những người dân Trung Hoa khác cũng nghe và đồng ý với những lời phản đối của các đệ tử phái Pháp Luân. Trong điểm lưới (web site) của nhóm này sau khi có lệnh cấm đoán, có người đặt câu hỏi: "Nếu một kẻ lo sợ trước những con người lương thiện, kẻ đó là hạng người như thế nào? Kẻ đó có đáng lãnh đạo nhân dân hay không?"

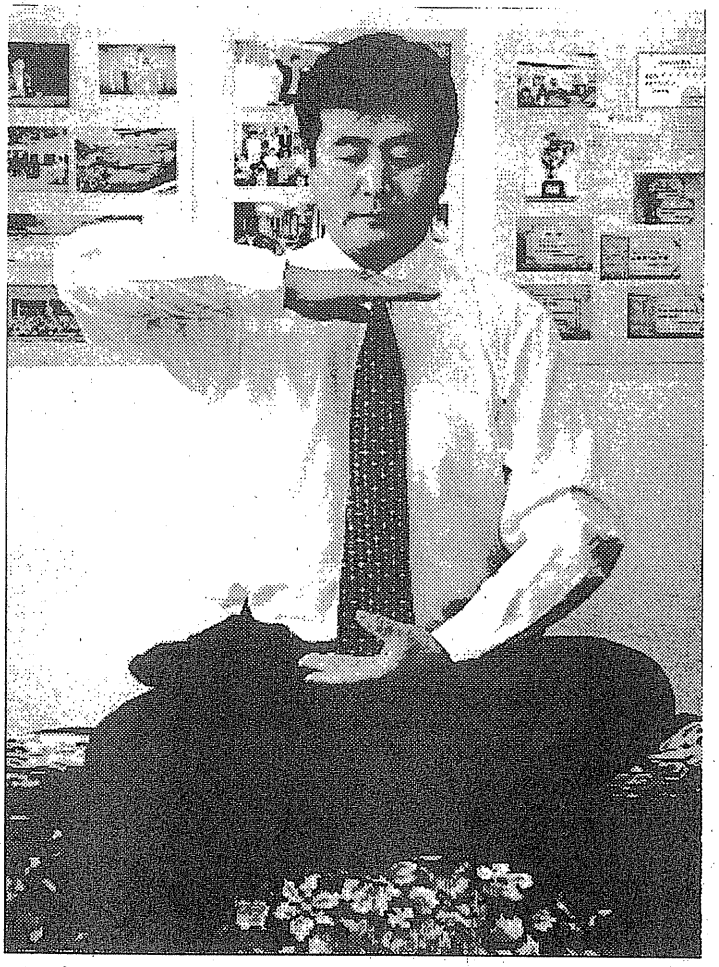

Lý Hồng Chí

Mối đe dọa của phái Pháp Luân càng nguy hiểm hơn khi họ chứng tỏ được khả năng tổ

chức và huy động môn đồ. Bây giờ ở Trung Quốc có 70 triệu người chung một niềm tin, liên lạc với nhau bằng điện thoại và Internet, qua một đêm có thể gọi nhau tụ họp hàng chục ngàn người. Đó cũng là một khe rạn nứt trong hệ thống cai trị bằng công an, mà rạn nứt này bắt đầu từ mặt trận văn hóa, tư tưởng. Phái Pháp Luân với hàng chục triệu môn sinh ở hải ngoại, với khả năng huy động tiền bạc rất lớn, quả thật là một đe dọa lâu dài. Và từ nay họ sẽ được các tổ chức nhân quyền thế giới hỗ trợ.

Khó nhốt mãi dân trong khuôn một khổ

Phái Pháp Luân chỉ là một trong hàng ngàn trào lưu tín ngưỡng, sinh hoạt cho thấy người dân muốn thoát khỏi khuôn khổ chật hẹp mà đảng Cộng Sản ràng buộc họ. Trong khi đó, nước Trung Hoa đang thay đổi, với tốc độ rất nhanh.

Đầu Tháng Bảy vừa rồi, lần đầu tiên ở Trung Hoa có bán hàng trên mạng lưới Internet. Công ty Netease đã bán 60 máy điện toán PC trong một tuần lễ, trả tiền mặt khi giao hàng. Trung Quốc đã bước vào Thời đại ecommerce (kinh doanh qua điện toán.) Hệ thống Netease do một thanh niên, William Đinh, 28 tuổi lập ra, hoàn toàn tư doanh đặt trụ sở tại tại Bắc Kinh, mỗi ngày có 2.9 triệu người vào lưới (ở Việt Nam gọi là truy cập.) Ở Bắc Kinh còn có hệ thống ZHAODALA; và một công ty mới ra đời hồi Tháng Năm ở Thẩm Chấn tên là Netbig.com do Lưu Minh, một Tiến sĩ kinh tế tốt nghiệp Đại học Duke ở Mỹ cùng các bạn sáng lập. Trên mạng lưới của Netbig.com, Lưu Minh có các lớp luyện thi, cố vấn thời trang, và cả trang tìm bạn kết duyên nữa.

Ngoài các công ty tư của người Trung Hoa, các công ty ngoại quốc cũng có mặt tìm cách thu hút người dân Trung Hoa lên lưới, vì số máy PC ngày một được sử dụng nhiều hơn. Chính quyền Bắc Kinh thả lỏng, cho người ngoại quốc làm chủ 100% các dịch vụ Internet trong khi vẫn hạn chế quyền sở hữu trong các công nghiệp khác. Mạng lưới Yahoo bằng tiếng Anh hiện chiếm 40% thị trường. Phần lớn những người dùng Internet cũng biết tiếng Anh. Chính phủ vẫn ra chỉ thị các công ty Internet phải hạn chế các phạm vi thông tin, và có dựng ra các bức tường lửa, và đã khám, bắt công ty Sohu ở Bắc Kinh vì trên lưới có các chuyện khiêu dâm. Nhưng Bắc Kinh vẫn cho phép các hệ thống dịch vụ lưới (server) phổ biến tin tức, giống như hành nghề xuất bản, trong khi Đảng vẫn kiểm soát các ấn phẩm theo hình thức cổ truyền.

Các người lãnh đạo ở Bắc Kinh thả lỏng cho phương tiện truyền thông mới mẻ này, có thể vì những người trong đảng lo kiểm soát ngành Internet cũng là những người có học thức và có thể độc lập về tài chánh đối với hệ thống đảng. Họ hiểu tiềm năng của Internet đối với nền kinh tế Thế kỷ 21 nên để cho tự do phát triển.

Theo lời anh Lưu Minh, 28 tuổi, thì khi ngành Internet đã ra đời rồi, nhà nước sẽ không thể nào ngăn lại được. Mạng lưới Netbig.com của anh đã làm một bảng cho điểm các đại học, nói đại học nào khá hơn về ngành nào, theo lối các tờ báo ở Mỹ. Lưu Minh bị các trường đại học phản đối và bị công an đến "làm việc" hai lần, nhưng anh vẫn tiếp tục. Anh nói "Khi mọi việc đã bắt đầu rồi, rất khó ngưng lại."

Tôi đã được một đệ tử Phái Pháp Luân cho địa chỉ của môn phái này trên Internet khi tôi gặp họ đang tập luyện trên hè đường ở thành phố Đại Đồng, tỉnh Sơn Tây. Người thanh niên này cho chúng tôi một cuốn sách của Chưởng môn Lý Hồng Chí và nói rằng muốn biết thêm về phương pháp tập luyện của Lý lão sư thì cứ mở Trang lưới (web-page) ra là đọc được.

Một phong trào quần chúng được chính trị hóa

Bây giờ thì Bắc Kinh đã chấp nhận thách đố, đàn áp mạnh mẽ. Nhưng chiến dịch đàn áp có thể tạo tác dụng ngược lại, khiến công chúng có thiện cảm với môn phái này hơn. Việc đàn áp sẽ chính trị hóa phong trào này. Mấy chục triệu người trước đây chỉ lo ngồi thiền, tập thở, nay sẽ bị đẩy vào thế đối lập với đảng Cộng Sản, họ sẽ tham gia các phong trào đòi tự do, như Đảng Dân chủ, một tổ chức có mặt khắp nước, cũng đang bị đàn áp.

Những người như ông William Đinh ở Bắc Kinh, ông Lưu Minh ở Thẩm Chấn thuộc lớp thanh niên trưởng thành trong thời cải cách kinh tế. Liệu họ có chịu đựng nằm trong cái cũi của những định chế chính trị và văn hóa của đảng Cộng Sản Trung Hoa sau khi đã thoát khỏi cái rọ quản lý kinh tế của đảng hay không? Như ông Lưu Minh nói, một khi đã được tháo cũi sổ lồng, khó ngăn lại được.●

ĐỜI SỐNG QUANH TA

TRẦN QUÁN NIỆM

NỮ GIỚI VÀ THỂ THAO

Hào quang chiến thắng

Đầu tháng 7, 1999 trong trận đấu chung kết giữa hai đội túc cầu (bóng đá) Trung Cộng và Hoa Kỳ trong giải túc cầu thế giới của phái nữ (Women's World Cup), đội banh Hoa Kỳ đã làm nên lịch sử, thắng Trung Cộng trong đường tơ kẽ tóc với trái phạt đền thứ năm.

Toàn thể nước Mỹ lên cơn sốt trước thành tích rực rỡ này, một dấu mốc quan trọng trong ngành thể thao của phụ nữ Hoa Kỳ. Tại cầu trường vùng Pasadena, California, hơn 90 ngàn khán giả hoan hô như sấm nổ khi chứng kiến giây phút lịch sử này. Đối với quốc gia Hoa Kỳ, túc cầu là bộ môn thể thao tương đối mới mẻ và phôi thai.

Tên tuổi và khuôn mặt cuả các nữ cầu thủ trong đội bóng như Mia Hamm, Brandi Chastain, Michelle Akers v.v. xuất hiện trên trang nhất cuả báo chí, trên làn sóng phát thanh và truyền hình, cũng như trên dư luận, nhất là trong giới hâm mộ thể thao.

Phụ nữ khoẻ và đẹp Trên hình bìa tuần báo Newsweek, số ngày 19 tháng 7, 1999, trong giây phút vui mừng chiến thắng, nữ cầu thủ Brandi Chastain đã cởi phăng chiếc áo thun, để lộ thân hình bóng láng mầu đồng hun với bắp thịt cuồn cuộn gân guốc (may quá, cô vẫn còn mang nịt ngực). Hình ảnh đó đã tiêu biểu cho nữ giới trẻ trung của quốc gia Hoa Kỳ thời đại mới, một hình ảnh rắn chắc khoẻ mạnh, chứ không còn là hình ảnh người phụ nữ yếu ớt, ẻo lả nữa.

Lịch sử thể thao nữ giới

Chúng ta hãy nhìn qua nền thể thao nữ giới (phần lớn là Hoa Kỳ) trong thế kỷ vừa qua.

Từ nhiều ngàn năm, bắt đầu từ Hy Lạp, thể thao được dành riêng cho nam giới, mà nhân loại mệnh danh là phái khoẻ, tượng trưng là thần Hercule trong thần thoại Hy Lạp. Chỉ bắt đầu vào những năm đầu tiên cuả 1900, phụ nữ mới bắt đầu được tham dự Thế Vận Hội nhưng bị giới hạn trong các bộ môn nhẹ nhàng như tennis và golf.

1920: Phụ nữ được dự thi bơi và nữ lực sĩ Hoa Kỳ Ethelda Bleibtrey đoạt huy chương vàng Thế Vận Hội đầu tiên về bộ môn này.

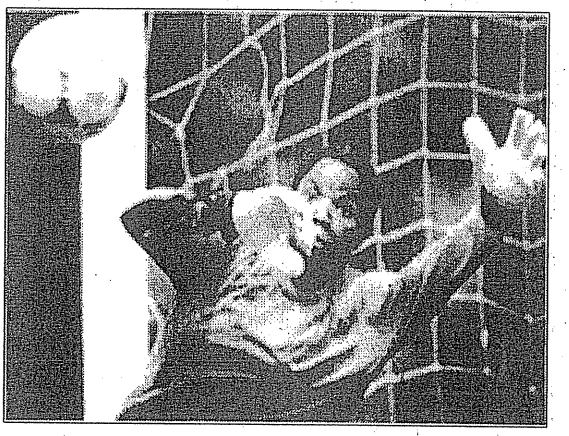

Thủ môn Scurry của đội tuyển nữ Hoa Kỳ, bảo vệ vững chắc khung thành đội nhà.

1927: Phụ nữ được tham dự môn trượt băng, Sonja Henie đoạt huy chương vàng đầu tiên.

1932: Nữ lực sĩ Babe Didriksen Zaharias đoạt huy chương vàng và bạc trong môn chạy nhanh tại Thế Vận Hội tổ chức tại Los Angeles.

1943: Đội bóng rổ nữ đầu tiên được thành lập.

1950: Althea Gibson, phụ nữ da đen đầu tiên đoạt giải tennis Wimbledon.

1965: Donna De Varona là nữ phóng viên thể thao đầu tiên trên đài TV Mỹ.

1972: Luật được ban hành, cấm kỳ thị phái tính trong ngành thể thao, có nghĩa phụ nữ được quyền tranh đua bất cứ bộ môn nào. Vào thời điểm này, cứ 27 nữ sinh trung học thì một nữ sinh chơi thể thao. Cũng trong năm này, nữ lực sĩ Olga Korbutt, người Nga về môn thể dục

nhào lộn (gymnastic) đoạt huy chương vàng Thế Vận.

1973: Cây vợt tennis phái nữ Billie Jean King hạ cây vợt nam Bobby Riggs, đoạt chức vô địch Tennis.

1988: Nữ lực sĩ chạy nhanh người da đen Jackie Joyner-Kersee đoạt hai huy chương vàng Thế Vận, và được coi như nữ lực sĩ số một trên thế giới.

1988: Đội túc cầu nữ Hoa Kỳ lần đầu tiên thắng giải túc cầu Phụ Nữ quốc tế (Women's World Cup.)

1996: Vào thời điểm này, 33% nữ sinh trung học chơi thể thao. Tại Thế Vận Hội tổ chức tại Atlanta, các đội banh nữ Hoa Kỳ về môn bóng rổ, túc cầu, và soft ball đều đoạt huy chương vàng.

Tưởng cũng nên nhắc qua là các môn thể thao phần lớn được phân chia theo phái tính, nam lực sĩ tranh đua với nam lực sĩ, nữ lực sĩ tranh đua với nữ lực sĩ. Sở dĩ như vậy, vì thân thể và sức khoẻ cũng như sự chịu đựng của nữ kém hơn nam, do đó tiêu chuẩn đặt ra cho phái nữ bao giờ cũng thấp hơn.

Nữ giới vượt trội nam giới?

Nhân trận chiến thắng túc cầu, phái nữ đã nổi bật về sức khoẻ và sự dẻo dai trên địa hạt thể thao mạnh bạo, cần nhiều sức khoẻ mà từ trước đến nay là độc quyền của nam giới, đồng thời với hiện tượng các nữ lực sĩ khắp các bộ môn khác càng ngày càng chiếm những thành tích gần kề với các thành tích bên nam, khiến nhiều người tiên đoán là không lâu, nữ giới sẽ bắt kịp và rất có thể vượt trội nam giới. Điều đó bao giờ sẽ xẩy ra\? Đó là trọng điểm của bài viết này.

Năm 1988, trong Thế Vận Hội tại Hán Thành, Đại Hàn, nữ lực sĩ bơi lội Jannet Evans (Mỹ) đã bơi 400 thước với hai giây nhanh hơn kỷ lục thế giới mà nam lực sĩ Mark Spitz đã thiết lập năm 1968. Năm 1992 nữ lực sĩ người Trung Hoa, Wang Junxia, trong giải chạy bộ 10 cây số, đã lập kỷ lục mới cho nữ giới vì cô đã chạy nhanh hơn kỷ lục thế giới cũ là 41.96 giây đồng hồ. Kỷ lục này chỉ thua kỷ lục bên nam giới hai phút rưỡi mà thôi. Trong môn chạy việt dã (marathon), các nữ lực sĩ cũng theo sát nút nam giới. Thành tích của nữ giới trong bộ môn này đã gia tăng với mức đáng nể là 61 phần trăm kể từ năm 1955 đến nay, trong khi cũng khoảng thời gian đó, thành tích của nam giới chỉ tăng 18 phần trăm.

Hiện tại trong một vài bộ môn, nữ giới đã vượt trội: đó là môn bắn súng mà vô địch thế giới hiện tại là một phụ nữ và môn đua xe tuyết (dog sled). Trong thập niên vừa qua, cô Susan Butcher, đã 4 lần đoạt giải vô địch vòng đua Iditarod (dài một ngàn một trăm năm mươi bẩy dậm; 1 dậm tương đương 1 cây số 6). Đây là một cuộc đua gian khổ nhất, người dự cuộc phải chạy nhanh, huấn luyện chó khéo, nắm vững kỹ thuật điều khiển xe tuyết (sled) và đi suốt ngày đêm liên tục (không ngủ trong vòng 11 đến 12 ngày). Trong bộ môn siêu việt dã (ultramarathon), cô Ann Trason đã thắng nam giới trong cuộc chạy bộ dài 24 tiếng đồng hồ.

Ít nhất đã có hai chuyên viên có uy tín tiên đoán là năm 1998 phụ nữ sẽ bắt kịp nam giới trong tất cả bộ môn chạy tại Thế Vận Hội. Đó là Brian J. Whipp và Susan A. Ward, giáo sư tại University of California, Los Angeles.

Nam nữ khác biệt

Điều người ta không thể chối cãi là có sự khác biệt trong việc phát triển cơ thể giữa nam và nữ. Cơ thể phái nam có nhiều bắp thịt ở chân và ngực hơn cơ thể phái nữ; đồng thời số lượng hồng huyết cầu trong máu cũng nhiều hơn. Điều này có nghĩa số lượng oxy được bơm tới bắp thịt nhiều hơn trong phái nam, khiến nam giới khỏe hơn, bền bỉ hơn. Quan trọng hơn cả là phái nam có ít mỡ hơn phái nữ, nữ có 24% mỡ trong khi nam có 15% mỡ so với trọng lượng của cơ thể. Sở dĩ nữ có nhiều mỡ hơn vì cơ thể được tạo hoá chế tạo với nhiệm vụ có mang và nuôi nấng bào thai. Trong địa hạt điền kinh, một thân thể ít bắp thịt và nhiều mỡ không phải là một thân thể lý tưởng.

Đó là lý thuyết, nhưng trên thực tế, hiện tượng nữ lực sĩ bắt gần kịp những kỷ lục của nam lực sĩ, không khỏi khiến người ta nêu lên câu hỏi và tìm tòi lý do để giải thích thỏa đáng.

Tìm hiểu lý do

Cuối cùng người ta đã tìm ra câu trả lời khá đơn giản là từ trước tới nay, không ai cho phụ nữ có dịp chứng tỏ khả năng của họ (cũng như trong lãnh vực chính trị và xã hội). Quan niệm thông thường cho rằng cơ thể phụ nữ vốn yếu đuối, nên họ bị gạt khỏi các bộ môn thể thao nặng nề. Năm 1928, một vài nữ lực sĩ đã xỉu trong bộ môn chạy đua 800 mét tại Thế Vận

Hội Amsterdam, kể từ đó ban tổ chức Thế Vận đã không cho phụ nữ tham dự các cuộc chạy bộ trên 200 mét. Cấm đoán này kéo dài 32 năm. Cũng như mãi đến năm 1984 nữ lực sĩ mới được quyền dự thi môn chạy việt dã (marathon). Năm 1988 phụ nữ mới được tranh đua trong các bộ môn thể thao mùa đông có tính cách gian khổ, cần nhiều chịu đựng. Năm 1992, bộ môn biathlon cho phụ nữ mới được công nhận tại Thế Vận Hội. Được tranh đua, phụ nữ đã có cơ hội lập thành tích vượt trội, đưa đến dự đoán là với đà này trong tương lai, nữ lực sĩ sẽ bắt kịp và vượt trội thành tích của nam lực sĩ.

Nhiều người đã không đồng ý với lập luận trên. Họ cho rằng sở dĩ phụ nữ đã tiến những bước dài trong việc thiết lập kỷ lục vì trước đây họ đã không được tham gia cũng như đã không được huấn luyện tới nơi tới chốn. Căn cứ trên những thành tích trong dĩ vãng để dự phóng tương lai của nữ lực sĩ là điều không chính xác. Họ sẽ tiến đến một mức tột đỉnh nào đó mà sức khỏe và sự dẻo dai của họ cho phép rồi sẽ thăng bằng như nam giới hiện nay vậy.

Nam hay nữ?

Người ta nhận thấy phần lớn các nữ lực sĩ tham gia các môn thể thao mùa Đông vẫn giữ được nhân dáng của phái nữ, trái hẳn với các nữ lực sĩ thuộc bộ môn chạy bộ trong Thế Vận Hội mùa hè.

Trong một thế vận hội trước đây, ban tổ chức đã yêu cầu các nữ lực sĩ Nga qua cuộc khám nghiệm để chắc chắn là họ không phải trai giả gái. Sở dĩ vậy vì toán nữ lực sĩ Nga trông không khác gì đàn ông, thân hình ô đề vạm vỡ, tiếng nói ồ ề, râu mép lún phún, ngực lép kẹp. Ban tổ chức thế vận hồ nghi là họ đã được chích kích thích tố nam để phát triển bắp thịt to lớn hơn, mạnh và bền bỉ hơn.

Bỏ qua vấn đề xử dụng thuốc kích thích (mà nay đã trở thành bất hợp lệ trong các cuộc tranh tài chính thức) giới thể thao cho hay, nếu tập luyện quá mức, bản chất nữ của các nữ lực sĩ bị xáo trộn: kích thích tố nữ của cơ thể giảm dần, trong khi kích thích tố nam tăng trưởng, kinh nguyệt bất thường nhiều khi dứt hẳn, giọng nói thay đổi, mọc râu, ngực lép, không có khả năng sinh nở v.v. Nếu như vậy, thì những thành quả đạt được chỉ là thành quả của một cơ thể người nam mang tên phụ nữ mà thôi.

Sống mạnh khoẻ

Bắt đầu từ thập niên vừa qua, dân chúng Mỹ quan tâm nhiều đến sức khoẻ cá nhân. Về mặt dinh dưỡng, họ không tiêu thụ những thực phẩm có nhiều hóa chất độc hại cùng mỡ béo, mà ăn những thực phẩm lành mạnh hơn như rau trái, cá và thịt trắng, bớt hút thuốc, uống rượu. Những hội quán sức khỏe (health club), cũng như những phòng tập thể dục thẩm mỹ mọc lên như nấm nơi đô thị và vùng ngoại ô. Sau giờ tan sở, giới trẻ cũng như giới sồn sồn kéo nhau đến đấy để tập luyện, vận động. Nếu ngại đến nơi công cộng, người ta có thể mua những dụng cụ thể thao, cùng những băng video hướng dẫn để tập tại nhà, trong không khí thoải mái, không sợ bị kẻ gian chận đánh hoặc tai nạn xe cộ. Sự tập luyện hàng ngày như vậy rất tốt khiến các bà các cô, bụng thon, ngực nở, thân thể dẻo dai, tươi trẻ, khỏe đẹp, đỡ tốn tiền đi thẩm mỹ viện lạng mỡ sa. Vài năm gần đây, thỉnh thoảng trên màn ảnh truyền hình, khán giả lại được "chiêm ngưỡng" những màn biểu diễn bắp thịt của các nữ lực sĩ thẩm mỹ. Tương tự nam lực sĩ, các cô này thân hình bôi dầu bóng loáng, da đỏ như đồng hun, bắp thịt cuồn cuộn, bụng có múi, uốn người lấy thế trước ánh đèn sân khấu, khoe bắp thịt đùi, bắp thịt tay, bắp thịt nách; thân thể u nần, rắn chắc như sành, không còn sót lại một nét phụ nữ nào, trông chẳng giống ai. Phải chăng tập luyện như vậy là quá lố và phản thiên nhiên?

Thần tượng và tài chánh

Trở lại trận túc cầu lịch sử vừa đề cập tới trên đoạn đầu của bài này, thành công rực rỡ của đội bóng Hoa Kỳ đã đưa các nữ cầu thủ lên đài danh vọng, là thần tượng thể thao của cả nước đặc biệt là phái nữ. Truyền thống của nước Mỹ là say mê và tôn vinh thần tượng thể thao, do đó ngoài vùng hào quang cuả nghề nghiệp, các nữ cầu thủ như Mia Hamm, Brandi Chastian sẽ còn thâu bộn bạc từ các hãng cần quảng cáo mặt hàng trên thị trường tiêu thụ.

HILLARY ĐẠI NÁO NỮU ƯỚC

Nín thở qua sông

Đệ nhất phu nhân Hillary, trong suốt thời kỳ ông chồng bị mất mát uy tín, xém chút nữa thì bị hạ bệ, vì các vụ lăng nhăng tình ái, bà

luôn luôn giữ vai trò bình tĩnh, chịu đựng trước mắt công chúng, cũng như bênh vực và trung thành với chồng. Nhờ đóng trọn vai tuồng này, bà gặt hái được lòng thương cảm, quí mến của quần chúng.

May mắn sao, ông Clinton còn giữ được chức Tông Tông đù chẳng vinh dự gì, nên bà vẫn còn quyền hành và phương tiện đi thăm viếng các quốc gia trên thế giới, hoặc ủy lạo chiến binh Hoa Kỳ trong vụ oanh tạc xứ Nam Tư, do đó tên tuổi bà luôn luôn được nhắc nhở đến. Đó là cái lợi vô giá làm quần chúng quen thuộc với tên bà.

Nhưng ngay trong thời ẩn nhẫn núp bóng người chồng phóng đãng, trung thành như một phụ nữ hiền thục nhất thế giới, dư luận và báo chí đã dè dặt đề cập đến tham vọng của bà, cho rằng bà cố níu lấy chức vị để âm mưu một địa vị chính trị sau này.

Quả nhiên tháng vừa qua, sau một thời gian thăm dò dư luận, bà đã tiến gần đến giai đoạn chính thức tuyên bố ứng cử chức Thượng Nghị Sĩ tiểu bang Nữu Ước.

Quả là trời cũng chiều người, bà tính toán đâu ra đó và đạt tới nơi cần đến, bõ công những ngày tháng đóng vai ngu ngơ (một năm rưỡi trời, Clinton hút xì gà với em gái hậu phương Monica, ngay tại nhà bà mà bà không thèm biết gì cả) và vai hiền phụ bất đắc dĩ.

"Người hùng" cô đơn

Chỉ tội nghiệp Tông Tông Clinton. Sau khi tai qua nạn khỏi trong gang tấc, tránh được cái nhục "thân bại danh liệt", nhưng ông sẽ không khá gì trong hai năm cuối cùng trên chiếc "ngai vàng" khập khiễng. Là người ưa nổi và ưa nổ, ngày nay những lời tuyên bố của ông bị coi nhẹ, chẳng có kí lô nào hết, nhiều khi bị nhét vào trang trong của tờ báo, vì báo còn dành chỗ cho Bush và Gore, hai ứng cử viên tổng thống tương lai. Nói đến Gore, lúc Cliton bị hoạn nạn, ông Gore cũng ráng gồng mình bênh vực cho phải phép, dù hơi dè dặt, nhưng bây giờ ông bỏ rơi chủ cũ, công kích thẳng thừng đạo đức và liêm sỉ của Clinton. Để kiếm phiếu Gore nói là sẽ đề cao giá trị đạo đức và gia đình, ngầm khoe rằng ông đứng đắn, trung thành với vợ hơn Clinton.

Không những bị Phó tông tông bỏ rơi, đám quần thần trước đây bu theo hết lời tán tụng Clinton, bây giờ biết ông sắp hết thời, có nịnh hót ông cũng chẳng lợi lộc gì nên âm thầm lờ ông và ngó quanh quẩn tìm cách nịnh chủ mới tương lai của Toà Bạch ốc. Thói đời là vậy, ai cũng "phò thịnh" chứ ai ngu gì mà "phò suy".

Nhưng đau hơn cả, bà vợ Hillary, bây giờ chẳng ngó ngàng gì đến ông. Đi đâu bà cũng đi một mình, cố ý tách rời khỏi ảnh hưởng của ông, thậm chí khi lăm le ứng cử Thượng Nghĩ Sĩ tại Nữu Ước bà tuyên bố để nịnh cử tri và cũng là chu toàn một điều kiện để bà được ứng cử tại Nữu Ước là "Tôi sẽ dọn về ở tại thành phố Nữu Ước". Bà dùng đại danh từ I (tôi) chứ không đùng đại danh từ We (chúng tôi). Bọn nhà báo liền giải đoán đó là dấu hiệu báo cho biết là bà sẽ không sống với Clinton khi ông mãn chức. Mặc nhà báo bàn tán, bà không thèm cải chính. Hết nhiệm kỳ, đáng lẽ về đuổi gà cho vợ, ông "Tông tông may mắn", có lẽ cũng sẽ chẳng còn vợ, để xin chân đuổi gà nữa.

Không tu mà vẫn như tu mới là.

Là người đàn ông khoẻ mạnh sung sức, thèm ăn vụng, nay ông Clinton chắc đang ở trong cảnh phòng không gối lẻ, chay tịnh bất đắc dĩ.. Dù gái đẹp dâng trước mặt, ông cũng chẳng dám đụng tới. Bà Hillary còn bận đi vận động ứng cử, đâu có rảnh ở nhà với ông nữa. Than ôi, đã trên nửa năm "vuốt bụng thở dài". Thật đáng thương cho "người hùng."

Bà Hillary và Nữu Ước.

Với tăm tiếng nổi như cồn bên cạnh Clinton trong gần 2 nhiệm kỳ chồng bà làm Tông tông, bà đã gặt hái đầy đủ nghệ thuật lấy lòng cử tri để kiếm phiếu.

Trong chuyến "thăm dân Nữu Ước cho biết sự tình" lần đầu tiên vào thượng tuần tháng Bẩy, bà đã từ bỏ cốt cách cao xa của một đệ nhất phu nhân để hoà đồng vào đám đông đón tiếp bà. Bà bắt tay dân chúng, bế con nít và cười rất tươi. Bà tuyên bố với báo chí, nỗ lực tạo uy tín riêng cho mình và cố ý né tránh không nhắc đến chồng và những vụ tình ái lăng nhăng của ông.

Bà tỏ ý lắng nghe nguyện vọng của dân, nhưng dù nổi tiếng, bà Hillary vẫn là người còn xa lạ với Nữu Ước. Nhiều người thích bà, nhưng cũng có lắm người không thích bà. Nhiều biểu ngữ mang hàng chữ: Hillary, đi chỗ khác chơi (Hillary listen: Go Home), được dựng lên ở bất cứ chỗ nào bà đặt chân đến.

Tiểu bang Nữu Ước không dễ dàng chấp nhận người xa lạ. Chúng ta hãy chờ xem. Nghe đâu tin mới nhất cho hay, cố vấn chính trị của

bà là Dick Morris có ý kiến là bà không nên tranh cử, lý do sau chuyến đi "tham quan" vừa kể, uy tín của bà bị giảm thiểu.

PHỤ NỮ VÀ KHÔNG GIAN

Ngày 20 tháng 7, 1999 là ngày kỷ niệm 30 năm về trước, phi thuyền Apollo 11 đáp xuống nguyệt cầu và hành gia không gian Neil Amstrong và Buzz Aldrin là những người đầu tiên đặt chân lên mặt trăng.

Trong 30 năm qua, khoa học về không gian đã tiến vượt bực. Những chuyến phi thuyền con thoi thường xuyên bay vào không gian rồi lại trở về quả đất. Các phi hành gia đi ra ngoài không gian như đi dạo mát. Nga dựng nguyên một trạm không gian MIR trên thượng từng không khí để có chỗ cho phi hành gia sinh sống cả năm trời trên đó. Gần đây nhất Mỹ phóng người máy lên thám sát Hoả Tinh.

Kỷ niệm ngày lịch sử quan trọng này, 20 tháng 7, 1999, phi hành gia Eileen Collins, sẽ là người phụ nữ Hoa Kỳ đầu tiên điều khiển phi thuyền con thoi, chở theo viễn vọng kính X-ray cực mạnh đặt vào quĩ đạo để quan sát vũ trụ. Viễn vọng kính nặng 50,000 pounds và giá thành là 1 tỷ rưỡi đô la.

Bà Hillary hướng dẫn toàn đội cầu thủ túc cầu nữ đến trung tâm không gian Kennedy tại Florida để chứng kiến giây phút phi thuyền rời giàn phóng. Cùng đi với bà Hillary là phi hành gia Sally Ride, người phụ nữ Hoa Kỳ đầu tiên được phóng vào không gian.

Collins 42 tuổi, đại tá Không Quân, đã ba lần bay lên không gian trong phi thuyền con thoi, sẽ là người nữ đầu tiên là phi hành gia trưởng của phi thuyền con thoi, sau 38 năm nam giới giữ độc quyền ngành không gian.

Chuyến bay dự trù rời dàn phóng lúc 12:36 AM ngày 20 tháng 7, 1999. Tất cả ở vị thế sẵn sàng, nhưng tiếc thay, chỉ còn 6 giây nữa là phi thuyền bay vào không gian, thì có lệnh hủy bỏ chuyến bay vì máy điện toán báo động mức độ khí hydrogen lên quá cao trong phi thuyền có thể gây hoả hoạn. Những tưởng 30 năm sau, nữ giới bắt kịp nam giới trong ngành không gian, ngờ đâu lại hụt thêm 6 giây phù du. Phi thuyền dự trù được phóng lại ngày hôm sau.

MỘT GIÒNG HỌ NHIỀU DANH VỌNG VÀ NHIỀU THẢM HỌA

Tai nạn trong đêm đen

Đêm thứ sáu, 16 tháng 7, 1999, John Kennedy Jr. và người vợ trẻ cùng người chị vợ bay từ NewYork trên chiếc máy bay nhỏ do anh là hoa tiêu, dự trù đến Hyanis Port ngoài khơi tiểu bang Rhode Island để dự đám cưới cuả người em họ vào ngày thứ bẩy. Gần đến đảo Martha's Vineyard, trên đó có toà nhà cuả gia đình Kennedy, máy bay được ghi nhận trên màn ảnh radar của đài kiểm soát không lưu trên đảo lúc 9:39 PM. Nhưng chỉ ít phút sau, máy bay mất cao độ và biến mất trên màn ảnh. Vì Kennedy không liên lạc với đài không lưu, lại không báo trước phi trình chuyến bay, nên nhân viên đài kiểm soát không biết đó là máy bay cuả Kennedy.

2:25 sáng thứ bẩy, người nhà không thấy Kennedy Jr. về như đã hẹn, bèn thông báo cơ quan Hải Quân và Không Quân Phòng Vệ Duyên Hải (U.S. Coast Guard).

7:30 sáng, tầu và phi cơ thuộc lực lượng phòng vệ duyên hải bắt đầu cuộc tìm kiếm vĩ đại. Qua đài phát thanh và truyền hình cũng như báo chí, toàn nước Mỹ được hung tin, bàng hoàng và buồn thương, cầu nguyện cho ba người mất tích. Cả thế giới theo dõi tin tức này.

Giòng họ Kennedy

Giòng họ Kennedy không xa lạ gì với dân chúng Mỹ quốc và thế giới. Đó là giòng họ lớn, giầu có và danh tiếng, sản xuất ra những nhân vật xuất sắc đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như Đại Sứ, Tổng Thống, Nghị Sĩ, Dân Biểu, Thống Đốc, Luật Gia, Bác Sĩ, Giám Đốc v.v., mang hãnh diện về cho nước Hoa Kỳ và người dân xứ này coi giòng họ này như một giòng họ vương giả, tương tự các giòng họ quí tộc bên "u Châu.

John Kennedy Jr. là ai?

Năm nay anh 38 tuổi, đẹp trai, học thức, giầu có do tài sản của mẹ để lại. Anh là con trai duy nhất của cố Tổng Thống John Kennedy và mẹ là Jacqueline Boulier Kennedy Onassis (T/T Kennedy và bà Jackie chắc chắn độc giả Việt Nam, ai mà không nghe tiếng). Lúc cố T/T Kennedy bị ám sát năm 1963, John mới 3 tuổi. Vì là con trai của cố T/T Kennedy, nên tin máy bay anh gặp nạn, được cả nước Mỹ và thế giới bàng hoàng theo rõi. Lực lượng phòng vệ duyên hải đã dốc toàn lực máy bay, tầu biển và nhân sự tìm kiếm ngày đêm. Giới truyền thông loan báo tin tức sốt dẻo diễn biến hàng giờ của công tác tìm kiếm. Tông tông Clinton dặn thuộc hạ báo cáo liên tục cho ông

hay.

Danh vọng và tai hoạ

Như ở trên đã nói, Kennedy là một giòng họ danh giá của Mỹ quốc nhưng cũng là một giòng họ chịu đựng nhiều bất hạnh trong nửa thế kỷ vừa qua. Thảm hoạ xẩy ra gồm tai nạn máy bay, ám sát, lật xe, ma túy quá độ, chết vì súng, vì trượt tuyết, vì bơi thuyền, đó là không kể những vụ tai tiếng về đàn bà, rượu, ma túy, phóng đãng. Những cái chết bất đắc kỳ tử thường xẩy ra ở tuổi còn trẻ và mang tính cách dữ dội, đau thương, bất ngờ. Thảm hoạ xẩy ra thường xuyên đến nỗi dân chúng Mỹ vốn thực tế, ít tin vào những chuyền thần kỳ của thế giới vô hình thần linh cũng phải thốt lên rằng: hay là có một lời nguyền nào đó đã trù ếm giòng họ này (người bình dân miền Nam gọi là có "huông", người miền Bắc gọi là "chết trùng")? Hay là tiền oan, nghiệp chướng từ kiếp trước vẫn rình rập và giáng tai họa cho giòng họ Kennedy?

Những cái chết bất đắc kỳ tử và những thảm họa khác.

Gia phả giòng Kennedy không ghi xa hơn là đời ông cố nội của John (1863-1950), ông là thị trưởng thành phố Boston. Ông bà nội là Joseph Patrick Kennedy (1888-1969), là nhà tài chánh, đại sứ, triệu phú. Nhưng đáng kể nhất là tham vọng chính trị cuả ông. Ông thúc đẩy con cháu tham gia chính trị và căn dặn cả họ phải nâng đỡ đùm bọc nhau khi hoạn nạn cũng như lúc vinh quang. Ông bà có 9 người con, trong đó 3 người nổi tiếng hơn cả là Cố T/T Kenndy, Bộ trưởng Tư Pháp Robert Kennedy và Thượng Nghị Sĩ Edward Kennedy. 9 người con sản xuất được 29 cháu và không đếm xuể chắt.

Trong vòng nửa thế kỷ vừa qua, người ta ghi nhận được những bất hạnh, thảm hoạ xẩy ra cho giòng họ này như sau:

Bị ám sát:

- T/T Kennedy (1963 46 tuổi)
- Bộ Trưởng Tư Pháp Robert - Kennedy (1968 43 tuổi)

Tai nạn máy bay:

- Joseph Kennedy (1944, 31 tuổi),
- Kathleen Kennedy (1948, 28 tuổi),
- John và Carolyn Kennedy (1999, 38 và 33 tuổi)

Tàn tật tâm trí (khùng):

- Rosemary Kennedy (sinh 1918 còn sống)

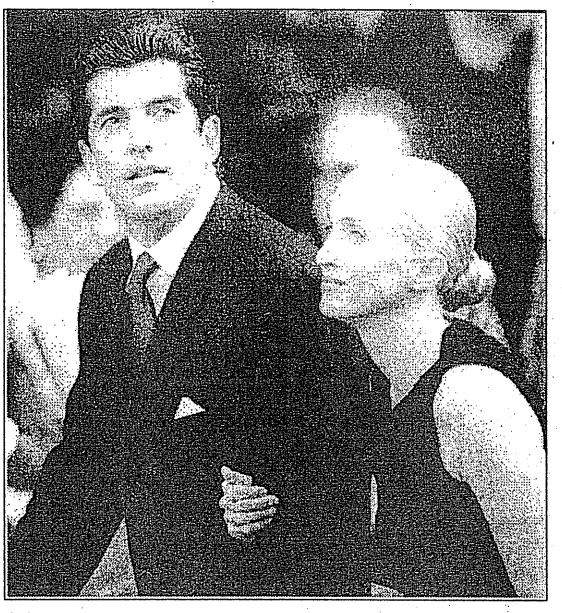

John F. Kennedy và vợ Carolyn Bessette

Tai nạn trượt tuyết:

- Michael Kennedy (1997, 39 tuổi).

Chết vì ma túy quá liều:

- David Kenedy (1984, 39 tuuổi)

Các tai nạn khác:

- Ted Kennedy, bị thương nặng vì máy bay rớt (1964, 32 tuổi).
- Teddy Jr. ung thư bị cưa một chân (1973, 12 tuổi
- Joe Jr. lật xe làm tê liệt bán thân cô bạn gái Pamela Kelley.

Các vụ tai tiếng:

- Nghị sĩ Ted Kennedy say rượu lái xe đâm xuống biển làm chết cô bạn gái Mary Jo Kopechne và vì tai nạn này, Ted không thể ứng cử tổng Thống (1969, 37 tuổi)
- William Kennedy: bị bắt vì tội hiếp dâm. Được xử trắng án sau đó (1991).
- Robert Jr. bị bắt vì tàng trữ ma túy (1983).
- Michael Kennedy làm tình với cô bé giữ con cho gia đình (baby sitter) lúc cô này mới 14 tuổi.

Giòng họ bị trù ếm, nghiệp báo?

Ngay khi nghe tin tai nạn máy bay cuả John hôm thứ sáu vừa qua, ý nghĩ đầu tiên trong đầu óc dân chúng Hoa Kỳ và thế giới là giòng họ Kennedy có "huông" nên "chết trùng."

Không ai trong giòng họ Kenndy tiết lộ những điều gở hoặc những hiện tượng gì đã xẩy ra với họ từ thế giới tâm linh vô hình để xác nhận mối nghi ngờ này. Người ta cũng

không biết trên bước đường công danh sự nghiệp, gia tộc Kennedy có làm điều gì bất nhân, ác đức thiệt hại cho một cá nhân nào đó để chịu báo oán không? Sản nghiệp do ông nội của John tạo nên có uẩn khúc gì trong đó không, theo quan niệm của người Á Đông?

Người ta chỉ biết rằng sau khi T/T Kennedy bị ám sát năm 1963 rồi đến Robert Kennedy bị ám sát năm 1968, bà Jackie (vợ cuả T/T Kennedy) đã hãi sợ tột độ. Bà nói: *Họ muốn giết giòng Kennedy, thì người kế tiếp bị giết sẽ là hai đứa con của tôi* (không ai tìm hiểu chữ "họ" ở đây bà muốn nói đến một người, một thế lực hữu hình, hay một nguồn mãnh lực vô hình). Sau đó bà rời khỏi tòa nhà của giòng họ Kennedy tại Massachusetts, và suốt đời bà, bà cấm hai con về nhà này, cũng như cấm hai con liên lạc với các anh em họ cùng lứa tuổi, như một hình thức đoạn tuyệt dĩ vãng, cắt đứt liên hệ với giòng họ Kennedy. Hơn thế nữa, bà lấy chồng triệu phú Hy Lạp Onasis, để có thể đưa hai con ra ngoại quốc, và sau này về Mỹ trở lại bà rời cư xuống Nữu Ước (thay vì ở Boston).

Sợ con trai bị tai nạn chết bất đắc kỳ tử, bà bảo vệ con trước mọi rủi ro có thể xẩy ra, điển hình là bà cấm John không được học lái máy bay (John chỉ học bay sau khi mẹ chết, và anh ta mới có bằng lái năm 1998). Ngay sau khi T/T Kennedy bị ám sát, bà còn nói *"nếu biết trước, chắc chắn tôi không đặt tên con giống y như tên cuả bố."*

Nguyên nhân bí ẩn nào, hay linh tính nhậy bén của người đàn bà đã làm bà hãi sợ và đề phòng cẩn mật như vậy?

Vì tai nạn máy bay cuả John xẩy ra vào tháng Bảy trên vùng biển Rhode Island, báo chí khơi lại tai nạn say rượu của Ted Kennedy cũng tháng này 30 năm về trước, cũng tại đảo này, vùng biển này, đã đâm xe xuống biển làm chết đuối Mary Jo Kopechne (Ted bơi được lên bờ, về khách sạn ngủ, không tìm cách cứu cô bạn cũng như không báo cáo cho Cảnh Sát đến cấp cứu), như muốn ám chỉ phải chăng có hồn oan báo oán (báo chí Mỹ không dám nói rõ, chỉ nói khơi khơi, độc giả muốn hiểu sao thì hiểu, tự tìm lấy kết luận). Đồng thời khi Ted Kennedy có ý định ứng cử Tổng Thống, có nguồn tin cho rằng giòng họ Kennedy đã ngăn cản vì sợ nguy hiểm đến tính mạng ông ta, tương tự hai người anh đã bị ám sát trước đó.

Xác nhận tai nạn

Sau hai ngày tìm kiếm vô vọng, đến ngày thứ ba (thứ Hai 19-7-99), Hải Quân chuyển sang công tác định vị trí và trục vớt xác máy bay cũng như xác nạn nhân. Trong mấy ngày liền sau tai nạn, một số vật dụng trên máy bay đã được sóng đưa vào bờ, dạt ngay vào bãi biển trước nhà Kennedy tại Martha\'s Vineland, như một sự trùng hợp kỳ lạ.

Tương tự trường hợp của công nương Diana, dân chúng Hoa Kỳ đặt vòng hoa tiếc thương tại các địa điểm mà cặp vợ chồng trẻ John-Carolyn trước đây sinh sống hay lui tới.

Họ Kennedy dự trù an táng thi hài John ngoài biển (chỉ một ngày sau khi xác John được vớt lên). Không biết hành động vội vã và trái với thông lệ này có mang ý nghĩa đặc biệt nào không? Người ta cũng không rõ vợ John sẽ được an táng tại đâu.

Nguyên do tai nạn?

Trong khi chờ đợi các mảnh vụn phi cơ được trục vớt, ráp nối để nhà chức trách xác định nguyên do xẩy ra tai nạn (có thể không bao giờ biết được), báo chí cũng như các giới am tường về điều hành loại máy bay nhỏ cuả tư nhân, phỏng đoán rằng, với số kinh nghiệm còn hạn hẹp, lại chọn giờ bay đêm trên biển, sau một thời gian không thấy chân trời và đối vật trên bờ để định hướng, cơ quan giữ thăng bằng trong cơ thể John đã mất khả năng điều hành, làm anh không định hướng được, có nghĩa không biết mình đang bay ngang (bình phi) hay đang mất cao độ. Với chiếc máy bay loại Piper Saratoga I\I HP, một động cơ, chuyên chở được 6 hành khách, có tốc độ 200 miles một giờ và hệ thống điều hành khá phức tạp, chỉ một lỗi lầm nhỏ cuả người phi công kém kinh nghiệm cũng khiến phi cơ mất thăng bằng và đâm xuống biển đen.

Dĩ nhiên đây chỉ là phỏng đoán vì không ai biết rõ chuyện gì đã xẩy ra vào những giây phút cuối cùng. Lỗi lầm cuả John hoặc trục trặc máy móc hay cơ phận nào đó trên phi cơ.

Với tương lai rực rỡ, triển vọng sẽ là một chính khách sáng giá sau này, John chết quá trẻ, để lại bao thương tiếc trong lòng mọi người. Đồng thời người đời cũng nhận định được rằng tất cả tiền bạc, danh vọng, thế lực trên nhân gian cũng đành chịu thua thần định mệnh mà thôi. Phải chăng đúng như người xưa đã nói:

Càng cao danh vọng, càng dầy gian nan.

Gia đình cố T/T Kennedy hiện nay chỉ còn cô con gái duy nhất: Caroline.●

NHỮNG THỬ THÁCH HIỆN TẠI VÀ NGUY HIỂM TƯƠNG LAI CHO TONLE SAP VÀ CHÂU THỔ SÔNG MEKONG

PHẠM PHAN LONG
Mekong Forum - Diễn Đàn Cửu Long

Dẫn Nhập

Mekong, kho tàng sinh học trù phú thứ nhì của địa cầu, phát nguyên từ cao nguyên Tây Tạng có một lưu vực rộng 790.000 km2. Hàng năm Mekong đổ ra biển 475 tỉ mét khối nước (BCM) và 250 triệu tấn phù sa [1]. Bên dưới Vân Nam, lưu vực sông Mekong là nơi cư ngụ của 60 triệu người; dân số này bao gồm gần hết dân số Lào và Cam Bốt, một phần ba dân số Thái và một phần tư dân số Việt Nam. Hệ sinh thái và chu trình thủy vận của dòng sông này đang bị đe dọa bởi những dự án khai thác đại quy mô ở thượng nguồn gồm việc khai thác 37.000 MW thủy điện tập trung tại Trung Quốc và Lào, và dự án chyển 8.8 BCM nước tại Thái Lan.

Thủy điện sản xuất ra sẽ dùng phát triển kỹ nghệ Vân Nam, củng cố nền kinh tế Bangkok và tạo nguồn thu nhập to tát cho chính phủ Lào. Trong khi đó, dân chúng Cam Bốt và Việt Nam sống tại hạ lưu, được một lời "hứa hẹn " là các cơn lụt lội 10 năm hay nhỏ hơn sẽ được kiềm chế. Không lấy đó làm tin vui, vì những kẻ sinh thành tại Châu Thổ Mekong (CTSCL) biết rằng các trận lụt nhỏ là phúc lành, không phải là tai họa đối với họ.

Dân cư vùng biển hồ Tonle Sap và CTSCL đại đa số là nông dân và ngư phủ nghèo. Họ đã tồn tại sau bao lũ lụt, không những 10 năm, 100 năm, mà cả 1000 năm không phải nhờ đến con đập hay dự án chuyển nước nào. Sự sống của họ đã gắn bó với dòng sông này và chu trình lụt-hạn tự nhiên suốt cả lịch sử sinh tồn của dòng giống. Dưới chân thác Khone, sông Mekong chỉ còn 500 km nữa trước khi ra biển và trở nên hiền hòa chảy trên một vùng địa thế bằng phẳng gồm Biển Hồ Tonle Sap và CTSCL gọi chung là Bình Nguyên Mekong. Nơi đây, Biển Hồ là khối nước ngọt lớn nhất của vùng Đông Nam Á, bao phủ 27.000 cây số vuông vào mùa khô và nâng lên đến 150,000 cây số vuông vào mùa lũ. Biển Hồ có tác động điều hòa lưu lượng cho sông Mekong. Biển Hồ và sông Mekong cống hiến hàng trăm ngàn tấn ngư sản và đáp ứng được 80% chất đạm [protein] cho dân cư Cam Bốt và Việt Nam sống trên vùng bình nguyên này. CTSCL tại Việt Nam còn sản xuất được 14 triệu tấn lúa, 4 triệu tấn đã được xuất cảng vào năm 1998. Nền ngư nghiệp của Biển Hồ và bông nghiệp của CTSCL là những bộ phận sinh tử của nền kinh tế quốc gia Việt Nam và Cam Bốt.

Dân cư CTSCL đã quen với lũ lụt và nhận ra những phúc lành mà chúng mang lại như: Phù sa màu mỡ và nước tưới về với ruộng đồng, cũng như những cánh rừng ngập nước theo mùa cho các loài chim cá tìm về kiếm ăn, sinh sản và ẩn náu. Nhờ vào lũ lụt mới có lượng nước lớn khả dĩ đủ để đánh phèn, rửa phèn và bao phủ cho acid nằm yên trong lòng đất. Do đó, lũ lụt không phải là tai họa mà chính những kế hoạch ngăn nước, giữ nước, và chuyển nước mới là mối nguy hiểm đối với dân cư. Sự thay đổi lưu lượng nước và giảm trọng tải phù sa của dòng sông này sẽ lập tức gây tác hại trên môi trường sống và đe dọa ngay nồi cơm, khúc cá, nguồn thực phẩm hàng ngày và kế sinh nhai của họ.

Nếu các dự án khai thác hoàn tất, nền ngư

nghiệp tại Biển Hồ Tonle Sap có lẽ sẽ không còn nữa, CTSCL sẽ trở thành một cánh đồng chua, nước ngầm chỉ còn là những dòng sông mặn, và duyên hải sẽ tan dần trước sóng vỗ của biển Đông. Hoa Kỳ và Mễ Tây Cơ đã đánh mất ngư nghiệp Châu Thổ sông Colorado, Ai Cập đã mất Châu Thổ sông Nile, Mekong là một dòng sông lớn cuối cùng ít bị chặn hãm và có thể là dòng sông lớn đầu tiên con người giữ khỏi rơi vào số phận này trên mặt địa cầu. Vì thế, nhiệm vụ bảo vệ Mekong không phải chỉ là của dân cư Châu Thổ, mà còn là của cả Lưu Vực và cả thế giới.

1. Những Thử Thách Hiện Tại của Châu Thổ

Vùng màu mỡ CTSCL tuy là vựa lúa của cả nước nhưng không hẳn là nơi dân cư sinh sống dễ dàng. Họ đã và còn đang phải hứng chịu nhiều thử thách cam go với chính "đất và nước" ở đó, mà việc khai thác thượng nguồn sẽ khiến gánh nặng này tăng phần khốc liệt, có thể biến thành thảm họa không lường nổi cho họ:

1.1 Đất phèn: Trong 4 triệu ha CTSCL tại Việt Nam, 1.6 triệu ha chứa chất phèn "pyrite" hay còn gọi là "acid sulphate soil (ASS), nghĩa là có chứa acid hay có tiềm tàng acid cả hai đều có hại cho việc canh tác. Người dân CTSCL cần lũ lụt để rửa phèn và giữ đất khỏi bị acid hóa. Việc rửa phèn này rất tốn kém công sức và cần đến rất nhiều nước, phải làm liên tục suốt mùa cấy và còn làm đi làm lại hàng năm như vậy [3]. Chính vì thế mà nông dân CTSCL không cho việc ngăn các trận lụt con là tin vui đối với họ.

1.2 Hạn hán: Mặc dầu không nằm dưới quỹ đạo của bão El Nino, Lưu Vực sông Mekong vẫn bị hạn hán hoành hành lâu hơn và lan rộng hơn bình thường. Dù vũ lượng trên lưu vực nói chung không sút giảm, nhưng mực nước tại các trạm Tân Châu và and Châu Đốc đều hạ thấp dưới kỷ lục 73-năm suốt từ tháng 11, 1998 đến nay. Cùng lúc đó lũ đã không về, đây không phải là những dấu hiệu báo động nữa, mà là những tiếng chuông báo nguy mà Cam Bốt và Việt Nam phải cho là nghiêm trọng. Ta không thể đổ hết rủi ro này cho trời đất, mà phải theo dõi các hoạt động của con người. Không nguyên do nào được miễn trừ nữa cả, dù là khai thác thủy điện tại Trung Quốc hay Lào, chuyển nước tại Thái, phá rừng hay canh tác quá độ ngay tại châu thổ. Đây là điều các nhà khoa học phải lên tiếng với sự huy động cao nhất của ý thức trách nhiệm và trí tuệ.

1.3 Nhiễm mặn: Muối mặn đã lấn sâu vào lục địa, nồng độ muối trong nước tại Cà Mau đã lên đến 8-10 g/lit. Cả trăm ngàn ha đất sẽ bị đe dọa. Một khi đất đã hóa mặn lúa sẽ có thể mọc nhưng lúa sẽ lép [3], nông dân sẽ không thu hoạch được gì và sẽ mất hết cả công phu lẫn vốn liếng.

1.4 Ô nhiễm: Khi mực nước ruộng và nước ngầm rút xuống vào mùa khô sẽ làm đất phèn (FeS2) oxýt hóa thành acid rồi trôi theo mưa, lan tràn ra, gây ô nhiễm kinh rạch, hủy hoại sinh vật và hoa màu. Acid còn làm tan các khoáng chất có độc như arsenic, selenium, nhôm gây ô nhiễm các nguồn nước [9]. Dù ở nồng độ thấp dưới 1 phần triệu (ppm), chất độc như arsenic khi xâm nhập vào vẫn tích tụ lại nhiều năm trong cơ thể trước khi tác động ra ngoài [10]. Quỹ Nhi Đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) đã cho đào 180,000 giếng cung cấp nước cho 23 triệu người ở Việt Nam. MekongForum đã chính thức cảnh giác UNICEF về việc phải theo dõi arsenic trong các giếng nước đó và hành động thích ứng để bảo vệ sức khỏe dân cư [11].

1.5 Nước biển dâng và nạn soi mòn duyên hải: CTSCL vốn là vùng đất thấp, từ 1 m dưới mặt biển đến 5 m trên mặt biển. CTSCL sẽ dễ bị ngập hại nếu nạn nước biển dâng lên thành sự thật. Trong nước đã có tường trình rằng mực thủy triều gần đây đã đo được 10 cm cao hơn bình thường. Khuynh hướng này đáng quan tâm vì duyên hải Việt Nam chống lại soi mòn được nhờ đất bồi của dòng Cửu Long mang xuống. Sự bảo toàn khối lượng phù sa là bảo vệ sự sống còn của miền duyên hải Nam Việt.

2. Những Tác động của Thủy Điện

Nhu cầu điện khí hóa sinh hoạt của 60 triệu người tại Lưu Vực Mekong và mức phát triển kinh tế nhanh chóng khiến các nước này phải lăn vào việc săn tìm năng lượng. Thủy điện là nguồn điện năng hiển nhiên và sẵn có của họ, vì thế khó lòng tránh khỏi bị khai thác triệt để. Sự vắng bóng của những ống khói cao và việc các nhà máy thủy điện không thả ra nhiệt dễ làm cho nhiều người ngộ nhận rằng thủy điện là nguồn năng lượng trong lành và ít tốn kém nhất của loài người. Sự thật thì không phải vậy! Thủy điện đã gây ra rất nhiều tai hại nặng nề trên thế giới và bị dẹp bỏ tại nhiều

quốc gia. Sau đây là ba bài học tai hại của thủy điện đáng chú ý; nhất cho dân cư CTSCL là: ngư nghiệp, môi sinh và phù sa:

* Việc gây lụt ngập tại các vùng cá sinh sản sẽ ảnh hưởng đến thu hoạch những giống cá cần có chiều sâu thích hợp để sinh tồn. Ngập lụt bên ven bờ sẽ tác hại lên nơi sinh sống của cá con. Đập thủy điện ngăn chận việc di chuyển của cá xuống hạ nguồn kiếm ăn, và trở về thượng nguồn sinh đẻ khiến chúng bị diệt chủng, và hậu quả sẽ thất thoát đi 50%-70% thu hoạch ngư nghiệp. Việc chận giữ nước ở thượng nguồn vào mùa mưa và tăng lưu lượng mùa hạn sẽ làm mất số lớn diện tích rừng ngập theo mùa mà nền ngư nghiệp trù phú phải dựa vào đó mới có.

* Ô nhiễm không khí: Hồ chứa nước không phải vô hại mà ngược lại, là việc làm ngập lụt vĩnh viễn một vùng diện tích lớn rừng già, nơi trú ẩn ngàn năm an toàn của hoang thú. Sự tan rữa của cây cỏ trong vùng bị ngập sẽ nhả ra số lượng ô nhiễm vô hình (thán khí và mê tan) kéo dài hàng chục năm về sau, góp phần gây nóng địa cầu, thay đổi khí hậu và nâng cao mực nước biển. Ảnh hưởng gây nóng có thể lên đến 26 lần so với các nhà máy nhiệt điện cùng công suất.

* Phù sa: Đập thủy điện thường xây chắn ngang dòng sông cái để ngăn nước lại, vì thế sẽ chúng chặn đứng tất cả phù sa và lắng đọng lại tại các hồ chứa nước to lớn của chúng. Dù cho nước hồ vẫn được tháo ra qua các cổng thoát nước, kỹ thuật đó thực tế vẫn chưa giải quyết được nạn phù sa ứ đọng. Sự thất thoát số phù sa màu mỡ này buộc nông dân Châu Thổ phải thay thế bằng cách dùng phân bón hóa học rất tốn kém cho những người vốn dĩ đã quá nghèo nàn. Việc dùng phân bón hóa học tự nó còn là một điều nguy hiểm cho người sử dụng thiếu kiến thức kinh nghiệm và cho môi trường trong vùng đó nữa.

3. Tác động của các dự án thủy điện tại Trung Quốc.

Thủy lợi: Tổng số thể tích hoạt động của các đập thủy điện Trung Quốc dự trù xây tại Vân Nam (thể tich nước dùng vào việc sản xuất điện) sẽ lên tới 48 BCM. Trung Quốc sẽ tạm hãm lại 53% tổng số lưu lượng (90 BCM) của Vân Nam thường chảy vào Mekong.

Chuyên chở phù sa: Những đập thủy điện trên sẽ chận số phù sa Trung Quốc góp vào Mekong tại các hồ chứa tại Vân Nam. Tổng số phù sa mất đi sẽ là 125 triệu tấn/năm hay 50% tổng số trọng tải của toàn thể lưu vực.

Ô nhiễm kỹ nghệ: Vùng cao nguyên Vân Nam vốn rất nổi tiếng là có tích trữ nhiều quặng mỏ kim loại và than đá và là bản doanh của Tổng Công ty Luyện Kim Vân Nam. Công try nàyco thế lực lớn khó đối phó; nhu cầu điện năng của họ sẽ không dễ nhân nhượng và chất thải kỹ nghệ của họ sẽ theo Mekong mà ra biển.

Ngư nghiệp: Dân cư tại Thái và Lào đã coi Manwan là nguyên nhân chính làm mực nước sông hạ xuống thấp nhất và thu hoạch ngư nghiệp sút giảm nhiều nhất trong trí nhớ cả đời họ Thái Lan đã chỉ bắt được 69 con cá trê khổng lồ Pla Buek vào năm 1990, và năm ngoái 1998 chỉ còn bắt được có một con Pla

Bảng 3.1 Những Đập Thủy Điện trên Mekong

Quốc gia	Năm Hoàn tất	Tên Đập	Active Storage MCM [MRC]	Công Suất Điện năng MW
China	1993	Manwan	9200	1500
China	Began 1996	Dashaoshan	370	1350
China	<2010	Jinghong	1000	1500
China	<2010	Xiaowan	14500	4200
China	<2020	Nuoshadu	22700	5500
China	<2020	Mengsong	~60	600
China	<2020	Gongguoqiao	120	750
		Tổng số:	47950	15400
		Regulation:	53%*	

*Chú thích: Dựa vào tổng số 90,000 MCM (triệu mét khối) Vân Nam đóng góp hàng năm

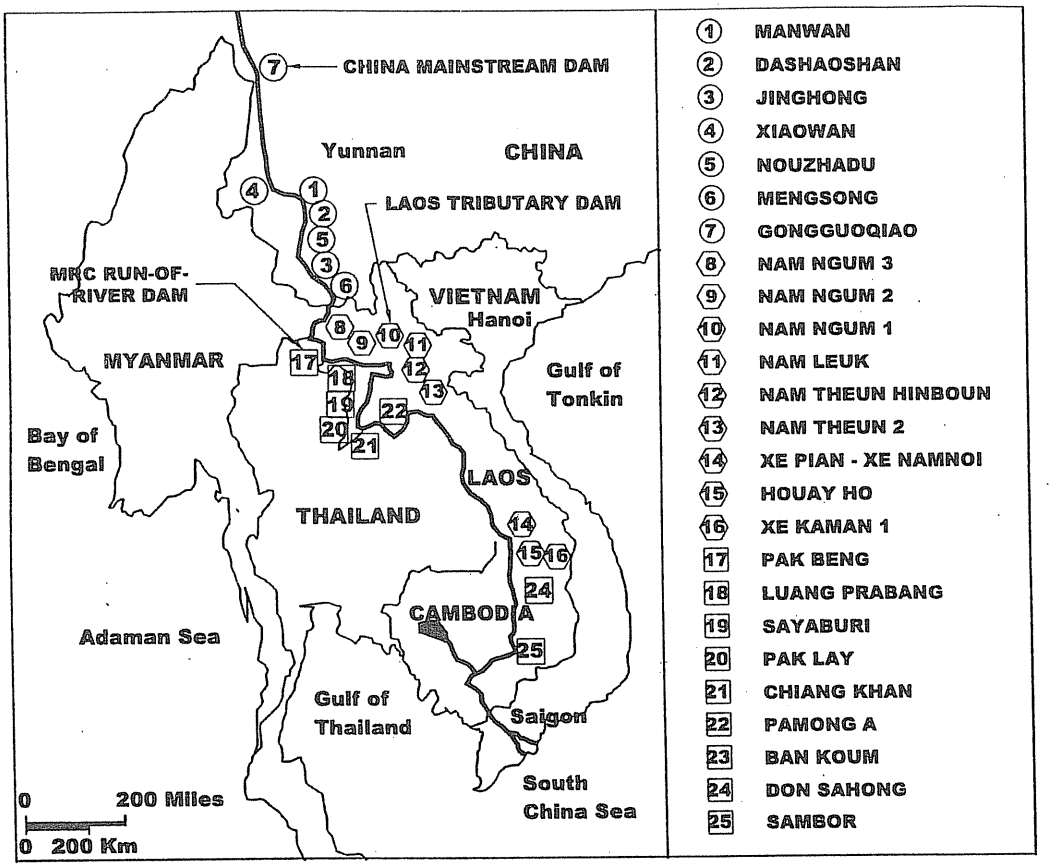

Buek mà thôi. Họ cho rằng đập Manwan đã ngăn không cho loài cá này lội về thượng nguồn để trứng sinh con như xưa nữa. Khi hỏi ý kiến về những đập sắp xây, ông Pakprom, Chủ tịch của Nhóm Bảo vệ sông Songkhram, đã tóm gọn quan điểm của nhóm này rằng: "Xin thôi xây thêm đập!" [14]

An ninh quốc gia và môi trường: Những đập thủy điện Vân Nam sẽ khiến Trung Quốc có một khả năng đáng quan ngại: Có thể gây lụt lội hay hạn hán cho hạ nguồn bất cứ mùa nào và lúc nào. Trung Quốc sẽ có trong tay khả năng quyết định vận mạng của 60 triệu dân sống trong bốn quốc gia: Lào, Thái, Cam Bốt và Việt Nam. Thí dụ: Nếu Trung Quốc ngừng chạy máy điện vài ngày trên Vân Nam vào mùa khô, họ có thể gây ra hạn hán nặng nề cho CTSCL. Nếu chất thải kỹ nghệ từ Vân Nam chảy vào không kiểm soát, họ sẽ biến sông Mekong thành rạch nước thải, Hồ Tonle Sap thành hồ chứa chất thải và CTSCL thành một bãi thấm hút chất thải.

4. Tác động của các dự án thủy điện trên các phụ lưu Mekong

Trong khoảng 1991-1994, Thái Lan đã hoàn thành xong một loạt các đập trên các phụ lưu Mekong như: sông Kok, Mun, Lam Di Moi, Chi, Pong and Huay Mong. Bảng 4 liệt kê tổng số 24 đập đã hoàn tất lẫn đang dự trù sẽ xây trên các phụ lưu Mekong tại Lào, Thái, Cam Bốt và Việt Nam. Sau đây là ước lượng các hệ quả của chúng:

Tổng số nước có thể sẽ bị tạm giữ lại các hồ chứa do 24 con đập nêu trên là 78.6 BCM hay 67% của 117 BCM tổng số lưu lượng do các vùng này đóng góp vào sông Mekong. Tổng số phù sa có thể sẽ bị các đập trên chận lại là 60 triệu tấn/năm.

Sự di chuyển sinh hoạt và tồn tại của các loài cá trên Mekong vẫn còn trong giai đoạn nghiên cứu rất hấp dẫn cho các khoa học gia thế giới. Mỗi khi chuyển mùa người ta quan sát thấy được sự thay đổi toàn bộ các giống cá hiện diện trên sông và không biết chúng đã bỏ đi nơi đâu và đã từ đâu đến. Những đập thủy điện này sẽ hủy hoại sinh hoạt của chúng. Đập Pak Mun đã gây giảm sút 50% thu hoạch ngư sản. Đập Theun Hinboun đã gây tuyệt chủng một số loài cá và giảm 30-90% mô/t số khác chỉ trong vòng hai tháng sau khi con đập hoàn tất [14]. Năm 1994, thu hoạch ngư sản từ

Bảng 4. Các dự án phụ lưu Mekong (MRC, 1995; ADB, 1994)

Địa điểm	Năm	Tên Đập	Đầu tư	Thể tích năng động	Công Suất
Lào			US$	MCM	MW
	1972	Nam Ngum 1			150
	1998	Houay Ho		523	150
	1998	Nam Theun Hinboun	2.6	20	210
	1999	Nam Leuk	130	88	60
		Nam Theun 2	1200	2607	600
		Nam Hai		100	800
		Huay Lamphanh		103	144
		Hongsa Lignite			600
		Nam Tha 1		230	2000
		Nam Ngum 2		2500	320
		Nam Theun 1		400	20
		Nam Ngiep 1		2900	440
		Nam Khan 2		480	145
		Nam Ngum 3		1700	400
		Senamnoy M		225	192
		Senamnoy D		20	63
		Se Done		1734	54
		Nam Ou 2		66100	950
		Nam Ngiep 2			495
		Se Kong 4		1287	346
		Sekaman 1		833	255
Thái Lan		Pak Mun			136
Cambodia		Lower Sesan 2			
		Lower Seprok 2			
Việt Nam	2000	Yali			700
	2005	Plei Krong			120
		Sesan 4			
		Upper Thoung Kontum			
			Total	78612	8180
			67%	117000 MCM	

Tonle Sap đã giảm mất 50% cùng tỷ lệ với sự hủy hoại 50% diện tích rừng ngập nước.

5. Tác động do các đập Ủy Hội Sông Mekong đề nghị [Run-of-River Dams]

Ủy Hội Sông Mekong (MRC) đã nghiên cứu nhiều địa điểm xây đập thủy điện kiểu "run-of-river" trên dòng chính trong vùng hạ lưu Mekong và 9 địa điểm đã được cho là có triển vọng kinh tế và tác hại không trầm trọng. MRC đã bị chỉ trích nặng nề bởi tổ chức International Rivers Netrwork về những thiếu sót trong việc nghiên cứu khả thi. Tuy MRC chưa thực hiện dự án nào nhưng MRC cũng không chính thức tuyên bố ý định bãi bỏ dự án đó.

Trên lý thuyết, loại đập "run-of-river" không cần đến hồ chứa để tích trữ nước theo quy tắc thông thường. Thực tế thì những đập run-of-river dự trù xây trên Mekong vẫn cần đến một kiến trúc chận ngang sông cao trung bình đến 35 mét để gắn turbine. Việc nâng cao

Bảng 5. Các đập chính do Ủy Hội Sông Mekong (MRC)

Nước	Tên Đập	Đầu tư Triệu US$	Công suất MW
Laos	Pak Beng	1180	1230
Laos	Luang Prabang	1970	1410
Laos	Sayaburi	1710	1260
Laos	Pak Lay	1720	1320
Laos	Chiang Khan	1150	570
Laos	Pa Mong A	2540	2030
Thailand	Ban Koum	2860	2330
Cambodia	Don Sahong	530	240
Cambodia	Sambor	3940	3300
	Tổng số	17600	13690

Bảng 6. Những dự án chuyển nước tại Thái Lan (Watershed, Nov. 98)

Dự án	Khối lượng MCM	Lịch trình	Phí tổn US$Triệu
Kok-Ing-Yom-Nan	2200		
Huai Kha Khaeng			
Kohng-Chi-Mun	6580	1990-2017	61,600
Nam Song / Nam Leuk			
Nam Theun II			
Songkhram	n.a.		400
Total	8780		62,000.

mực nước như thế tại 9 địa điểm dọc theo 2,400 km sẽ tạo ra các cơ hội để Thái Lan chuyển nước ra dùng không thể nào MRC theo dõi sát hay ngăn cản gì họ được.

6. Tác động của những dự án chuyển nước tại Thái Lan

Thỏa Ước 1995 giữa bốn nước hạ nguồn Mekong đã xóa bỏ trở ngại là phải có sự đồng thuận hoàn toàn của tất cả các nước trên bất cứ dự án nào mới được đem ra thực hiện. Thái Lan đã tiến hành những dự án chuyển nước tham vọng nhất châu Á. Dự án Khong-Chi-Mun bắt đầu năm 1990, có một ngân khoản khổng lồ là $US 61.6 tỉ ngane hàng với dự án Three Gorges Dam trên sông Dương Tử. Khối lượng nước Thái Lan sẽ chuyển khỏi Mekong là 8.8 BCM.

7. Kết Luận

Quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên để mưu cầu phúc lợi cho dân chúng của các quốc gia Mekong phải được tôn trọng; nhưng điều đó không có nghĩa là sẽ phó mặc cho họ khai thác thiên nhiên bừa bãi và để cho họ bất chấp quyền lợi sống còn của những dân cư lân bang trong cùng hệ sinh thái. Đối với một dòng sông quốc tế và thiêng liêng như Mekong, tất cả lợi hại phải được phổ biến công khai và gía trị phải thẩm định trên căn bản toàn thể lưu vực.

Dân cư của Cam Bốt và Việt Nam vẫn phải

nhờ vào những cánh rừng ngập nước theo mùa nơi cá trở về sinh sản hàng năm để bắt lấy, đó là nguồn thực phẩm protein chính yếu vẫn nuôi sống họ. Họ vẫn cần nhiều nước để trồng lúa, và lũ lụt để chống acid, chống nhiễm mặn và cần phù sa để bảo vệ duyên hải khỏi nạn sói mòn.

Nhà hải dương học TS Michael Rozengurt đã điều trần tại Quốc Hội Ottawa vào năm 1994 rằng mức độ điều hòa (hay ngăn chận) lưu lượng tối đa của một dòng sông là 25% nếu muốn ngư sinh không bị hủy hoại [13]. Như thế, sự ngăn chận 53% nước sông tại Trung Quốc và 67% tại Lào chắn chắn sẽ đi đến sự hủy hoại vĩnh viễn và hoàn toàn chế độ thủy vận và ngư sinh hiện thời của sông Mekong.

Nếu tất cả các dự án khai thác Mekong hoàn tất, 75% tổng số phù sa của Mekong sẽ bị ngăn lại ở hồ chứa, 126 BCM nước sông sẽ bị giữ lại thượng nguồn, gần 9 BCM sẽ bị chuyển ra tại Thái, toàn bộ nền ngư nghiệp tại Biển Hồ Tonle Sap và Cửu Long sẽ không còn nữa, cả Châu Thổ Mekong sẽ thành một cánh đồng chua, nước ngầm chỉ còn là những dòng sông mặn, và duyên hải sẽ rã tan dần trước sóng vỗ của biển Đông. Hoa Kỳ và Mễ Tây Cơ đã đánh mất nền ngư nghiệp Châu Thổ sông Colorado, Ai Cập đã mất Châu Thổ sông Nile, Mekong là một dòng sông lớn cuối cùng ít bị chặn hãm và có thể là dòng sông lớn đầu tiên con người giữ được để khỏi rơi vào số phận này trên mặt địa cầu. Vì thế, nhiệm vụ bảo vệ Mekong không phải chỉ là của dân cư Châu Thổ, mà còn là của cả Lưu Vực và cả thế giới.

Dân cư lưu vực Mekong đã phải gánh chịu liên tục những tai họa trầm kha suốt cả Thế Kỷ này rồi. Đáng buồn hơn thế nữa là ngày nay trong hòa bình, "giỏ cá" của dân Cam Bốt và "bát cơm" của dân Việt Nam lại có nguy cơ không còn giữ nguyên được nữa. Nhưng điều này chỉ xảy ra được nếu không ai làm gì trước những nguy cơ cho họ.

Chúng ta có một cơ hội lịch sử trước thềm Thế Kỷ 21: là cùng nhau bảo vệ kho tàng sinh học phong phú thứ hai của địa cầu sông Mekong- khỏi rơi vào hiểm họa phải trở thành nạn nhân của thủy điện và khai thác nước. Chúng ta còn giúp phần bảo vệ nguồn thực phẩm an toàn và sinh kế cho 100 triệu dân cư nghèo nhất hoàn cầu khỏi cảnh diệt vong. "Tuyên Ngôn Sông Mekong 1999" sẽ là thông điệp mang hy vọng không những cho cho dân cư Mekong mà cho các thế hệ mai sau của cả thế giới.●

Tài Liệu Tham Khảo

[1] Steve Rothert: Lessons Unlearned: Damming the Mekong River, International Rivers Network, Working Paper 6, October 1995. p. 8

[2] Steve Rothert: Lessons Unlearned: Damming the Mekong River, International Rivers Network, Working Paper 6, October 1995. p. 14

[3] To Phuc Tuong, An Overview of Water Management of Acid Sulphate Soils, Selected Papers of the HCM City Symposium on Acid Sulphate Soils, 1992, p. 274

[4] Le Quang Tri et al, Present Land Use as Basis for Land Evaluation in two Mekong Delta Districts, 1992, p.323

[5] Ropelewski C. F., Reply to Long Pham's Enquiry on Drought in Vietnam, International Research Institute, 1999

[6] http://iri.ucsd.edu/forecast/net_asmt/, IRI Net Assessment Forcast

[7] http://www.nnic.noaa.gov: 80/prodycts/special_summaries/97_3/, Special Climate Smmary 97/3, NOAA

[8] Tuong et al, (Le Quang Tri) Salinity Intrusion in the Mekong Delta, 1991, p. 23

[9] Nguyen Thanh Tin, Some Characteristics of Water Quality in the Mekong Delta, p 1

[10] Mai Thanh Truyet et al, Arsenic Pollution: Can it happen to Mekong Delta, MekongForum, 1999

[11] Pickardt W., Reply to Long Pham's Enquiry on Vietnam Water Data, UNICEF Hanoi Office, Jan.1999.

[12] Chapman E.C. and He Daming, Downstream Implications of China's Dams on Lancang Jiang, Monash Asia Institute, 1996 p.18

[13] Riozengurt M., The Demise of Fisheries Due to Large Dams and Electric Reservoirs, Expert Testimony at Ottawa Congress on June 6, 1994.

[14] Watershed, Volume 4. March - June 1999, p. 10,13 and 30.

[15] Mekong Secretariat, Mekong Mainstream Run-of-River Hydropower, Executive Summary, 1994

Suốt đời tôi đã sống dưới thể chế Cọng Sản, và tôi xin nói với quí vị rằng một xã hội không có cán cân pháp lý khách quan là một xã hội khủng khiếp. Nhưng một xã hội mà không có cán cân nào khác ngoài cán cân pháp lý thì cũng không hoàn toàn xứng đáng với con người.

A. Solzhenitsyn

25 năm sau ngày khoan giếng dầu đầu tiên HỒNG 1X, kể chuyện

TÊN GIẾNG DẦU Ở THỀM LỤC ĐỊA VIỆT NAM

TRẦN VĂN KHỞI*

Cách đây 25 năm, vào mùa hè 1974, các công ty dầu ráo riết chuẩn bị để khoan những giếng dầu đầu tiên trong thềm lục địa Việt Nam Cộng Hòa. Hè năm trước, sau cuộc đấu thầu quốc tế đầu tiên, tám lô đã được cấp cho các công ty trúng thầu : Shell và Sunningdale của Anh, Cities Service, Mobil và Esso (bây giờ là Exxon) của Hoa kỳ, Aquitaine của Pháp và Kaiyo Seiku của Nhật. Các công ty này đã trả cho Chính Phủ 17 triệu Mỹ kim để được quyền đi thăm dò, tìm kiếm. Nếu tìm kiếm được dầu hỏa có số lượng thương mãi thì sẽ đầu tư khai thác, chia lời và đóng thuế theo đúng những qui định của Hợp Đồng Tìm Kiếm và Khai Thác Dầu Hỏa, và của Luật Dầu Hỏa ban hành hồi cuối năm 1970.

Tiếp theo cuộc gọi thầu thứ hai trong năm 1974, Ủy Ban Quốc Gia Dầu Hỏa (UBQGDH) đã chấp thuận thêm năm hợp đồng nữa với Shell và Mobil, và nhiều công ty mới như Broken Hill Proprietary của Úc, và Amerada Hess, Marathon, và Union Texas của Hoa kỳ, đem lại cho ngân sách thêm 29 triệu Mỹ kim. Triển vọng dầu hỏa Việt Nam rất sáng sủa nên mặc dù trong hoàn cảnh chiến tranh, nhiều công ty đã tham dự và trả nhiều "hoa hồng chữ ký" cho Chính Phủ để được ký hợp đồng tìm dầu.

Khảo nghiệm trước khi khoan

Trong những tháng cuối năm 1973 và đầu năm 1974, nhiều công ty đã khởi sự các cuộc khảo sát trọng trường (gravity), từ trường (magnetic), và địa chấn (seismic) để thẩm lượng cấu tạo địa chất của các lớp đất đá trong lòng thềm lục địa. Căn cứ trên những dữ kiện này, và dựa trên kinh nghiệm tìm dầu ở những nơi khác, họ đã xác định được những cấu trúc địa chất có nhiều triển vọng có dầu hơn cả, gọi là "khu triển vọng" (prospects) để khởi sự khoan.

Cho đến bây giờ, không có kỹ thuật thăm dò nào có thể biết đích xác có dầu hay không, ngoại trừ khoan giếng. Phải khoan mới biết được.

Ba công ty Shell, Mobil và Esso cho biết họ dự định khởi sự khoan trong những tháng cuối năm 74 và đầu năm 75. Các chuyên viên của các công ty này đã trình bày riêng rẽ cho các chuyên viên Việt Nam những kết quả của các cuộc nghiên cứu kỹ thuật và những phân tích, so sánh với những vùng có dầu, như ở Vịnh Mễ Tây Cơ. Trong những công ty đợt đầu, hai công ty Shell và Mobil đã đúc kết được nhiều khu triển vọng sẵn sàng để khoan trong mấy tháng tới, và sau đó là Esso.

Truyền thống đặt tên giếng

Các công ty cho tôi biết, một tập tục trong kỹ nghệ dầu hỏa là để tiện việc truyền thông giữa các chuyên viên trong công ty với nhau, họ thường đặt tên cho các cấu trúc địa chất trong lô của mình - từ khu triển vọng sắp sửa khoan đến những cấu trúc còn mơ hồ, chưa rõ ràng, không biết có nhiều triển vọng hay không và còn cần nghiên cứu thêm.

Khi khu triển vọng được chọn lựa để khoan thì tất nhiên cần phải có tên giếng (cùng với tọa độ chính xác) để thông báo cho Chính Phủ, và phối hợp với công ty khoan dầu và các công ty dịch vụ khác.

Thông thường, nếu khoan trúng dầu thì tên giếng sẽ trở thành tên của mỏ dầu, còn nếu gặp "giếng khô" thì tên sẽ bị chôn vùi theo giếng, và không còn gì hơn là một điểm dữ kiện trong thống kê địa chất dầu hỏa.

Mùa hè năm 74, hai ông Tổng Giám Đốc Peter của Mobil và Pat của Shell đến gặp tôi để cùng bàn việc đặt tên cho các khu triển vọng trong lô của họ. Đây là tên của những "ứng viên" những mỏ dầu, mỏ khí tương lai mà ai cũng mong ước sẽ có khối dự trữ lớn và lưu lượng cao.

Không có công thức hay qui ước đặt tên

Tôi hơi ngạc nhiên khi cả Peter lẫn Pat có vẻ không rành lắm về chuyện đặt tên, và cũng không coi đó là chuyện quan trọng, cần nhiều thì giờ. Ngược lại, tự nhiên tôi cảm thấy việc đặt tên cũng quan trọng, có thể có những ảnh hưởng tâm lý và chính trị, ngắn hạn cũng như lâu dài, cần tham khảo đàng hoàng.

Cả hai cho tôi biết rằng không có qui ước hay công thức nào về cách đặt tên - thông thường là dựa theo địa điểm, địa lý của nơi tìm dầu. Tôi hỏi về tên của những mỏ dầu lớn nhất trên thế giới, thì họ cũng không biết tên Ghawar ở Ả rập nghĩa là gì, từ đâu ra, hình như là một tên địa lý.

Riêng ở Hoa kỳ thì lúc đó mới tìm ta mỏ Prudhoe Bay vĩ đại, nổi tiếng, đặt theo tên của vịnh Prudhoe ở Alaska, nơi khoan dầu. Một mỏ dầu khổng lồ khác, nổi tiếng trong quá khứ trên đất liền ở Hoa kỳ là mỏ "East Texas", gọi như vậy vì nằm ở phía đông Texas. Tôi lại hỏi về mỏ Spindletop ở gần Beaumont, Texas, mà tôi đã đọc thấy được khám phá hồi đầu thế kỷ 20, nổi tiếng vì đã sản xuất trà ngập thị trường làm giá dầu hồi đó xuống chỉ còn 10 xu một thùng. Họ cũng không biết gốc gác tên ra sao.

Quay qua vùng thềm lục địa ở ngoài khơi vịnh Mễ Tây Cơ, tôi nói năm ngoái tôi có đi thăm một giàn sản xuất ở mỏ dầu West Delta 61 của Esso, ngoài khơi New Orleans ở Tiểu bang Louisiana. Cả hai cho tôi biết ở ngoài khơi vịnh Mễ Tây Cơ, Chính Phủ Hoa Kỳ chia thành từng vùng, đặt tên dựa theo địa lý, thí dụ như West Delta, West Cameron, East Cameron, South Marsh Island, Eugene Island, v.v...

Trong mỗi vùng, Chính Phủ chia lô, đánh số riêng rẻ từ lô số 1. Các lô này đều rất nhỏ so với các lô ở Việt Nam, một mỏ dầu khai thác thương mãi thường bao trùm cả một lô hoặc nhiều lô. Các công ty Hoa kỳ thường chỉ việc lấy tên lô đặt cho các giếng khoan - thí dụ giếng West Delta 61 1X. Nếu khoan trúng được mỏ dầu thì lấy tên lô làm tên mỏ dầu, thí dụ như mỏ dầu West Delta 61 mà tôi đã có dịp viếng thăm.

Chọn lựa

Tôi mượn được cuốn *International Petroleum Encyclopedia* để tham khảo về các mỏ dầu trên thế giới lúc đó. Ngoại trừ các tên địa lý dễ nhận ra, còn các tên khác thì dù tiếng Anh hay tiếng địa phương đối với tôi cũng đều xa lạ, không biết nguồn gốc ở đâu. Tôi đặc biệt chú ý đến các mỏ dầu ở trong vùng eo biển Cá Sọc (Bass Strait) do Esso và Broken Hill Proprietary khai thác ở ngoài khơi phía nam Úc Đại Lợi. Các mỏ dầu ở đó đều mang tên cá : mỏ Cá Thu, Cá Nục, Cá Kình.

Tôi suy nghĩ nhiều về cách đặt tên các mỏ dầu tương lai - tôi muốn một tên mà người nào nghe cũng biết được, một tên quen thuộc với Việt Nam mà báo chí kỹ nghệ dầu hỏa cũng dễ dàng đọc và chấp nhận. Tôi đi đến kết luận là sẽ không dựa vào địa lý hay vị trí của lô mà đặt tên giếng dầu - nghe nhàm chán. Mỗi khu triển vọng trong lô sẽ có một tên riêng, và dù bất cứ là tên gì thì mỗi công ty sẽ dùng một loạt tên đồng loại với nhau để đặt cho các khu triển vọng trong cùng một lô của mình.

Tôi nghĩ đến tên các vị anh hùng trong lịch sử. Còn gì hay bằng mỏ dầu Quang Trung, Lê Lợi, đặc biệt là mỏ dầu Trần Hưng Đạo - hồi đó, giấy bạc 500 đồng có in hình Trần Hưng Đạo rất thịnh hành, đặt tên mỏ dầu như vậy nghe cũng hay và thích hợp. Nhưng ngặt một điều là không có gì bảo đảm sẽ khoan trúng dầu, sẽ được khai thác thương mãi. Tính ra sác xuất tìm được dự trữ thương mãi trong một vùng có triển vọng (nhưng chưa tìm thấy dầu), như ở Việt Nam cũng vào khoảng 1/10 - phải 10 giếng mới trúng được một mỏ Biết giếng nào sẽ trúng đây - mà lỡ giếng Trần Hưng Đạo bị "khô" thì không những là chuyện "phạm thượng", mà có thể vì tờ giấy 500 đồng mà rất dễ bị dân chúng coi là điềm không may, tai họa tày trời.

Tôi cũng nghĩ đến tên các văn nhân, thi hào, thì cũng lâm vào tình trạng trên : Nguyễn Du tội tình gì mà lại có người khóc 300 năm sau chỉ vì tên dính vào một giếng khô ở thềm lục địa?

Tôi cũng nghĩ đến dùng tên các quận, các tỉnh ở trong nước. Cũng kẹt vậy. Mỏ dầu An Giang nghe hay, nhưng một loạt giếng Quảng Trị, Thừa Thiên, Bình Định, tất cả đều khô,

cũng rất khó nghe cho đồng bào ngoài Trung. Mặt khác, địa danh của các núi non, sông ngòi trong nước, tuy không gần gũi và gắn bó bằng tên các tỉnh, nhưng cũng có thể không làm hài lòng nhiều người.

Tất nhiên mình có thể đặt một tên tạm, khi khoan trúng dầu thì đổi qua tên mình muốn đặt, còn thất bại thì thôi. Nhưng làm vậy, thành ra đi ngược lại với truyền thống kỹ nghệ dầu hỏa, và có vẻ như đã quan trọng hóa quá mức việc đặt tên giếng dầu.

Suy nghĩ thêm nữa về những gì gần gũi với người Việt Nam, cuối cùng tôi thấy hay hơn cả là dùng cây cỏ, hoa lá, thú vật - ở trên núi, ở đồng nội, ở ngoài biển, để đặt tên cho các giếng dầu. Các tên này thì ai cũng biết, nếu cần cũng có thể dịch ra tiếng Anh để có song ngữ. Khoan trúng hay khoan trật cũng không phiền ai, và mỗi công ty sẽ có một loạt tên để tùy nghi sử dụng cho lô của mình.

Tên những giếng dầu đầu tiên

Tôi mời Peter và Pat đến để cho biết ý định của mình : Shell sẽ dùng tên hoa lá, cây cỏ ở Việt Nam, còn Mobil sẽ dùng tên các thú vật trên rừng. Sau này, Esso sẽ dùng tên các loài chim, và các công ty khác sẽ dùng đến tên các thú vật ở đồng nội, các loại cá, v.v.. Cả hai đều rất hoan hỉ với sáng kiến này. Tôi yêu cầu họ về suy nghĩ thêm và sẽ gặp riêng tôi để cùng chọn lựa tên cho các giếng sắp tới.

Pat gặp lại tôi trước và lịch sự hỏi tôi muốn tên gì ? Tôi nói tên hoa trái gì cũng được ngoại trừ "tangerine". Pat hỏi tại sao ? Tôi nói tangerine tiếng Việt Nam là "Quít," nhưng chưa khoan mà đã "quit " thì làm sao mà tìm ra dầu được! Chúng tôi đồng ý bắt đầu với "Dừa," " Mía," "Hồng," và "Chôm Chôm."

Peter đến gặp sau, và tôi đồng ý ngay để Mobil bắt đầu với tên con hổ. Nhưng tôi nói quý nhất là "Bạch Hổ" (White Tiger). Peter đồng ý. Tôi nói tiếp thêm là đã chọn Bạch Hổ thì phải chọn luôn Thanh Long, Blue Dragon. Tôi giải thích là ở Huế, quê tôi, có hai cây cầu bắt ngang qua sông Hương, một tên là Bạch Hổ, một tên là Thanh Long. Hai quý vật này luôn luôn đi đôi với nhau trong các huyền thoại của Việt Nam.

Peter đồng ý sẽ có Thanh Long, nhưng muốn để dành sau. Ông ta muốn sau Bạch Hổ phải là "Big Bear" - giải thích rằng người Mỹ nói chung, và riêng ông, rất thích tên Big Bear.

Ngay khi Peter và tôi đang nói chuyện thì tình cờ, Ông Nguyễn Văn Vĩnh, chuyên viên địa chất của UBQGDH, đi qua và nghe được. Ông Vĩnh nói với tôi, "Họ có Big Bear thì mình cũng có Đại Hùng vậy". Thế là Big Bear / Đại Hùng được chọn lựa.

Trong những ngày kế tiếp, tôi cứ nhìn đi nhìn lại bản đồ dầu hỏa ở vịnh Mễ Tây Cơ. Nhiều người đã nói với tôi triển vọng Việt Nam rất tốt, vùng thềm lục địa miền Nam cũng giống như vịnh Mễ Tây Cơ, sông Cửu Long cũng giống như sông Mississippi, tải vô số trầm-tích- thạch để sinh ra và chứa đựng dầu hỏa trong lòng đất dưới đáy biển.

Tôi nhìn những sơ đồ khai thác dầu hỏa, một giàn sản xuất ở giữa, chung quanh là những giếng sản xuất, xòe ra tưởng tượng như một bông hồng. Tôi chợt nghĩ tới một bông hồng lúc này cho quốc gia, cho dân chúng, thật là quí giá.

Tôi gọi điện thoại cho Pat, đề nghị đặt tên giếng dầu tiên ở thềm lục địa Việt Nam mà Shell sẽ khoan là Hồng. May ra mình đem lại cho Việt Nam một mỏ dầu, một bông hồng, nhụy như giàn khoan và cánh như đáy giếng, bơm dầu từ trong lòng thềm lục địa.

Ít lâu sau, Esso cho tôi biết đang đúc kết một khu triển vọng lấy tên là Đại Bàng.

Kết quả khoan giếng

Theo đúng như dự trù, Hồng là giếng đầu tiên, khởi sự khoan đầu tháng 8 năm 1974, tên chính thức là Hồng 1X (1 là giếng đầu tiên, X là exploration, ở khu Hồng), cách Sài Gòn khoảng 450 cây số về phía đông nam.

Tên Hồng cũng gây ra nhiều giai thoại hồi đó : các báo chí ngoại quốc muốn dùng chữ địa phương, gọi giếng là Hong 1X. Một số báo Việt ngữ lại thích dùng tiếng Anh, gọi tên là giếng Rose 1X. Một số khác, không biết vì mê tín hay thích đen đỏ, lại gọi giếng là Hồng số 9, vì 1X giống như số 9 La mã.

Khi khoan giếng Hồng thì tôi phải đi Caracas trong phái đoàn tham dự Hội nghị Luật Biển. Tôi có nhắn Pat liên lạc với Shell Venezuela nếu có tin vui thì cho tôi hay ngay. Qua tháng 9, trước khi về nước, tôi liên lạc với Shell Caracas thì không có tin tức gì của Shell Sài Gòn.

Trên đường về, khi ghé lại San Francisco, tôi gọi điện thoại thăm xã giao ông Tổng Lãnh sự (nếu tôi nhớ không lầm là Ông Diệp Quang Hồng). Bất ngờ, ông nói, "Mừng anh, mình có dầu rồi!" Không nghe tôi nói gì, ông

nói tiếp, "Hai ông Tổng trưởng Dân Vận và Thương Mại Kỹ Nghệ bên mình lên TV, cùng với chuyên viên dầu hỏa, tuyên bố mình có dầu rồi, anh không nghe sao ?" Tôi nửa mừng nửa hoang mang, thắc mắc sao Pat không cho tôi biết.

Về đến Sài gòn, Pat và Kỹ sư Võ Anh Tuấn, Phụ tá ở Tổng Cục Dầu Hỏa, đều giải thích là, "Kẹt quá, không từ chối được, phải lên TV với mấy chefs lớn ! " Tôi hỏi thực hư giếng Hồng ra sao thì Pat cho biết chỉ có "dầu chết " - có một hồi, dầu đã chảy qua khu Hồng, nhưng không có "bẫy" (trap) để chặn lại, đã chảy đi mất.

Trên phương diện kỹ thuật thì kết quả của giếng Hồng cũng đáng khích lệ vì đã chứng minh có nguồn phát sinh ra dầu (reservoir rock) trong thềm lục địa Việt Nam, có đá đựng túi dầu (reservoir rock) chỉ thiếu lớp đá mũ (cap rock) để giữ dầu lại. Dù vậy, Hồng 1X cũng chỉ là một giếng khô. Và bông hồng trong trí tưởng tượng của tôi mấy tháng trước vì đó cũng khô theo.

Sau giếng Hồng, Shell đã khoan một loạt giếng khác trong những tháng kế tiếp - Dừa 1X (tìm thấy dầu), Dừa 2X (xác định kích thước mỏ dầu), và Mía 1X. Giếng nào cũng có dầu thô và khí thiên nhiên, nhưng không giếng nào đủ mạnh hay mỏ dầu đủ lớn để có thể có tiềm năng khai thác thương mãi.

Phải chờ đến Bạch Hổ của Mobil, khởi sự khoan vào cuối tháng 10 năm 1974, cách Sài gòn khoảng 200 cây số về phía đông nam, và cách bờ biển chừng 100 cây số. Bạch Hổ khoan trúng dầu thô, ở hai túi, dầu nhẹ và tốt, thử nghiệm với lưu lượng 2400 thùng / ngày.

Cuộc thử nghiệm sơ khởi ở giếng cùng với các dữ kiện địa chất cho thấy Bạch Hổ có thể khai thác thương mãi. Bạch Hổ được coi như là mỏ dầu thương mãi đầu tiên của Việt Nam. Tôi được hân hạnh, cùng với Peter, đưa Tổng thống VNCH đi thăm tàu khoan Global Marine IV và quan sát giếng Bạch Hổ. Tôi còn nhớ đứng với Peter ở máy đo áp suất giếng đầu, Peter chỉ cho tôi áp suất ở đầu giếng dầu tăng nhanh (build-up) khi khóa giếng lại, cho thấy túi dầu có mức thẩm thấu cao, lưu lượng tốt.

Qua đầu năm 1975, Mobil khởi sự khoan giếng Đại Hùng, cách Sài gòn 350 cây số về phía đông nam, nhưng chưa hoàn tất thì vì chiến sự đã phải nhổ neo, rút về Singapore rồi sau đó chấm dứt mọi hoạt động khi miền Nam sụp đổ.

Sau này Đại Hùng được Chính Phủ Cộng sản Việt Nam (CSVN) giao lại cho công ty liên doanh giữa Việt Nam và Liên Bang Sô Viết tên là VietSovPetro.

VietSovPetro khoan trúng dầu, nhưng sau đó Chính phủ CSVN lấy lại quyền khai thác và giao cho một tổ hợp do Công ty Broken Hill Proprietary (BHP) của Úc đứng đầu. Vì số lượng dự trữ trong thực tế chỉ có vào khoảng 100 triệu thùng thay vì 800 triệu thùng như BHP đã ước tính trước đây, nên Công ty BHP bị lỗ vốn nặng, và phải giao quyền khai thác cho công ty Petronas của Mã Lai Á. Petronas cũng lỗ luôn vì chi phí sản xuất quá cao, nên mới đây đã giao hoàn lại mỏ Đại Hùng cho Chính Phủ CSVN.

Khu Thanh Long, chỉ cách Đại Hùng vài chục cây số, phải chờ đến năm 1988, công ty liên doanh VietSovPetro mới khoan, và tìm thấy dầu. Sau khi CSVN và Hoa kỳ lập bang giao chính thức, công ty Mobil Oil được cấp lại Khu Thanh Long. Mobil khoan thêm hai giếng nữa trong năm 1995, kết quả cho thấy mỏ Thanh Long quá nhỏ và quá phức tạp, phí tổn khoan giếng lại quá cao, nên cũng rút lui. Cho đến nay, Thanh Long coi như bị thất bại. Esso không hề khoan kịp giếng Đại Bàng, và tôi cũng không nhớ khu này nằm ở đâu.

Bạch Hổ đưa Việt Nam lên bản đồ dầu hỏa thế giới

Bạch Hổ không những là giếng thương mãi đầu tiên, mà còn là mỏ dầu tiên được khai thác, sản xuất và xuất cảng. Công ty liên doanh Cộng sản VietSovPetro khởi sự xây cất và trang bị khai thác mỏ Bạch Hổ từ năm 1982, và bắt đầu sản xuất từ giữa năm 1986, với lưu lượng sơ khởi chứa được 1.000 thùng/ngày. Sau đó, mức sản xuất đã gia tăng rất nhanh trong những năm kế tiếp, và đạt được mức tối đa trên dưới 150 ngàn thùng/ngày trong mấy năm qua (so với nhu cầu dầu hỏa toàn quốc tính tròn cỡ 100 ngàn thùng/ngày).

Tính đến nay, Bạch Hổ đã sản xuất tổng cộng được tới 450 triệu thùng, số thu hoạch từ trước tới nay ước lượng lên tới khoảng 8-9 tỷ Mỹ kim. Nhiều người phỏng định số dự trữ còn lại ở Bạch Hổ cũng vào khoảng 500 triệu đến 1 tỷ thùng nữa.

Rõ ràng Bạch Hổ là một mỏ dầu có tầm vóc quốc tế. Bạch Hổ đã đưa Việt Nam lên bản đồ dầu hỏa thế giới - và cho đến nay, Bạch Hổ

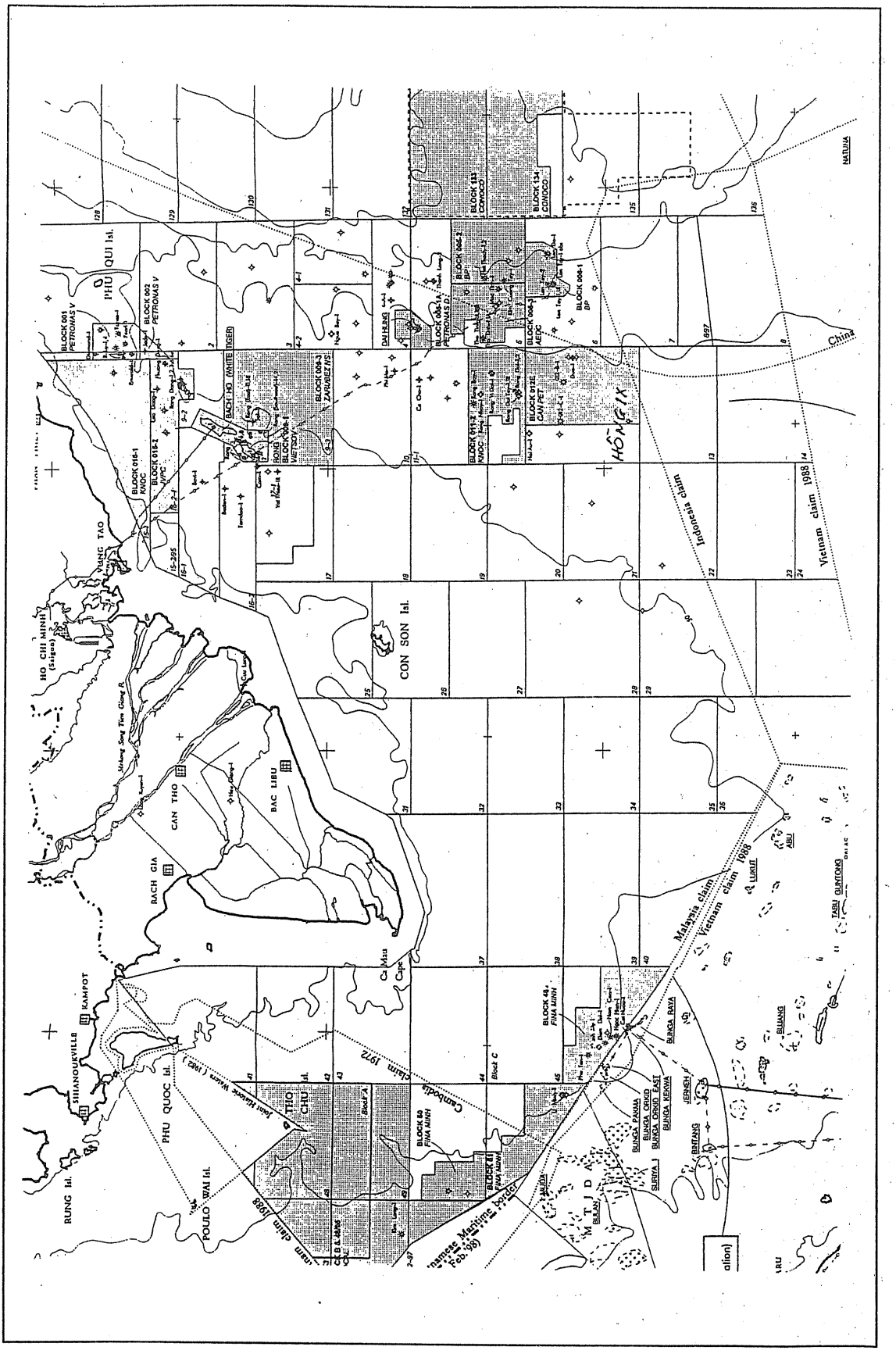
PHU QUI Isl.
CON SON Isl.
HÔNG KI
Indonesia claim
Vietnam claim 1988
Malaysia claim
Cambodia claim 1972
Vietnam claim 1988
Maritime border
HO CHI MINH (Saigon)
VUNG TAO
CAN THO
BAC LIBU
RACH GIA
KAMPOT
SIHANOUKVILLE
PHU QUOC Isl.
RUNG Isl.
POULO WAI Isl.
THO CHU Isl.
Ca Mau Cape
BLOCK 001 PETROMAS V
BLOCK 002 PETROMAS V
BLOCK 015-1 KNOC
BLOCK 015-2 JVPC
BLOCK 009-3 ZARUBEZ NS
BLOCK 009-1 VIETSOV
BLOCK 005-2 BP
BLOCK 006-1 BP
BLOCK 012E CAN PET
BLOCK 133 CONOCO
BLOCK 134 CONOCO
BLOCK 48 FINA MINH
BLOCK 50 FINA MINH
BLOCK 51 FINA MINH
BUNGA RAYA
BUNGA PAKMA
BUNGA ORKID
BUNGA ORKID EAST
BUNGA KEKWA
SURIYA 1
BINTANG
JERNEH
BLUANG
LUKUT
ABU
TABU
GUNTONG
NATUNA
China

gần như là đồng nghĩa với dầu hỏa Việt Nam .

Trong những năm đầu thập kỷ 90, sau khi Liên bang Sô viết sụp đổ, tôi có dịp đi Baku, Azerbaijan nhiều lần để thương thảo các hợp đồng khai thác dầu hỏa. Hồi trước, Azerbaijan là trung tâm kỹ thuật khai thác dầu hỏa ở ngoài khơi (offshore) của toàn thể Liên bang Sô viết. Tôi gặp nhiều chuyên viên Azerbaijan đã từng làm việc với VietSovPetro ở Việt Nam, trong đó có Yashar, một kỹ sư dầu hỏa trẻ tuổi, rất giỏi và thông minh. Yashar nhứt định một mực bảo rằng Bạch Hổ là do VietSovPetro tìm ra vì Bạch Hổ chỉ khai thác được nhờ VietSovPetro khám phá thêm các túi dầu sâu hơn.

Hồi 1974, Mobil chỉ khoan đến lớp đá Miocene sau này VietSovPetro khoan sâu hơn, xuống đến lớp đá nền, và đã tìm thêm số dự trữ gấp đôi số Mobil tìm được. Tôi cũng tin rằng Mobil lúc đó không biết đến các túi dầu sâu hơn. Nhưng túi dầu do Mobil khám phá tự nó đã đủ để khai thác thương mãi rồi, khám phá thêm các túi dầu mới không thay đổi sự kiện đó. Theo tập tục trong kỹ nghệ dầu hỏa thì giếng dầu đầu tiên tìm thấy dầu thương mãi sẽ coi như đã tìm ra toàn mỏ dầu, mặc dù sau này có giếng khác tìm thêm được các túi dầu sâu hơn, hay các túi dầu nằm kế cận trong cùng một cấu trúc địa chất. Vả chăng, mỏ dầu đến nay vẫn mang tên Bạch Hổ đặt ra từ mùa hè 1974.

Những giếng dầu sau 1975

Sau khi Cộng sản chiếm miền Nam, chương trình tìm kiếm và khai thác dầu hỏa được giao cho Tổng Cục Dầu Khí phụ trách, sau đổi thành PetroVietNam. PetroVietNam bãi bỏ các hợp đồng cũ, thay đổi luật dầu hỏa, và áp dụng một thể thức hợp đồng mới để hợp tác với các công ty dầu. Lúc đầu, hình như PetroVietNam cũng vẫn giữ nguyên cách phân lô cũ ở thềm lục địa. Về sau dựa trên các kết quả khoan giếng, một số lô đã được điều chỉnh lại để gia tăng cạnh tranh giữa các công ty dầu và đạt thu hoạch tối đa cho chính phủ. Mặt khác, PetroViet Nam vẫn giữ nguyên danh xưng các giếng dầu như cũ, đồng thời tiếp tục cách thức trước đây dùng cỏ cây, hoa lá, thú vật Việt Nam (rồi sau thêm núi non, đá quí, v.v..) để đặt tên cho những giếng dầu khoan trong 20 năm qua.

Trong khoảng thời gian 1975-78, Chính Phủ Cộng sản đã mời một số công ty nhỏ của Âu châu và Gia Nã Đại như Deminex của Đức, Fina của Bỉ, Agip của Ý, Bow Valley và PetroCanada của Gia Nã Đại tham gia tìm dầu. Nhiều giếng đã khoan trong thời gian này, mang những tên ngon lành như Cam, Vải Thiều, Đu Đủ, Măng Cầu (?) và đẹp như Cau (?), Phong Lan, Bông Sen, Phượng Hoàng. Nhưng không may là hình như tất cả các giếng này đều khô, không tìm được một lượng dầu hay khí nào.

Tiếp đó, thế giới Tây phương quyết định tẩy chay và phong tỏa kinh tế Việt Nam sau khi Cộng sản Việt Nam chiếm cứ Kampuchia. Các công ty dầu tây phương đều rút lui. CSVN quyết định bắt tay hợp tác với Liên bang Sô viết, thiết lập công ty liên doanh VietSovPetro như đã nói ở trên vào năm 1981 để khởi sự phát triển dầu hỏa ở Việt Nam. Ngoài việc khai thác mỏ Bạch Hổ, VietSovPetro cũng được cấp nhiều lô có nhiều triển vọng khác, kể cả khu Đại Hùng và Thanh Long của Mobil trước đây.

VietSovPetro đã dành ưu tiên cho việc khai thác mỏ Bạch Hổ và đã khoan thêm nhiều giếng chung quanh khu Bạch Hổ, mang tên là Rồng, Sói, Ba Vì, Bà Đen, và Tam Đảo. Trong số các giếng này, chỉ có Rồng ở gần Bạch Hổ là khai thác được và đang sản xuất từ mấy năm nay. Các giếng khác đều coi như là những giếng khô.

VietSovPetro cũng đã khoan trúng dầu ở Đại Hùng và Thanh Long, nhưng sau đó đã giao cho PetroVietNam để PetroVietNam, sau nhiều đợt đấu thầu gay go, đã cấp Đại Hùng cho BHP và Thanh Long cho Mobil như đã nói ở trên.

Vào những năm cuối thập kỷ 80, sau khi ban hành chính sách "đổi mới," chính phủ CSVN đã tu chính luật đầu tư và luật dầu hỏa, và rầm rộ mời các công ty ngoại quốc hợp tác tìm dầu. Vụ Kampuchia đã lắng dịu, nhưng vụ cấm vận của Hoa kỳ vẫn còn nguyên nên chỉ có các công ty Âu châu, Gia Nã Đại, Nhật bản, Đại Hàn, Úc, Ấn độ và Mã Lai Á tham dự - phải chờ đến sau cấm vận mới thấy có công ty Hoa kỳ như Mobil, Occidental, Unocal và Conoco tham gia. Hàng chục giếng đã được khoan trong mười năm qua, với những tên màu mè, ngộ nghĩnh, và thích thú tràn đầy trên bản đồ dầu hỏa ở thềm lục địa Việt Nam. Phần lớn là giếng khô, nhưng cũng có vài giếng tìm được mỏ dầu và mỏ khí đủ để khai thác thương mãi và góp phần gia tăng sản xuất

trong nhiều năm tới.

* Từ ngoài trung, ở ngoài khơi Quảng Trị, Shell khoan giếng Anh Vũ, Hoàng Oanh và giếng Kim Tước ở ngoài khơi Huế. Ngoài khơi Đà Nẵng, British Petroleum khoan các giếng Sư Tử Biển, Bạch Tuộc, Cá Voi Xanh và Cá Heo. Ở ngoài khơi Quy Nhơn, Công ty BHP cũng đã khoan hai giếng Cá Sấu và Cá Mập. Tất cả các giếng này ở ngoài khơi phía bắc miền trung đều thất bại.

* Ngoài khơi Phan Thiết, công ty Petronas của Mã Lai Á đã tìm được dầu khai thác thương mãi ở mỏ Ruby (Hồng Ngọc ?) sau khi đã khoan một loạt giếng mang tên đá quí - Diamond (Kim Cương ?), Emerald (Ngọc Bích ?) Topaz (Hoàng Ngọc ?), Jade (Cẩm Thạch ?), Opal (Ngọc Miêu ?) và Pearl (Ngọc Trai ?) - bản đồ chỉ thấy ghi tên tiếng Anh mà không thấy ghi tên tiếng Việt.

* Ngoài khơi Vũng Tàu, tổ hợp Japan Vietnam Petroleum Company cũng đã tìm được dầu khai thác thương mãi ở mỏ Rạng Đông trong khi các giếng Vừng Đông, Gió Đông, và Phương Đông ở gần đó đều khô. Hai mỏ Ruby và Rạng Đông bắt đầu sản xuất năm nay và năm tới.

* Nhưng từ đó về phía đông nam là một loạt hàng chục giếng dầu đầy dẫy trên bản đồ mà vẫn chưa tìm trúng dầu khai thác được: Ngựa Bay, Sói Biển, Hươu Trắng (công ty Lasmo); Đại Phong, Bạch Mã, Thanh Mã, Phi Mã (công ty Shell); Cá Chó, Cá Hồi (công ty Total của Pháp); Rồng Bay, Rồng Nhảy, Rồng Vĩ Đại, Rồng Đôi, Rồng Đôi Tây (công ty PEDCO, một tổ hợp gồm nhiều công ty Đại Hàn); Bồ Câu, Đại Bàng, Hải Âu và Hoàng Hạc (công ty Occidental); Thổ Tinh, Mộc Tinh, Hỏa Tinh, Ngân Hà, Chòm Thất Tinh (công ty AEDC Vietnam); Trâu Trắng (công ty Cairn); và Kim Cương Tây, Hải Thạch, Nguyệt Thạch, Hướng Dương Nam, và Hướng Dương Bắc (công ty British Petroleum).

* Kế đó, và nằm xa bờ biển Việt Nam nhất (cách Vũng Tàu khoảng 370 cây số về phía đông nam), là các mỏ khí thiên nhiên do British Petroleum tìm ra được qua hai giếng Lan Đỏ và Lan Tây hồi năm 1992-93. Khối lượng khí dự trữ ước lượng sơ tối thiểu là 2 ngàn tỉ bộ khối (khoảng 60 tỉ mét khối) - năng lượng tương đương với hơn 300 triệu thùng dầu.

Việc khai thác khí thiên nhiên phức tạp và đòi hỏi nhiều thì giờ hoạch định hơn dầu thô, nhưng Lan Đỏ và Lan Tây cũng có nhiều triển vọng khai thác thương mãi.

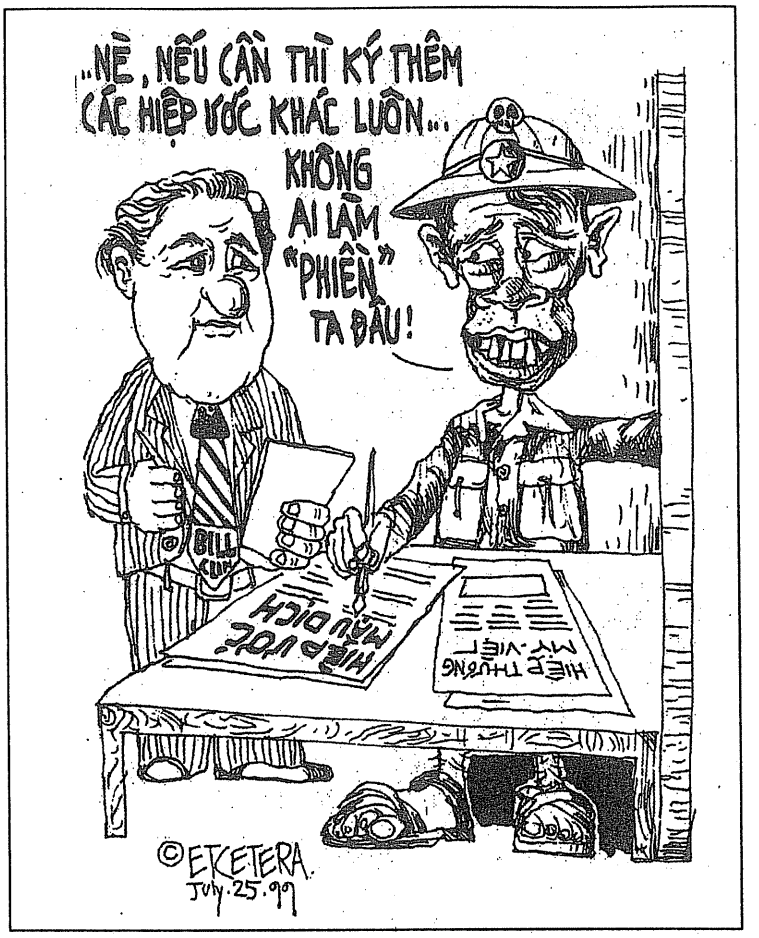

* Về phía tây nam, trong Vịnh Thái Lan, công ty Fina đã khoan nhiều giếng mang tên địa lý địa phương như U Minh, Minh Hải, Phú Tân, Khánh Mỹ và Năm Căn, cạnh đường phân ranh với Mã Lai Á. Trong khi đó, công ty Unocal cũng đã khoan các giếng Kim Quy và Kim Long, gần ranh giới với Thái Lan. Vài giếng đã tìm thấy dầu hoặc khí thiên nhiên trong vùng này nhưng chưa công ty nào tuyên bố sẽ khai thác thương mãi.

Dầu Việt giếng Mã

Tài liệu thống kê cho thấy trong năm 1998, mức sản xuất dầu hỏa ở Việt Nam là vào khoảng 188 ngàn thùng / ngày, chia ra như sau:

- Bạch Hổ : 150 ngàn thùng / ngày
- Đại Hùng : 12 ngàn thùng / ngày - Rồng : 10 ngàn thùng / ngày
- Bunga Kekwa : 16 ngàn thùng / ngày.

Tại sao lại có Bunga Kekwa? Bunga Kekwa là gì?

Bunga Kekwa là tiếng Mã Lai Á, có nghĩa là Hoa Cúc, và số lượng sản xuất 16 ngàn thùng / ngày nói trên là phần chia cho Việt Nam trong "Vùng Dàn Xếp Thương Mãi Mã-Việt" do công ty quốc doanh Mã Petronas đứng ra khai thác. Vùng này, ngoài mỏ Hoa Cúc, còn có mỏ Hoa Dâm Bụt (Bunga Raya), Hoa Lan (Bunga Orkid) và Hoa Lan Đông (Bunga Orkid East).

Nguyên hồi năm 1971, khi Việt Nam chuẩn bị phân lô thềm lục địa để gọi thầu thì Thái Lan, Mã Lai Á và Nam Dương đã công bố từ lâu các họa đồ định rõ ranh giới thềm lục địa của họ. Các ranh giới này dựa trên những lập trường thuận lợi nhất cho họ trong việc phân ranh thềm lục địa với Việt Nam. UBQGDH quyết định không chấp nhận những đường phân ranh này. Hồi đó chưa có Luật Biển, vì vẫn đang còn thảo luận tại các hội nghị Liên Hiệp Quốc nên chưa thành hình, nhưng đã có Qui Ước Genève 1954 về Thềm Lục Địa. Dựa trên nguyên tắc "đường trung vị" (median line) trong Qui ước này, các chuyên viên Việt Nam đã vạch ra, và UBQGDH đã ấn định, ranh giới thềm lục địa Việt Nam về phía tây, tây nam và phía nam với Kampuchia, Thái Lan, Mã Lai Á và Nam Dương. Ranh giới do Ủy Ban ấn định lấn quá các ranh giới đã công bố, tạo ra "Vùng Tranh Chấp Thềm Lục Địa" với các quốc gia nói trên.

Trên lý thuyết, đường phân ranh là đường trung vị, đường cách đều, là qũi tích tam điểm những vòng tròn tiếp xúc với bờ biển của các quốc gia. Nhưng bờ biển lồi lõm bất thường, có cửa sông, có vịnh, nước triều khi cao khi thấp, lại có khi có các đảo nhỏ ở k cận, không dễ dàng gì vẽ các vòng tròn tiếp xúc. Thay vào đó, Qui Ước Genève cho phép lập các "đường căn bản" (base line) dọc theo bờ biển để từ đó vẽ các vòng tròn trung vị Việt Nam và Mã Lai Á đã dùng những đường căn bản khác nhau, có lợi cho mình nhất, để vẽ đường trung vị, do đó tạo ra vùng tranh chấp. Vùng tranh chấp giữa Việt Nam và Mã Lai Á tương đối rất nhỏ - dài nhưng rất hẹp. Mặt khác, qua hai đợt gọi thầu hồi đó, không có công ty chọn lô nào ở Vịnh Thái Lan nên các tranh chấp với Mã Lai Á cũng không có gì cấp bách.

Đến năm 1988, Chính Phủ Cộng sản Việt Nam công bố lại ranh giới thềm lục địa, đại cương đối với Mã Lai Á hình như cũng giống như đường cũ trước đây. Sau đó, hai nước thỏa thuận sẽ khai thác chung dầu hỏa trong vùng tranh chấp, gọi là "Vùng Dàn Xếp Thương Mãi Mã Việt" và để cho công ty quốc doanh của Mã là Petronas điều hành.

May mắn tình cờ, Petronas khoan tìm thấy dầu trong vùng Dàn Xếp Thương Mãi Mã-Việt, và Việt Nam được chia phần dầu hỏa sản xuất từ các mỏ dầu mang tên tiếng Mã của những loài hoa quen thuộc này.

Kỷ niệm không quên

Trong hơn hai mươi năm qua hoạt động trong kỹ nghệ dầu hỏa ở Hoa Kỳ, tôi cũng đã có dịp đi nhiều, và nghe thấy nhiều tên giếng dầu. Chiều hướng chung là các công ty đặt tên giếng dầu bay bướm hơn, tự do hơn, không còn bị ràng buộc với địa lý hay phân lô.

Cũng có công ty hoạt động ở Bắc Hải lấy tên vợ con của chủ tịch công ty đặt tên giếng dầu - sau khi đã trúng dầu.

Ngay cả trong vịnh Mễ Tây Cơ ở Hoa Kỳ, càng ngày càng có nhiều tên ngộ nghĩnh như Cognac, Cerveza (Bia), Cerveza Legere (Bia Nhẹ),. Bud, Shiner. Mới đây tổ hợp của Shell và công ty tôi đang làm bắt đầu sản xuất một mỏ dầu nhỏ trong vịnh Mễ Tây Cơ đặt tên là "Enchilada" - một món ăn Mễ rất quen thuộc với dân Texas. Nghe cũng ngon lành.

Nhưng thật tình đối với riêng tôi, và chắc là với một số hội viên và nhân viên trước đây của UBQGDH, không có tên giếng dầu nào quen thuộc và thắm thiết như tên cây trái, hoa lá, thú vật của Việt Nam. Như Hồng, Dừa, Mía, Bạch Hổ, Đại Hùng, Thanh Long... của cuối năm 74 và đầu năm 75 - những tên đánh dấu một chương trình phát triển kinh tế của VNCH đã đạt được tầm vóc và tiêu chuẩn quốc tế, mà những ai đã từng có dịp đóng góp lúc đó cũng đều có thể tự hào.●

* Kỹ sư Trần Văn Khởi nguyên là Tổng Cục Trưởng Dầu Hỏa, kể lại chuyện để làm kỷ niệm cho tất cả các hội viên và nhân viên của UBQGDH.

TINH HOA CỦA DÂN TỘC

(Kỷ niệm với giáo sư Nguyễn Đăng Thục)

NHUỆ HỒNG

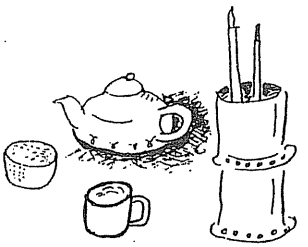

Tôi đồng ý với quan niệm của bạn đọc Nguyễn Khang theo đó "những con người cao quý là tinh hoa của dân tộc và tuyệt phẩm của tạo hóa." (*Thế Kỷ 21* số 123, mục Bạn Đọc Viết). Trong tinh thần đó, Nguyễn Đăng Thục là những tinh hoa của dân tộc. Dầu lớn hơn tôi hai con Giáp, anh Thục coi tôi là bạn vong niên (*vong niên giao* là bạn bè giao kết với nhau vì tâm tình và tư tưởng, không kể tuổi tác).

Năm 1956 trong kỳ đại hội Liên Minh Xã Hội Á Châu tại Bombay, tôi có dịp quen biết một số văn nghệ sĩ Ấn Độ trong Hội Tự Do Văn Hóa. (Sau này cùng các anh Vũ Quốc Thúc và Bùi Tường Chiểu, chúng tôi lập một chi hội tại Sài Gòn: Congress for Cultural Freedom).

Giáng Sinh 1956 Hội Nghị các Nhà Văn Á Châu khai diễn tại Delhi, Ban Tổ Chức đạt giấy mời Việt Nam Cộng Hòa tham dự.

Tôi đến gặp ông Ngô Đình Nhu về việc này. Chúng tôi quen ông Nhu từ khi ông còn hàn vi và làm báo *Xã Hội*. Tôi cho ông biết Bắc Kinh muốn bành trướng ảnh hưởng dưới chiêu bài "Trăm Hoa Đua Nở, Trăm Nhà Lên Tiếng." Mao Thuẫn, Bộ Trưởng Văn Hóa, Trưởng phái đoàn Trung Quốc, sẽ đề nghị thành lập một Hội Văn Hóa Á Châu đặt trụ sở thường trực tại Bắc Kinh. Trưởng phái đoàn Ấn Độ - người được Giải Văn Học Stalin - sẽ yểm trợ kế hoạch này. (Trưởng phái đoàn Nhật Bản là một anh chàng họa sĩ gà mờ).

Nếu tham dự, Việt Nam sẽ có hai nhiệm vụ:

1) Đấu tranh tư tưởng với phe Bắc Kinh.

2) Tranh thủ nhân tâm của phe truyền thống Ấn Độ.

Thời đó ông Nhu muốn liên lạc với phe Không Liên Kết của Nehru và U Nu. Vì vậy ông hưởng ứng ngay và nhờ tôi phụ trách phái đoàn. Tôi nói:

"Tôi chỉ có thể lo về chiến lược chiến thuật. Về văn hóa phải có Giáo sư Nguyễn Đăng Thục. Tôi cũng xin nói thêm là chúng tôi theo văn hóa truyền thống và sẽ không đề cập đến thuyết Nhân vị trong Hội nghị." Ông Nhu cười và ưng thuận.

Thế là anh Thục làm cố vấn phái đoàn, phụ trách Ban Văn Hóa Truyền Thống. Mùa Giáng Sinh năm ấy tại Delhi, trong khung cảnh hữu tình với liễu xanh và mưa bụi, tôi thấy anh hân hoan, hào hứng, nói thao thao bất tuyệt, hết về văn hóa Ấn Độ đến văn hóa Trung Hoa và văn hóa Việt Nam. Trước sự ngỡ ngàng và thán phục của các vị lão phụ Ấn Độ tham dự Hội nghị.

Anh là người phát ngôn của dân tộc và là nhà văn hóa lớn của Á châu. Vũ Anh Khanh trong phái đoàn văn công Miền Bắc (với Nguyễn Công Hoan, Tú Mỡ...) vẫn giữ thái độ thờ ơ, im lìm không nói, mắt không nhìn thẳng.

Tôi hỏi ý anh Thục về giả thuyết Vũ Anh Khanh muốn chọn tự do? Anh Thục sốt sắng nói: "Ai đã ở với Cộng Sản một thời gian rồi cũng muốn tìm đường ra đi."

Đêm nằm một mình, tôi lại lý luận: Chẳng lẽ trong bao nhiêu văn công Miền Nam tập kết họ lại chọn một người không vững lập trường? Lấy lý mà xét, kế hoạch "chọn tự do" đành phải gác lại.

Sự thực Vũ Anh Khanh đã có ý định vượt tuyến từ lâu. Khi về nước, trong một chuyến đi công tác tại Vĩnh Phúc, anh sửa chứng minh thư thành Vĩnh Linh (gần vỹ tuyến 17). Anh bị công an theo dõi và đã bị bắn bằng tên thuốc độc khi anh đang bơi qua sông Bến Hải.

Đến nay tôi vẫn ân hận đã không nghe lời anh Nguyễn Đăng Thục để tạo cơ hội vượt thoát cho anh Vũ Anh Khanh.

Năm 1972 tôi viết "Xử Án Vương Thúy Kiều" và đưa anh Thục coi. Đọc xong, anh kêu tôi và reo lên trong điện thoại: "Mais c'est une création littéraire!" (Không ngờ đây lại là một sáng tác văn nghệ).

Thế rồi Hội Văn Hóa Á Châu cũng đã thành hình. Nhưng không phải do Mao Thuẫn tại Bắc Kinh mà do Nguyễn Đăng Thục tại Saigon (1).

Chúng tôi hội họp nhiều lần tại nhà cụ Đông y Đỗ Phong Thuần và được sự hưởng ứng của một số nhà văn hóa lão thành Miền Nam như Lâm Văn Tết, Trần Văn Văn, Phan Khắc Sửu v.v... Hai người sau này là bạn vong niên và cũng là bạn đồng viện của tôi. Trong những năm 1966-1967, cùng với hơn 100 anh chị em khác, chúng tôi thảo bản Hiến Pháp cho Việt Nam Cộng Hòa.

Chính trị là giai đoạn, văn hóa thì muôn đời. Ngày nay bản Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa không còn nữa. Nhưng văn hóa truyền thống thì vẫn còn mãi.

Đó cũng là nhờ công lao của những bậc tinh hoa của dân tộc như Giáo sư Nguyễn Đăng Thục.

7/99

(1) Trong số 16 phái đoàn tham dự Hội Nghị Delhi 1956, 15 nước, theo thứ tự từ Burma (Miến Điện) đến Vietnam (North) tán thành đề nghị thành lập Hội Văn Hóa Á Châu tại Bắc Kinh. Phái đoàn thứ 16 (Vietnam: South) đã phản đối. Trong phần phát biểu 45 phút tại Ủy Ban, chúng tôi bác bỏ và lên án âm mưu xích hóa của Bắc Kinh. Chúng tôi gọi tổ chức do Mao Thuẫn đề nghị thành lập là một "Phòng Thông Tin Cộng Sản Quốc Tế Đội Lốt Văn Nghệ" (Literary Kominform).

Theo Nội Quy (do các nhà văn Ấn Độ trong Hội Tự Do Văn Hóa soạn thảo), các văn nghệ sĩ không nên chia thành đa số và thiểu số. Do đó mọi quyết định chỉ được thông qua nếu có sự nhất trí.

Vì Việt Nam Cộng Hòa bỏ phiếu chống, đề nghị của Mao Thuẫn đã bị Đại Hội bác bỏ vì không được toàn thể tán thành.

Cũng trong mùa Giáng Sinh 1956, ông U Nu đến Sài Gòn thăm ông Ngô Đình Diệm và có đề cập đến việc này. Theo ông U Nu "Phái Đoàn Việt Nam có lập trường can đảm" (La position de la Délégation Vietnamienne était courageuse: lời ông Diệm nói lại với tôi bằng tiếng Pháp).●

Muốn hiểu rõ một cuốn sách
được sáng tác như thế nào
Để việc đọc sách được sâu
sắc thú vị hơn
Mời các bạn tìm đọc:

VIẾT và ĐỌC

Biên khảo của
TRẦN HỮU THỤC
(tức nhà văn
TRẦN DOÃN NHO)

Văn Học xuất bản
P.O. Box 1359
Garden Grove,
CA 92842 - USA
Phone (714) 894-8535
Giá US$13.00

TIẾNG ANH, NGÔN NGỮ QUỐC TẾ

BILLY BRYSON
VÕ ĐÌNH MAI dịch

LTS.- Bài "Tiếng Anh, Lai Rai Đôi Điều" (một chương trong nguyên tác The Mother Tongue, English & How It Got That Way *của Bill Bryson, Võ Đình Mai lược dịch) trong Thế Kỷ 21 số 113, tháng Chín 1998 được nhiều bạn đọc thích thú. Bạn đọc có thể xem bài "Tiếng Anh, Ngôn Ngữ Quốc Tế" sau đây như nối tiếp bài "Tiếng Anh, Lai Rai Đôi Điều" nói trên.*

*

Ở Hương Cảng, bạn có thể thấy một tòa nhà mang bảng hiệu: *The Plastic Bacon Factory.* Ở Nhật, bạn có thể uống *HomoMilk*, ăn sô cô la có tên là *Hand-Maid Queen Aid.* Ở Sarajevo, Nam Tư, một thành phố Hồi giáo rất xa cách với nền văn hóa Anh ngữ, có người viết bậy lên tường phố: *HEAVY METAL IS LAW!* Dân Nam Tư nói năm ngôn ngữ khác nhau. Không ngôn ngữ nào trong năm ngôn ngữ ấy có chữ *stop.* Vậy mà bao nhiêu bảng *STOP* ở góc đường đều mang chữ *stop!*

Tôi nhắc lại mấy điều tuế toái trên đây chỉ để ghi nhận — một sự ghi nhận có vẻ hiển nhiên đấy — rằng tiếng Anh là ngôn ngữ thông dụng nhất trên trái đất. Đồ vật hàng hóa coi như hấp dẫn hơn nếu có một hàng chữ nào đó bằng tiếng Anh, ngay cả khi những thông điệp này quả tình thật vô nghĩa. Ngay trước mắt tôi đây là một cục tẩy với hàng chữ: *Mr. Friendly Quality Eraser. Mr. Friendly arrived! He always stay near you, and steals in your mind to lead you a good situation."* Cục tẩy này là sản phẩm của nước Nhật, cho người Nhật dùng, vậy mà không có một chữ Nhật in trên nó.

Lon nước ngọt coca cola bên Nhật mang khẩu hiệu: *FEEL COKE & SOUND SPECIAL.* Một cái bịch đựng hàng (*shopping bag*) in hình chiếc du thuyền trên biển xanh với dòng chữ: *SWITZERLAND, SEASIDE CITY.* Một lầm lẫn về địa dư không thể chối cãi được. Điều đáng lo ngại là những câu tiếng Anh vô nghĩa và vô lý này đang xâm lăng ngay cả thế giới của những người nói tiếng Anh. Gần đây tôi thấy trong một cửa hàng lớn ở Luân Đôn một cái áo choàng ngoài với dòng chữ to tướng: *RODEO - 100% BOYS FOR ATOMIC ATLAS. Xem kỹ, thấy áo được sản xuất ở Anh quốc. Ai sản xuất? Sản xuất cho ai?*

Có bao nhiêu người trên thế giới nói tiếng Anh? Khó trả lời lắm. Chúng ta cũng không dám chắc là có bao nhiêu người sử dụng Anh ngữ như tiếng mẹ đẻ. Giới có thẩm quyền cho rằng vào khoảng ba hay bốn trăm triệu. Một ước đoán khá luộm thuộm. Có những lý do chính đáng cho sự mơ hồ này. Trước hết, vấn đề không phải là cứ đếm xem có bao nhiêu nước trên thế giới dùng tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ, mỗi nước có bao nhiêu dân, rồi làm một bài toán nhân. Chỉ Hoa Kỳ mà thôi đã có đến 40 triệu người không nói tiếng Anh — một con số tương đương với tổng số dân cư nói tiếng Anh ở Anh Quốc!

Tìm cho ra tổng số những người nói tiếng Anh trên thế giới là một việc làm khá đau đầu. Phần nhiều những phỏng chừng đều cho rằng số người sử dụng tiếng Anh *như tiếng mẹ đẻ* là khoảng 330 triệu, trong khi có vào lối 260 triệu người nói tiếng Tây Ban Nha, 150 triệu người nói tiếng Bồ Đào Nha, và trên 100 triệu một chút nói tiếng Pháp. Dĩ nhiên, những con số thống kê kiểu này không có ý nghĩa gì đáng

kể. Tiếng Tàu quan thoại, chẳng hạn, có đến 750 triệu người nói. Nhưng bạn cứ ghé lại Rome hay Rochester (N.Y.) coi thử nói tiếng Quan thoại lưu loát có giúp ích được gì cho bạn không!

Không có ngôn ngữ nào trên thế giới được sử dụng như ngôn ngữ chính thức trong một số đông đảo quốc gia như Anh ngữ — 44 nước, trong khi 27 nước dùng tiếng Pháp như ngôn ngữ chính thức, và 20 nước dùng tiếng Tây Ban Nha. Tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ chính thức của những quốc gia có tổng số dân cư là 1 tỉ 6, vào khoảng một phần ba dân số toàn cầu.

*

Một điều không ai phủ nhận được là tiếng Anh được người ta học và bắt chước nhiều nhất trên thế giới. Anh ngữ ảnh hưởng trên một số ngôn ngữ khác lớn lao đến nỗi thay đổi cả cú pháp của những ngôn ngữ này. Theo Magnus-Ljung, ở Viện đại học Stockholm, hơn nửa dân Thụy Điển bây giờ dùng *s* cho số nhiều, như Anh ngữ, thay vì thêm vào *ar, or,* hay *er* như trong tiếng Thụy Điển truyền thống.

Người ta ham mê học Anh ngữ lắm. Khi đài BBC phát thanh chương trình dạy học Anh ngữ *Follow Me* ở Trung Quốc, số thính giả lên đến... 100 triệu (sự kiện này cũng cho chúng ta biết chút ít về chất lượng của những chương trình khác). Người ta nói rằng cô Kathy Flower, người giới thiệu chương trình, vô danh ở Anh Quốc, là người Anh được biết đến nhiều nhất ở Trung Quốc, sau nữ hoàng Anh. Nói chung, số người học Anh ngữ ở Trung Quốc lớn hơn dân số ở Hoa Kỳ. Theo tờ *The Economist,* việc dạy Anh văn toàn cầu đem lại số lợi nhuận khổng lồ là 6 tỉ Anh kim.

Ở đâu trên thế giới cũng thấy có tiếng Anh. Người dân Đức Quốc ngày nay nói về *die Teenagers* và *das Walkout.* Chính trị gia Đức Quốc khi tránh né những câu hỏi tọc mạch hay hóc búa của nhà báo cũng biết gầm gừ: *"No comment!"* Phụ nữ Ý Đại Lợi bôi mặt với *col-cream,* dân Lỗ Ma Ni đi lại trên xe *trolleybus* và người Tây Ban Nha, khi trời se lạnh, mặc thêm cái áo *sueter.* Ở đâu trên thế giới người ta cũng biết nói chuyện trên telephone, hay telefoon, hay như ở Trung Quốc, *te le fung. Ở đâu người ta cũng tìm thấy hamburgers, nightclubs* và *television.* Năm 1986, tờ *Economist* ở Luân Đôn, sưu tập một số từ đã trở thành, không nhiều thì ít, hoàn vũ: *airport, passport, hotel, telephone, bar, soda, cigarettes, sport, golf, tennis, stop, O.K., weekend, jeans, know-how, sex appeal* và *no problem.* Tác giả bài viết kết luận: "Sự hiện diện của bấy nhiêu từ có liên quan đến chuyện đi chuyển, tiêu thụ, và thể thao, chứng tỏ nguồn gốc nơi chúng phát xuất: Mỹ Quốc."

Thường thường, những từ Anh được trưng dụng và xài nguyên con nhưng cũng có khi chúng được cải biến cho phù hợp với nhu cầu địa phương. Người Serbio-Croatians, chẳng hạn, tóm được chữ *nylon* nhưng lại hiểu nó như một cái gì không được thơm tho lành lặn cho lắm: *nylon hotel* là một nhà thổ. *Nylon beach* là một bãi biển nơi người dân chủ trương sinh hoạt lõa thể, tôn thờ mặt trời, tụ họp chơi giỡn. Có nước để nguyên chữ Anh họ trưng dụng nhưng lại cho một cách viết khác. Bạn không biết *herkot* là gì à? *Herkot* là cái mà anh chàng Ukrainian cần khi vác thân đến tiệm hớt tóc đó. Nếu chỉ nghe bằng tai may ra bạn còn hiểu được chứ nếu chỉ đọc bằng mắt e bạn phải lúng túng khó đoán được: Chữ Ba Lan *ajskrym* chẳng hạn. Một hình thức của *ice cream* đó. Người xứ Lithuania có chữ *muving pikceris* để chỉ *moving pictures.* Còn dân Serbio-Croatians thì nói *peda* khi nghĩ đến ngày lãnh lương, *payday.* Người Ý cũng chứng tỏ có khả năng vượt bực về tài chế biến này: *Schiacchenze* là cái gì vậy? Giản dị thôi. *Shake hands* đó.

Phải công nhận người dân Nhật Bản mới là bậc thượng thừa về cái tài tóm lấy một từ ngoại ngữ rồi biến nó thành một sản phẩm quốc nội. Một anh chị Nhật khôn ngoan lanh lợi (*sumato = smart*), mới giàu nổi (*nyuu ritchi = newly rich*) khi nói chuyện thường ưu điểm thêm những từ ngữ thời thượng, mới mẻ, ra cái điều ta đây lịch lãm lắm. Đại loại những chữ như *upatodatu (update), gurama foto (glamour photo), haikurasu (high class), kyapitaru gein (capital gain)* và *rushawa (rush hour).* Gọi một bộ áo quần là *serbio* nghe có vẻ bản địa lắm, nhưng coi lại là hai chữ *Savile Row* đã được... Nhật hóa. *(Savile Row* là tên con đường có những tiệm may y phục nam nổi tiếng ở Luân Đôn). Một thí dụ khác, khá lòng thòng: *Purodakuchibichi. Productivity* đấy!

Người Nhật cũng biết lấy một chữ Anh, thu nhỏ, rút ngắn lại một cách tài tình, như kiểu họ chế tạo những cái máy Tivi, máy quay phim tí xíu. Chẳng hạn *modern girl* biến thành *moga,*

word processor thành *wa-pro, mass communication* biến thành *masu-komi,* và *commercial* thành *cm.* Những hộp đêm có nữ tiếp viên... không mặc quần (*bottomless waitreesses*) được gọi là *no-pan* rút ngắn từ *no panties.* Hai chữ Anh *touch* và *game* ghép lại với nhau thành *tatchi geimu* để chỉ kiểu làm tình "khô," ái ân mà chỉ hôn hít vuốt ve thôi.

Khuynh hướng lột da móc ruột, chẻ gọt một tiếng Anh cho đến khi nó trở thành một tiếng bản xứ không chỉ giới hạn ở người Nhật Bản. Ở Singapore, mấy anh giả gái được gọi là *shims,* rút ngắn của *she-him.* Người Ý không đi chơi *nightclub* mà chỉ đi *night* (được viết là *nihgt*). Ở Pháp, một quán ăn mà khách tự bưng dọn lấy (*self-service restaurant*) được gọi là *le self.* Ngôn ngữ Âu châu có cái khuynh hướng khá kỳ cục là lấy một phân từ *(paticiple)* Anh ngữ rồi cho nó một ý nghĩa hoàn toàn mới mẻ. Người Pháp không chạy bộ (*running* hay *jogging,*) họ đi *footing.* Họ không đi tắm nắng *(sunbathing),* họ đi làm *le bronzing.* Ở Ý Đại Lợi, giải phẫu thẩm mỹ được gọi là *il lifting.* Người dân Đức Quốc cũng có những sáng kiến tài tình: Cậu con trai hết tuổi mười mấy *(teens)* thì bước vào tuổi hai mươi, *twens.* Một cuốn sách suýt trở thành *best seller* nên mới chỉ là *steadyseller.* Kẻ nào có vẻ *relaxed* hơn người khác là một *relaxter.*

Đôi khi, những từ ngữ mới toanh sanh ra. Tiếng Nhật có *salryman (salary-man)* để chỉ một nhân viên của một công ty. Ở Đức, ai đó ăn diện thật kẻng được gọi là *dressman.* Ở Pháp, *recordman* không phải là người giữ phần chơi đĩa nhạc trong một chương trình phát thanh — ở Mỹ gọi là *disc jockey — mà là một thể tháo gia đoạt được kỷ lục nào đó (record!)* và *alloman* là một người, cố nhiên, làm việc ở tổng đài. Lại có khi một từ ngữ Anh được cho một ý nghĩa hoàn toàn xa lạ, hay trái ngược... Ở Pháp, một *egghead* (tiếng lóng Anh chỉ nhà trí thức, thông thái) là một anh ngớ ngẩn, một anh khùng. Trong khi đó một *jerk* (tiếng Anh, là một thằng cà chớn) là một người nhảy đầm (khiêu vũ) xuất sắc).

Nhìn chung, trên thế giới không có ai vay mượn tiếng Anh một cách liên tục và bền bỉ như người Nhật Bản... Ước chừng có đến 20 ngàn từ Anh trong Nhật ngữ hiện đại. Có người nói đùa rằng nếu người Nhật phải trả lệ phí cho mỗi chữ Anh họ trưng dụng thì cán cân mậu dịch Mỹ Nhật sẽ lấy lại được quân bình. Một vài thí dụ nữa:

erebata - elevator

HỒ TRƯỜNG AN

CUỐI ĐƯỜNG NGOẢNH LẠI

Năm tháng mịt mùng cõi quạnh hiu
Chuyến xe về muộn ngẩn ngơ chiều
Mòn hao còn lại viền trăng mỏng
Bờ cũ hàng cây đổ bóng xiêu

Những dặm thu xanh, những dặm dài
Chập chờn trơ dấu vết thiên tai
Ngày thoi thóp lụn sau lưng núi
Đầm lạnh còn đâu vệt nắng phai?

Gió lướt vèo trên ngọn cỏ ngoan
Cỏ không níu giữ bước chân chàng
Người đi biền biệt không âm vọng
Thành bóng mơ hồ cõi tóc tang

Cất bước tìm lâu đài tráng lệ
Nên hồn tắt lụi bóng am mây
Nên đem ảo tưởng và mê vọng
Phóng chiếu lên trên những cuộc đời

Ngoảnh lại cổng đời xanh sắc rêu
Nghĩa trang dàn rộng bốn bên lều
Đêm thu, bầy quạ gào trăng lạnh
Tận đáy thời gian bặt tiếng kêu

nekutai - necktie
bata - butter
beikon - bacon
sarada - salad
remon - lemon
chiizu- cheese
bifuteki- beefsteak
hamu- ham
Shyampu setto- shampoo and set.

(Chú thích của người dịch: Trong 10 chữ trên đây, Việtnam ta cũng mượn của Pháp đến sáu chữ: cà vạt, bơ, xà lách, phó mát, bí tết, răm bông).

Không phải dân tộc nào cũng mở rộng vòng tay chào đón Anh ngữ đâu. Đặc biệt người Pháp có tinh thần chống đối cao hơn cả. Năm 1986, Tổng thống Francois Mitterand tuyên bố, có lẽ hơi đao to búa lớn: "Pháp quốc nghênh chiến với Anh ngữ!" Người dân Pháp bị cấm nói *pipeline* (ống dẫn dầu từ các mỏ dầu đến những trung tâm thanh lọc và chế biến) dù có đọc theo giọng Pháp là *"peepleen"* đi nữa. Thay vì *pipeline,* nhà nước khuyến cáo người dân nên nói *oleoduc.* Cần bay đi xa, người Pháp không bước vào một *jet airplane* mà phải dùng *avion à réaction. Hamburger* phải là một *steak haché.* Và không nên nói *chewing gum,* nên nói *pâte à mâcher.* Nhật báo danh tiếng Le Monde mỉa mai: *Sandwich* là cái thứ ngoại lai, nên gọi nó là *"deux morcreaux de pain avec quelque chose au milieu"* (hai miếng bánh mì kẹp thêm cái gì đó ở giữa).

Bình tâm mà nói, phản ứng của người Pháp có phần thái quá. Vả lại, chuyện tiếng Anh len lỏi xâm nhập vào Pháp đâu chỉ mới hôm nay. *Le snob, le biftek, le self-made man* có mặt ở Pháp từ cả 300 năm nay hay lâu hơn nữa. Nói gì những chữ như *ouest (west,* phương Tây) đã lọt vào ngôn ngữ Pháp từ 700 năm trước, và *rosbif* (roast beef, thịt bò nướng lò) từ 350 năm trước. Có ai đố nhận xét rằng người Pháp hằn học không phải vì người ta cho rằng Pháp vay mượn từ ngữ của thế giới mà thật ra là vì cả thế giới chẳng ai vay mượn của Pháp nữa. Tạp chí LE POINT cà khịa: "Sự đóng góp kỹ thuật của nước Đại Pháp chúng ta đã dừng lại ở chữ *chauffeur".*

Thật ra, người Pháp không có tinh thần "bài Anh" gay gắt như ta thường tưởng. Ngay cả chính phủ Pháp đã từng công nhận rằng có những từ ngữ đã được sử dụng quen thuộc quá rồi không có cách gì xua đuổi ra khỏi nước được nữa: *gadget, holdup, weekend, blue jeans, self-service, manager, marketing,* v.v... Người Pháp cũng thừa nhận tầm quan trọng quốc tế của Anh ngữ. Năm 1988, trường đại học đào tạo kỹ sư hàng đầu là *École Central de Paris* đòi hỏi sinh viên phải nói và viết tiếng Anh lưu loát mới được thi tốt nghiệp mặc dù không có ý định xuất ngoại và hành nghề ở nước ngoài.

Nhiều nơi trên thế giới, tiếng Anh lại bị coi như một thứ tàn tích của chế độ thực dân. Người ta dùng nó nhưng người ta hận nó. Ở Ấn Độ, tối đa là 5% dân số nói được tiếng Anh, nhưng hiến pháp quốc gia lại được viết bằng Anh ngữ. Trong một nước mà có đến 1652 ngôn ngữ và thổ ngữ, và 15 ngôn ngữ được coi là chính thức, trong một nước mà không có một ngôn ngữ nào được sử dụng bởi trên 16% dân số toàn quốc, một ngoại ngữ vừa tiện lợi vừa thông dụng như Anh ngữ tất nhiên phải được ưu đãi. Tình trạng ngôn ngữ ở Mã Lai Á cũng không khác mấy. Ngôn ngữ bản địa gồm có các tiếng Tamil, Bồ Đào Nha, Thái, Punjabi, cùng mười hai thứ tiếng Tàu và mười mấy thứ tiếng Mã Lai...

Chúng ta, cư dân những xứ nói tiếng Anh, chúng ta có đều đáng trách là cứ đòi hỏi người xứ khác phải chịu khó học tiếng Anh, còn chúng ta thì tự mãn và lơ là với việc ra công học tiếng nước họ (...) Chẳng những chúng ta không xuất sắc về chuyện học ngoại ngữ, chúng ta cũng chẳng giỏi giang gì về chuyện học tiếng Anh. Vấn đề này được nêu ra một cách giản dị và độc đáo bởi Giáo sư Randolph Quirk, chủ tịch Hàn lâm viện Anh Quốc và cũng là một trong những học giả hàng đầu trong ngành ngôn ngữ học. "Nghĩ xem có phải là một điều mỉa mai chua chát không nếu chúng ta và con em chúng ta, sinh ra là đã có Anh ngữ tiếng mẹ đẻ chờ đợi, lại không làm được như hàng triệu, hằng triệu em nhỏ ở Đức, ở Nhật, ở Trung Quốc, chẳng những ngày ngày, chuyên cần học hỏi ngôn ngữ của Shakespeare và Eliot, lại còn biết sử dụng Anh ngữ với tất cả sự cẩn trọng, lại còn biết hãnh diện về sự chu toàn của mình."

Đó là lời giáo sư Quirk. Chúng ta có thể tự hỏi chúng ta có làm tròn nhiệm vụ gìn giữ gia tài ngôn ngữ của chúng ta không, nhất là khi chúng ta nhớ lại rằng số tự điển *Oxford English Dictionary* mà người Nhật mua cũng nhiều bằng số những sách ấy được bán ở Mỹ quốc và một phần ba lần lớn hơn số bán được ở Anh Quốc.●

CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM HẢI NGOẠI SẼ ĐI VỀ ĐÂU?

Bác sĩ TRẦN MINH TÙNG

Một người Việt Nam mới viếng thị xã Little Saigon, Quận Cam, California lần đầu, phản ứng đầu tiên sẽ là ngạc nhiên và cảm động. Chằng chịt hàng mấy dặm đường, toàn những tiệm của đồng bào, hàng quán đầy ngập, đồ ăn phủ phê, ngon rẻ, vừa quen lẫn lạ, buôn bán tấp nập, đi đâu cũng thấy "người mình," ngoài đường dập dìu bà con, đồng hương, đúng là một cộng đồng sống động và thừa sinh khí. Với tay lấy một tờ báo, dầu biếu hay phải trả tiền, thì các chứng cớ của sức sống càng thêm rõ ràng hơn nữa: quảng cáo thương mại, thông tư của các hội hè, đoàn thể... tràn đầy, sinh hoạt văn hóa, xã hội đủ loại — không khí tưng bừng của một tập đoàn mạnh mẽ với rất nhiều hứa hẹn trong hiện tại và tương lai.

Thế nên khách lạ cảm xúc, phần nào vấn vương, ước chi mình sống nơi đó, hay thường thăm viếng để cho phỉ tình, hả dạ, rồi cũng tự nhiên bồi hồi, vẩn vơ lo sợ, nghĩ tới ngày mai, không biết phồn vinh vừa thấy sẽ còn chứng kiến cho tới ngày nào, hay sẽ dần dần tan biến, để lại vết tích phù du của một giấc mơ.

Quả thật, nhìn lại lịch sử cận đại của nước Mỹ, đã có rất nhiều những khu Tiểu Ý đại lợi (Little Italy) hay là ốc đảo người Ái Nhĩ Lan, Ba Lan... khi trước thịnh vượng bao nhiêu, mà nay chỉ còn dấu vết lu mờ, mục tiêu du ngoạn của khách nhàn lãm hơn là chứng cớ của một cộng đồng đang thời triển nở. Nhưng mà ngược lại, cũng có rất nhiều biệt khu thiểu số, đặc biệt là Tàu và Nhật, hãy còn sung mãn và vẫn tiến mạnh, hình như không chút hề hấn dầu cho năm tháng và các thăng trầm của cuộc di dân. Thành ra khó nói được trước tương lai hình thù ngoại diện của các cộng đồng thiểu số ở trên đất Mỹ.

Vấn đề cụ thể cho riêng chúng ta là sao đoán biết tương lai chính mình, tập đoàn đoàn người Việt, nói trước các cuộc biến chuyển tập hợp di cư hải ngoại ở nơi định cư trên thế giới, vận mạng của các đoàn thể dân chúng hiện đang chớm nở hay đang sống mạnh ở nhiều địa điểm trên khắp năm châu. Có phải rồi chúng sẽ lớn hơn lên, vững chãi, ngày càng thêm sức? Hay chúng sẽ bước qua khỏi giai đoạn phát triển nhất thời, lần lần thu nhỏ, để rồi tan biến trong khối đại đồng dân chúng của nơi cư ngụ, chỉ còn để lại vết tích tàn dư của "thời oanh liệt"? Nghề đoán tương lai rất là bạc bẽo: trừ các thầy bói "chuyên nghiệp," cả quyết vì tiền, còn thì không ai dám chắc rằng mình nói trúng tất cả và không sai chạy. Thế nên hôm nay, tiên đoán vận mạng các tiểu cộng đồng người Việt hải ngoại là chuyện đội đá vá trời và không đảm bảo. Tuy nhiên việc ấy rất cần và muốn hay không, vẫn phải có người gánh vác. Công trình có vẻ tham lam, vừa vì tầm vóc vấn đề, vừa vì phương tiện thiếu sót. Do đó, chúng tôi chỉ làm công việc tiền sát, ước chừng đại để, để mong sẽ có học giả hoàn thành nghiên cứu và sẽ đi xa hơn nữa và đến kết luận một cách khoa học hơn.

Phương tiện chúng tôi tạm dùng là cố nhận diện một số yếu tố có thể ảnh hưởng thuận lợi hay bất thuận lợi cho việc tăng triển cộng đồng. Kết quả thật tế dĩ nhiên tùy thuộc những gì xảy ra ở trong thực tế, hình thể, cường độ biến chuyển sự việc. Nghĩa là cuối cùng chúng tôi sẽ để người đọc tự mình kết luận và tự suy đoán sau khi có hết dữ kiện khách quan, luôn cả ý kiến của riêng người viết.

Tại sao Cộng đồng lại khó tồn tại?

Chánh yếu, cộng đồng có thể đi theo ba ngõ. Thứ nhứt là sẽ tiếp tục đường thẳng, không phát triển thêm mà cũng không thấy suy mòn. Thứ nhì là lớn hơn lên, tăng dần, ngày càng thêm quan trọng. Thứ ba, ngược lại, là sẽ suy thoái, mất lần kích thước, ảnh hưởng, tuần tự đi vào tan biến.

Dự đoán đầu tiên xảy ra khi nào dữ kiện ổn định, bất biến, tình hình đại thể không hề chuyển đổi. Ước định vừa nói khó có thể xảy ra bởi vì không thế nào sự vật lại không đổi dời theo với năm tháng: kinh tế, nhu cầu, nhân sự nhất nhất đều thay, khó giữ nguyên như cũ. Một duyên cớ khác là khi tăng triển và suy thoái cân bằng nhau, hai bên cầm chân với nhau thì kết quả gần như bất động. Như vậy phải kể đến cả hai bên, biết rõ hai phía mới quyết cân phân.

Cuối cùng, chỉ cần tìm hiểu hai loại yếu tố: một mặt, những cớ khiến cho cộng đồng di cư sẽ đi lần lần vào chỗ lụn bại, mặt khác trái lại, yếu tố sẽ giúp cộng đồng vươn lên oai vũ, hay là ít nhứt, sẽ vẫn trường tồn, khang kiện. Tất nhiên tất cả đều ở trong vòng giả định, có thể xảy ra hoặc có thể không, hoặc với cường độ khó đoán được trước. Âu đây cũng là bản chất của mọi khoa học nhân văn, không thể hoàn toàn chính xác một khi tùy thuộc con người với quyền tự do quyết định.

Theo cái nhìn bi quan nhứt, rất nhiều lý do có thể khiến cho tình thế hiện tại không giữ được lâu hoặc sẽ suy đồi, và đưa cộng đồng đến chỗ lần lần tàn úa.

Giả định đầu tiên thuộc về dân số: số dân Việt Nam di cư sẽ ngày càng ít hơn đi, chỉ còn số lượng khiêm nhường và không ồ ạt như trước. Không còn các đợt nhập cảnh đại qui mô theo diện tị nạn, HO hay con lai, chỉ có lơ thơ một ít trường hợp đoàn tụ gia đình, một số lánh cư, vài người di dân (migrant). Số người Việt mới so với người cũ, di cư trước đây nhiều năm, chỉ rất là nhỏ. Họ vẫn sẽ đem tinh thần quê cũ, tập quán, thói quen bên nhà vào nơi sống mới, nhưng họ ít quá, sợ rằng sẽ không ảnh hưởng bao nhiêu, đặc biệt không đủ nhân sự nuôi sống các tiểu cộng đồng.

Và nhứt là khối của họ rồi sẽ mất hút và chìm trong đại đa số là khối người cũ, càng ngày càng biến dạng và bị đồng hóa, thành Mỹ, thành Pháp, Úc hay Gia Nã Đại, với nhiều đặc tánh của người bản xứ nhiều hơn là nét Việt Nam.

Hậu quả rõ rệt của tình trạng ấy là các nhu cầu đã khiến nảy sanh cùng là nuôi dưỡng cộng đồng của người Việt Nam ngày càng giảm thiểu, không như hồi đầu, khi tập thể người Việt thấy *cần phải* có một cộng đồng. Thí dụ, kiều dân Việt Nam, trước đây cảm thấy nhu cầu tập hợp vì cần gặp người đồng chủng để nói tiếng Việt, thì nay đã quen tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức... không còn mấy ngỡ ngàng khi dùng ngoại ngữ. Họ không nhất thiết phải làm ăn buôn bán với riêng người Việt mà thôi. Họ đã quen nước quen cái, không còn xem chỗ họ ở là chốn xa lạ cho nên không thấy cần phải tìm đến đồng hương mới gọi là nơi quen thuộc: họ không cần phải có "người mình" bao vây, che chở vì không còn ngại người "không phải là Việt Nam." Tóm lại chính người Việt Nam sẽ thấy cộng đồng của mình không còn mấy cần thiết và ích lợi. Có được cộng đồng thì cũng hay, vì là vết tích để nhắc nhớ nguồn gốc và có thêm chỗ du lịch, nhưng hết còn thiết yếu như thời gian đầu, vì không còn thấy lý do khẩn cấp nào bắt ta phải bám víu, vun bồi, nuôi dưỡng và tập hợp đồng bào.

Đối với các trẻ thế hệ sau nầy, khuynh hướng thu hút, tập hợp nhau về những khu người Việt cũng bớt. Ngay các cộng đồng từng là nơi chôn nhau cắt rún của một số người cũng còn chưa chắc đủ sức cầm chân và nắm giữ chính con em mình lại, nói chi đến việc thu hút thanh niên sanh ở chỗ khác. Người thanh niên Việt hải ngoại đã được tự do, quá quen với trời đất bao la, vẫy vùng với cả thế giới không xem đâu là biên giới, nên họ không muốn bó mình vào riêng một chỗ. Chỗ nào họ cũng có thể coi là nhà và không cần một địa điểm nào đặc biệt. Lý do họ chọn khu A hay B thay vì cộng đồng Việt Nam X hay Y thật là giản dị và thực tế: chỉ vì tiện ích và có lợi, còn các yếu tố tình cảm như muốn gần bà con, cô bác hay người đồng hương thì không còn được coi nặng nữa.

Một người sinh ra ngay giữa cộng đồng rồi cũng không chắc sẽ theo chân cha mẹ. Như mọi thanh niên, họ muốn bay nhảy, đi xa, đến những chỗ nào khác hơn nơi sanh quán. Họ muốn tự lập tự cường, ít khi chịu theo con đường — thường khi khiêm nhường — cha mẹ đã vạch. Cha mẹ thường thường là người buôn bán hoặc làm ăn nhỏ, hoặc làm hàng quán độ nhựt. Xứ Mỹ hay là ngoại quốc nói chung là

'đất cơ hội" (land of opportunity), cái gì cũng có thể đạt với chút tài năng, nên ai cũng muốn vươn cao, ra khỏi những nghề hèn mọn họ đã trông thấy ở trong cộng đồng nguyên thủy. Thế nên họ muốn — và chính cha mẹ họ cũng muốn — họ trở thành chuyên viên, bác sĩ, kỹ sư... thay vì làm công, buôn bán như cha mẹ đã làm trước kia. Thăng tiến kiểu ấy tốt cho tập thể nói chung nhưng trên thực tế sẽ làm cộng đồng yếu đi, sẽ lần thiếu người kế nghiệp khi các người lớn già lần, mất đi mà không có người thay thế. Tình trạng này thường thấy trong các tiểu cộng đồng tập hợp ít người ở thành phố nhỏ: người trẻ đầu Mỹ hay Việt đều muốn rời nơi tỉnh nhỏ để tìm ánh sáng thị thành và sẽ tìm về các thành phố lớn vì nhiều tiện lợi và có nhiều cơ hội thăng tiến. Cộng đồng dân tộc ở tại các đô thị lớn do đó có thể tồn tại lâu hơn vì sẽ bị ít mất người.

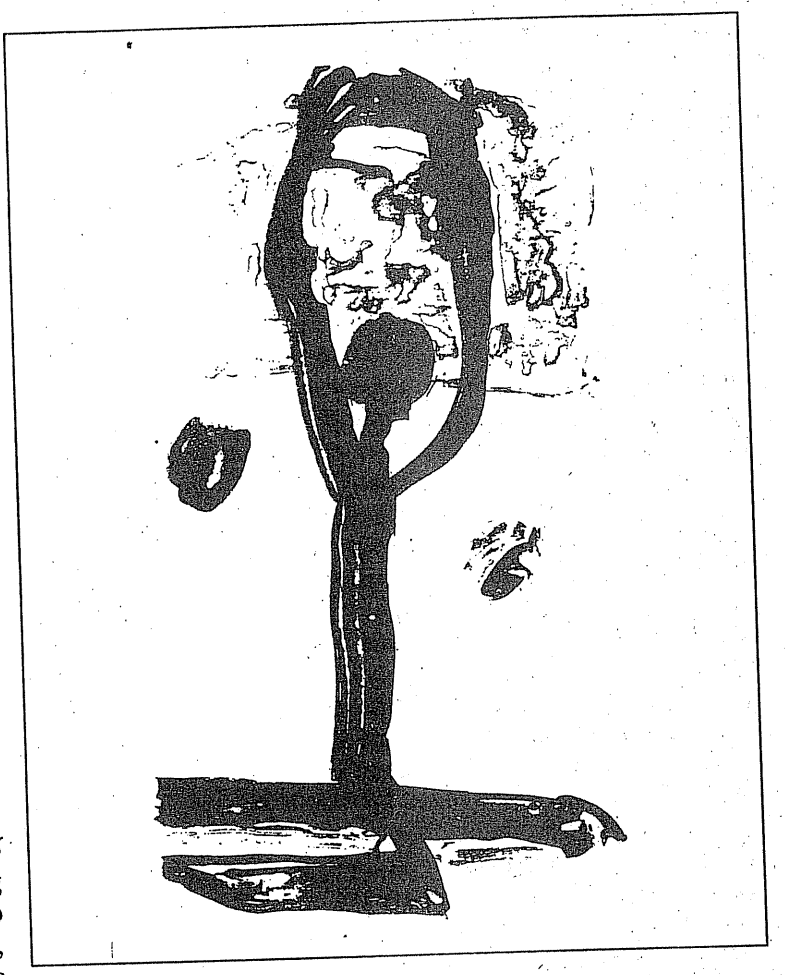

Tại sao Cộng đồng rồi vẫn tồn tại?

Cho đến đây, dự đoán có vẻ bi quan, chỉ toàn những lẽ khiến nghĩ rằng các cộng đồng Việt Nam sắp tới ngày tàn và sẽ lụn bại không phương cứu chữa. Những điều nói trên có thể không sai nhưng hãy còn thiếu một vế trong thân bài toán: ta chưa kể đến một số dữ kiện khiến cho cộng đồng hải ngoại rồi sẽ có lý do trường tồn và phát triển, những yếu tố góp thêm sức mạnh cho việc tập hợp sắc dân thiểu số kiểu người Việt Nam ở tại ngoại quốc.

Thật ra không có gì hoàn toàn mới lạ: vẫn những điểm chúng ta vừa nêu nhưng lại ước đoán theo chiều thuận lợi, không tô đậm khía cạnh bi quan.

Thoạt tiên, nhu cầu tập họp không bao giờ mất luôn hẳn, vẫn phải có những khu đặc biệt Việt Nam, giống như những Chinatown hay Japantown tại các thành phố lớn có nhiều người Tàu hay người Nhật. Nhu cầu tồn tại cộng đồng sẽ không khẩn thiết như lúc đầu nhưng vẫn còn trọng yếu. Những khu phố Việt Nam sẽ tiếp tục tồn tại, nhứt là một khi đã sẵn qui mô to lớn như ở Quận Cam, hay tại Sydney, Paris....

Các khu người Việt trong những năm tới vẫn là hòn đá nam châm và cũng là nơi trú ẩn tự nhiên cho một số người, hoặc vì mới đến, hoặc khó hay không gia nhập được nổi văn minh xứ chủ. Số lớn người Việt sau nầy có thể đã quen đường đi nước bước và không hăm hở nói tiếng Việt Nam hay gặp đồng bào như hiện bây giờ, nhưng xin đừng quên nhu cầu của người không thuộc các loại vừa nói, lúng túng tìm chỗ yên thân, ẩn náu ở giữa đồng bào thay vì ở với người Mỹ, người Pháp. Số này chưa ai rõ là nhiều hay ít nhưng thế nào cũng phải có. Cho đầu Việt Nam "đổi mới" với một bộ mặt kinh tế sáng hơn khiến dân bớt ý vọng ngoại, một số người Việt vẫn còn muốn đi, di dân hay hoặc theo diện đoàn tụ gia đình. Nếu gặp chánh quyền không quá khó khăn, sẽ có nhiều người đến Mỹ, hay Pháp, hay Úc... lập

nghiệp, kiểu dân Đại Hàn, Trung Quốc hay Phi Luật Tân bây giờ xuất ngoại đi khắp năm châu. Di dân mới qua, theo như truyền thống, vì cần không khí đồng chủng, lại sẽ tụ tập ở các ốc đảo kiều dân, nhờ đó để làm bàn đạp, mở ngõ đi vào xã hội mới.

Đối với một số người, ích lợi ốc đảo và của những Tiểu Saigon có thể bớt đi chớ không hết hẳn. Và cũng đừng quá coi nhẹ tinh thần dân tộc của người Việt Nam hải ngoại. Dầu đã đồng hóa, được là công dân nước Mỹ hay Úc hay Pháp, nhưng ít ai quên mất gốc nguồn Việt Nam. Người Việt hải ngoại sau nầy có thể không nói tiếng Việt trôi chảy nhưng vẫn rung cảm trước cảnh đồng hương đang sống tụ tập và ít nhất là cũng trong chốc lát, sẽ tự nhận là người da vàng mũi tẹt, tự nhiên kết hợp với khối đồng bào. Trên thực tế, cộng đồng Việt Nam hãy còn nhiều sức quyến rũ: ăn uống, mua sắm ở tại ngay gốc Việt Nam vẫn thích, sẵn hơn, hời hơn, và tuy phẩm chất không hẳn đảm bảo, nhưng thường tiện và lợi hơn. Do đó vẫn còn có người về với cộng đồng Việt Nam.

Mặt khác, không chắc là các cộng đồng rồi sẽ khô cạn tài nguyên nhân sự. Chúng tôi đã nhắc các người di dân qua sau nầy là một số không nhỏ sẽ là thành viên của tiểu cộng đồng trong tương lai. Mặt khác, nên nghĩ rằng không nhất thiết mọi người thanh niên, thiếu nữ, con cái cộng đồng sắp tới, sẽ là bác sĩ, chuyên viên, luật sư... Như trong bất cứ cuộc tập hợp bình thường nào của mọi dân tộc, sẽ có người khá, có người trung và có người thường, đám quần chúng nào cũng có đủ loại người. Cộng đồng tương lai do đó chắc sẽ không thiếu những người làm thợ, buôn bán hay là làm công, cho dẫu người Việt tánh hiếu học hay thích bằng cấp! Có thể cộng đồng Việt Nam ít có năng khiếu làm nghề buôn bán như cộng đồng Tàu nhưng chắc không thua gì mấy các cộng đồng Nhựt hay là Cuba hiện đang sống mạnh - như vậy chúng ta cũng nhiều khả năng tiếp tục phát triển đủ nghề cùng với người ta.

Một điểm cần phải nhắc lại là người Việt, dầu muốn hay không, cũng khó bị đồng hóa hoàn toàn, vì cơ thể của họ. Với nước da, khuôn mặt của mình, người Việt không sao lẫn lộn trong đám đông người bàng dân xứ khách, không sao mất hút trong khối nhân dân đại đồng. Mặc dầu trong trí có muốn thành Mỹ, hay Pháp hay Gia Nã Đại đến đâu, người Việt hải ngoại, chỉ cần ngó qua là nhận được ra là Việt, là người châu Á, khác với người trong xứ vì tại da vàng, mũi xẹp! Thành ra cho đến đời thứ ba hay thứ tư sẽ vẫn còn người Việt Nam tìm đến những cộng đồng Việt Nam, trong khi các sắc dân có nguồn gốc Tây phương, chỉ đến thế hệ thứ hai hoặc thứ ba thì đã phai mờ hết nét cố hữu của dân tộc.

Thực tại

Dân số trong cộng đồng Việt Nam có thể tăng ít hay nhiều chưa ai dám cả quyết vì nay còn là giai đoạn giao thời, chánh phủ Việt nam (cọng sản) hãy còn lơ lửng về chánh sách di dân. Yếu tố tâm lý buộc chặt dân Việt di cư vào với cộng đồng hãy còn rất mạnh vì hiện hãy còn quá mới. Thế hệ thứ hai của cộng đồng Việt vừa lớn lên, hãy còn dưới mắt giám sát của cha mẹ, cô bác thuộc thế hệ thứ nhất, cho nên lý tưởng cộng đồng dân tộc hiện hãy còn rất cao. Nếu có suy thì cũng phải chờ trên 50, 60 năm nữa, nghĩa là hai thế hệ nữa mới thấy đặc tánh Việt Nam và nhu cầu tập hợp bớt lần. Sau đó có thể bớt đi chút ít nhưng không tan hẳn vì mối liên hệ tâm lý sẽ vẫn còn đáng kể. Sở dĩ còn không phải vì ta ái quốc hơn người mà vì nhân dạng, chúng ta khó, hay không thể, đồng hóa hoàn toàn với cộng đồng chủ, mà vẫn luôn là "người ngoài." Cộng đồng rồi sẽ tồn tại nhưng phải mở rộng, không sống như là tập thể riêng dân tộc mình, hoạt động cho riêng người Việt Nam mà thôi, mà mở rộng đón mời các dân tộc khác. Cộng đồng có thể mất đi một phần độc đáo nhưng sẽ lấy thêm tính cách đại đồng, phải có thêm khách bốn phương mới tiếp tục sống còn.

Trên đây chỉ là ước tính. Tuy là căn cứ trên những yếu tố khách quan, nhưng các dự đoán không khỏi chủ quan và cường điệu, nhứt là dựa vào những ước lượng rất riêng tư. Chỉ xin đưa ra như những gợi ý để theo đó mỗi người sẽ suy luận thêm nữa.

Một câu hỏi khác là liệu ta có làm gì được chăng, để giúp cộng đồng trường tồn? Câu trả lời sẽ tùy mỗi người, nhưng nói cách chung thì làm được cái gì tích cực cũng tốt: hoạt động chánh trị, sinh hoạt văn hóa, làm ăn, buôn bán... Cái gì cũng được, miễn là làm cho cộng đồng thịnh vượng, vững mạnh. Một khi đã giàu mạnh thì cộng đồng chắc chắn sẽ càng hấp dẫn, càng đủ sức để giữ người Việt gắn bó, tập hợp lại với nhau, và tiếp tục tồn tại một cách đẹp đẽ, thoải mái.●

TƯỚNG TRẦN ĐỘ KHÔNG ĐƯỢC RA BÁO

"Lại không nói được nữa rồi!"

Đó là câu chót trong cuộc phỏng vấn Tướng Trần Độ mà đài BBC phát thanh ngày hôm qua. Nhà báo điện thoại hỏi về việc ông bị đảng Cộng Sản từ chối khi xin xuất bản một tờ báo. Chính quyền viện lẽ luật báo chí không cho tư nhân xuất bản báo, mà chỉ cho phép các cơ quan, đoàn thể. Ông Trần Độ đang trả lời thì nghe thấy tiếng máy rè rè vì bị phá rối. Trần Độ than: "Lại không nói được nữa rồi!" Và đài BBC đã phát thanh đầy đủ cả lời than thở đó cho thính giả ở cả nước Việt Nam nghe!

Nhưng tại sao Tướng Trần Độ lại không đọc kỹ luật lệ trước khi làm đơn xin ra báo? Phải chăng ông biết có cái đạo luật bịt miệng này từ lâu, nhưng cứ "húc đầu vào bức tường đá," xin xuất bản một tờ báo để đùa chơi? Ở bên Trung Quốc, các ông Tần Vĩnh Mẫn, Từ Văn Lập cũng vậy, họ biết luật lệ cộng sản không cho lập đảng chính trị, nhưng cứ đến trụ sở nhà nước đăng ký đảng Dân chủ. Họ bị bắt bỏ tù rồi, lại có những người khác, ở các tỉnh khác tiếp tục đi đăng ký lập chi nhánh đảng Dân chủ.

Những người như Từ Văn Lập, Trần Độ cũng mới đi một bước đầu. Bước kế tiếp phải làm, là đòi xóa bỏ những luật lệ hạn chế tự do. Hiến pháp ghi rõ người dân có quyền tự do ngôn luận và tự do hội họp. Nếu luật lệ ngăn cấm các quyền đó thì người dân phải kiện trước tòa án đòi xóa bỏ những đạo luật "vi hiến." Dù biết quyền tư pháp cũng nằm trong tay một nhóm độc tài, nhưng kẻ sĩ không thể vì thế mà chịu nhục mãi.

MỘT TRIỆU NGƯỜI VỀ THÁNH ĐỊA HÒA HẢO

Từ 1975, năm nay lần đầu tiên các tín đồ Phật giáo Hòa Hảo được phép về Thánh địa kỷ niệm 60 năm ngày Đức Huỳnh Giáo Chủ khai sáng đạo. Tổng số tín đồ khoảng 4, 5 triệu, mà một triệu người đã về làng Hòa Hảo, vượt hẳn mọi dự đoán của cán bộ trong "Ban Đại diện." Nhiều quán cơm được dựng bên đường để mời các bạn đồng đạo; ghe, thuyền, xe cộ tấp nập, nhà cầm quyền phải hạn chế chỉ cho lập sáu địa điểm ăn cơm và hạn chế số thuyền, xe lưu thông.

Phật Giáo Hoà Hảo là một trong nhiều khuynh hướng "hiện đại hóa" đạo Phật để phù hợp với truyền thống Việt Nam. Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng sáng lập một đảng chính trị với chủ trương Dân chủ, Xã hội, chịu ảnh hưởng một tư trào mới từ Tây phương.

Năm 1979, Ban Tôn giáo của đảng đã báo cáo: "Ta hoàn toàn có khả năng xóa bỏ tôn giáo Hòa Hảo" và đặt kế hoạch ba giai đoạn để "Đảng và Chính phủ có thể vĩnh viễn xóa bỏ Đạo Phật Giáo Hoà Hảo trong hạn kỳ 15 năm, kể từ năm 1980..." Có những người viết bản báo cáo đó bây giờ cũng đứng ra tổ chức ngày lễ và nhìn thấy sự thất bại của họ.

Trong số một triệu người lần lượt về làng Hòa Hảo chắc cũng có những người không phải tín đồ, nhưng đã về đó để được sống trong không khí tự do và hòa hợp chân thật, hiếm hoi. Hiện tượng đó không khác gì cảnh đã xảy ra ở Đông Đức năm 1989 khi các buổi lễ và thuyết giảng ở nhà thờ Thánh Nicolai tại Leipzig đã thu hút hàng chục ngàn người, rất nhiều người không phải tín đồ. Một buổi tối, những người này đã thắp nến, bước ra đường, tuần hành đòi tự do dân chủ.

Năm ngoái, mấy trăm ngàn người đã về dự Thánh lễ kỷ niệm Đức Mẹ La Vang. Tháng Tám năm nay, La Vang sẽ là nơi tụ hội cho các tín đồ Công giáo và theo tình hình hiện nay thì con số sẽ đông gấp nhiều lần hơn nữa.

Các cuộc tập hợp ở La Vang, Hòa Hảo là điềm báo trước của sự chuyển hóa giống như hiện tượng "Lượng biến thành phẩm" theo lối nói của người Mác xít.

GIẢM THUẾ CÁCH NÀO?

Tổng thống Clinton báo tin trong mười năm tới ngân sách Mỹ sẽ thặng dư 1000 tỷ Mỹ kim (số 1 và 12 con số không). Cơ quan Ngân sách sau đó xét lại, dự đoán cho 15 năm tới, sẽ thặng dư những 2 ngàn 900 tỷ Mỹ kim. Chưa trông thấy số tiền thặng dư đó, các nhà chính trị đã bàn chuyện đem chi tiêu thế nào. Nghề của họ là như vậy. Ông Clinton nói muốn dùng số tiền dư đó để giữ cho Quỹ hưu bổng

Social Security và Y tế cho người về hưu, Medicare khỏi bị phá sản trong tương lai. Các đại biểu Quốc hội Mỹ thì năm tới sẽ đem tiêu ngay vào các chương trình xây cất đường xá, cầu, phi trường, v.v. để có món quà tặng cử tri đơn vị mình, nhất là cho các nhà thầu xây cất. Cuối Tháng Bảy, đảng Cộng hòa ở hai viện Quốc hội thông qua các dự luật giảm thuế, khoảng 800 tỷ Mỹ kim.

Nhưng dân Mỹ khôn ngoan biết rằng tất cả các chuyện đó chỉ để vận động tranh cử, chứ không có chuyện giảm thuế năm tới đâu. Vì trước khi Quốc hội bỏ phiếu thì Tổng thống Clinton đã dọa sẽ phủ quyết. Đảng Cộng hòa có đủ đa số mỏng manh để thông qua các dự luật nhưng họ cũng biết làm tính cộng để biết không đủ hai phần ba số phiếu để bác bỏ khi ông Clinton phủ quyết.

Vậy tại sao họ cứ bỏ phiếu với các con số cắt thuế vĩ đại như vậy? Vì sang năm là năm bầu cử. Trong năm tới, các ứng cử viên Cộng hòa đi đâu cũng khoe họ chủ trương giảm thuế cho dân, tố cáo các đối thủ Dân chủ đã bỏ phiếu chống!

Ngược lại, các ứng cử viên Dân chủ có thể tố cáo rằng các dự luật giảm thuế của đảng Cộng hòa lợi cho nhà giàu hơn nhà nghèo. Và họ có thể lập lại ý kiến của ông Clinton, nói rằng nếu cắt nhiều thuế như đảng Cộng hòa muốn thì Quỹ Hưu Bổng và Medicare sẽ lâm nguy.

Các đại biểu đảng Cộng hòa tìm cách bớt thuế di sản, tức thuế đánh trên lợi tức do tài sản mà người chết để lại. Một năm số thuế này mang lại cho ngân sách nước Mỹ 24 tỷ đô la. Và dự luật thuế sẽ ảnh hưởng đến những ai? Chỉ có 2% dân Mỹ đủ giầu có để đóng thứ thuế này. Nay mai, ai hưởng di sản dưới một triệu Mỹ kim thì không phải đóng thuế.

Dân biểu Cộng hòa Bill Archer, chủ tịch Ủy ban Chuẩn chi Hạ viện cũng đang muốn giảm thuế trên lợi tức đầu tư, cắt đi ít nhất 15%. Lý do thường được nêu ra là giảm loại thuế này sẽ kích thích việc mua bán cổ phần, trái phiếu, giúp cho kinh tế tiến nhanh hơn.

Nhưng cựu Bộ trưởng Ngân Khố Bob Rubin đã nhiều lần nói rằng không có bằng chứng nào cho thấy việc giảm thuế đóng trên tiền lời đầu tư có ảnh hưởng gì đến mức phát triển kinh tế. Những ai sẽ được hưởng loại thuế này? Những người mua cổ phần và trái khoán, nghĩa là hầu hết dân Mỹ từ trung lưu trở lên. Nói như vậy thì thấy đề nghị này giúp giới trung lưu. Nhưng khi nhìn kỹ các con số thống kê về thuế vụ thì thấy giới trung lưu thật sự cũng kiếm lợi về đầu tư rất ít. Và nếu tổng số thuế về đầu tư được bớt là 100 đồng thì có tới 70 đồng là bớt cho những người thuộc loại giầu nhất nước Mỹ, khoảng 5% các người đóng thuế; và một phần tư số thuế giảm bớt là cho những người có lợi tức trên một triệu một năm hưởng.

BAO GIỜ TRUNG QUỐC MỚI PHÁ GIÁ?

Giữa Tháng Bảy, Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ mời lãnh đạo các tỉnh về Bắc Kinh họp. Tờ báo Tin Tài chánh cho biết Chu Tổng lý yêu cầu các tỉnh phải cố thúc đẩy tiêu thụ, đầu tư và xuất cảng. Nói như vậy cũng giống như khuyên các bệnh nhân hãy uống đủ thuốc, tẩm bổ và nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Liệu bệnh nhân có thể theo đúng lời khuyên hay không?

Tháng trước, chính phủ Bắc Kinh công bố những thống kê. Trong sáu tháng đầu năm, số tiền thu về hàng xuất cảng giảm 4.6%; đầu tư ngoại quốc thật sự giảm 9.2%. Đầu tư vào tích sản cố định (máy móc, trang bị cho đến nhà cửa, đường xá) tăng 9%, quá thấp với mức tăng 30% lúc đầu năm. Giá sinh hoạt giảm liên tục trong 20 tháng vừa qua, cho thấy người dân nói chung không muốn bỏ tiền ra mua sắm.

Tại Trung Hoa (và Việt Nam) giá cả đang xuống, vì các doanh nghiệp nhà nước bán hàng không được, phải phá giá để bán bớt hàng tồn kho, lấy tiền đắp vào vốn luân chuyển. Người tiêu thụ giữ tiền không chi tiêu nữa, đợi giá giảm thêm. Gửi tiền ở ngân hàng thì được trả lãi, còn mua cái quạt điện về, tháng sau thấy cũng cái máy đó giá rẻ hơn, ai dại dột như vậy? Hàng ế lại xuống giá, các xí nghiệp quốc doanh lỗ lã. "Tâm lý giảm phát" trái ngược với "tâm lý lạm phát."

Từ năm ngoái, Chính phủ Bắc Kinh đã thúc đẩy số "cầu" bằng những công trình xây cất lớn khắp nơi trong nước, giống như đem phát thêm tiền cho dân tiêu thụ. Đầu năm 1999 Ngân hàng Trung ương cho giảm lãi suất để khuyến khích mọi người vay tiền, đầu tư hoặc tiêu thụ. Báo chí ở Việt Nam gọi đó là những biện pháp "kích cầu" (một từ rất đúng và gọn, nghe mãi sẽ quen tai không bị hiểu lầm là đá bóng.)

Cả hai biện pháp kích cầu chưa thấy hiệu quả. Ba tháng đầu năm nay Tổng Sản Lượng

Quốc Nội Trung Quốc tăng 8.3% so với năm trước, ba tháng sau đó chỉ còn tăng 7.1%, và lo rằng nửa năm thứ nhì sẽ còn thấp hơn. Bắc Kinh đặt chỉ tiêu tỷ lệ tăng trưởng cho năm 1999 ở mức khiêm tốn 7%, thấp xa so với những năm trước. Một viên chức báo động nếu tăng trưởng dưới 7% là coi như suy thoái. Ở Việt Nam cũng đặt chỉ tiêu 5-6%, mức gia tăng thật sự là 4.3%, và Phó Trưởng ban Kinh tế Trung ương Đảng, ông Phạm Chánh Trực cũng nói nếu xuống tới 4% thì kể như là suy thoái.

Nếu hai liều thuốc kích cầu trên không công hiệu, thì chỉ còn một cách là giảm giá đồng nhân dân tệ, gọi là đồng Nguyên.

Cuối năm 1997, sau khi nhiều nước Á đông phá giá tiền tệ, chính phủ Bắc Kinh đã cương quyết giữ giá đồng Nguyên. Cả thế giới hoan nghênh và biết ơn. Vì nếu họ phá giá tiền tệ thì kinh tế toàn vùng sẽ càng nguy khốn, kinh tế thế giới cũng bị ảnh hưởng. Nếu đồng Nguyên xuống, hàng sản xuất ở Trung Hoa sẽ bán ra với giá rẻ hơn, cạnh tranh với Thái Lan, Mã Lai, Indonesia... Thí dụ một đô la Mỹ đang đổi được 8 Nguyên, lên thành 9 Nguyên, thì cái quần 72 Nguyên xuất cảng giá 9 đô nay chỉ còn 8 đô thôi. Nếu chuyện đó xảy ra năm ngoái, các nước khác trong vùng sẽ phải phá giá tiền tệ lần nữa để cạnh tranh. Khi các nước cùng leo thang phá giá, cuộc chiến có thể kéo cả vùng vào vòng suy thoái lớn.

Nhưng tình hình năm 1999 đã khác. Nền kinh tế các nước Á Đông đã hồi phục, nước nào cải tổ nhanh và triệt để hơn thì hồi phục mau hơn. Đặc biệt, những nước đã thay đổi chính phủ ngay như Thái Lan, Nam Hàn thì phục hồi sớm nhất. Kho dự trữ ngoại tệ hai nước này đã gia tăng, ở Đại Hàn coi như bằng con số trước khi khủng hoảng. Các nước Á đông đang lấy lại tin tưởng của giới đầu tư quốc tế, tiền lại đổ vào, và nếu họ không tự mãn sai lầm, chịu tiếp tục cải tổ hệ thống ngân hàng và cơ cấu các xí nghiệp, thì họ sẽ vững mạnh hơn cả trước năm 1997.

Do đó, nếu bây giờ Trung Quốc phá giá đồng Nguyên thì cũng không làm cho kinh tế vùng bị nguy ngập. Trừ Việt Nam tất nhiên. Hiện nay các báo trong nước liên tiếp báo nguy hàng Trung Quốc (nhập cảng hợp pháp hay nhập lậu) giết chết hàng nội hóa, từ chân gà đến trứng, đến quần áo, đĩa CD, v.v. vì giá quá rẻ. Doanh nghiệp Nhà nước ở Việt Nam kém hiệu quả, giá thành cao hơn. Hàng vải ở Việt Nam đắt hơn hàng Trung Quốc mỗi mét 7 đến 8 ngàn đồng. Nếu đồng Nguyên phá giá thì hàng Trung Quốc còn rẻ hơn nữa. Sợ rằng đến khi Thoả ước Thương mại Việt Mỹ được phê chuẩn thì đồng Nguyên đã phá giá rồi, muốn bán hàng sang Mỹ cũng khó cạnh tranh hơn!

Nhưng liệu Bắc Kinh có phá giá tiền tệ hay không? Chắc là chưa phá giá trong năm nay. Đang cãi nhau với ông Lý Đăng Huy ở Đài Loan gay go là một lý do không nên phá giá. Quốc khánh 1 tháng Mười kỷ niệm 50 năm cầm quyền, một ngày phải là đại hỷ, đại cát, một lý do nữa phải kiêng cữ không làm bữa tiệc mất vui.

Đầu Tháng Bảy, Chủ tịch Ngân hàng Trung ương Đới Tường Long tuyên bố rằng giá trị đồng Nguyên do thị trường quyết định. Ông cũng từ chối không khẳng định chủ trương quyết tâm bảo vệ hối suất hiện hành. Sau đó, các tờ báo đảng, từ nhật báo cho đến các tạp chí nghiên cứu đăng những bài bàn về việc phá giá, nói nó không ghê gớm như người ta lo ngại.

Một hậu quả của quả bóng thăm dò ông Đới Tường Long tung ra là các nhà đầu tư ngoại quốc sẽ kìm túi tiền lại. Nếu bỏ tiền vô bây giờ để xây nhà máy, mướn công nhân, sao không đợi sang năm, lúc tiền phá giá thì đổi được nhiều nhân dân tệ hơn?

Nhưng báo trước phá giá cũng kích thích tiêu thụ và đầu tư. Khi báo chí nói theo ông Đới Tường Long, hy vọng dân Trung Hoa sẽ đọc được thông điệp, bảo nhau đi mua đồ ngay kẻo mai mốt tiền mất giá. Có khi nhờ thế mà các kho hàng đầy ứ tại các xí nghiệp quốc doanh sẽ vơi dần.

(Ở Việt Nam thì khác. Để đối phó với tình trạng giảm phát, hàng hóa ứ đọng trong kho, nhà nước ra hai cái lệnh: Thứ nhất, ai đi mua thì ngân hàng nhà nước sẽ cho vay dễ dàng. Đó là một cách bắt các ngân hàng lãnh hậu quả làm ăn sai lầm của các xí nghiệp quốc doanh: Đánh bùn sang ao. Thứ hai, bắt các xí nghiệp của nhà nước phải ký hợp đồng dài hạn mua than của Tổng công ty nhà nước, mặc dù than vừa xấu vừa đắt. Đó cũng là chủ trương kinh tế "Quýt làm Cam chịu." Được cái, Doanh nghiệp của Nhà nước, ngân hàng cũng của nhà nước, chỉ có dân chịu hậu quả lạm phát, vì kích thích tiêu thụ tăng lên mà guồng máy sản xuất vẫn thiếu hiệu năng như cũ. Ông Lê Đức Thúy, Phó Thống đốc Ngân

hàng Nhà nước, tức Ngân hàng Trung ương, báo trước sáu tháng cuối năm nay Việt Nam sẽ lạm phát 6% đến 8%, cao hơn đầu năm. Ông yêu cầu các ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho thích hợp - nghĩa là tăng lên theo đà lạm phát. Hiện nay các ngân hàng ở Việt Nam đang bị đọng vốn không có người vay, tăng lãi suất thì làm sao cho vay để "kích cầu" được? Thật là khó!)

BƯỚC ĐẦU DÂN CHỦ TẠI INDONESIA

Đảng Tranh đấu Dân chủ đã chiếm nhiều phiếu nhất, 34% số phiếu trong cuộc bầu cử tại Indonesia đầu Tháng Sáu, vượt qua đảng Megawati Sukarnoputri đáng làm Tổng thống, vì đảng bà được nhiều người ủng hộ nhất. Hai năm trước đây, khi bà Megawati còn đang bị Tổng thống đương nhiệm Suharto sai tay chân lật đổ khỏi chức Chủ tịch đảng Dân chủ, nhiều báo ngoại quốc nhận xét bà là nhà đối lập sáng giá nhất, nhờ thừa hưởng danh tiếng của thân phụ, người đã bị ông Suharto lật đổ từ năm 1965. Chữ Sukarnoputri trong tên bà cho biết bà là con của ông Sukarno, Tổng thống đầu tiên ở Indonesia sau Chiến tranh Thứ hai. Nhưng ngoài uy tín đó ra, nhiều báo nhận xét, bà không có khả năng chính trị, và cũng không có tham vọng thay thế ông

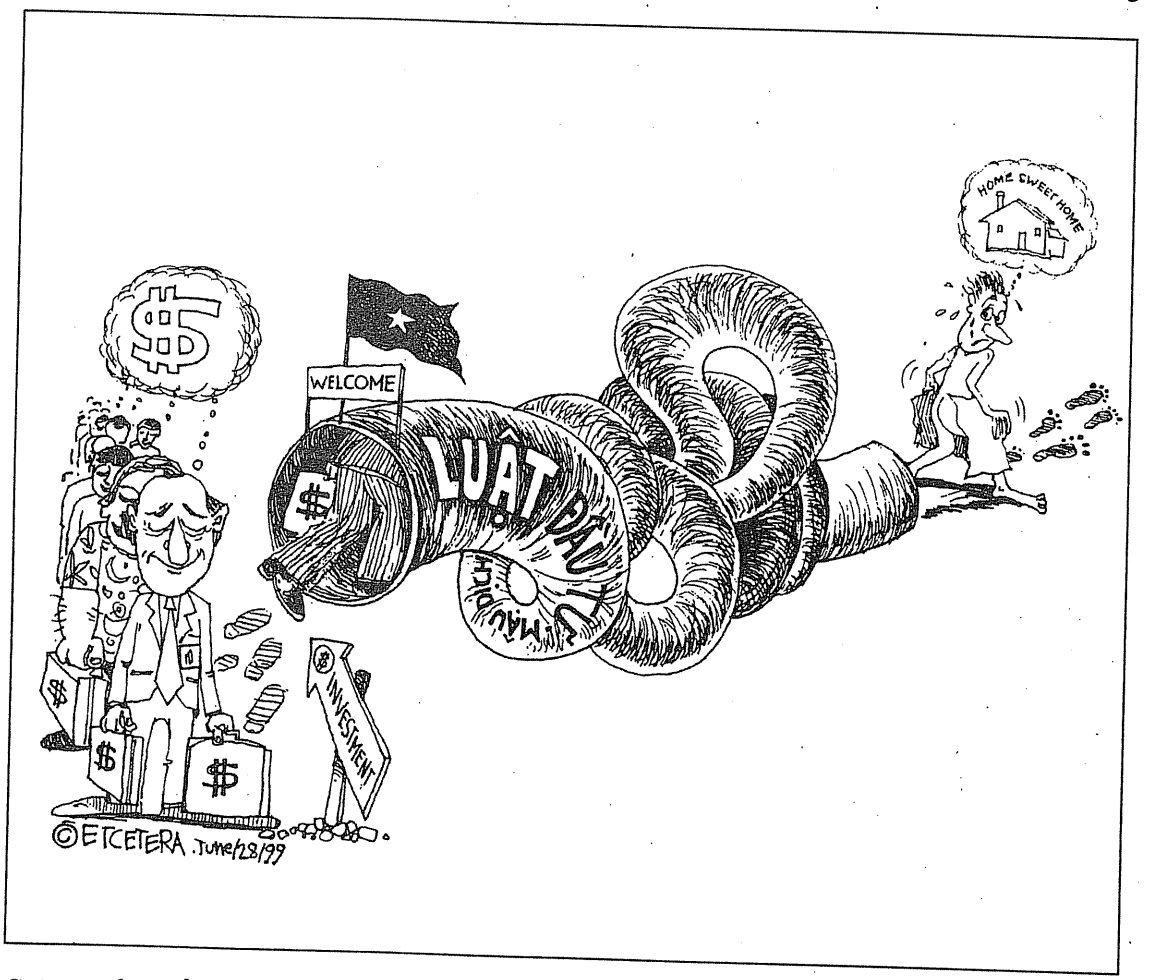

Golkar của Tổng thống Habibie đang cầm quyền. Nhưng lãnh tụ đảng Dân Chủ, bà Megawati Sukarnoputri có chắc lên làm Tổng thống vào Tháng Mười hay không?

Chúng ta phải nhìn đến cách bàu tổng thống tại Indonesia, và thực trạng chính trị tại xứ này.

Theo đúng tinh thần Dân chủ thì bà Suharto. Cuộc bầu cử vừa qua đánh dấu bước chập chững đầu tiên của 210 triệu dân Indonesia trên đường Dân chủ hóa.

Nhưng đó cũng chỉ là bước đầu. Hiến pháp Indonesia dự trù vị Tổng thống không do dân bầu trực tiếp mà được bầu bởi một Đại Hội đồng Tham vấn, trong đó có các Dân biểu Quốc hội và nhiều người do chính phủ chỉ

định. Đảng bà Megawati có thể chiếm nhiều ghế nhất trong Quốc hội, nhưng không bảo đảm sẽ thu hút được thêm những đảng khác ủng hộ, đủ phiếu bàu bà Megawati. Đương kim Tổng thống Habibie cũng chưa từ bỏ ý định tranh cử nữa, và đảng Golkar có thể liên hiệp với mấy đảng nhỏ để tranh với đảng Dân chủ. Hơn nữa, trong Hội đồng này có 40 ghế dành riêng cho quân đội, không do dân bầu, và ai được 40 người đó ủng hộ cũng thêm lợi thế. Tướng Waranto, Tổng tư lệnh quân đội cũng có tham vọng làm tổng thống, chưa kể các lãnh tụ những đảng Hồi giáo lớn. Trong cuộc tranh cử có 48 đảng, chắc cũng được 7, 8 đảng vào Quốc hội. Đảng nhỏ nào cũng có thể liên kết với ông Habibie và Quân đội để chia những ghế trong chính phủ mới.

Tình trạng đó có thể dẫn đến phân tán, hỗn loạn trong Quốc hội sắp họp ở Jakarta. Một vị Tổng thống không được dân tín nhiệm sẽ làm xã hội bất ổn hơn. Để thấy một ngõ thoát, chúng ta cần nhìn vào thực tế chính trị Indonesia.

Trong hơn 30 năm ông Suharto đã cai trị xứ này như một lãnh chúa phong kiến. Tài sản của nhân dân được chia cho con cái và bè bạn của ông khai thác. Xuất thân từ quân đội, ông chia các chức vụ chỉ huy cho đàn em, con cháu. Tướng Waranto cũng do ông phong làm Tổng tư lệnh. Nhưng trong thời gian 35 năm đó, ông Suharto cũng để cho một xã hội công dân phát triển: giới doanh thương được làm ăn; các đại học và giới trí thức được suy nghĩ, nghiên cứu một cách độc lập; nhiều hội đoàn tôn giáo, nghề nghiệp, cả những hội bênh vực nhân quyền đã hoạt động. Giới chuyên gia du học Âu Mỹ được trọng dụng, ở trong chính quyền và thương trường. Giới tướng lãnh, sĩ quan cũng là những người có học, hiểu biết, tạo được truyền thống tốt.

Gia đình Suharto lạm dụng quyền hành để làm giầu, nhưng họ không độc chiếm quyền kiểm soát tất cả xã hội như những chế độ toàn trị. Cuộc bàu vừa qua có vẻ cử trong sạch, đảng đối lập lại chiếm nhiều phiếu nhất, chứng tỏ dân chúng và xã hội Indonesia có khả năng Dân chủ hóa. Được như vậy cũng nhờ sự trưởng thành của một xã hội công dân, đặc biệt báo chí và đảng phái bắt đầu được tự do từ lúc ông Suharto từ chức. Chính lớp người trung lưu ở Indonesia, dân sự và quân sự, sẽ là nền móng của nước Indonesia ngày nay. Quyền lợi kinh tế của giới trung lưu khiến họ phải bảo vệ những quyền tự do mới đạt được, vì chỉ khi mọi người chịu sống tự do theo luật chơi dân chủ thì xã hội mới ổn định, có ổn định thì kinh tế mới hồi phục được. Nhưng làm cách nào để tránh cảnh đảng tranh gây hỗn loạn trong Quốc hội và ngoài xã hội?

Indonesia có thể nhìn tấm gương Phi Luật Tân, nơi quân đội đã giúp đặt nền móng cho dân chủ khi chế độ độc tài của Fedinand Marcos chấm dứt năm 1986, bà Aquino được bầu làm Tổng thống. Lúc đó, ông Marcos chỉ chịu ra đi khi bà Aquino được Bộ trưởng Quốc phòng Enrile và Tư lệnh quân đội Ramos ủng hộ. Nếu thiếu sự ủng hộ của Tướng Ramos thì bà Aquino cũng khó nắm vững quyền hành trong một nước chia rẽ và chưa quen sống theo tinh thần trọng pháp. Sau một nhiệm kỳ, bà Aquino rút lui, và ông Ramos đã tranh cử, được bàu làm Tổng thống. Năm ngoái, khi ông Ramos hết nhiệm kỳ, một ứng cử viên đối lập đã đắc cử, chứng tỏ dân Phi Luật Tân đang thực sự sống trong tinh thần dân chủ.

Ở Indonesia, Tướng Waranto có thể đóng vai trò của ông Ramos. Trong tình trạng bấp bênh hiện nay, nếu ông Waranto ủng hộ bà Megawati Sukarnoputri thì hai người họp lại sẽ dễ dàng thuyết phục các đảng phái khác ủng hộ liên danh của họ. Tướng Waranto đã vận động cả cựu Tổng thống Suharto, đang bị bệnh. Nếu ông Suharto ưng thuận, chắc Tổng thống Habibie khó từ chối.

Nhưng trở ngại mà Tướng Waranto phải vượt qua là thương thuyết được với đảng Dân chủ và bà Megawati Sukarnoputri. Trong liên danh Megawati - Waranto ai sẽ đóng vai Tổng thống, ai chịu làm Phó Tổng thống? Bà Megawati đang có uy tín quá lớn, nếu bà đứng hạng nhì sợ rằng chính trị sẽ bất ổn. Liệu tướng Warnto có đủ kiên nhẫn chờ đợi như Tướng Ramos ở Phi Luật Tân hay chăng?

TẠI SAO ÔNG LÝ ĐĂNG HUY DÙNG CHỮ QUỐC?

Khi Đỗ Phủ viết "Quốc phá sơn hà tại - Thành xuân thảo mộc thâm" thì chữ Quốc nghĩa là gì? Không phải là quốc gia, mà chỉ là triều đại, bây giờ gọi là chính quyền, hay nhà nước. Trong một cuộc phỏng vấn, ông Lý Đăng Huy nói việc thương thuyết giữa Đài Loan và Trung Quốc từ nay phải diễn ra theo lối "lưỡng quốc đối đẳng," "giữa hai nhà nước ngang nhau" cũng theo nghĩa của Đỗ Phủ.

Ngay sau đó, chính phủ Bắc Kinh kịch liệt phản đối, gọi ông Lý Đăng Huy là tên phản quốc. Chính phủ Clinton yêu cầu Đài Bắc xác định lại, Đài Loan lại nói rằng chính sách của họ, "Chỉ có một nước Trung Hoa" không hề thay đổi.

Vậy thật sự có gì thay đổi hay không? Và tại sao ông Lý Đăng Huy lại thay đổi trong lúc này?

Sau năm 1949, chính phủ Trung Hoa Dân quốc rút ra cố thủ Đài Loan, Quốc Dân Đảng vẫn tự coi họ đang cai trị cả nước Trung Hoa. Hàng năm, ông Tưởng Giới Thạch vẫn hứa sẽ "quang phục lục địa." Trong khi đó, chính phủ Bắc Kinh và đảng Cộng Sản cũng tự coi họ nắm chính quyền cả nước Trung Hoa, trừ một tỉnh "phản loạn" là Đài Loan còn chưa được bình định. Hai chính quyền đối nghịch nhưng có một chủ trương giống nhau, là chỉ có một nước Trung Hoa mà thôi.

Năm 1972, Tổng thống Mỹ Nixon qua Trung Quốc, bản thông cáo Thượng Hải nhấn mạnh đến chủ trương "một nước Trung Hoa" và Đài Loan là một phần của nước đó. Tổng thống Carter, khi thiết lập bang giao, cũng xác nhận Bắc Kinh là chính phủ hợp pháp duy nhất của nước Trung Hoa, trong khi tránh không nói đến chính phủ Đài Bắc. Năm ngoái, Tổng thống Clinton qua Bắc Kinh nhắc lại một lần nữa chủ trương không bao giờ công nhận một "Nước Đài Loan". Cho đến nay, điều Bắc Kinh lo ngại nhất là Đài Loan tuyên bố trở thành một nước riêng, ly khai khỏi Trung Quốc. Khi đó, Bắc Kinh phải lựa chọn: hoặc đem quân dẹp "đám phản loạn," hoặc chịu nhịn nhục, mất mặt với thế giới. Ngoài ra tấm gương Đài Loan sẽ khuyến khích dân chúng Tây Tạng, Tân Cương v.v. đòi ly khai. Cả hai lựa chọn đó đều khó khăn, tránh né được thì hơn.

Lúc nào chính phủ Đài Bắc còn tự coi họ là chính quyền của cả nước Trung Hoa, còn nói chuyện thống nhất, thì Bắc Kinh vẫn yên tâm. Nếu Đài Bắc nói họ chỉ cai trị một nước Đài Loan thôi, tức là tuyên bố ly khai, không bàn chuyện thống nhất nữa, thì Bắc Kinh phải chống.

Trong mười năm trở lại đây, dân chúng Đài Loan đã thay đổi. Một đảng đối lập ngày càng mạnh, đảng Dân chủ Tiến bộ đã công khai chủ trương Đài Loan độc lập, không còn là một phần của nước Trung Hoa nữa. Trong cuộc tranh cử năm 1996 ở Đài Loan, Đảng Cộng Sản Trung Hoa ngầm giúp kẻ thù thời nội chiến của họ, là Quốc Dân Đảng, để đánh bại đảng Dân Tiến. Việc Bắc Kinh đe dọa eo biển Đài Loan đã giúp ông Lý Đăng Huy đắc cử. Một phần vì dân chúng muốn tỏ ra bất chấp chiến dịch đả kích Tổng thống họ Lý của Bắc Kinh, một phần vì nhiều cử tri lo chiến tranh xảy ra nếu đảng Dân Tiến thắng và tuyên bố độc lập.

Tại Đài Loan, chính quyền Quốc Dân Đảng từ đầu vẫn do thiểu số những người từ Trung Hoa lục địa nắm giữ. Ông Lý Đăng Huy là người đầu tiên sinh trưởng ở đảo này lên làm Tổng thống. Ông sinh ra trong thời gian Đài Loan còn là thuộc địa của Nhật, đã du học ở Nhật và Mỹ, nói tiếng Nhật thông thạo hơn tiếng Quan Thoại, hay tiếng Phổ Thông, là ngôn ngữ chính thức ở hai bên eo biển.

Suốt những năm qua, hai chính phủ Đài Bắc và Bắc Kinh đã cho viên chức gặp nhau, cấp cao nhất là một bà Bộ trưởng Đài bắc đi dự hội nghị trong lục địa. Nhưng không bên nào chính thức công nhận bên nào, dù cả hai vẫn tuyên bố chỉ có một nước Trung Hoa.

Nhưng tại sao ông Lý Đăng Huy phải nói "quốc dữ quốc" lúc này? Một lý do, là cuộc bầu cử năm tới. Đảng đối lập Dân Tiến thu hút nhiều cử tri người gốc Đài Loan có khuynh hướng ly khai, ứng cử viên Tổng thống của họ là ông Trần Thủy Biển, cựu Thị trưởng Đài Bắc trước đây đã từng đánh bại ứng cử viên Thị trưởng của Quốc Dân Đảng. Trong cuộc bầu cử năm 2000 chắc ông Trần Thủy Biển vẫn nhấn mạnh đến chủ trương Đài Loan là một nước riêng. Một ứng cử viên độc lập sẽ ra là ông James Tống, trước thuộc phe bảo thủ trong Quốc Dân Đảng, với chủ trương thống nhất với lục địa càng sớm càng tốt. Ông James Tống gốc từ lục địa qua, trước đây ở trong Quốc Dân Đảng và đã ủng hộ Lý Đăng Huy, nhưng sau ly khai.

Giữa hai đường lối đối nghịch của Trần Thủy Biển và James Tống, ông Lý Đăng Huy muốn dành vị thế trung dung cho Liên Chiến của Quốc Dân Đảng. Vì vậy, một mặt ông nói chủ trương của đảng ông không hề thay đổi, vẫn bàn chuyện thống nhất nước Trung Hoa; mặt khác ông dùng chữ "quốc" để những người có khuynh hướng độc lập cũng thỏa mãn. Nhiều người gốc Đài Loan sẽ tự nhủ rằng Tổng thống họ Lý cũng chủ trương độc lập, nhưng chưa tiện nói ra mà thôi! Nói lúc này chỉ gây chiến tranh vô ích.●

VĂN HỌC KIẾN AN

THÁI VIỆT

Văn học thời kỳ cuối Hán đầu Ngụy, có vị trí quan trọng trong lịch sử phát triển của văn học Trung Quốc.

Kiến An là niên hiệu thứ hai của Hán Hiến Đế (189-220) vua cuối cùng của triều Hán, sang giai đoạn văn học này được xem như bao gồm cả số năm đầu của triều Ngụy (220-265).

Đặc điểm nổi bật của nền văn học Kiến An là giá trị hiện thực. Trên văn đàn xuất hiện rất nhiều nhà văn, phá vỡ được cục diện tiêu trầm trên thi đàn cuối Đông Hán, lần đầu tiên dấy lên cao trào của thi ca, thi ca chiếm địa vị của phú, thành một ngành chính trong văn học, vì thơ dễ diễn tình cảm hơn phú. Do họ đều trải qua cuộc sống cơ cực vì loạn lạc ở cuối nhà Hán, thành thử họ tự nguyện tiếp thu truyền thống tốt đẹp của dân ca nhạc phủ, muốn thông qua thơ ca để thuật lại chuyện loạn ly, than cho nỗi rủi ro của bản thân, thổ lộ cái hùng tâm "lập công dựng nghiệp," tạo ra phong cách độc đáo là khẳng khái, thê lương, rắn rỏi và trong sáng. Mọi người thường gọi văn học của thời kỳ này là văn học Kiến An.

I. Tam Tào

"Tam Tào" tức cách gọi chung về ba bố con nhà thơ sống giữa thời Hán - Ngụy: Tào Tháo, Tào Phi, Tào Thực. Họ có địa vị chính trị hiển hách, thành tựu văn học rất cao, trở thành lãnh tụ của văn đàn thời đó. Lãnh tụ không thể tự phong được. Cha con họ Tào trở thành lãnh tụ về mặt chính trị, tất nhiên phải có sự hậu thuẫn của những thủ đoạn chính trị sáng suốt và một thực lực quân sự to lớn. Riêng họ trở thành lãnh tụ trên văn đàn là do về mặt văn học, họ có những phần độc đáo. Đó chỉ là một nguyên nhân, còn một nguyên nhân khác nữa, ấy là do họ được các văn sĩ đương thời kính trọng và ủng hộ. Đến đời cha con họ Tào, đối với những văn sĩ thông thường, thì một người cho rằng "học thức uyên bác," một người cho rằng "rất đáng kính nể," một người cho rằng "rất yêu thích," nói rõ về mặt tình cảm và tư tưởng của họ đối với các văn sĩ.

1. Tào Tháo (155-220)

Văn sĩ Kiến An đông đến hàng trăm. Ngoài Tam Tào còn có Thất Tử (Khổng Dung, Vương Sán, Lưu Trinh, Từ Cán, Trần Lâm, Nguyễn Vũ, Ứng Dương). Ngoài ra lại còn có: Phồn Khâm, Ứng Cừ, Hàn Đan Thuần, Ngô Chất, Đỗ Chí, Mậu Tập, Dương Tu, Lộ Túy, Thái Diễm v.v...

Cha con họ Tào, đã làm thế nào đoàn kết và tập hợp được đông đảo các văn sĩ có phong cách khác nhau như vậy đến chung quanh mình, và phát huy tính sáng tạo của họ?

Thứ nhất là tính khoan dung. Trong thời kỳ đầu Tào Tháo rất có khả năng qui tụ nhân tài. Nhất là đối với các văn sĩ. Bất kể trước kia họ ra sao, chỉ cần họ chịu tập hợp lại là Tào Tháo qui tụ họ. Tào Tháo chủ trương "cõi ngoài thì trị bằng vũ lực, trong nước thì chấn hưng văn học." Tào Tháo hiểu rất rõ cây bút trong tay các nhà văn không kém gì ngọn giáo lưỡi gươm trong tay các dũng sĩ.

Tào Tháo có tài thao lược quân sự đã được chính kẻ thù của ông là Tôn Quyền khẳng định: "Một vị ngự tướng hiếm có xưa nay." Về mặt văn chương thì sách Ngụy Thư còn ghi rõ: "Lên cao thì làm phú ngâm thơ, phối hợp với nhạc cụ làm thành những điệu nhạc."

Đến đời Đường, nhà thơ nổi tiếng Nguyên Chẩn trong lời tựa một bài Minh còn thán phục rằng: "Cha con Tào Tháo làm thơ trên yên ngựa, vung giáo thành thơ."

Trong những năm đánh đông dẹp bắc, ông từng sáng tác nhiều thơ. Thơ của ông phản ánh sâu sắc hiện thực đương thời về cảnh hỗn chiến giữa các tập đoàn quân phiệt cuối đời Hán. Trong bài Cảo Lí Hành ông viết:

Quan đông có nghĩa sĩ
Dấy quân dẹp nhiễu nhương
Bắt đầu họp Mạnh Tân
Lòng vẫn ở Hàm Dương
Quân hợp sức không đều
Ngần ngừ rồi chia đường
Thế lợi bắt người tranh
Giết nhau coi là thường
HOÀI NAM em xưng đế
Khắc ấn ở Bắc phương...
(bản dịch: Phương Lưu)

Bẩy câu đầu nói lên cảnh tượng Viên Thiệu, Viên Thuật cùng với các thủ lãnh khác ở phía đông Hàm cốc quan, mượn tiếng dấy binh đánh Đổng Trác, nhưng lại cốt là gây thế lực cho mình, tranh quyền đoạt lợi ác chiến với nhau. Còn ba câu cuối, ý Tào Tháo muốn nhắc đến những sự kiện như Viên Thiệu đánh nhau với Công Tôn Toản, rồi Viên Thuật xưng đế ở Thọ Xuân, và Viên Thiệu mưu lập Lưu Ngu thay làm vua với ý đồ riêng v.v...

Bất bình với tình trạng hỗn chiến đó, vì nó gây bao nhiêu cảnh khổ cho dân lành, nên Tào Tháo xiết bao đau lòng thương cảm, như mấy câu:

...Xương trắng phơi ngoài nội,
Tiếng gà vắng dặm trường
Trăm người còn sống một
Ai nghĩ chẳng đoạn trường
(Nguyên tác Giới Lộ Hành, bản dịch: Thành Đăng Khánh)

Đúng là thảm cảnh cuối đời Hán được đời người sau truyền tụng. Đồng thời ông cũng có không ít bài thơ nói lên hùng tâm tráng chí và tinh thần tiến thủ tích cực của ông. Trong bài Đoản Ca Hành ông muốn như Tây Bá, Tề Hoàn, Tấn Văn ngày xưa:

Nhất khuôn thiên hạ
Thần triết bất đọa
Chu Công thổ bộ
Thiên hạ quy tâm

(Một lòng giúp thiên hạ. Khiến khí tiết của bày tôi không sa sút. Chu Công khuyên nhủ lòng thiên hạ qui về).

Trong một Đoản Ca Hành khác ông viết:

Đối rượu nên hát,
Đời người thấm thoát!
Khác chia sương mai,
Tiếc thay ngày trước.
(bản dịch Nguyễn Hiến Lê)

Đoản Ca Hành của Tào Tháo giải bày nỗi cảm khái sâu lắng của nhà thơ vì thời gian trôi nhanh mà công nghiệp chưa thành, để biểu hiện hoài bão hùng vĩ của ông, vời gọi nhân tài để hoàn thành sự nghiệp thống nhất.

Qui tụ nhân tài kể cả văn tài. Trong các bài Đoản Ca hành Tào Tháo nói lên nỗi lòng đó

Xanh xanh tà áo của ngài
Lòng tôi dằng dặc bao dài ai hay?
Từ khi ngài mất đến nay,
Trầm ngâm tôi mãi đến nay vẫn buồn
(bản dịch Phong Đảo)

Có người cho rằng bài thơ trên là do Tào Tháo vì Tuân Vực mà viết. Ý thơ đã bộc lộ cái tình nhớ mong và kính ngưỡng thật sâu xa đối với các bậc văn sĩ hiền tài.

Hay:

Nai kêu những tiếng u buồn
Cùng ăn cỏ dại nơi đồng cỏ hoang.
Tôi đãi tân khách đường hoàng,
Trống, đàn, sên, phách, xênh xang, tiệc tùng.
(bản dịch: Phong Đảo)

Ý thơ muốn nói lên tình cảm vui vẻ khi dự tiệc với các văn sĩ.

Cũng có bài nói lên sự khiêm tốn của mình đối với các bậc văn sĩ hiền tài và hy vọng có đông nhân tài qui tụ về với mình:

Vượt qua bờ ruộng dọc ngang
Uốn nắn để được an nhàn sống chung.
Nhiều hứa hẹn giữa tiệc tùng,
Lòng luôn ghi nhớ vô cùng ơn xưa.
(bản dịch Phong Đảo)

Qui tụ được nhân tài, muốn sử dụng được họ, lại phải hiểu được tâm tư của họ, phải tài hơn họ mới lãnh đạo được họ.

Trong bài *Khổ Hàn Hành* Tào Tháo hiểu nỗi gian khổ của tướng sĩ và binh lính lúc hành quân qua những nơi rừng thiêng nước độc:

Phía bắc Thái hành san
Vòi vọi leo gian nan!
Đường ruột dê uốn khúc,
Làm bánh xe vỡ tan.
Cây cối sao hiu hắt!
Gió bấc rít trên ngàn.
Gấu ngồi xổm ngó khách,
Hổ bên đường gầm vang.
Tuyết rơi sao phơi phới!
Hang hốc ít nhân dân.
Vươn cổ ta thở dài,
Đi xa dạ bùi ngùi.

Lòng ta sao buồn bực?
.....
(bản dịch: Nguyễn Hiến Lê)

Điều không kém phần cảm động hơn là Tào Tháo hiểu được tâm tư mong sao có ngày trở lại quê nhà của họ trong bài *Khước Đông Tây Môn Hành* có thể đọc được những dòng thư như sau:

Yên không rời lưng ngựa
Áo giáp mặc trên mình
Thấm thoát tuổi già đến
Bao giờ thấy cố hương?
(bản dịch: Phương Lưu)

Trong thơ Tào Táo cũng có hình ảnh trữ tình tự họa. Đó là một con người đầy hùng tâm tráng chí. Mấy câu thơ trong bài Bộ Xuất Môn Hành được truyền tụng mãi về sau:

Lão hý phục lịch
Chí tại thiên lí
Liệt sĩ mộ niên
Tráng tâm bất dĩ.

Ý thơ trong bài này gần như được lập lại hoàn toàn trong bài Thần Quy Tuy Thọ, nhưng được khai triển dưới một nhãn quan nhân sinh sâu rộng hơn về lẽ sống chết, thịnh suy ở đời:

Thọ như rùa thiêng
Cũng có lúc chết
Rồng cưỡi mây mù
Cũng ra ro hết
Ngựa già nằm chuồng
Chí ở bốn phương
Anh hùng về cuối
Hăng hái như thường
Khi suy khi thịnh
Không những tại trời
Ta biết di dưỡng
Sẽ sống lâu dài.
(bản dịch Phượng Lưu)

Tào Tháo cũng viết một số bài tả phong cảnh khá hay như Quan Thương Hải, tả cảnh biển mênh mông hùng vĩ, như để nói lên cái hoài bão lớn lao của ông.

Nhìn chung phong cách thơ của Tào Tháo như Ngao Đạo Tôn xưa kia nhận xét là trầm hùng và Lỗ Tấn sau này cho là "Thanh tuấn" (giản dị nhưng nghiêm túc) mà "Thông thoát" (cởi mở thoải mái). Giữa cái văn phong hoa lệ và ủy mị cuối đời Hán, nổi lên phong cách như vậy, đã đủ có ý nghĩa cách tân.

Danh vọng của Tào Tháo trên văn đàn ít nhiều cũng có phần vì gia đình con cháu ông là văn nhân.

2. Tào Phi (187-226)

Tào Phi tức là Ngụy Văn Đế con thứ của Tào Tháo. Ông hiểu biết rộng, trí nhớ khỏe làm thơ nhanh, nhưng thơ của ông kém xa của Tào Tháo về cả phương diện đa dạng lẫn độ sâu sắc. Phần lớn thơ của ông thường tả tình yêu nam nữ và nỗi sầu khổ biệt ly, rất sinh động và chân thật. Về các mặt ngôn ngữ và cách thể hiện, ông tiếp nhận nhiều ưu điểm của nhạc phủ. "Yên hành ca" là một tác phẩm tiêu biểu của ông: tả nỗi lòng người đàn bà nhớ nhung, có những câu:

Minh nguyệt hạo hạo chiếu ngã sàng
Tình hán tây lưu dạ vị ương
Khiên ngưu, chức nữ dao tương vọng,
Nhĩ độc hà cố hạn hà lương.

Trăng thanh rực rỡ chiếu giường ta,
Sao chuyển về tây, đêm bao la.
Ngưu, chức cách sông, nhìn nhau được
Riêng người chịu cảnh nhớ người xa!
(bản dịch Nguyễn Hiến Lê)

Phi lại là nhà phê bình đầu tiên của Trung Quốc. Trong thiên Luận Văn ông có nhiều ý kiến xác đáng: "Văn lấy khí làm chủ. Khí có thể: thanh và trọc, đều do trời sinh, không thể gắng sức mà luyện, dẫu cha anh cũng không truyền được cho con em." Bàn về các thể văn, ông cho rằng luận thuyết phải đúng lý mà thi phú thì cần đẹp.

Trước khi làm Thái Tử, Tào Phi đã có dự giao du với rất nhiều văn sĩ, lâu ngày họ trở thành bạn bè. Sau khi lên ngôi Hoàng Đế tình bạn cũng không bị ảnh hưởng. Theo sách "Ngụy Lược" ghi chép, có mấy bức thư gửi cho Ngô Chất có lời lẽ rất thành thật, rất quan tâm đến bạn, khiến ai đọc cũng cảm động. Trong một bức thư Tào Phi hỏi thăm Ngô Chất đang ở xa tận ngoài tiền tuyến. Đoạn mở đầu ông viết: "Quý Trọng (tự của Ngô Chất) khỏe mạnh chứ! Vì đường xa cách trở, chức vụ ràng buộc, nên những gì muốn làm, mãi tới nay vẫn không làm được. Túc hạ đang giữ nhiệm vụ ở xa, lại viết thư quá ngắn, khiến tôi lại càng mong nhớ. Nghĩ lại trước kia chúng ta cùng đi chơi tại Nam Bì, mãi cho tới nay vẫn không thể quên được." Tiếp đó lại kể về việc đi chơi đó ra sao, đọc sách thế nào, ăn ngủ làm sao nhất nhất đều nhắc lại. Ông cũng cho biết hiện nay mình đi chơi đâu cũng có rất nhiều

tùy tùng đi theo, nhưng vẫn cảm thấy thiếu một người tri kỷ về mặt văn học, nên rất buồn bực. Cuối cùng, ông bày tỏ cảm tình tha thiết, nhắc Ngô Chất phải biết "tự lo cho mình."

Riêng lá thư thứ hai viết vào năm 218, cũng nhắc lại kỷ niệm khi họ sống chung với nhau. Đồng thời cũng tỏ ra thương tiếc các bạn bè văn sĩ đã sớm quá cố. Trong thư Tào Phi có cho Chất biết, ông ta từ lâu đã sắp xếp những di cảo của bằng hữu, để chuẩn bị in thành một tập sách và cũng bày tỏ lòng mình với nhân phẩm và tác phẩm của các người đã khuất. Chính các lời bình luận này đã cấu thành tư tưởng cơ bản để sau cùng ông viết "Phần luận văn trong Điểm Luận" nổi tiếng về sau.

3. Tào Thực (192-232)

Tào Thực là con thứ ba của Tào Tháo, là nhà văn nổi tiếng nhất thời Kiến An, người xưa gọi ông là "Nhân Kiệt Kiến An." Cuộc đời ông được chia làm hai thời kỳ mà cái mốc là việc Tào Phi lên ngôi Hoàng Đế. Giai đoạn đầu ông được Tào Tháo mến yêu và khen ngợi. Thời kỳ sau bị anh là Tào Phi chèn ép, luôn luôn tìm cách ám hại, nên Tào Thực ít nhiều thông cảm với nỗi khổ cực của nhân dân, viết được một số văn thơ có giá trị hiện thực. Thơ của ông đặc biệt có những bài viết theo thể nhạc phủ và viết ở thời kỳ sau phản ánh cuộc sống của dân khổ sở trong cơn ly loạn thời Tam Quốc. Khác hẳn thời kỳ trước biểu hiện cho khát vọng lập công mãnh liệt, muốn góp phần vào công cuộc thôn tính Ngô Thục. Điều tạo nên vị trí độc đáo của Tào Thực là bộ phận tác phẩm biểu hiện tâm tình đau xót, bất mãn sau khi bị ruồng bỏ. Tiêu biểu nhất là bài "Tặng Bạch Mã Vương Bưu." Tháng Năm năm 223, Tào Thực cùng với Tào Bưu (con cùng mẹ) và Tào Chương (con khác mẹ) vào triều kiến Kinh sư. Đến Lạc Dương, Tào Chương chết một cách ám muội. Lúc trên đường đi về hai anh em Tào Thực và Tào Bưu lại bị quan lại đi theo giám sát. Tào Thực phẫn uất viết bài thơ này tặng Tào Bưu trước khi chia tay. Bài thơ gồm bảy đoạn. Hai đoạn đầu nói lên sự vất vả dọc đường sau khi rời dòng Lạc thủy và đã hé lộ một phần nào nỗi niềm bi phẫn. Đoạn ba

TRẦN HUY SAO

MỘT CHÚT NHỚ, NGÀY XƯA...

nhân ngày họp mặt Đà Lạt 6/1999

Cuộc sống bon chen, có thể, em quên
Chiếc dù xanh — cơn mưa mùa Đà Lạt
Miếng bánh xèo cắn dòn tan trong miệng
Đường Hai Thương mưa bụi giăng giăng

Em đừng nghĩ là tôi lãng mạn
Lãng mạn gì đâu! Chỉ nhớ vậy thôi...
Ngày tháng sợ quên, lâu lâu nhắc lại
Để thoáng bâng khuâng, cho đỡ buồn đời

Kỷ niệm bỏ lâu vùi đau tội nghiệp
Như bỏ quê hương lâu quá thiệt buồn!
Cuộc sống bên này, dư, mà vẫn thiếu
Mập mạnh đỏ hồng, lòng dạ trống trơn!

Đời vẫn cứ vần theo cơm áo
Cởi không ra những sợi buộc tháng ngày
Lòng tơ rối mà hồn thì trơ đá
Lấy gì đâu mà nhắc tới ngày xưa!

Thì đúng vậy, nhưng mà không phải vậy!
Lẽ nào đâu mà quên cả chính mình
Một chút bâng khuâng có gì phải, quấy
Đời khô rang, mình nhúng nước, cho vui

Tôi nhúng hồn tôi mềm như bánh tráng
Cuốn miếng nem rau ghém quán Hương Trà
Uống chén nước Sâm đầu đường Minh Mạng
Đưa em về Ngọc Hiệp đón xe Lam

Mưa ngập nước đầu ngả ba Mả Thánh
Chiếc xe Lam chết máy, nằm lì
Mình xắn quần níu nhau qua cầu ván
Chiếc dép em trôi về suối Cam Ly...

Đó, thấy không! Mới nhắc đã bật cười
(cười thoải mái chớ phải đâu cười gượng)
Vậy mới biết, tâm hồn em tươi rói
Mà không chừng còn... lãng mạn hơn tôi!...

San Diego, CA

chuyển ý, nói lên điều ông không thể chịu được là sự cắt đứt tình cảm cốt nhục và sự chèn ép về chính trị:

Trên càng xe qua réo
Đầy đường sói nhởn nhơ
Nhạng làm lẫn trắng đen
Nghe dèm thân hóa sơ
(bản dịch: Nguyễn Khắc Phi)

Đoạn bốn tả cảnh thu buồn man mác, gió thu thê lương xào xạc, ve lạnh lùng rên rỉ bên mình... để làm nổi bật tình cảm thương tâm của nhà thơ. Đoạn năm thuật lại cái chết của Tào Chương và nêu lên dự cảm về kết cục bi đát của những người còn lại. Đoạn sáu mở đầu bằng những lời động viên Tào Bưu:

Trượng phu chí bốn biển
Ngàn dặm cũng như gần
(bản dịch Nguyễn Khắc Phi)

nhưng kết thúc vẫn là những vần thơ chứa đầy nước mắt. Đoạn cuối nói lên nỗi lòng lúc chia tay và dự đoán khả năng "ly biệt sẽ vĩnh viễn không bao giờ hội ngộ."

Tuy chỉ đề cập nỗi bất hạnh của cá nhân, nhưng bài thơ cũng cho thấy một số mặt trong mối quan hệ xã hội của thời Tam Quốc, do đó vẫn có giá trị hiện thực.

Đời Phi sung sướng còn đời Thực rất đau khổ. Tào Tháo chết Phi thừa kế địa vị của Tháo, sau lên làm Hoàng Đế. Phi kiếm đủ cách bức hại Thực. Có lần Phi lấy đề "Anh em," bắt Thực bước bảy bước phải làm xong một bài thơ, nếu không sẽ bị tội. Thực rơi nước mắt ứng khẩu:

Nấu đậu bằng dây đậu, đậu ở trong nồi khóc.
Rằng cùng một gốc sanh, đốt nhau sao mà gấp!
(bản dịch Nguyễn Hiến Lê)

Tuy được phong Bình Nguyên hầu, chức hầu ở nơi xa, thủ hạ của Thực lại bị tước lần, thành thử Thực coi như bị giam lỏng, không sao thi thố gì được, nên làm thơ luôn luôn có giọng than thở ai oán. Ở nơi biên cương xa xăm, mỗi lần gió bấc thổi, nhìn con hạc trắng, con anh vũ, Tào Thực nhớ kinh đô, ngâm lên giọng bi thảm, than cho thân phận bị giam lỏng của mình mà tự ví mình với con hoàng tước bị mắc lưới:

Cây cao nhiều gió thảm,
Biển động sóng ào ào
Kiếm sắc tay chẳng có
Nhiều bạn ích gì đâu?
Không thấy tước trong giậu,
Sợ diều lỡ đâm vào,
Chủ lưới mừng thấy tước,
Mình thấy tước mà rầu.
Vung kiếm chém đứt lưới.
Hoàng tước được bay cao
Bay cao sát trời xanh,
Đáp xuống cảm ơn ta.
(Nguyên tác *Dã Điền Hoàng Tước Hành*, bản dịch Nguyễn Hiến Lê)

Bài này nói lên nỗi lòng của Tào Thực.

"Cây sao nhiều gió thảm" đó là tình cảnh của Thực mà "Bay cao sát trời xanh" chính là mộng của Thực. Than ôi! Mộng ấy không bao giờ thành.

II. Kiến An thất tử

Tào Tháo nuôi một nhóm văn nhân, trong số đó có bảy người có danh nhất, đương thời gọi là Kiến An thất tử. Theo Vương Sán truyện trong Tam Quốc Chí, thì nhóm này sống trong doanh trại của Tào Tháo được Tào Tháo coi trọng.

Nguyễn Vũ viết rất nhiều bài hịch đều có giá trị văn học cao, khuynh hướng văn chương giống như Trần Lâm. Lưu Trinh và Ứng Sương đều làm việc trong phủ Thừa tướng, trước tác văn phú mấy mươi chương.

Hai câu của Lưu Trinh:
Khải bất lị ngưng hàn?
Tùng bách hữu bản tính.
(Há chẳng sợ ngưng hàn, Tùng bách có bản tính) đã thể hiện một phẩm chất cao quí tốt đẹp.

Trong bài Ẩm Mã Trường Thành Quật Hành (cho ngựa uống nước dưới hốc Trường Thành):

Trường thành sao liền liền,
Liền liền ba ngàn dặm.
Bên thành nhiều thiếu niên,
Trong nhà nhiều quả phụ.
Viết thư về cho vợ:
- "Tái giá đi đừng đợi,
Khéo thờ mẹ chồng mới,
Thỉnh thoảng nhớ chồng con cũ."
Hồi âm ra biên cảnh:
- "Chàng này ăn nói sao mà hủ!"
- "Thân lâm cảnh tai nàn,
Giữ con người ta cho thêm khổ!
Sinh trai thì nên bỏ
Sanh gái bú mớm nó,

Kìa chẳng thấy dưới chân Trường Thành
Hài cốt ngổn ngang còn trơ đó."
- "Được cùng chàng xe tơ
Kính cẩn một lòng thờ
Nếu biết biên địa khổ,
Tiện thiếp còn đâu sống đến giờ?"
(bản dịch Nguyễn Hiến Lê)

Qua lời đối thoại đau lòng trong tưởng tượng của một cặp vợ chồng người phu đắp Trường Thành, Trần Lâm đã cực lực lên án chế độ lao dịch trong chiến tranh.

Vương Sán còn có bài lời bình dị mà thấm thía, làm ta nhớ tới những bài thơ của Đỗ Phủ thời Đường:

.....
Ra ngõ chẳng thấy gì,
Xương trắng che đất đỏ,
Trên đường đàn bà đói,
Liệng con trong đám cỏ.
Nghe tiếng con khóc gào,
Lệ rơi chẳng ngoảnh cổ,
- "Thân mẹ sắp chết đấy,
Đành một cứu một bỏ!"
Rong ngựa chạy đi xa
Bất nhẫn nghe lời đó.
(Nguyên tác Thất Ai, bản dịch Nguyễn Hiến Lê)

Vương Sán trên đường lưu lạc ở Kinh Châu từng mục kích thảm kịch mẹ vất bỏ con thơ, bất giác "vị nhiên thương tâm can" (nghĩa là tim gan đau nhói).

Cũng làm xúc động lòng người không kém là bài Bi Phẫn Thi của Thái Diễm. Bài này viết theo thể ngũ ngôn dài 108 câu. Bài thơ tường thuật lại cuộc đời bất hạnh của cá nhân đã gắn chặt với những biến cố lớn của xã hội do đó có tính chất điển hình rõ nét. Tác giả nắm bắt rất giỏi những hiện tượng và sự kiện có tính cách đặc trưng, để miêu tả khắc họa.

Để làm nổi bật âm mưu chính trị của Đổng Trác chỉ cần vài câu:

"Chí mưu việc thoán nghịch;
Giết bao người hiền lương.
Dời đô sang đất khác;
Phò vua để tự cường."
Tả tội ác của quân lính Đổng Trác:
Sẵn người, bao vây thành;
Đến đâu là tan tành.
Giết người như cắt rạ;
.....
Đầu trai treo lưng ngựa;
Gái đẹp xâu từng dây."
(bản dịch: Trương Chính)

Thái Diễm là con Thái Ung nhà văn cuối đời Đông Hán. Đương lúc Đổng Trác nổi loạn, nàng bị rợ Hồ cướp đi, phải tủi nhục sống ở Hung Nô 12 năm, nàng than thở:

Muốn chết mà không được,
Muốn sống, thêm vất vả.
Hỡi trời xanh, tội gì?
Bắt ta gặp tai họa.
.....
Xuân hạ, gió Hồ nổi,
Phất phất tà áo ta
Ào ào bên tai thổi.
Cảm xúc sinh nhớ nhà.
Cùng khổ thay, nông nỗi!
(bản dịch Nguyễn Hiến Lê)

Tào Tháo thương cha nàng đem tiền chuộc nàng về, khi chia tay ở đất Hung Nô được diễn đạt một cách đầy đủ, ngắn gọn, sinh động tình cảm lúc biệt ly:

Người quen cùng bị bắt;
Tiễn đưa tôi lên đường.
Thấy riêng tôi được thoát,
Chạnh lòng khóc thảm thương.
Ngựa trù trừ khôn bước;
Xe chuyển bánh nào đi.
Kẻ đứng xem thổn thức;
Người qua đường tái tê.
(bản dịch Trương Chính)

Sự kết hợp giữa bút pháp tự sự và trữ tình tỏ ra khá điêu luyện, tác giả không phải chỉ là người chứng kiến mà còn là người trong cuộc chịu mọi đau khổ dày vò được kể ra trong tác phẩm. Bi Phẫn thi là bài thơ tự sự nổi tiếng trong thơ ca cổ điển Trung Quốc.

III. Phần kết

Đánh giá nền "Văn học Kiến An" thời xưa đã có câu: "Phong cốt Kiến An, khí tượng Thịnh Đường." Tại sao không gọi là PHONG CÁCH mà lại nói là PHONG CỐT. Theo tự điển văn học thì: "Phong cách là chỗ độc đáo mang phẩm chất thẩm mỹ cao được kết tinh trong sáng tạo của nhà văn. Không phải bất cứ nhà văn nào cũng có yếu tố phong cách, mặc dù nói cho cùng, nhà văn nào cũng có đặc điểm. Song cái đặc điểm mờ nhạt chưa đủ, phải là chỗ thật độc đáo không thể thay thế được mới làm nên phong cách."

Theo Lưu Hiệp thì "Phong" tức là sự giải bày và biểu hiện của cái "tình" có thể cảm

nhiễm được người khác, nó liên quan mật thiết với "khí." Nhấn mạnh cái "tình" trong sáng tác nghệ thuật, cái "tình" đó là tình cảm trong trạng thái hoạt động tích cực của sinh mệnh (khí), năng động hướng tới thế giới bên ngoài. Cái "khí" gắn liền với cái "tình" đó lại là có "lực." "Tình dữ khí hài" (tình hài hòa với khí), cho nên "lực" của "phong" là một thứ lực hướng ngoại, bay bổng và tình cảm. "CỐT" về bản chất văn chương có trí tuệ sâu sắc và sức mạnh của lý tính. Nói một cách ngắn gọn thì "phong cốt" là sự thống nhất của hai sức mạnh, sức mạnh sự sống và tình cảm biểu hiện hướng ngoại (phong) với sức mạnh lý tính ngưng tự hướng nội (cốt), nó là một vẻ đẹp biểu hiện cái lực ngưng luyện cao độ trên nghệ thuật cao quí của nhân cách chủ thể.

Trầm Tử Ngang thời Sơ Đường nối mạch Kiến An thời trước và mở ra Thịnh Đường ở sau, chính là lấy "phong cốt Hán Ngụy" dẫn đường. Phong cốt mà Trầm Tử Ngang theo đuổi, so với văn học Kiến An càng to đẹp hiên ngang hơn. Trong sáng tác, ông biểu hiện nó thành cõi bao la vũ trụ nhất thể.

Sau Lý Bạch đã làm thông suốt thêm thuyết đó. Bài Cổ Phong thứ 59 của ông nói "Tự tòng Kiến An lai, ỷ lệ bất túc trân" (Từ Kiến an đến nay, hoa lệ không đáng quý). Trong Tuyên Thành Tạ Diểu Lâu Tiễn Biệt, Hiệu Thúc Vân nói: "Bồng Lai văn chương Kiến An cốt, Trung gian Tiểu Tạ hựu thanh phát. Câu hoài dật hùng tráng tư phi, Dục thương thanh thiên lãm minh nguyệt" (Văn chương Bồng Lai, phong cốt Kiến an, Tiểu Tạ ở giữa lại thanh phát. Đều mang dật hứng và tráng tứ mà bay. Muốn lên trời xanh kéo trăng sáng). Có thể thấy được khí tượng Thịnh Đường đã thừa kế phong cốt Kiến An. Phong cốt Kiến An vì thế có cả trong khí tượng Thịnh Đường và cũng là cốt cán của khí tượng Thịnh Đường.

Như phong cốt Kiến An, dùng văn học của một thời kỳ mà có thể hình thành một truyền thống và được nối tiếp về sau không phải là có nhiều.

Văn học Kiến An bao gồm hai mặt: một mặt là tinh thần hiện thực, là sự đau xót, phẫn nộ, chính đáng trước cuộc sống cực kỳ đen tối cuối thời Đông Hán; một mặt khác là "hùng tâm tráng chí" của những kẻ "anh hùng" trong tầng lớp vua chúa hô hào tiêu diệt toàn bộ đối thủ của mình; là sự bi quan, dao động khi thất bại, khi "nghiệp lớn" chưa thành. Cần phải có cái nhìn toàn diện đối với nền văn học Kiến An, cũng như cần đánh giá đúng mức vị trí của ba cha con họ Tào trong nền văn học ấy.●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lý Duy Côn chủ biên, *Trung Quốc nhất tuyệt* tập 1, bản dịch của nhiều người, nxb Văn Hóa Thông Tin Hà Nội 1997.
- Đỗ Đức Hiểu chủ biên, *Từ điển Văn học*, nxb Khoa Học Xã Hội Hà Nội 1984.
- Nguyễn Hiến Lê, *Đại cương văn học sử Trung Quốc*, nxb Trẻ.
- Phùng Thế Bản, *Thuật dùng người thời Tam Quốc*, bản dịch Phong Đảo, nxb Văn Hóa Thông Tin.
- Phương Lưu: *Văn Hóa Văn Học Trung Quốc cùng một số liên hệ ở Việt Nam*, nxb Hà Nội 1996.
- Thành Đăng Khánh, *Tinh Hoa Trung Quốc*, nxb Văn Hóa Thông Tin 1998.

MuaSáchNào? www.tuluc.com

Nhà Sách TỰ LỰC

Trung Tâm Sách Báo, CD Ca Nhạc, Video

trên Internet

e-mail: buybooks@tuluc.com

Tiệm sách Việt Nam đầu tiên bán trên Internet. Hơn 6,000 văn hóa phẩm chọn lọc.
Áp dụng kỹ thuật tối tân nhất, dễ sử ụng, an toàn, cẩn mật. Bảo đảm không thất lạc.

Điện thoại: (714) 531-5290. Địa chỉ: 14318 Brookhurst St., Garden Grove, CA

RABINDRANATH TAGORE: NHÀ THƠ VĨ ĐẠI CỦA ĐẠO PHẬT

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

Thân kính tặng Thầy Phụng Sơn.
NPBT

Cuối thiên niên thứ Hai, tưởng nên nhắc lại một vĩ nhân của châu Á mà tư tưởng và văn tài đã nhuộm đầy thế kỷ Hai mươi sau rốt với màu sắc Đông phương, đặc biệt là màu sắc đạo Phật: Rabindranath Tagore. Ông là nhà thơ đầu tiên của Đông phương được người Tây phương trao tặng giải thưởng văn chương Nobel. Người Việt chúng ta, suốt tám mươi năm thuộc Pháp được nhào nặn trong tinh thần tự tôn của Văn học Pháp chỉ thoáng biết Tagore là một nhà thơ và ít khi có cơ hội hiểu biết rõ văn tài của ông, nhất là ảnh hưởng của ông trong lãnh vực tư tưởng thế giới vào cuối thế kỷ Mười chín sang đầu thế kỷ Hai mươi. Tại học đường, ít khi chúng ta được nghe nói chính Tagore là người đã gợi ý và đóng góp nhiều, giúp Einstein phát sinh ra lý thuyết khoa học về Sự thật. Chính Tagore là người đi tiên phong trong lãnh vực triết lý cách ngôn ý thức hệ Lý tưởng. Nói chung, ông được xem là người đã đóng góp nhiều nhất đưa tư tưởng Đông phương vào thế giới Tây phương và cũng là người đã đem tư tưởng Tây phương vào Châu Á. Và sở dĩ ông làm được vậy vì ông đã thấm nhuần văn hóa đạo Phật.

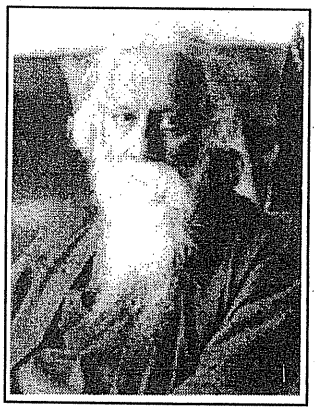

Rabindranath Tagore

Trong vũ trụ quan anglo-saxon đến bây giờ còn ít nhiều xa lạ đối với phần đông người Việt chúng ta, ảnh hưởng của Tagore đã đi vào chiều rộng và chiều sâu của mọi lãnh vực tư tưởng và nghệ thuật, cho nên trong bài sưu khảo nhỏ này, chúng tôi sẽ tự hạn chế tìm hiểu Tagore trong phạm trù thi văn của ông, và chỉ phần thi văn đã đóng góp nhằm vinh thăng đạo Phật. Trong phần đầu, ta sẽ tìm hiểu qua về tiểu sử của Tagore; phần sau, đôi chút văn chương và tư tưởng Tagore hướng về đức Phật, và đồng thời tìm những dữ kiện đã đánh dấu văn chương và tư tưởng này đã được đạo Phật thấm nhuần sâu sắc như thế nào.

Đọc lại tiểu sử Tagore

Rabindranath Tagore sanh năm 1861 tại Calcutta, ngày đó là thủ đô của nước Ấn Độ, trong một gia đình đại gia quý tộc. Tên ông có nghĩa là "thiên thần ánh sáng mặt trời." Thân phụ, Debendranath Tagore là một triết gia và một lãnh tụ tôn giáo chủ trương canh tân Ấn Độ giáo. Người sáng lập ra hội Brahmo Samaj (phong trào Phạm thiên Bà-la-môn, giai cấp cao nhất trong xã hội Ấn Độ), thân phụ Tagore chủ trương loại bỏ các thủ tục hủ lậu và tàn khốc của Ấn Độ giáo như tục lệ hy sinh nhân mạng để tế thần, tục lệ *suttee* buộc người đàn bà phải nhảy vào lửa chết theo chồng, tục lệ sát nữ nhi (giết bé gái mới lọt lòng mẹ vì kỳ thị trọng nam khinh nữ). Debendranath Tagore được người Ấn Độ đương thời tôn sùng gọi là *Maharishi*, đại vĩ nhân.

Rabindranath Tagore sinh trưởng trong một môi trường quý tộc, tỉ phú và chủ điền, dĩ nhiên lúc trẻ ông là một hoàng tử Bà-la-môn được hấp thụ một nền giáo dục hoàn mỹ về ngôn ngữ cổ điển, tiếng Phạn *Sanskrit*, tiếng cổ

ngữ Ba tư *Persian*. Nhưng từ nhỏ, Tagore đã làm thơ bằng tiếng mẹ đẻ, *Bengali*, và tiếng Anh, lúc này mới xâm nhập vào xã hội Ấn Độ.

Trên bình diện nghệ thuật, Tagore là một nghệ sĩ thuần túy và đa hiệu được nền văn học Ấn Độ — và cả văn học thế giới — sắp lên hàng đầu các vĩ nhân của thế kỷ Hai mươi. Ông viết văn, làm thơ, viết kịch, soạn nhạc, sở trường về truyện ngắn, tranh đấu bằng văn học và tư tưởng cho quốc gia và xã hội Ấn Độ, và cao hơn tất cả, ông là một lãnh tụ của đức tin. Ông là con út trong một gia đình 14 anh em, ông theo thân phụ năm ông mười một tuổi đến Santiniketan, trang viện của gia đình làm lễ tĩnh tâm. Từ ngày đó, ông hấp thụ và lớn lên trong một môi trường thấm nhuần thi ca và đạo đức, và từ năm 1878 đến 1880, ông được gởi sang Luân Đôn, Anh quốc học Luật để thành một luật gia. Nhưng thay vì học luật, ông hoàn toàn để thì giờ làm quen với văn chương và âm nhạc Tây phương. Năm 1881 trở lại nhà, ông cho in tập truyện *"Thư của một người đi du lịch Âu châu"*, trong tạp chí *Barati* do hai người anh của ông chủ trương. Cũng trong thời gian này, ông cho xuất bản tập thơ đầu tiên *Manasi*, gồm những bài thơ trữ tình đoản thiên ca tụng tạo vật, tình yêu, và cũng bắt đầu tranh luận về những vấn đề xã hội và chính trị.

Tập thơ *"Tiếng hát Hoàng hôn"* (Evening Songs, Les Chants du Crépuscule) được xuất bản năm 1882. Một năm sau, tại Calcutta, Tagore là nhân chứng của một cuộc giác ngộ tín ngưỡng, ảnh hưởng rất mạnh trên đức tin của ông, và ông xuất bản tập thơ tiếp theo nặng màu sắc tôn giáo *"Tiếng hát Ban mai"* (Morning Songs, Chants de l'Aurore). Cũng trong năm đó, Tagore lập gia đình với người con gái mười tuổi, cùng một bộ tộc và giai cấp của ông. Thân phụ của ông nhuốm bệnh giao việc quản trị sự nghiệp và tài sản gia đình lại cho ông. Trong khoản thời gian hai mươi năm kế tiếp, Tagore đi du lịch khắp nước Ấn Độ, và tiếp tục sáng tác thi văn. Tập thơ *Citra* (1896) được xem là một tuyệt tác thi phẩm. Thập niên 90 cũng là lúc Tagore bắt đầu viết tiểu thuyết ngắn trình bày tội ác của người phương Tây đã bóc lột dân tộc Ấn Độ quá dã man. Điển hình là tập truyện ngắn *"The Cloud and Sun"* (1894) bức vẽ truyền hình của người anh hùng Ấn Độ đứng lên tranh đấu chống bạo quyền của người da trắng, gợi ý và làm mẫu mực cho các nhân vật cách mệnh của André Malraux trong văn chương Pháp 30 năm sau.

Cuối năm 1901, Tagore thực hiện được giấc mơ ông thường ấp ủ là lập một trung tâm giáo huấn đào tạo những con người tự do suy tư và giữ được hòa hợp cân bằng trong nhân sinh: ngôi trường trên lãnh thổ gia tộc của ông gọi là Trường *Santiniketan*. Từ năm 1902 đến năm 1907, tai họa giáng xuống gia đình của Tagore: vợ ông mất, con gái mất, một người bạn và học trò yêu, thi sĩ Chandra Roy mất , thân phụ mất (1905) và một người con trai út mất. Đau khổ lại làm thiên tài của Tagore sung mãn hơn. Năm 1904, Tagore viết bản tuyên ngôn *Svadeci Samaj* (Phong trào quốc gia) đề xướng cuộc chiến đấu dành độc lập cho dân tộc Ấn Độ. Sinh viên Ấn Độ tại các đại học trong nước và tại Anh quốc đáp ứng phong trào bị thực dân Anh đuổi ra khỏi đại học. Ông tranh đấu quyên tiền giúp sinh viên tiếp tục được học trình.

Năm 1910, xuất hiện tập thơ vĩ đại của Tagore, *Gitanjali* bằng tiếng Bengali, chính ông dịch ra Anh ngữ, xuất bản tại Luân đôn (Song Offerings, 1912), André Gide dịch ra Pháp ngữ (L'Offrande Lyrique, 1913), và một nhà thơ Nga dịch ra Nga ngữ (1914). Văn học Tây phương vinh thăng Tagore, tặng Giải thưởng Nobel văn chương năm 1913. Từ ngày đó, tác phẩm của Tagore được thi đua dịch ra Tây ngữ và các đô thị lớn ở Âu châu, Mỹ châu, Á châu, Đông Nam Á dành nhau tổ chức những cuộc tiếp rước lớn để được nghe ông diễn thuyết về văn học và nghệ thuật.

Cuối năm 1921, Tagore chuyển Trường Santinikenan thành một Viện đại học quốc tế gọi là *Vicva Barati*, Viện đại học đầu tiên tại Á đông truyền bá tư tưởng của người phương Đông. Từ ngày đó, Tagore không ngớt du lịch thế giới để truyền bá tư tưởng văn học, triết lý và chính trị của ông. Tagore mất ngày mồng Bảy tháng Tám năm 1941, tại quận Jorasanko, tỉnh Calcutta. Năm 1961, khắp mọi nơi trên thế giới đều tổ chức lễ tưởng niệm 100 năm ngày sinh nhà thơ Tagore.

Vì sao Tagore đến với Đức Phật

Ở trên đã nói, Tagore là một vị hoàng tử Bà-la-môn, trong một gia tộc thấm nhuần Ấn Độ giáo, và tôn giáo này cũng như Hồi giáo không bao giờ chấp nhận chung sống trong đức tin với tôn giáo khác. Vậy ta cần tìm hiểu những lý do đã đưa nhà thơ đến gần đức Phật.

Hậu bán thế kỷ thứ XIX tại Ấn Độ là giao thời giữa xã hội truyền thống quý tộc và đạo giáo với văn minh đô hộ Tây phương do người Anh đem tới. Giai cấp Bà-la-môn thượng lưu của Ấn Độ phản ứng bằng hai cách: một là thủ cựu, chống đối ra mặt hay chống đối dè đặt với trào lưu mới; hai là đổ xô chấp nhận văn minh tinh thần - nhiều hơn là văn minh vật chất - của phương Tây. Gia tộc của Tagore đã đi con đường trung dung: giữ gìn những điều tốt đẹp cổ truyền, và chấp nhận nhưng chọn lọc những điều mới, tốt và hữu lý của Tây phương. Trong sách *Towards Universal Man* ("Tiến tới con Người đại đồng hoàn vũ" New York, 1961) ta đọc trong bài *"East and West"* ("Đông và Tây") một trích đoạn lại của Tagore:

"Chúng ta (người Ấn Độ) bị nét huy hoàng của châu Âu làm ngây ngất, và đã đón nhận món quà phương Tây như những kẻ đi ăn xin. Nhận của bố thí như vậy không ích lợi gì. Dù đó là kiến thức, hay là một quyền hạn chính trị, ta nên đem trả đắt giá để mua, làm cho những thứ đó chỉ thật đến với chúng ta nếu chúng ta biết đấu tranh khắc phục những điều thoái hóa để đón nhận món quà mới. Nếu ta nhận chúng như là một ân huệ người phương Tây thí vào tay mình, ta sẽ không giữ được món quà (vì lâu dần thành ra vô giá trị). Chúng ta đã tự phỉ nhổ vào mặt mình khi đi ăn xin như vậy, và món quà nhận được chỉ làm hại ta, không ích lợi gì."

Cái ví dụ cụ thể nhất là ngôn ngữ. Khi người Anh mới đến, thiết lập chính quyền cai trị, cả nước Ấn Độ ngày đó đổ xô đi học tiếng Anh để làm ông thông, ông ký cho chính quyền mới. Riêng tất cả con em trong gia tộc Tagore phải học tiếng Bengali trước mới được học Anh ngữ sau, và riêng cậu bé Tagore khi đọc cuốn *Macbeth* bắt buộc phải dịch từng câu từng chương sang tiếng Bengali để làm giàu cho quốc văn và để giúp cho mọi người hưởng thụ một áng văn hay.

Những cố gắng này của từng cá nhân hay tập thể nhỏ, tuy có giá trị làm gương mẫu, tiếc là không ảnh hưởng được bao nhiêu để ngăn chận cái phong trào đua đòi chung theo Tây phương, hoàn toàn theo Tây phương, loại bỏ những giá trị cổ truyền của phương Đông. Chính vào lúc này, những công trình sưu khảo đại quy mô của các nhà học giả phương Tây (như Huân tước Cunningham, Đại tướng Marshall, người Anh; như Eugène Burnouf, Alfred Foucher, và Emile Sénart, người Pháp; như Odenberg và Kern, người Đức và Hòa Lan) lại khám phá ra văn minh vĩ đại của đạo Phật bị chôn vùi suốt nghìn năm từ lúc các đạo quân Hồi giáo tràn từ phía Tây sang quét sạch đạo của Thích Ca ra khỏi nước Ấn Độ. Nhất là từ khi một sự tình cờ hãn hữu giúp nhà khảo cổ James Prinsep tìm lại được văn tự Pali làm sống lại kho tàng vô giá của kinh điển đạo Phật và đem dần ra ánh sáng sự nghiệp lập quốc, kiến quốc và sự nghiệp hoằng dương đạo Phật của đại đế Asoka mà nhà khảo cổ Pháp Alfred Foucher đặt vị thế trong lịch sử loài người cao hơn cả Tần Thủy Hoàng nước Trung Hoa, Charlemagne của Châu Âu, thì người Ấn Độ mới được chút nào tỉnh thức. Từ đó nẩy ra một mầm mống làm tái sinh đạo Phật tại Ấn Độ. Và chắc chắn đó là một lý do tiềm tàng để cho người tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt Tagore đã đến gần đức Phật. Trong buổi lễ khánh thành việc tái tạo tu viện Mulagandhakuti Vihara tại tháp lớn Sarnath, nơi đức Phật lần đầu tiên công bố giáo lý của ngài, Tagore ngày đó 26 tuổi xuất thần đưa ra lời cầu nguyện bằng một bài thơ:

Nguyện cầu xin Đấng Chí tôn, một lần nữa giáng xuống nơi đây uy danh của Ngài,

*Uy danh đã làm cho đất sanh thành của Ngài (đất Ấn Độ) * thành nơi chiêm ngưỡng của bao nhiêu giải đất gần và xa!*

Xin ánh sáng giác ngộ của Ngài dưới cây bồ đề lại sáng chói niềm toàn vẹn,

Đẩy xa âm u ngu muội;

Và cầu xin đêm tối chấm dứt, để kỷ nguyên của Ngài lại rực rỡ trên đất Ấn Độ.

(Tập thơ *Parisesh*, 1887)

Tưởng nơi đây cần trình bày đôi điều nhận xét về ngôn ngữ trong thơ Tagore và các bổn dịch (tiếng Anh và tiếng Pháp mà người Việt chúng ta có thể tìm đọc). Tagore làm thơ bằng tiếng Bengali là tiếng mẹ đẻ của ông, và chính ông dịch thơ của ông sang Anh ngữ. Cũng có đôi khi ông làm thơ bằng tiếng Anh và chính ông dịch ra tiếng Bengali. Thơ Tagore được dịch ra rất nhiều Âu ngữ, như tiếng Anh, Đức, Pháp, Ý, Y-pha-nho... và Á ngữ như tiếng Trung Hoa, tiếng Nhật, do các nhà văn và nhà thơ lừng danh ở địa phương phiên dịch. Người Việt Nam chúng ta yêu thơ Tagore chỉ đọc được một bản dịch làm sách gối đầu của Đỗ Khánh Hoan (Nxb An Tiêm) nhưng tiếc là dịch giả không có một lời giới thiệu hay chú thích làm lạc lõng người tìm đọc và tìm học trung bình. Hy vọng là tủ sách Hà Nội đã có

nhiều bản dịch Tagore khác qua tiếng Việt, bởi lẽ "văn chương hiện thực xã hội chủ nghĩa" của Cách mệnh vô sản Sô viết trong bảy mươi năm trước đã hết sức ve vãn Tagore xem ông cũng như Picasso là "anh hùng của nghệ thuật cách mệnh."

Bengali vào đầu thế lỷ XX là tiếng nói của hơn trăm triệu người Ấn Độ miền Tây (Calcutta), và miền Đông (đất Bangladesh hiện tại). Bengali là một tiếng nói có nhiều giọng, âm thanh, lời nói như tiếng hát. Dịch thơ buộc dịch giả phải quen thuộc với âm thanh tiếng nói, suy luận cách dùng lời hiểu biết cú pháp, cảm thông nét tinh vi của tình ý. Các điểm phiến diện này vẫn chưa đủ. Người dịch còn làm thế nào tái tạo, phục sinh linh hồn của câu thơ qua tiếng nói của chính mình. Vì có ai đã làm được cho người ngoại quốc hiểu và cảm được một câu lục bát Kiều, nhất là câu Kiều ngâm sa mạc chăng? Như vậy, dịch thơ đã khó, dịch thơ Tagore lại càng khó hơn. Bởi lẽ Bengali chỉ là một thổ ngữ trong hàng trăm thổ ngữ của người Ấn Độ, và chính số lớn người Ấn Độ trung bình không đọc được thơ Tagore. Điều vui mừng là vì ảnh hưởng thi văn Tagore sâu rộng quá, thu hút được nhiều văn nhân châu Âu, nên hầu hết các bổn thơ, kịch, truyện ngắn... của ông đều được phiên dịch qua tiếng Anh, Pháp, Đức do những ngòi bút giá trị thực hiện; và nhờ đó mà thi văn Tagore trở lại với người Ấn Độ, và trong một giới hạn nào đã đến với người Việt chúng ta! Nhưng ta hẳn trở lại với đề tài.

Cũng là cái tinh thần yêu nước Ấn Độ ngày nay bị người da trắng dày xéo, đã khiến người thơ Tagore, trong một chuyến du lịch (mà ông gọi là hành hương) qua đất Thái Lan (ngày đó gọi là đất Xiêm), đã ca tụng dấu vết huy hoàng của đạo Phật còn lại trên chùa chiền và đền đài đất Thái, trong "Bài thơ tặng nước Xiêm," như sau:

Tôi đến đây, một kẻ hành hương nhỏ bé
quỳ trên ngưỡng cửa đất Xiêm
Dâng lên lời thơ đạm bạc vĩnh hằng đất Ấn Độ
vĩ đại còn dấu vết nơi đây
xa cách nghìn trùng các đền đài khói nhang tàn lụi
Và tôi xin tắm nước cam lồ
tuôn ra từ lòng đất Xiêm,
Suối nước muôn đời đã thoát ra
từ nơi thâm nghiêm đất Ấn Độ
Mặt trời của vô lượng Tình thương và Chánh đạo.

(To Siam, Parisesh)

Đất Thái láng giềng không phải là nơi độc nhất Tagore để lại bài thơ vinh ca đạo Phật. Bất cứ nơi nào ở châu Á và Đông Nam Á có vết tích đền đài hay văn minh đạo Phật như Java, Bali, Miến Điện, Trung Hoa, Nhật Bổn... (điều đáng buồn là không có các xứ Đông Dương thuộc Pháp!) mà Tagore đã ghé chân lúc còn trẻ hay về sau ở trên đỉnh cao danh vọng, ông cũng để lại thi văn tán dương đức Phật. Năm 1927, du hành qua các nước Đông Nam Á, đến Java, thăm đại tháp Borobudur, Tagore viết:

Con người hôm nay không còn chút yên vui,
trái tim khô cạn,
rong ruổi chạy theo bả lợi quyền trước mặt,
lợi quyền mà khi buông tay không còn chút ý nghĩa gì.
Đã đến lúc ta phải suy tư tự tại
trú chân giữa cơn lốc vũ bão,
để nhận chân đức từ bi vô lượng
là ý nghĩa tận cùng của tự do
Và nguyện cầu: Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh...

(Borobudur, Parisesh,1932)

Tagore và đức từ bi của đạo Phật

Nhưng không phải chỉ riêng cái tinh thần ái quốc của một người Ấn Độ hay cái tinh thần tự tôn của một người Đông phương trước sức tàn bạo của phương Tây đã đưa Tagore đến với đạo Phật. Tagore đã đến với đạo Phật vì cái "tâm" của ông. Là một người Bà-la-môn sống trong truyền thống Ấn Độ giáo, Tagore đã được cái ý niệm "từ bi vô lượng" của giáo lý Thích Ca thu hút, và đã trở thành một đệ tử của Thích Ca. Ngày xưa đức Phật đã giải phóng con người thoát khỏi mọi trình tự nghi thức, mọi tín ngưỡng dị đoan, và Ngài đã xóa bỏ mọi điều chướng ngại về sắc da và chủng tộc giữa người và người. Lý luận của Ngài và bức thông điệp của Ngài về tình thương cũng như lời dạy bất bạo động của Ngài đã chinh phục khối óc và trái tim của nhà thơ Tagore. Những người bạn gần và hiểu biết cặn kẽ như huân tước William Rothenstein, thi hào người Ái-nhĩ-lan William Yeats đều lặp lại bằng chứng là tất cả lời dạy của đức Phật đều được thể hiện trong đời sống của Tagore. Một nhà thơ khác Edward Thompson đã từng dạy môn văn chương Bengali tại Bengal và Oxford, tác giả cuốn sách *Rabindranath Tagore: His Life*

and Work (Calcutta, 1921) khẳng định "Ông ta (Rabindranath) thờ đạo Phật nhiều hơn là ông ta có cảm tình với vài giáo phái đạo Bà-la-môn thịnh hành (ngày đó) tại quê hương Bengal của ông. Tất cả lời dạy của đạo Phật đều được thể hiện trong đời sống hằng ngày của ông ta."

Ví dụ cụ thể là sát sanh. Nhà thơ đau đớn tột độ khi nhìn thấy cảnh sát sanh, và sự kiện này được mô tả biết bao lần trong tác phẩm kịch nghệ, trong truyện ngắn của Tagore, rút ý từ những *Chuyện Tiền Thân Jataka* của kinh Phật. Điển hình là bổn kịch *Prayaschitta* viết năm 1893, đem lên sân khấu năm 1909 cùng với bổn dịch tiếng Anh (Bổn dịch tiếng Pháp L'Expiatoire 1922). Nhân vật chính là hình ảnh của một tráng sĩ vô cùng tế nhị không chịu được nỗi đau xót của một con giun, con kiến bị chà đạp dãy chết, nhưng mà trái lại, nung nấu ý chí đấu tranh bất bạo động cho quyền làm người bình đẳng giữa người bản xứ với nhau (chế độ giai cấp, caste) và giữa người da trắng thống trị và người da vàng bị trị, đấu tranh chịu nhục hình để không đóng thuế cho quân cướp nước. Trên sân khấu chính trị, Thánh Cam-địa (Mahatma Gandhi) hai mươi năm sau mới xuất hiện, nhưng nhân vật trong kịch bổn của Tagore đã gợi lên hình dáng rực rỡ của người anh hùng Ấn Độ và Á châu Gandhi, từ đầu thế kỷ.

Đồng thời với bổn kịch Prayashitta, là tập truyện ngắn *Rajarshi* (có ghi trong thư mục ba bổn tiểu sử đầy đủ nhất của Tagore do Ernest Rhys (1915), Rothenstein (1932) và Krisna Kripalani (1962) viết, (nhưng không thấy ghi tên bổn dịch ra ngoại ngữ) lên án việc sát sinh thú vật. Tagore mô tả từng chi tiết với nỗi khổ đau không nói ra được của con vật bị người đem ra giết làm thức ăn hay giết để tế lễ theo tín ngưỡng dị đoan. Santiniketan là ấp riêng của gia tộc Tagore bao bọc con sông Shelaidaha bốn mùa có bóng mát nên rất nhiều chim muông. Ông ra lệnh cho người trong ấp và du khách không được săn bắn súc vật, tạo nên một khu đất dành riêng làm môi trường cho việc bảo tồn thiên nhiên. Và cho đến ngày nay dân chúng trong vùng giữ kỷ niệm tốt đẹp của Tagore, vẫn tuân theo các luật lệ cấm săn bắn, cấm phá hoại thiên nhiên của ông đặt ra từ lúc sanh thời.

Tagore biết rõ là trên hoàn vũ và trong suốt lịch sử nhân thế, đức Phật lên tiếng trước tất cả, tìm cách ngăn chận và chỉ rõ hậu quả tác hại do sự độc ác của loài người đối với cầm thú, đối với môi trường thiên nhiên gây ra, hãm hại đời sống ngày mai. Bởi vậy mà nhà thơ cầu nguyện xin đức Phật tái sinh *(NatirPuja): OSerene,* OFee, bổn dịch tiếng Anh):

Khẩn cầu xin Đức Thế Tôn lại giáng xuống trần!

Ngài, đấng vô lượng thọ, vô đẳng luân
Xin xót thương ban niềm hy vọng muôn đời,
Xin tưới xuống mật ngọt vô lượng tỏa ra
từng cánh trên đài sen sáng chói!
Thanh thản làm sao, bao la làm sao
là đức từ bi vô lượng, là lòng hỷ xả không bờ
của đấng Thế Tôn.
Xin giang tay xóa bỏ mọi tục lụy
trên cõi ta bà này

Cũng trong tập thơ này, ta đọc:

Ngài đã ban muôn vàn ân huệ, xin Ngài ban thêm
cho mỗi chúng con ý thiện thoát ly,
Xin Ngài khơi dậy trong mỗi chúng con chất men
gây lại vốn người.

Tagore và đức trí của đạo Phật

Tagore, như ta đã thấy ở trên, không chỉ đến với đạo Phật vì lòng *ái quốc*, vì cái *tâm*, mà sâu đậm hơn nữa vì điều *trí*. Trong *Dhammapada*, cuốn sách về tư tưởng triết lý và chính trị xuất bản năm 1930, ông viết:

"Không biết bao nhiêu chất liệu dưới mọi hình sắc đã được chôn vùi trong kinh điển nhà Phật. Và chính bởi ngày nay chúng ta đã xa lạ với các chất liệu vô giá đó mà tất cả lịch sử của văn minh Ấn Độ chưa được khai thác vẹn toàn. Ước gì một số thanh niên Ấn Độ chúng ta, khi đã được điều nhận xét trên khắc phục, bỏ tâm huyết vào chuyên chú học Phật, làm việc tìm học đạo Phật thành một sứ mệnh để phục hưng cái gia sản muôn đời."

Tagore không chỉ đưa ra một lời kêu gọi suông. Chính ông tự bắt tay vào việc, gom góp sưu tầm kinh Phật, hiệu đính và dịch thuật qua Anh ngữ, giúp tạo nên phong trào học Phật vào đầu thế kỷ Hai mươi. Trong Đại học Visva Bharati dựng lên một Phân khoa Phật học, hằng năm mở các khóa đào tạo và tu nghiệp cho người học Phật. Học giả trên toàn thế giới đổ xô đến tham gia học tập, thảo luận và sưu khảo dưới sự chỉ đạo của ông.

Năm 1935, khi uy danh của ông đã vang lừng bốn bể, Tagore nhận lời mời của Hội Maha Bodhi Society đến chủ tọa lễ đản sanh

của Đức Phật, người Ấn Độ gọi là lễ *Purnima* (danh từ thống nhất về sau gọi là lễ Visakha). Nhà thơ tuyên bố: "Ngày trăng tròn visakha hôm nay, tôi được đến đây thành tâm thiết lễ Đản Sanh của đấng Chí Tôn. Tôi xin cúi đầu đãnh lễ trước đức Phật mà từ đáy lòng tôi hiểu Ngài là con người cao cả nhất trong mọi tầng lớp người đã sinh ra trong cõi đất này. Đây là dịp cho tôi chứng minh được lòng tôn kính của tôi đối với đức Phật, đây là cơ hội hãn hữu đối với tôi. Tôi xin thành kính đãnh lễ đức Phật mà mỗi ngày tự trong thâm tâm tôi vẫn thành kính chiêm ngưỡng." Trong dịp này, nhà thơ đặt một bài thơ phổ nhạc ca tụng đức Phật mà người Ấn Độ ví như bài thơ "Ode to Joy" của Frederic Schiller soạn và được đại nhạc gia Beethoven phổ qua nhạc trong khúc Đại hòa tấu giao hưởng số Chín. Bài thơ phổ nhạc của Tagore (do chính ông phổ nhạc) bắt đầu bằng câu: "Vạn tuế đức Thế Tôn đã thành công loại bỏ lỗi lầm đen tối (của mọi người"). Giáo sư Krishna Kripalani tác giả bộ tiểu sử bằng Anh ngữ được xem là xác thực nhất của Tagore viết là Tagore vô cùng kiêu ngạo, suốt đời ông chưa hề quỳ lạy một người hay hình tượng nào, vậy mà khi đến Bồ đề đạo tràng Buddha Gaya, thấy bức tượng của Thích Ca, ông sụp xuống lạy đãnh lễ. Cũng chính Tagore đã viết về mình: "Tôi là một đệ tử của Đức Phật, quy y vì trí tuệ của Ngài. Thế nhưng mỗi khi tôi đến những nơi có xá lợi của Ngài, tôi vô cùng xúc động vì cảm thấy được gần gũi Ngài" (Trích trong sách *Samalochana,* 1888). Khi xa hình tượng đức Phật, không còn bồi hồi xúc động, nhà thơ và triết gia trở lại với lý trí thuần túy, viết trong sách *Buddha & Buddhism* (Đức Phật và Đạo Phật 1927): "Đạo Phật là sức mạnh tinh thần đầu tiên trong lịch sử loài người đã liên kết được bao nhiêu nòi giống xa cách nhau bằng muôn nghìn sông núi, bằng tiếng nói và phong tục, bằng nếp chênh lệch giữa trình độ văn minh. Sức mạnh liên kết này không phải là mối giao liên thương mãi, không phải là thành trì đế quốc, hay là điều hiếu kỳ khoa học, lại càng không phải là nổi khát vọng tìm đất mới để di cư. Sức mạnh liên kết này thuần túy là tinh thần cố gắng bất vụ lợi giúp con người đạt tới cứu cánh tận cùng của mình ("Tagore: *Buddha & Buddhism* đã dẫn).

Thật vậy, hài hòa giữa muôn loài để tìm lối thoát nghiệp chướng khổ đau "cứu cánh tận cùng của con người (man's find goal)" là ý nguyện của đức Phật. Ngài đã liên kết chúng sinh trên trái đất bằng tình yêu và nhà thơ Tagore đã nhận chân được điều đó. Phương tiện đạt tới hài hòa là làm theo lời dạy của đức Phật: tin Phật, tin vào Pháp của Phật, và xem tăng lữ là người bạn dẫn đường. Tagore viết:

Khi lời rao giảng quy y Tam Bảo
Như sấm vang trên thinh không qua đồi qua núi
Qua sa mạc, qua biển khơi
Các quốc gia thức tỉnh cùng vùng dậy đáp ứng
giữa miếu đường, quyết tâm dứt nghiệp
dâng lời thề nguyện hướng về giải thoát
đập tan xiềng xích trói buộc nhục thân
(Bài thơ tặng nước Xiêm, Parisesh)

*

Giáo sư Buddhadeva Bose thuộc Viện đại học Bombay là một trong những chuyên gia nghiên cứu Tagore, đã mô tả ông như là "một hiện tượng của thế kỷ"..., "một sức mạnh của

Tạo hóa thổi vào nền văn học"... và "điểm đặc trưng nhất của ông là khối lượng, bao xuyến mọi lãnh vực, muôn hình muôn trạng"... "Rabindranath Tagore là nhà văn toàn diện, đầy đủ bậc nhất trên thế giới." Buddhadeva Bose cũng như các nhà học giả cổ điển khác sắp văn phẩm của Tagore thành bốn mục: thơ trữ tình; chuyện ngắn và tiểu thuyết; kịch nghệ và âm nhạc; tư tưởng triết học và chính trị.

Trong lãnh vực thi ca trữ tình, địa vị của Tagore tại Ấn Độ có thể đem so sánh với Nguyễn Du trong thi văn nước ta trong mực thước khiêm tốn hơn, dĩ nhiên khiêm tốn về phần chúng ta. Trước Tagore,thơ trữ tình Bengali không ai để ý; sau Tagore chưa có một nhà thơ nào sánh kịp được một phần. Thơ Tagore lại còn là loại thơ để phổ nhạc vì lẽ âm thanh đặc biệt của tiếng nói Bengali, và cũng vì lẽ Tagore là một nhạc sĩ thiên tài.

Chuyện ngắn và tiểu thuyết của Tagore phần đã được dịch ra Anh ngữ được sắp xếp thành ba bộ lớn, gồm bốn đề tài: sự cách biệt giữa đời sống thôn quê và thành thị; giáo dục là phương tiện để tiến bộ; tinh thần quốc gia và ý kiến chính trị; khai phóng nữ lưu và cộng đồng.

Tác phẩm kịch nghệ và phần phổ nhạc là phần sáng tác Tagore vừa ý nhất. Như ở trên đã minh định giới hạn, trong bài này ta không bàn tới tư tưởng triết lý và chính trị của Tagore, mà chỉ tìm hiểu phần sáng tác thuần túy văn nghệ của ông liên hệ đến đạo Phật.

Điều cần phải nhắc lại ngay là chín mươi phần trăm sáng tác thi văn của Tagore viết bằng tiếng Bengali, và chỉ khoảng gần một nửa được dịch qua Anh ngữ. Trong số tác phẩm được dịch ra Anh Ngữ, phần liên hệ tới đạo Phật không đếm được bao nhiêu bởi lẽ người Tây phương làm quen với Ấn Độ ngày đó rất nghi ngại, nếu không nói là khinh khi đạo của Thích Ca.

Năm 1961, kỷ niệm 100 năm sinh hạ Tagore, nhà xuất bản Macmillan tổng kê tác phẩm Tagore trong tập sách *Centenary Volume* trong đó ghi chú 41 tác phẩm kịch nghệ. Chín bổn đã được dịch lúc sinh thời tác giả, tám bổn được in sau khi ông mất, 24 bổn còn lại nguyên tiếng Bengali. Trong những bài đã dịch qua tiếng Anh chỉ có đôi bổn như kịch bản Prayaschitta đã dẫn trên quen thuộc với chúng ta về mặt đạo Phật. Bây giờ nếu ta đọc giáo sư Bimal Barna, một học giả Phật giáo trường Nalanda (Calcutta Reviews, 1960) ta học được là rất nhiều bài thơ trữ tình, chuyện ngắn, kịch bản của Tagore được sáng tác rút chất liệu trong những *Chuyện Tiền thân* đức Phật (Kinh Jataka). Bismal Barna dẫn những bài thơ ngắn hoặc trường thiên, nhiều bài đã viết ra kịch bản, tiểu thuyết như tập thơ Katha, Sreshta-Bhiksha, Mastakbikray, Nagarlaksmi, Pujarini... những đề mục quen thuộc trong kỹ nghệ điện ảnh Ấn Độ ngày nay! Nhà sưu khảo còn viết thêm là những bài thơ, truyện ngắn ,kịch bản này được diễn tả với bút pháp "không so sánh được trong lịch sử văn chương."

Rất tiếc vì hàng rào ngôn ngữ, thế hệ chúng ta bắt buộc trở thành xa lạ với những kỳ quan này. Phương Tây — vì lý do hoàn cảnh, có chúng ta trong đó — chỉ biết được Tagore thoáng qua và không trọn vẹn. Sau này những người trẻ tìm học đạo Phật, nếu đến với Tagore, chắc chắn sẽ gặp một kho tàng vô giá chờ đợi được khai thác.●

(* chữ trong vòng đơn là lời của người dịch. Tập thơ Parisesh viết bằng tiếng Pali năm 1887, dịch ra Anh ngữ và xuất bản tại Luân đôn năm 1932.)

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

BẠN HIỀN

LÊ TẤT ĐIỀU

Sáng 29/5 đưa tiễn bạn, bàng hoàng nhìn hai cột khói ù ù thổi thân xác bạn hiền lên trời. Chiều về, ngồi trong vườn, giữa những trận gió lạnh trái mùa, ào ào ngả nghiêng cây lá như một cơn bão nhỏ. Đời ta lại thêm một cái chớp mắt làm ngẩn ngơ, tê tái chưa biết đến bao giờ.

Có câu nói của người bạn trẻ trước linh cữu bạn sáng nay làm tôi mỉm cười: "Việc nào nặng lại đùn cho anh Điểu." Hóa ra, có ít nhất hai thế hệ, chuyên môn đùn việc nặng cho Lê Đình Điểu.

Hồ Hải Trân, Trần Đại, Trần Gia Toàn v.v... và tôi là những bậc tiền phong trong nghề đùn việc cho bạn. Từ những ngày còn học đệ lục, đệ ngũ, từ những ngày cách đây hơn 40 năm.

Nói "đùn" thì cũng hơi oan. Thật ra, cứ việc nào khó thì bạn nhận trước. Việc khó, lại chính do bạn bày ra. Hồi đó, hai chúng tôi cùng tập làm thơ, viết văn. Khi thấy trong lớp xuất hiện thêm ba mầm non văn nghệ nữa, Lê Đình Điểu lập tức triệu tập một phiên họp ở quán đậu đỏ, bánh lọt để thành lập... văn đoàn.

Phiên họp không có thảo luận sôi nổi, tranh cãi gay go. Điều lệ, nội qui Điểu đã soạn sẵn. Cả tên văn đoàn anh cũng chọn trước rồi. Hồi ấy, có hai chữ "Sáng Tạo" rất văn nghệ thì hình như ông Mai Thảo đã chộp mất, bạn Điểu đành dùng tạm hai chữ "Kiến Tạo," Kiến Tạo Văn Đoàn, nghe cứ như một công ty xây cất.

Nhưng anh em đều sướng mê tơi, không ai phiền hà, thắc mắc gì. Cả chức Văn đoàn Trưởng cũng không anh nào dám tranh chức với Điểu vì trách nhiệm Văn đoàn Trưởng Văn đoàn Kiến Tạo quá nặng nề: anh phải kiêm nhiệm thêm chức thư ký, tùy phái, liên lạc viên, linh tinh đủ thứ. Đã thế mỗi lần hội

họp, ông Trưởng lại phải khoản đãi anh em, hèn nhất thì mỗi hội viên cũng có một ly nước mía.

Vào thời cực thịnh, nhân số Kiến Tạo Văn đoàn lên tới bảy người, kể cả Văn đoàn Trưởng.

Hồi đó, tài tổ chức, giải quyết công việc của Lê Đình Điểu đã lộ rõ.

Vấn đề khó khăn nhất Văn đoàn gặp phải là: bài tồn kho quá nhiều. Các văn thi sĩ tí hon đều sáng tác hăng say. Cậu nào cũng có hàng chục tên bài văn, bài thơ xuất hiện trên các trang báo học sinh, trong danh sách "Bài không đăng." Cứ đà này thì nhiều cậu sẽ cụt hứng, nản chí và Kiến Tạo Văn đoàn sẽ mất dần hội viên, có nguy cơ tan vỡ.

Bạn Điểu đâu có chịu để cho công trình của mình sụp đổ một cách lãng xẹt như vậy. Bạn xuất bản ngay một tờ báo để đăng bài của anh em hội viên. Báo của bạn in bằng bột, theo đúng kỹ thuật in thạch bản mà bạn đã học hỏi, nghiên cứu tự hồi nào. Bạn đóng một cái khay gỗ, bạn hì hục nhào bột, bạn nắn nót chép bài của anh em, viết nhan đề bay bướm, gồ ghề, lại vẽ thêm tí tranh kèm theo bài. Trừ bài dở quá thì chịu, chứ bài chỉ dở chút xíu, dở vừa vừa là bạn đăng tuốt luốt.

Thế là tinh thần các văn thi hữu lên vù vù. Cứ đà ấy mà tiến, sẽ có ngày Kiến Tạo Văn đoàn có thể làm lu mờ Tự Lực Văn đoàn của cụ Nhất Linh.

Tạp chí văn chương in bằng bột này làm Lê Đình Điểu trở thành một cậu bé nghiêm trang, đứng đắn khác thường. Trong khi các văn, thi sĩ hội viên tiếp tục ăn quà vặt, tiêu xài lăng nhăng thì Cậu Chủ nhiệm dồn hết tiền túi vào việc mua bột, giấy, mực, phục vụ văn chương.

Mặc dầu luôn luôn tôn trọng tuyệt đối quyền tự do sáng tác của hội viên, có một lần ngân sách của bổn báo bị khủng hoảng sao đó, Chủ nhiệm đành có lời khuyến cáo toàn ban biên tập: "Kỳ này anh em tạm ngưng sáng tác truyện ngắn, ký sự, tùy bút... nhớ chỉ làm thơ thôi, cho nó đỡ tốn... bột."

Tôi không nhớ Kiến Tạo văn đoàn tồn tại được bao lâu, chỉ biết chắc nó không qua khỏi mùa hè năm 1957, khi lớp đệ lục B4 Nguyễn Trãi đã thành đệ tứ B4 và bắt đầu xảy đàn, tan nghé.

Cuối năm đệ tứ, chúng tôi thi Trung Học. Cậu nào đậu cao được vào đệ tam Chu Văn An. Đậu hạng thứ phải qua kỳ thi tuyển. Rớt bằng Trung Học, rớt thi tuyển thì đi học Trường Tư. Nhiều bạn về sau không đi học thêm nữa. Như hai bạn Bùi Đức Lạc, Đàm Trọng Toàn thì sau năm đệ nhị hiên ngang gia nhập binh chủng Nhảy Dù.

Nhóm bạn vào được đệ tam Chu Văn An thì cũng mỗi người mỗi ngả. Nguyễn Cẩm Thạch, Bùi Đức Lạc theo ban A sửa soạn một cuộc đời làm thầy thuốc. Hồ Hải Trân và bạn hiền theo văn chương. Trần Đại và tôi học ban toán, đứa lớp B4, đứa lớp B3.

*

Hơn bốn thập niên sau, Lê Đình Điểu ra tay tìm lũ bạn nhỏ cũ. Bạn hiền tìm được hơn nửa lớp đệ lục B4. Nhóm bạn không tìm được phần lớn đã qua đời.

Sau 75, sáng kiến tìm bạn tài tình nhất của tôi là thuê một hộp thư ở San Diego, phổ biến cái P.O. Box 19555 đó trên báo, trên sách rồi ngồi chờ bạn cũ đọc thấy và liên lạc!

Phải đợi Điểu ở tù về, đến Pháp, đến Mỹ tổ chức làm tờ *Người Việt* lớn mạnh, tổ chức tờ *Thế Kỷ 21* vững vàng, lo cho đài phát thanh ổn định, lo tìm lại bạn bè... khi đó, lớp đệ lục B4 mới có ngày họp mặt.

Nhờ Lê Đình Điểu mà chúng tôi mỗi người có một danh sách địa chỉ và đôi ba hình ảnh của mấy chục bạn cũ ở rải rác khắp thế giới. Nhờ Điểu mà tôi biết Đỗ Bùi Đống, biệt danh Đống Thuốc Lào, đang hấp hối, để kịp thời gửi cho các con bạn tí tiền còm.

Vào một ngày hè năm 1998, Điểu kéo được hơn một phần tư lớp đệ lục B4 về họp mặt ở vườn sau nhà Giáp Bằng Phan.

Chia tay ở lớp học mượn tạm của trường tiểu học Lê Văn Duyệt, lúc còn là các cậu học sinh Trung học, gặp lại hơn 40 năm sau đã là các lão ông tị nạn trên dưới 60, tôi tưởng sẽ thấy một lũ người xa lạ. Dung nhan vài bạn quả có lạ thật, nhưng nói cười vài phút là gặp lại đầy đủ trường, lớp, bạn xưa.

Anh nào vẫn ra anh ấy.

Ông Phan vẫn chất phác, hiền hòa, một lòng thương quí bạn. Ông Trần vẫn ung dung, trầm tư như một nghệ sĩ đã chán chuyện hải hồ. Thầy thuốc Thạch tác phong công tử bột, quí phái, nhưng lúc cần đấu khẩu thì to mồm không thua ai. Nguyễn Trọng Cơ điềm đạm, thông minh, uyên bác. Luật gia Nguyễn Hữu Thi vẫn bảnh trai như tài tử xi nê, nói năng nhỏ nhẹ nhưng thâm trầm, độc địa đến ông Toàn Đen cũng phải gờm. Nguyễn Ngọc Bảo vẫn cả ngày không nói một câu, mặt mũi vẫn

ngày thơ vô tội." (Hơn bốn mươi năm trước, sau những cú nghịch ngầm bị bại lộ, anh em bị phạt cả, mà trò Bảo lại được giáo sư tha, nhờ mặt lúc nào cũng rất "vô can").

Đặng Đình Liên vẫn vóc dáng thư sinh với nụ cười hiền khô. Nghe ông ấy kể học xong ông hóa thành sĩ quan tác chiến đánh đông, dẹp bắc, anh em cứ trố mắt ra, không tin.

Bùi Đức Lạc lái xe hơn 400 dặm đi họp, vừa thấy tôi đã rút ra một cái giấy phạt, khiếu nại om xòm. "Sao mấy thằng Cóp ở miền Nam Ca Li nhà mày khó chịu thế. Lần nào tao đi Eo-Ê cũng bị tụi nó phạt. Hôm qua tao đã biết thân, chạy chậm hẳn, không lúc nào quá chín chục mai, có thằng Bảo, thằng Thi làm chứng... Thế mà chúng nó cũng vồ tao." Tôi đang lúng túng không biết bào chữa thế nào cho sự ác ôn, côn đồ của mấy ông Cóp miền Nam Cali, thấy ông Hội Trưởng Gia đình Mũ Đỏ chỉ chạy có chín chục mà vẫn cứ vồ... thì Đàm Trọng Toàn đã đỡ lời. "Thằng Lạc, mày chở thằng Bảo, thằng Thi trong xe, một lũ đầu trâu mặt ngựa; trông cứ như bố già, băng đảng đi ăn cướp. Cóp nó vồ là phải. Cứ nhìn mỗi bộ râu của mày là nó đủ ghét rồi."

Nghe lời giải thích hết sức hợp tình, hợp lý của Toàn Đen, ông Lạc bớt giận ngay, và Lạc kể cho anh em nghe chuyện tiền kiếp của ông ấy: cái thủa ông còn là sĩ quan cấp Tá, chỉ huy một lực lượng trọng pháo của binh chủng Dù, có lần suýt bỏ mạng sa trường ở Hạ Lào.

Còn ông Toàn Đen thì đúng là một tay nhớ dai, thù dai nhất lớp. Nhớ dai nên ông ấy ngồi kể vanh vách tật xấu của từng đứa. Thù dai nên hôm đó ông cứ lải nhải sỉ vả ông Đặng Đình Liêu về cái tội một hôm, cách đây gần nửa thế kỷ, ông Liêu giở trò bần tiện không cho ông Toàn cọp-dê bài thi Toán, làm ông ấy bị điểm xấu rất oan uổng.

Hôm ấy, Đặng Văn Thiện không về được, cũng cố đến với anh em bằng phôn và E-mail. Rồi ông Mai Công Trổ, ở Úc, tình cờ qua Cali vào dịp đó, cũng xuất hiện thình lình như trên trời rơi xuống.

Vườn sau nhà Giáp Bằng Phan hôm đó, như sân trường Nguyễn Trãi hơn 40 năm về trước, đầy tiếng cười.

Cuộc họp bạn mới đây ở nhà Thạch còn ồn ào hơn, dù anh em San Jose không xuống, bạn hiền không tới được. Chỉ lúc nghe tin Toàn báo tin bạn hiền đã nguy kịch, đang mê man trong nhà thương, anh em điếng người, im lặng được chừng ít phút, rồi lại nói, lại cười.

Hôm đó thật vui nhờ công đức của ông Toàn Đen: ông ấy đi lạc!

Quanh quẩn, ngược xuôi cả nửa giờ không kiếm ra nhà, ông Toàn đành gọi chủ nhà cầu cứu. Ông Thạch yêu cầu ông Toàn cứ án binh bất động ở một trạm xăng rồi đích thân phóng ngựa, dẫn một cánh quân ra cứu.

Anh em sướng mê tơi. Lâu nay Toàn Đen sỉ vả anh em rất kỹ, đây là dịp bằng vàng để cái lũ bị áp chế vùng lên phục hận.

Anh em chờ ở cửa, Toàn vừa ló mặt là thi nhau xỉa xói: "Mày khoe mày đi nát cả Cali mà có cái nhà thằng Thạch kiếm cũng không ra. Đồ nói phét", "Leo tới chức Trung Tá, Đại Tá Dù mà đi đâu cũng lạc như thế thì hồi xưa mày dẫn lính đi đánh đấm ra làm sao! Tao nghi quá." Toàn trợn mắt: "Nhà thằng này khó tìm bỏ mẹ, dân địa phương này bần tiện, làm cái bảng chỉ đường nhỏ tí. Tao cá là tụi mày cũng có đứa lạc..."

Toàn nói đúng. Ít nhất có bốn anh em không thấy cái bảng tên đường, cũng lạc mất một lúc. Nhưng anh em chối bay, chối biến, nhất định nói là tất cả đều đến ngay tróc cổng nhà Thạch, chỉ có một mình chàng Toàn lạc thôi. Thấy Toàn yếu thế, anh em tấn công ác liệt hơn: "Rừng núi Việt Nam rắc rối hơn xa lộ Mỹ, hồi xưa mày hành quân mà trật mục tiêu, lạc tứ tung như thế thì khối Thiên Thần Mũ Đỏ của mày hóa ra Thiên Thần Thứ Thiệt."

Ông Toàn cũng như ông Lạc, chai lì lắm. Phải biết rõ tử tuyệt, nói xấu binh chủng Nhảy Dù thì ông ấy mới chịu đau, mới hết nhơn nhơn. Bị vu oan là ngày trước đi hành quân lạc đường, làm chết lính, Toàn càng sùng lên. Chàng quay ra cà khịa với chủ nhà Nguyễn Cẩm Thạch.

"Thằng Thạch, mày chơi tao. Mày gửi bản đồ cho tất cả tụi nó mà không gửi cho tao. Mày còn cãi là không có địa chỉ. Không có, sao hôm Tết mày gửi thiệp chúc tụng tao om xòm. Mày "khẩu xà" tâm cũng "xà" luôn. Nhìn địa thế căn nhà mày là tao biết mày đâu có muốn anh em đến chơi. Mày biết anh em nghèo đi toàn xe cũ mà mày mua cái nhà chót vót trên đỉnh đồi thế này thì xe anh em leo gì nổi, chỉ có sôi bình nước, chết máy dọc đường cho mày cười." Thạch cãi: "Lúc mua cái nhà này tao đâu đã gặp mày. Gặp mày trước, tao đã mua cái nhà ở chỗ thấp, thật thấp, mày đến chơi chỉ việc... lăn xuống, cho nó đỡ tốn xăng."

Thấy Toàn Đen sỉ vả anh em vui quá, anh

nào bị chửi cũng cười lăn ra, anh em nhất trí bầu chàng làm Trưởng Ban Trật Tự, kiêm Trưởng Ban Liên Lạc, để từ nay chàng có danh chính, ngôn thuận mà thi hành công tác chửi.

Vừa nhậm chức mới, Toàn đã có công tác: liên lạc với đốc tờ TTC. Bạn C từ ngày đến Mỹ buồn thế sự, nhất định ẩn cư, không liên lạc với ai. Cách đây vài tháng C bị tai biến mạch máu não, nằm nhà thương, bắt đầu chịu để cho bạn bè hỏi thăm. Toàn gọi điện thoại, C còn cứng lưỡi, nói năng khó khăn, thế là ông Trưởng Ban Trật Tự sùng lên, mở máy: "Sư mày, hồi xưa mày nói năng lưu loát thì mày trốn biệt. Bây giờ ngọng rồi mày mới chịu chơi với anh em. Mày ấp a, ấp úng tao chẳng hiểu mẹ gì cả. Bà xã mày có đấy không, bảo bà ấy thông dịch lại lời mày cho tao nghe."

Chửi xong, Toàn nghỉ việc một tuần, lái xe hơn 500 dặm đi thăm bạn. "Thằng C nguy rồi - Khi về, Toàn kể - Cú stroke chỉ là chuyện nhỏ. Nó bị ung thư gan, còn được chừng vài tháng nữa thôi. Tao đến, nó đã nhất định không ăn, không uống thuốc. Thế mà tao dụ được nó uống thuốc đó mày. Mới đầu nó cãi tao: nó bảo nó là thầy thuốc, biết quá rõ về tình trạng của mình, còn gì nữa mà thuốc thang. Tao nói: Thôi mày cứ uống một chút cho vợ mày vui. Thế là nó uống."

*

Cuộc họp mặt của đệ lục B4 có nhiều chuyện ly kỳ đáng ghi lại: chuyện Bùi Đức Lạc đứng hò hét giữa mưa pháo ở Hạ Lào, biết rõ chi tiết về cái chết của đại úy Nhung, người giết anh em ông Diệm, chuyện vượt biển rùng rợn của Hồ Hải Trân, chuyện danh tiếng lẫy lừng của Nguyễn Trọng Cơ ở trường khoa học... nhưng tôi chỉ viết về cái giấy phạt của Lạc, về biệt tài sỉ vả anh em của Toàn... bởi vì tôi đồng ý với bạn hiền, cuối cùng thì chỉ có tiếng nói, tiếng cười của bạn bè là đáng kể, như trong câu thơ bạn hiền viết từ giã anh em: "... ra đi còn để lại, nụ cười bạn mình thôi."

Thương xót bạn hiền thì oán Trời, trách Đất. Nhưng phải công tâm nhận rằng số mệnh cũng có nhiều phần tử tế với chúng ta. Gần nửa thế kỷ vừa qua, chúng ta đã sống, đã tham dự một trận chiến tàn khốc, đã tù đầy khốn khổ, đã vượt biển kinh hoàng... thế mà lớp đệ lục B4 vẫn còn được hơn một nửa, lại còn cho vườn sau nhà Thạch, nhà Phan, tụ hội được ngần ấy tiếng nói, tiếng cười. Kể cũng là may mắn.

*

Đêm qua nhớ bạn, thức khuya. Sáng nay vừa mở mắt, trông ngay thấy toàn thể Khu nhà Văn Hóa Việt Nam.

Bên trong nhà Văn Hóa có bao nhiêu phòng ốc, chứa đựng những gì, tổ chức ra sao... bạn hiền Lê Đình Điểu đã biết rõ lắm. Tôi đã thuyết trình từng chi tiết dự án cho Điểu nghe năm lần, bảy lượt rồi, vẫn với manh tâm sẽ "đùn việc khó" cho bạn.

Chỉ có hai chỗ mới thấy, chưa kịp nói, là khu vườn sau nhà Văn Hóa và một căn nhà nhỏ ở góc vườn.

Khu vườn tôi thấy sáng nay rộng gấp mười

HUỲNH LIỄU NGẠN

NGƯỜI ĐI CÁT BỤI

Người đi qua đó một lần
bóng đêm đổ ngọn vô ngần hư không
hoang vu mấy kiếp hồng trần
vi vu gió quyện vui mừng người đi
đời chao động cả xuân thì
anh reo theo gót nhu mì anh reo
bấy lâu ngó ngượng qua đèo
không xa mấy cũng cheo leo cả ngày
đời thành hư huyễn chân mây
sắc không một thoáng đổ đầy trần ai

người đi cát bụi lấm hài
buồn theo nắng sớm mưa mai một đời.

lần khu vườn trong dự án đầu tiên. Vẫn là một rừng cây trái, ao hồ Việt Nam như chúng ta dự tính, chỉ khác giờ vườn có thêm nhiều tác phẩm của điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu và họa sĩ Vi Vi (chàng họa sĩ tài hoa này, mấy năm gần đây đã đắp được nhiều pho tượng thật đẹp).

Đi thong thả trong vườn, tôi sẽ gặp tượng ông Mai Thảo thanh thản chờ xe buýt, ông Nguyên Sa tần bộ trên bờ sông, mắt ngước nhìn mây trắng tìm tóc người yêu, ông Thanh Nam nâng ly rượu mời bạn hiền, ông Xuân Hiến ngồi câu cá ở bờ ao, ông Duyên Anh nâng niu chiếc lồng nuôi con chim sáo, ông Phạm Đình Chương đứng đàn hát giữa trời, ông Nghiêu Đề nằm khểnh bên giá vẽ, ông Vũ Khắc Khoan sừng sững như Tháp Rùa... và ở cuối vườn, pho tượng Lê Đình Điểu ngồi đối diện Trần Đại Lộc, hai ông đang thảo luận về một dự án nào đó.

Cái điều mà tôi không kịp, và chẳng bao giờ còn được bàn luận với bạn hiền là căn nhà nhỏ ở góc vườn.

Đó chính là ngôi trường sẽ chuyên giảng dạy về văn chương, văn hóa Việt Nam. Tôi sẽ mời các thầy, cô chuyên dạy Việt Văn lo cho các lớp Trung Cấp. Các văn, thi sĩ lẫy lừng, các học giả uyên bác sẽ giảng dạy mấy lớp bậc Đại học.

Ngày nay, chúng ta đâu cần những trường ốc nguy nga, rộng lớn. Với kỹ thuật truyền thông hiện tại, chúng ta chỉ cần một không gian rộng bằng lớp đệ lục B4 ngày xưa là đủ sức thâu nhận và giảng dạy cho sinh viên ở rải rác khắp mặt địa cầu.

*

Bạn hiền ơi,

Tôi vừa đi thêm một vòng quanh khu vườn trong trí tưởng, nhìn ngắm từng pho tượng anh em, lại thấy mình tiếp tục cư xử không phải với bạn hiền. Tượng các vị kia đều có vẻ nhàn hạ, thanh thản. Riêng pho tượng bạn thì thế ngồi nghiêm chỉnh, tay giở chồng hồ sơ, mặt đăm chiêu suy nghĩ, tính toán. Rõ ràng là tiềm thức tôi vẫn chưa bỏ được cái tật ỷ lại. Bạn đã ra ngoài tầm nhờ vả của anh em mà tôi cứ giữ trong tư thế đang làm việc, sẵn sàng nhận những công tác khó anh em "đùn" cho. Tư thế ấy của pho tượng bạn chính tôi đề nghị với nhà điêu khắc.

Không đến nỗi lúc nào tôi cũng vô tình, vô duyên như thế. Có lúc tôi đã nghĩ tới, và tôn trọng, sự nghỉ ngơi của bạn. Mới đây thôi, trong ngày họp ở nhà Giáp Bằng Phan.

Hôm đó, sức khỏe bạn đã suy kiệt. Ngồi với anh em được một lúc, bạn mệt, phải vào phòng khách nằm nghỉ. Tôi định đến ngồi cạnh bạn nói chuyện, lại thôi, phần vì anh em đấu hót tưng bừng quá, bỏ đi không nổi, phần vì cũng không biết nói gì với bạn ngoài vài câu an ủi quen thuộc đến độ nhạt nhẽo, vô duyên. Lỡ cao hứng nói nhiều, lại rót vào tai bạn toàn chuyện công việc, chương trình này, dự án kia... Chỉ làm bạn thêm mệt và buồn.

Thành ra, tôi ngồi lại với anh em, đóng góp tích cực vào sự tái sinh của một phần tư lớp đệ lục B4, làm đông đảo ồn ào hơn một chút những tiếng nói, tiếng cười, tưởng đã tan rã từ hơn 40 năm trước, hôm nay đang vọng vào tai bạn từ phía vườn sau.

Tôi đã sáng suốt để bạn nằm yên nghe, thưởng thức một tác phẩm của chính bạn.

Cuộc họp mặt hôm ấy, những tiếng nói, tiếng cười, một phần lớp học xưa... là công trình của bạn cả. Như Nguyễn Hữu Thi đã nói, khi nâng ly chúc bạn sớm bình phục. "Anh em có được sự tụ hội đông vui thế này là nhờ Lê Đình Điểu..." Anh em tan rã đợt đầu mùa hè 57, rồi tan rã kỹ hơn, bị rải ra mọi miền đất nước khi tốt nghiệp trưởng thành. Rồi kẻ đi tù, người vượt biển. Cuối cùng thì băng qua đại dương, chìm khuất vào các lục địa mênh mông. Hơn 40 năm!

Nhờ Điểu cặm cụi thư từ, liên lạc, tìm kiếm từng người...

Có lẽ buổi trưa hôm ấy là lần duy nhất bạn được thưởng thức kết quả công trình của mình trong tư thế an nhàn, nghỉ ngơi. Xưa nay, chưa hết việc này bạn đã bắt tay vào việc khác, làm việc nào thì cũng lo cải tiến, hoàn thiện không ngừng.

Mới suy nghĩ sáng suốt như thế mà rồi lại quên khuấy mất! Lại hình dung ra pho tượng bạn hiền không một nét nhàn nhã, thanh thản, dù đã trong tư thế bất động ngàn đời!

Lỗi hoàn toàn ở bạn. Bạn đến với cuộc đời, với bằng hữu trong phong thái một người không chịu nghỉ ngơi. Đi đâu bạn cũng lo tổ chức, cải tiến, tạo dựng.

Tôi không thấy hai tay bạn buông xuôi. Tôi chỉ thấy bạn lại đang loay hoay, nỗ lực làm cho hoàn hảo, tốt đẹp hơn nơi bạn vừa đến.

Dù nơi đó đã sẵn sự tốt đẹp, hoàn hảo như cõi thiên đường.●

6-99

MƯA MUỘN

NGÔ NGUYÊN DŨNG

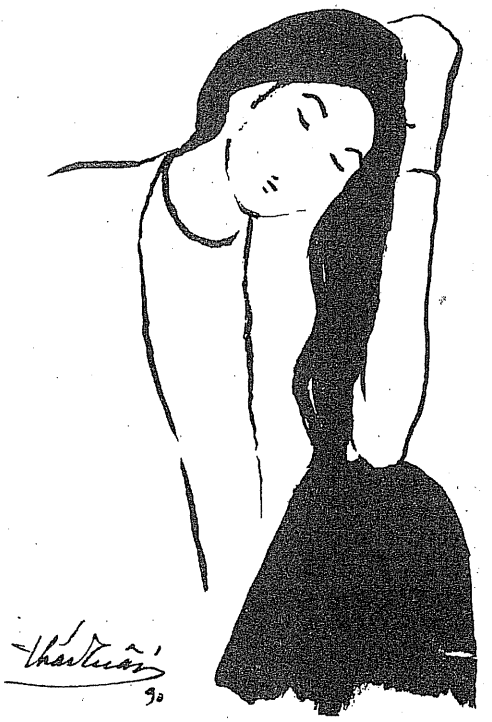

Bác sĩ bảo Thư, não bộ Huấn bị chấn động mạnh, anh ấy cần một khoảng thời gian để hồi phục. Ông ví von, con người có một bộ nhớ biết ghi nhận và xếp đặt những dữ kiện tai nghe mắt thấy; khi gặp nạn, những dữ kiện bị xáo trộn hay thất lạc, người ta mang hội chứng mất trí nhớ cấp tính, nhưng không nguy hiểm, có thể chữa được bằng tính kiên nhẫn, và nhất là bằng tình thương.

Huấn đang nằm trong trạng thái hôn mê. Vẫn theo lời bác sĩ, Thư nên kích thích tiềm thức Huấn bằng cách khơi dậy những kỷ niệm cũ, đọc cho chàng nghe một đoạn văn chàng yêu thích, hát cho chàng một khúc nhạc chàng tâm đắc, trò chuyện cùng chàng về những sinh hoạt thường ngày như thể chàng đang tỉnh táo. Biết đâu chừng, một trong những chi tiết ấy sẽ có hiệu quả của một mũi kim chọc thủng màn hôn mê, giúp Huấn trở về cõi tỉnh. Thư làm theo lời bác sĩ. Mỗi lần vào thăm Huấn, nàng đều mang theo một quyển sách để vừa cầm tay chàng vừa đọc cho chàng nghe: "Sau rặng núi, buổi sáng thường tỏa ra thứ ánh sáng thật lạ, tựa như màu chàm của đại dương sâu, nhưng trong hơn, gợi cho ta cảm giác đang đứng trong một thánh đường, lặng ngắm luống nắng xuyên qua những khung cửa hình vòng cung lắp kính ngũ sắc. Bên kia núi, hẳn là phương đông. Người đàn ông thường thức sớm, ra hiên ngắm cảnh ban mai đổi sắc. Lòng ông cũng chuyển động rực rỡ, dựng phông cho những đổ vỡ, những phiền toái, những tàn lụn đang được tái tạo. Ông quên đi chuỗi ngày làm việc cật lực trong hãng xưởng. Những tranh chấp và mưu toan vật chất bỗng trở nên tầm thường vặt vãnh như bãi sỏi dưới chân dải núi đá chĩa

ngọn sắc lẻm. Họ nói, chỗ núi mọc trước kia là đại dương. Đá là nham thạch phun ra từ lòng đất. Vẫn còn đó dấu tích của các loại hải sản hóa thạch. San hô in hình rẽ quạt trên đá hoa cương. Triền núi, có nơi là nghĩa trang chôn cất bầy ốc anh vũ. Ngọc hổ phách ướp xác lũ cá ngựa, đuôi xoắn cong trước cái chết bất ngờ. Chúng nhắc người đàn ông nghĩ tới những biến thiên động địa trong dòng nhân sinh..."

Từ hôm Huấn vào nằm bệnh viện, nhà trở nên vắng vẻ. Tính mẹ Thư vốn điềm đạm, càng thêm lặng lẽ. Không còn tiếng tây ban cầm vọng ra từ phòng Trâm, em gái Thư. Những bữa cơm chiều thiếu người. Nhiều khi từ bệnh viện về, Thư xót xa nhìn mâm thức ăn mẹ để dành trên bàn. Toàn những món Huấn thích. Thỉnh thoảng Trâm chờ Thư về ăn chung. Thư kể cho em nghe lời khuyên của bác sĩ, rồi chép miệng:

"Lần nào chị cũng đọc cho anh ấy nghe vài chương sách. Đôi khi chị có cảm tưởng như đọc trước một vách tường."

Trâm an ủi:

"Phải kiên nhẫn chị ạ."

Giọng Thư mềm nhũn:

"Đôi khi chị sợ tiếng nói của chính mình, vì nó không tạo ra phản ứng nào cả."

Trâm siết nhẹ tay chị, không nói, như nàng đã không thổ lộ cùng chị những liên hệ thầm kín giữa nàng và Huấn, khi trước. Những lá thư và những bài thơ của Huấn lén lút trao tay nàng vẫn còn nằm trong ngăn kéo bàn học luôn khóa kín. Trâm làm sao quên được những hôm Huấn tới thăm, vắng mặt Thư, chàng dạy nàng đàn hay tập nàng hát. Mười bảy tuổi mà Trâm vẫn còn trẻ con, còn nằm ngủ với mấy con thú nhồi bông. Hôm sinh nhật mười tám, Huấn tặng nàng con gấu trắng, mặc váy yếm đỏ, đầu gắn nơ hồng, đôi mắt là hai hạt cườm đen nhánh. Huấn đàn cho Trâm hát tặng mọi người bài "Khúc hát thanh xuân": "Ngày ấy khi xuân ra đời, một trời bình minh có lũ chim vui..."

Bài hát ấy, sau đó, Trâm tập đàn đến thuộc lòng. Nhưng không hiểu sao, nàng vẫn không cảm thấy xúc động khi gặp mặt Huấn. Có lẽ thâm tâm nàng luôn nghĩ rằng, Huấn đến vì chị Thư. Huấn ăn mặc lịch lãm, ngôn ngữ nhã nhặn, rất vừa lòng mẹ. Chàng có gương mặt ưa nhìn. Nổi bật nhất, theo Trâm, là cặp mắt sinh động, như thể chúng biết thay lời nói hộ chàng những suy tư chưa dám ngỏ. Không biết chị Thư nghĩ sao, chứ Trâm mỗi lần chạm phải tia nhìn Huấn, nàng thường quay mặt. Trâm vẫn chưa quên, đã có lần nàng luống cuống gần như hốt hoảng, khi Huấn dúi vào tay nàng phong thư gói ghém bài thơ đầu tiên. Nàng đã lắp bắp gọi: "Anh Huấn, anh Huấn..." rồi nghẹn lời, chạy vào phòng, khoá cửa, mở thư ra đọc. Tờ giấy mỏng, xanh nõn, tẩm nước hoa ngan ngát, ghi bài thơ thất ngôn:

"Căng vuông giấy mỏng che cửa trồng
áo người vạt nhỏ đủ ấm không
tôi thắp lòng tôi bông hoa nến
gửi người một đoá tháng giêng xuân" (*)

Xong bữa cơm, vào phòng riêng, Trâm soạn ra mấy bài thơ Huấn chép tặng, học thuộc. Ngày hôm sau, nàng bỏ giờ học cuối, ra đón xe buýt vào bệnh viện thăm Huấn. Chàng nằm riêng trong căn phòng đầy chật máy móc. Màn ảnh ghi biểu đồ nhịp tim và não bộ buông tiếng đều đặn. Mắt Huấn nhắm nghiền, vẻ mặt thanh thản như đang ngủ say. Chân râu nhiều hôm không cạo, mọc rậm mép và quanh cằm. Chai nước biển chuyền vào mạch máu cổ tay chàng, nhỏ giọt thơi thả. Hai ống cao su, một vào mũi một vào miệng, nối với bộ máy chuyển động lè sè. Rèm cửa kín bưng. Chụp đèn đầu giường toả ánh sáng lên nệm chăn trắng toát. Mùi thuốc khử trùng gây gấy. Bình hoa hồng màu gạch non chưng trên bàn con, bên cạnh vài cuốn sách có lẽ của chị Thư mang vào để đó.

Trâm nhấc ghế tới ngồi cạnh giường, mở xắc lấy ra con gấu mặc váy yếm đỏ, đặt lên ngực Huấn, thì thầm:

"Em đây, bé Trâm vào thăm anh đây. Con gấu này, anh tặng bé Trâm hôm sinh nhật mười tám tuổi. Nó vẫn vậy, vẫn thơ ngây yêu đời, hai mắt cườm đen vẫn tươi sáng, chưa hề biết khóc. Còn con bé Trâm hồn nhiên của anh dạo nào, bây giờ đã thành thiếu nữ, đã tập tễnh mơ chuyện lứa đôi, đã biết đàn rành rẽ "Khúc hát thanh xuân."

Rồi Trâm nhẹ nâng tay Huấn, ép giữa hai lòng tay, miệng hát khe khẽ, mắt đăm đắm nhìn vào gương mặt Huấn bất động. "...Có lứa đôi yêu nhau rồi, hẹn rằng còn mãi không thôi." Chợt, biểu đồ tâm não Huấn nẩy lên một cao độ khác thường. Trâm có cảm tưởng bàn tay Huấn như ấm hơn, khẽ cựa trong lòng tay nàng. Hai mắt Trâm long lanh nhìn con gấu bông chực động, rồi ngã chúi trên ngực Huấn. Nàng cố ngăn tiếng nấc, nghẹn nghẹn

hát cho tới hết bài.

Trâm không kể cho chị nghe về lần viếng thăm này, cả những buổi viếng thăm sau. Có hôm Trâm lẩm nhẩm đọc cho Huấn nghe những bài thơ cũ. Có hôm Trâm chọn ra một đoạn thơ yêu thích để tâm sự cùng chàng: "Mưa gió đuổi nhau qua thớ gỗ. Que diêm xoè thẳng thốt trong đêm. Nến như mắt bão trừng bóng tối. Một mảnh tháng giêng vỡ bên thềm." (*) Mắt nàng không là ngọn nến soi trừng bóng tối, nhưng thỉnh thoảng lại nhắm hờ trở trăn. Khó ngủ. Không hiểu tại sao, chỉ cảm thấy như nàng đang vọng ngóng ai, điều gì chưa rõ. Trâm biết nàng đang ngấp nghé bên thềm vừa vỡ một mảnh đầu năm, khởi điểm cho một chuỗi dài mùa tiếp mùa. Tâm lý nàng đang trở gió, nhưng tại sao nhằm lúc này?

Khi Huấn hồi tỉnh sau hai tuần hôn mê, dường như chàng không còn nhận ra ai nữa. Thư là người đầu tiên cầm tay Huấn, mỉm cười nhìn sâu vào hai mắt chồng. Huấn nhìn trả, nhưng tia mắt lạnh lùng xa lạ, như của một ai khác. Thư ngỡ ngàng lay nhẹ tay Huấn, khẽ gọi "anh, anh." Huấn không đáp, tia nhìn vẫn xa vắng.

Về nhà, Thư nức nở than thở cùng mẹ và Trâm:

"Anh ấy không nói được lời nào, cũng không biết con là ai."

Mẹ dịu dàng:

"Nhẫn nại, phải nhẫn nại thêm con ạ."

Trâm thêm vào:

"Anh Huấn chỉ mới thức chứ chưa thực sự tỉnh."

Thư rên rỉ:

"Trời ơi, bao lâu nữa đây?"

Mẹ chỉ biết lặp lại mấy chữ "nhẫn nại." Riêng Trâm có linh cảm, nàng phải đến với Huấn thêm nhiều lần nữa. Nhưng phải nói với Huấn những gì đây? Trâm đã hát hết, đã đọc xong những ca khúc, những bài thơ quen. Nhúm kỷ niệm ít oi với Huấn, nàng đã tận dụng. Giờ chỉ còn cách tưởng tượng. Và Trâm tiếp tục đến thăm Huấn vào những buổi Thư bận việc. Nàng nâng niu tay Huấn, kể chuyện hằng giờ:

"Con bé ấy không dửng dưng đâu anh ạ, mà thường xuyên nghĩ tới anh. Tại sao bây giờ nó

NGUYỄN HÒA TRƯỚC

VẪN MÙA ĐÀ-LẠT

Gì thì vẫn chuyện chiều mớm xuân
bỏ đi, chưa chào em, đà-lạt!

ngày đây xứ người tầng nối tầng
chờn vờn khí đá thông xòe hiên
bỏ gác trời xa chim xuống đậu
mỏ dụi lông, hơi rừng nhạt thênh

theo đời lặn lội hàng dặm dài
đường dẫn cây xanh trồng sốt đỏ
rễ mọc trên đầu thông sợi gai
ôi ta nhớ sao mùi tóc ai
ướp suối, bện hoa, chờ hôn, cười

làm gì còn chuyện mây uốn lưng
mỗi đợt gió về ngang mở hội?

rồi cũng đến kỳ đem khoe mới
áo tím đồi xanh mềm núi già
đà-lạt ta xưa đón mùa ra
sắc kể hằng trăm nhạc hằng vạn
tim ấm ran, da ngoài mát gợn
mịn má hường, lông măng rịn phấn

làm gì nghĩ chuyện bám cành trăng
vắt giọt thành sông bơi thuyền ngủ
sáng ra đuổi giấc vào học đường
triết học tình hơn gái cõi âm

tất bật cho lắm lòng trơ, vẫn!
giấy bút đong dè nấu bữa thay
đau, ta biết chứ, qua lời điệu
hạt nhớ lầm ươm đất chủ ai...

05.96

mới nói? Nó là đứa trẻ chậm phát triển, anh không nhớ sao? Mười bảy tuổi mà nó vẫn còn thích chơi búp-bê, ngủ chung với mấy con thú nhồi bông. Sinh nhật tuổi trưởng thành, nó còn đòi anh tặng cho con gấu bông mặc váy yếm. Chính nó cũng không rõ nguyên nhân tại sao tâm sinh lý nó trì trệ thế, chỉ biết thỉnh thoảng nó lại giật mình thức giấc vào những đêm mưa. Dường như có những đôi mắt ướt sũng đang chăm chăm nhìn nó. Của ba, của đêm mưa ngày xưa ba trở lại xin mẹ cho vào thăm con. Mẹ không cho, còn xua đuổi, trách mắng ba thậm tệ. Người đàn ông ngồi cạnh bàn ăn trong bếp. Đèn vàng tù mù. Tóc ông đẫm nước. Từ khe cửa lén nhìn ra, con bé chỉ thấy phần lưng người đàn ông. Vai ông rúng động. Mẹ đứng cạnh, đanh mặt, lâu lâu lại cong tay gõ nhịp lên mặt bàn như hài tội. Chưa bao giờ con bé thấy mẹ hung dữ đến thế. Đó cũng là lần đầu nó chứng kiến cảnh một người đàn ông khóc trước mặt một người đàn bà. Lý do hẳn phải bi thảm ghê gớm. Nó cảm thấy thương hại người đàn ông. Nó cứ tưởng, đã là đàn ông thì không ai khóc, nhất là trước mặt đàn bà... Anh Huấn, cho tới bây giờ mẹ vẫn không cho em biết vì sao ba mẹ xa nhau. Em cũng không hỏi. Rồi em cũng quen dần với cảnh sống không có đàn ông trong nhà. Cho tới ngày chị Thư quen anh. Thường, mỗi lần anh chị đi chơi về muộn, chị tiễn anh ở cửa. Nhưng đêm ấy trời mưa, chắc anh còn nhớ? Cơn mưa muộn sau nhiều tháng khô hạn. Mưa bật em dậy. Em cảm thấy khát, vào bếp tìm nước uống, trên người khoác vội vẹn tấm áo ngủ mỏng. Em khựng chân bắt gặp cảnh anh chị đang kề cận nhau. Lưng chị Thư day về hướng em đứng. Tóc chị vén sang bên, rướn cổ hứng. Khoảnh da trắng ngà như men tráng. Anh âu yếm áp mặt vào cổ chị. Đột ngột hai mắt anh nhướng lên, phóng tia nhìn về chỗ em. Người em như mọc rễ. Em như con chuột bị tia mắt xà tinh thôi miên. Anh từ từ ấn môi vào cổ chị Thư, tay vốc tóc chị phủ lại. Em bối rối trở lại phòng ngủ, nằm lăn trở, cảm thấy có điều gì sai khớp. Da em mọc gai. Cách ứng xử của mẹ và của chị Thư đối với đàn ông khác nhau trời vực. Tại sao vậy? Có lẽ nghi vấn này chính là then chốt làm tâm sinh lý em chậm phát triển. Và cái nhìn của em đối với người khác phái không mấy thân thiện. Em thấy bờ vai rung động của cha là tính cực yếu. Em thấy hai mắt rắn độc của anh là tính cực ác. Em phân vân giữa những đối tính của con người. Càng phân vân hơn khi một hôm anh tới, nhằm lúc chị Thư vắng nhà, dúi vào tay em cái phong thư đựng một bài thơ tình. Anh làm em sợ. Vừa sợ vừa thích. Rồi bài thơ thứ hai. Nửa năm sau bài thư thứ tư là đám cưới chị Thư với anh. Anh Huấn, tha lỗi cho em, vì em đã không đáp lại tình cảm anh dành cho em..."

Tới đó, Trâm nghẹn lời, ngẩng mặt nhìn Huấn. Từ khoé mắt chàng, dòng nước lóng lánh lăn xuống thái dương. Mi mắt khẽ động, môi mấp máy. Trâm nhổm lưng, kề tai sát miệng Huấn. "Bé Trâm, Trâm... Trâm ơi..." Tiếp theo là chuỗi ngôn ngữ trầm bổng khó hiểu, như bị một phiến cản âm chặn lại. Năm ngón tay Huấn thức giấc trong lòng tay Trâm, cào nhẹ. Tối, Thư về trễ hơn mọi ngày. Nghe tiếng chị khua động trong bếp, Trâm rời bàn học, ra ngồi cạnh chị bên bàn ăn. Thư tươi tắn:

"Anh Huấn nói được rồi em ạ."

Trâm giả vờ ngạc nhiên:

"Vậy à? Anh ấy nói gì?"

"Chiều chị vào thăm, thủ thỉ kể chuyện nhà chuyện sở thì thấy môi anh cử động. Chị ghé tai nghe được mấy tiếng "em ơi" và nhiều nữa, nhưng không rõ nghĩa.

"Vui quá. Chị vẫn đọc sách cho anh ấy nghe chứ?"

"Vẫn. Hôm nào rảnh, em nhớ ghé thăm anh ấy. Hình như anh có nhắc tới tên em."

Trâm cố giữ bình tĩnh:

"Vâng, để xem."

*

Lần đầu tiên Huấn thấy màu nắng đẹp như thế. Chòm lá ngoài khung kính ửng nắng trong vắt như được ngâm trong tách trà non. Trước đó, trong cơn mê, Huấn thường bắt được những âm thanh khắc khoải như phát ra từ một trạm thiên văn liên tục nhả tín hiệu vào lòng trời vô tận. Chàng nằm đó, hai mắt nhắm, toàn thân tê cứng như hoá băng. Thính giác điếc nghẽn. Sáu mươi ký thịt da nặng nề chìm xuống, xuống mãi, tận cùng đại dương sâu. Chỉ có bóng tối. Tín hiệu của trạm thiên văn khi hiện khi mất như gặp thời tiết xấu. Chàng nghiệm thấy vài đoạn quá khứ. Vầng trăng liêu trai đêm vượt biên. Đói tới mức quá độ, bỗng hết, chỉ cảm thấy khát. Khát cháy cổ. Khát nứt môi. Khát lả người. Khát run bật tứ chi, phải uống nước tiểu của chính mình. Ai cũng trông mưa. Cơn mưa muộn, sau đó, dù sao cũng cứu được hai phần ba linh hồn chờ

chết. Lạ nhất là dấu hiệu mưa xuống. Trong cơn váng vất ngũ quan, Huấn thấy một đoàn trẻ con bay lượn phất phơ trên không, lưng cánh lông ngỗng, thân choàng áo mỏng, tay cầm bình nước vòi gương sen, nghiêng xuống tưới lên đám người vượt biên phơi ngổn ngang trên khoang thuyền chật, giữa đại dương mất gió. Nét mặt hồn nhiên thanh khiết của lũ trẻ con, Huấn không bao giờ quên, như của bầy thiên thần trong hoạ phẩm. Nhiều năm sau, trên đất định cư, cũng vào một đêm mưa muộn, khi chàng cúi mặt xuống ngấn cổ của một người con gái, tia mắt chợt thấy lại hình ảnh thiên sứ năm xưa.

Hình ảnh thêm rực rỡ, càng rõ nét khi từ trường tiềm thức Huấn thu được tín hiệu của trạm thiên văn trên đỉnh núi nhân sinh. Bóng tối chung quanh chàng bắt đầu nhuộm sắc, nhấp nháy tiếp nhận ánh sáng. Chàng từ từ trồi lên. Bầy cá vẩy bạc uốn lượn vây quanh. San hô xoè bàn tay nan quạt phe phẩy. Từ cõi xa hun hút, vọng tiếng thầm thì, xen lẫn giọng hát thơ ngây thân thuộc: "Vườn tôi gầy quá hoa không nở. Tóc người thức giấc giữa đêm xuân. Bão gió thổi trăng không rằm nữa. Nghiêng tai nghe lá gọi chỗ nằm." (*)

Khi Huấn trườn người nhô lên mặt đại dương mê trầm, cũng là lúc tiếng bánh thép nghiến trên đường sắt rập rềnh vọng lại, hồi còi xe hoả réo gọi inh ỏi. Một chấm trắng tinh hiện ra trong màn tối mênh mông. Chấm trắng lớn dần, toả rộng. Ánh sáng đập vào vách đường hầm, lấp lánh màu than đá chất chồng lớp lớp thế kỷ. Huấn thả ngửa dật dờ trên con nước đêm ngày, lên xuống theo thuỷ triều, chiêm nghiệm mấy độ vật đổi sao dời, buông tâm thân theo đoàn xe hỏa sầm sập lao qua nhiều biên giới. Từ cõi mê sang cõi tỉnh. Từ cõi tỉnh sang cõi thức. Từ cõi thức sang cõi động trong trạng thái thấp sáng ngũ quan. Có khuôn mặt thiên thần nghiêng sát. Chàng bập môi gọi khẽ: "Trâm, Trâm..." Rồi thị giác lặng điếng nhận ra, chỉ có Thư bên cạnh.

Thư vội đứng lên, nhoẻn cười, tia nhìn thân ái:

"Anh cảm thấy người ra sao?"

Huấn thều thào:

"Mệt lắm."

Thư ấn Huấn nằm xuống khi chàng gượng ngồi dậy:

"Không được phí sức anh ạ."

"Anh thấy mình là đoàn xe hỏa xuyên qua đường hầm."

Thư lặng im.

"Anh thấy lại những thiên thần che chở trong đêm vượt biển thuở trước. Thư thẩn thờ, không thốt nên lời, xót xa nhận ra những thay đổi trong cách nói của chồng. Nàng tự dặn lòng, kiên tâm, phải kiên tâm Thư ạ, rồi nhỏ giọng:

"Anh cần gì không, em sẽ mang vào?"

Hai mắt Huấn lờ đờ sục sạo tìm lại những thói quen cũ trong góc trí nhớ:

"Hình như lâu rồi trời không mưa?"

"Thời tiết sắp sửa sang hè."

"Đành vậy, nhưng..."

Huấn ngập ngừng ngưng tiếng, quay mặt trông ra khung kính lập loè bóng nắng. Chưa bao giờ chàng thấy màu nắng đẹp như thế, mà sao tâm tư chàng vẫn âm ỉ những hoài niệm khô cằn. Như lòng núi đá cồn cào chờ phún lửa. Như mơ tưởng bấn loạn khi thấy mình là đoàn xe hỏa vun vút trong đêm tối, bỗng gặp vực sâu cắt ngang, tiếng còi thét lên trước khi lao xuống, dội lanh lảnh.

Huấn nhấc đầu, lấy ra dưới gối con gấu bông mặc váy yếm đỏ, ngắm nghía. Thư buột miệng:

"Con gấu của Trâm."

Huấn cười hiền:

"Nó bầu bạn cùng anh bao lâu nay."

"Từ khi nào?"

"Không biết, có lẽ từ lâu lắm."

Thư dò dẫm:

"Trâm vẫn thường xuyên vào thăm anh?"

Huấn ngơ ngác:

"Không biết, lúc anh tỉnh lại, đã thấy nó nằm đó, đem cất dưới gối."

Thư nhìn thẳng vào mắt chồng, thấp giọng:

"Trâm nhờ em nhắn lại lời hỏi thăm..."

Huấn sững sờ ngắt ngang:

"Anh chưa hiểu."

"Trâm đổi trường anh ạ. Nó dọn sang tỉnh khác từ tuần trước."

"Sao vậy?"

"Chuyện học hành của nó, sao em biết được. Con Trâm, anh biết mà, khó tính như một con mụ ế chồng."

Huấn áp con gấu bông vào ngực, khép mắt. Vòm mây trắng nõn từ bốn phương hồi ức chàng tụ lại, cuồn cuộn tuôn vào bình tưới của bầy thiên thần che chở, nằm yên, chờ qua mùa nắng.●

(Đức, 14.06.1999)

(*) Thơ Trần MộngTú

Đọc sách trong nước: "Chân Dung và Đối Thoại"

CHÂN DUNG ÔNG TỐ HỮU

THANH PHONG

Trước đây, tôi đã đọc "Chân Dung Các Nhà Văn" của Xuân Sách, trong đó tác giả khéo léo dùng tên các tác phẩm để vẽ lên hình ảnh một trăm nhà văn nước ta với những nét bút sắc sảo khắc họa chính xác đặc tính từng người. Tôi đã được hưởng những phút giây đầy khoái cảm khi thưởng thức từng bức chân dung.

Chẳng hạn, về Tố Hữu

...Từ ấy tim tôi ngừng tiếng hát
Trông về Việt Bắc tít mù mây
Nhà càng lộng gió thơ càng nhạt... (1)

Hay về Hoài Thanh

Vị nghệ thuật nửa cuộc đời
Nửa đời sau lại vị người ngồi trên (2)
Thi nhân còn một chút duyên
Lại vò cho nát lại lèn cho đau... (3)

Hay về Huy Cận

... Năm xưa tôi hát vũ trụ ca
Bây giờ tôi hát đất nở hoa
Tôi hát chiến tranh như trẩy hội
Không nên xấu hổ khi nói dối
Việc gì mặt ủ với mày chau
Trời mỗi ngày lại sáng có sao đâu! (4)

Vừa qua, đọc "Chân Dung và Đối Thoại" của Trần Đăng Khoa, một cuốn sách khá "ăn khách" trong mấy năm gần đây ở Việt Nam, tôi cũng có được đôi lúc thú vị khi xem chân dung của một vài nhà văn. Vì thế tôi muốn chia sẻ cùng các bạn đôi điều về bức chân dung ông Tố Hữu, một trong những người đã từng lãnh đạo văn học nghệ thuật nước ta, và cũng là một trong những người phải chịu trách nhiệm lớn nhất về các vụ đàn áp văn nghệ sĩ từ giữa thập niên 50 cho đến gần thời "đổi mới."

Trước hết, xin nói vài lời về tác giả cuốn "Chân Dung và Đối Thoại." Hồi cuối thập niên 60, Trần Đăng Khoa được các vị lãnh đạo văn nghệ miền Bắc coi là "thần đồng thơ ca xuất thân từ bần nông" và được hầu như cả "làng thơ" hồi đó của miền Bắc, đặc biệt là các "ngôi sao thơ mới thời tiền chiến" như Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư... dập dìu đến tận nhà để dìu dắt, nâng đỡ, ngợi ca... Nhờ đó, tập thơ "Góc Sân và Khoảng Trời" đã ra mắt bạn đọc khi tác giả của nó chỉ mới lên mười (1968). Bây giờ, ở độ tuổi 40, Trần Đăng Khoa chuyển sang "bình luận văn chương" và đây là tác phẩm đầu tay về thể loại này của anh.

Đọc "Chân Dung và Đối Thoại," tôi đặc biệt chú ý đến chân dung ông Tố Hữu, qua bài đầu tiên "Tố Hữu và bài thơ Hoan hô chiến sĩ Điện Biên." Trần Đăng Khoa kể chuyện anh đã cùng hai bạn nhà báo trẻ đến gặp Tố Hữu hỏi chuyện ông đã sáng tác bài thơ nổi tiếng một thời đó như thế nào. Bài viết vô tình hay hữu ý đã hé ra nhiều chi tiết thú vị.

Hóa ra là khi làm bài thơ ấy, Tố Hữu, hồi đó là trưởng ban tuyên truyền của trung ương đảng, chẳng hề hay biết gì về Điên Biên Phủ cả. Đây là lời của ông: "Mình không ra trận, nhưng cũng nghe lõm được khối chuyện. Chỉ tội chẳng biết Điên Biên ra sao cả. Rồi thì đèo Pha Đin, đèo Lũng Lô cũng chẳng thể hình dung được. Tôi bèn đến hỏi Bác, Bác ngửa cái mũ lá ra: Điện Biên nó như thế này. Nó là lòng chảo. Đấy, cũng chỉ mang máng thế thôi." Trả lời câu hỏi: "Thế từ lúc mở màn đến khi

kết thúc chiến dịch, anh có lên Điện Biên bao giờ không?", Tố Hữu nói: "Không! Nào mình có biết Điện Biên ở đâu mà đi. Đi sao được. Mà ai cho đi cơ chứ." Trả lời câu hỏi bỏ lửng của ba nhà báo "Tưởng anh viết *"Mường Thanh, Hồng Cúm, Him Lam..."*, Tố Hữu nói: "à, cái ấy thì mình hỏi. Mình hỏi mấy chú đã đến Điện Biên rồi. Hỏi xem ở đấy có những cái gì, mới biết những địa danh như thế đấy chứ, biết cả ở đó có cam, có mơ và rất nhiều hoa mơ. Chỉ mang máng thế thôi. Và rồi những cái mang máng ấy, cũng chẳng biết sẽ để làm gì. Sau này khi viết, mình cứ lôi nó ra, đưa vào thơ, cứ nhét bừa vào..." Còn về chuyện *Hò kéo pháo* thì nhà thơ cho biết là hồi đó làm gì có chuyện hò hát, vì Điện Biên lúc đó im ắng lắm, phải âm thầm chuẩn bị; những thứ đó sau này người ta cứ tô vẽ thêm ra, chứ làm gì có thật. Cũng như những câu trong bài thơ của ông, *Đuốc chạy sáng rừng, Loa kêu từng cửa, Làng bản đỏ đèn đỏ lửa...* khi nghe tin chiến thắng, thì ông nói rằng viết thế chẳng qua để "tạo không khí," chứ lúc đó "làm gì có lửa mà đỏ làng đỏ bản," thực tế lúc đó rừng tối mù mù, chỉ vài ngôi nhà trên núi xa xa có ánh lửa le lói mà thôi. Còn *loa kêu từng cửa,* thì ông nói rằng "Cũng chẳng có loa đâu. Mà loa với ai? Dân ở xa. Ở gần dân e bị lộ..." Rồi ông kết luận: "Này, xem ra không thể tin được cánh văn nghệ được đâu hỉ. Phịa, toàn là phịa. Chỉ có điều là mình phịa như thật, nên người ta cũng tha cho." Đây là nét bút tự họa nổi bật nhất trên bức chân dung Tố Hữu. Bạn đọc trong nước thú vị khi nghe thấy Tố Hữu

lần đầu tiên thú nhận là ông đã "phịa," và cánh văn nghệ xã hội chủ nghĩa cũng đã theo gương ông mà "phịa, toàn là phịa." Chữ "phịa" được ông nhắc đi nhắc lại đến bốn, năm lần. Điều thú nhận đó của ông làm người đọc hiểu được "giá trị" của lời nói từ trước đến nay của đảng cầm quyền, cũng như thực chất của cái gọi là nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa nước ta.

Tuy nhiên, như Hoàng Xuân Tuyến đã nhận xét trên báo Nhân Dân là đối với "những bức chân dung khổ lớn," thì Trần Đăng Khoa đã tỏ ra "kính cẩn trước Tố Hữu, ngoan ngoãn bên Xuân Diệu." Điều đó có thể đúng, nếu ta đọc những lời tán tụng "Tố Hữu chính là người thư ký của cách mạng. Thơ ông là biên niên sử cách mạng Việt Nam," hay những câu ví von Tố Hữu "như ngọn tháp cổ kính," "như vị nguyên soái đã giã từ vũ khí," "ông vẫn còn là một vị tướng soái với đầy đủ mũ áo cân đai," v.v... Cũng có người cho đó là văn chương "phải đạo" - từ ngữ này của Hoàng Ngọc Hiến - để tác giả có thể gửi đến người đọc một điều thầm kín nào chăng... Thế nhưng, khi tác giả viết là Tố Hữu "có dáng vẻ của một ông Phật" và gọi đùa Tố Hữu là "ông Phật" thì nhiều bạn đọc cho rằng anh đã"quá trớn" đến mức coi thường cả sự thật! Sự thật thế nào?

Xin mời các bạn nghe một bài vè dân gian xuất hiện dưới thời Tố Hữu đang ở "đỉnh cao muôn trượng" của danh vọng và quyền lực. Bài này đưa ra một bức vẽ truyền thần "tả chân" Tố Hữu, nêu rõ bản chất cơ hội của ông, đồng thời nhắc ta rằng: tuy bí danh của ông là Lành thật đấy, nhưng "dạ chẳng lành" như... Phật đâu!

Tên Lành mà dạ chẳng lành,
Đã vin cành táo lại giành cành nho.
Táo Tàu của bác Mao (5) cho,
Còn nho, Bê-nhép (6) thưởng thơ anh tài.
Xưa anh nhấm rượu Mao-đài (7),
Giờ đây đổi gió, anh xài Vốt-ca (8).
Ngày mai, anh nhấm Xăm-pa (9),
Biết đâu sau nữa chẳng là Sa-kê (10),
Khen anh đánh đĩ lành nghề,
Bao giờ anh sẽ nằm kề chú Sam?

Lời nói dân gian thế mà "linh"! Khi những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam còn đang bám Liên Xô, thế mà người dân đã tiên đoán là sẽ có ngày họ chạy theo Pháp, theo Nhật và theo Mỹ. Bây giờ, quả thật "hai năm rõ mười!"●

Thanh Phong

1. "Từ ấy,""Việt Bắc," "Gió lộng" là tên những tập thơ của Tố Hữu.
2. Trước năm 1945, Hoài Thanh chủ trương "nghệ thuật vị nghệ thuật," sau năm 1945, ông dành hết tâm lực để tán dương các vị lãnh đạo của đảng.
3. Trước năm 1945, Hoài Thanh viết chung với Hoài Chân tác phẩm "Thi nhân Việt Nam."
4. "Vũ trụ ca," "Đất nở hoa," "Trời mỗi ngày lại sáng" là tên những tập thơ của Huy Cận.
5. Mao Trạch Đông, lãnh tụ đảng cộng sản Trung Quốc.
6. Brejnev, lãnh tụ đảng cộng sản Liên Xô.
7. Rượu ngon Trung Quốc; ý nói trước đó ông là "Mao-ít."
8. Rượu nặng của Nga; ý nói rồi ông quay "theo Liên Xô."
9. Rượu nho Pháp.
10. Rượu Nhật.

SÀI GÒN, THÁNG NGÀY TRÔI NỔI

TRẦN DOÃN NHO

Mùa hè năm 1982.

Sau khi được "trả quyền công dân," nghĩa là nắm được mảnh giấy để đi lại hợp pháp sau hai năm dài chờ đợi, tôi vội vã rời Huế, tìm vào miền Nam, cái túi chứa của đất nước. Miền Nam hiền hòa, hiếu khách, được thiên nhiên ưu đãi, là một chốn bao dung cho đủ mọi thành phần, mọi miền đất nước. Trốn nợ, vào Nam. Bỏ chồng, vào Nam. Kiếm sống, vào Nam. Đói, vào Nam. Rét, vào Nam. Bị truy nã, vào Nam. Sau 1975, dường như cả đất nước tìm cách vào Nam. Đất lành, chim đậu. Miền Nam, từ xưa, đã là nơi ôm ấp, che chở cho mọi đứa con của đất nước, vì lý do này hay lý do khác không thể ăn yên ở yên ngay tại nơi chôn nhau cắt rún của mình. Một hình thức Nam tiến.

Trước tiên, tôi tìm đến Bình Dương. Không xong. Lại tìm về Trị An. Không xong. Tìm đến nương rẫy sâu trong rừng Long Khánh. Cũng không xong. Xuống Bạc Liêu, Cà Mau, Rạch Giá. Về Mộc Hóa, Long An. Lại không xong. Không xong, không phải vì đất không lành, người không tốt, mà chính vì ngay tại lòng mình nữa. Cuối cùng, quay ngược trở lại Sài Gòn. Thì ra với tôi, Sài Gòn có cái thân thương riêng của nó. Chính Sài Gòn vẫy gọi tôi vào. Sài Gòn, dù sao, là nơi ít có vẻ Cộng sản nhất trong một đất nước đang đắm chìm trong phòng thí nghiệm CS. Sài Gòn là nơi có thể trở thành vô danh, trở thành một phần tử của đám đông, trở thành mất tên. Sài Gòn lẩn quất, che dấu. Đi giữa đường phố Sài Gòn, ta tạm thời có thể yên tâm. Một người như mọi người. Đó là đặc điểm của Sài Gòn. Ngay cả trong những lúc chính quyền CS o ép nhất, Sài Gòn vẫn là nơi ẩn náu lý tưởng nhất. Tại đó, dịp này hay dịp khác, thỉnh thoảng đâu đó, tôi tình cờ gặp một số khuôn mặt - bạn bè có, người quen có, người cùng tại tù có, trốn cải tạo hoặc vượt ngục - hiện truy nã tại địa phương.

Tôi không "trốn cải tạo," không "làm phản động," nhưng đời sống ở Huế gay gắt, khó khăn quá, và bị đám công an địa phương ngày đêm rình rập dòm dỏ quá, nên đành bỏ đi. Một mình. Bỏ gia đình lại. Cũng là một cách trốn. Lúc đầu, tôi tìm đến nhà một số người quen, một số bạn cũ. Nhưng chẳng nơi nào ở yên được, vì chính sách hộ khẩu rất chặt chẽ, công an khu vực lại ngày đêm canh chừng, soi bói, nên dù thân đến đâu, người ta cũng phải e dè. Thôi thì đành chọn một cách sống mới là: không ở đâu hết. Nghĩa là cứ lang thang trên đường phố, tới đâu hay đó. Đó cũng là một cách trốn: trốn ngay trên đường phố. Bắt chước một số người quen, tôi sắm một cái xách nhỏ, trong đó luôn luôn có sẵn một số vật cần thiết: áo quần lót, kem bót đánh răng và vài thứ linh tinh khác. Tiện đâu xâu đấy. Nhà nào tá túc được một đêm thì cứ tá túc. Bằng không, khi thì ở trong công viên, khi thì dưới thềm nhà một ai đó, khi thì bến tàu, khi thì bến xe, có khi ngủ ngay trong hay trên trần xe chở khách, khi thì ngoài thềm một cơ quan hay một công ty nào đó. Cuối cùng, tôi tìm ra được một chỗ ở tương đối "lý tưởng": mộ người chết. Lý tưởng là vì: nếu đến khuya rồi mà vẫn không có chỗ ngủ thì cứ đạp xe về khu nghĩa địa trong vùng Tân Bình, tìm một cái mộ phẳng phiu nào đó để đặt lưng cho qua đêm. Khu Tân Bình không thiếu gì mồ mả xen lẫn nhà dân. Nhiều cư dân ở đó vẫn có thói quen nhậu ngay trên mộ "láng giềng" và ngủ lại trên mộ luôn. Cần nhất là ra chợ trời kiếm một cái mùng nhỏ bỏ gọn trong túi xách. Lúc đầu còn ngại ngùng, sợ sệt, nhưng rồi quen dần. Tôi gọi là "đi ngủ mộ." Trong "quá trình" đi ngủ mộ, tôi gặp khá đông loại người như tôi mà chẳng ai buồn tìm hiểu nguồn gốc. Toàn là

dân vô gia cư. Chọn ngủ một cái mộ riết thành quen như nhà của mình. Mỗi đứa có một mộ riêng, không ai xâm phạm của ai. Có về khuya hay thậm chí đêm đó không về, chỗ của mình vẫn được để trống. Mộ này của thằng Hai Cầu Kiệu. Mộ kia của con mụ lượm ni lông chợ Tân Bình. Mộ nọ của ông già ăn xin đường Âu Cơ... Chính cái đám dân lang thang này đã che chở cho tôi được tạm "ẩn cư" khá dài ngày ở khu mộ, dù không thường xuyên lắm. Công an phường, công an văn hóa mở nhiều đợt truy quét khu mộ, nhưng lúc nào cũng vơ phải đám vô gia cư này, nên về sau thường làm lơ, vì chẳng kiếm được "xơ múi" gì. Mộ, như ta biết, cũng phân chia giai cấp, mặc dù cái chết lúc nào cũng bình đẳng. Có mộ giàu, mộ nghèo. Bởi thế, là mộ đấy, nhưng thật ra, trong lúc nhiều mộ bị bỏ hoang, không hương không khói thì nhiều mộ chẳng khác gì ngôi đền, có mái che, có cột trụ, có hình rồng phượng rất đẹp. Có mộ còn có cả bàn ăn, ghế ngồi. Nền, và phía trên mộ lát gạch hoa phẳng phiu, bóng loáng. Nhiều mộ xưa hoặc khá xưa, loại cổ mộ, không hề thấy bóng thân nhân. Những ngôi mộ mới, thân nhân thường đến thăm viếng nên đêm ngủ được hít thở mùi hương phảng phất, mùi hoa tươi. Nhiều khi thân nhân để lại nguyên cả mâm đồ cúng với đủ thịt thà, cây trái, cơm gạo. Những tay ăn xin thường đi săn lùng đồ cúng trên những ngôi mộ, nhất là những ngôi mộ mới, nằm khuất sau các bụi cây. Những ngôi mộ này, đồ ăn bao giờ cũng nhiều, có lẽ vì thân nhân ít sợ bị lấy cắp. Không kể đám "sống vô gia cư, thác vô địa táng," tức là dân đầu đường xó chợ thật sự, loại người lang thang tạm thời như tôi, có kẻ ngủ mộ riết, thành ghiền. Tôi biết một tay, cũng dân Trung như tôi, sau khi có hộ khẩu ở Sài Gòn rồi thỉnh thoảng nhậu say nửa khuya, không muốn về nhà, tìm ra mộ ngủ qua đêm. Nhiều đêm, nằm trên ngôi mộ, thao thức không ngủ được, nhìn ánh trăng tỏa sáng trên bãi tha ma, tôi có cảm giác sự sống và sự chết quả là gần gũi. Cõi âm và cõi dương cũng chỉ là "một" trong cái thế giới nhiễu nhương này.

Cứ thế, đêm ở mộ. Ngày lang thang trên đường.

*

Việc đầu tiên của tôi là đi bán áo quần. Đúng ra là đi bỏ mối áo quần. Độ này, ở Sài Gòn, sau một thời gian cấm đoán nghiêm ngặt mà không đi tới đâu, nhà nước CS thành phố có phần nới lỏng chút xíu về kinh tế, để cho người dân được buôn bán. Đúng ra thì nhà cầm quyền làm lơ để cho tư nhân bung ra buôn bán chút ít nhằm điều hòa việc lưu thông hàng hoá trước viễn cảnh của một sự bế tắc hoàn toàn. Các chợ có hơi rộn rịp trở lại. Khách vào khách ra có phần tự do đôi chút. Trước đây, cán bộ thuế đi rảo cùng khắp. Một số mặc đồng phục, có huy hiệu thuế đeo trên áo. Một số khác, ăn mặc giả dạng, rình rập, phục kích người mua cũng như người bán để tịch thu hàng hoặc đánh thuế. Họ có quyền bắt giữ từ một cặp gà cho tới vài đôi vớ. Đi bỏ mối, hàng dấu đã đành. Mua về dùng cũng phải dấu. Vì đôi khi bị bắt vào trạm thuế, bị đánh thuế oan uổng. Kiện tụng thì mất công bỏ việc, mà chưa chắc đã đi tới đâu. Lúc này, nhân viên thuế chỉ bắt giữ những vụ buôn bán lớn, những lô hàng lớn. Họ được phân công ở một số vị trí nhất định, và phải mặc đồng phục.

Dù thế, chẳng có quy định nào cụ thể, rõ ràng, cho nên "sớm nắng chiều mưa," hàng vẫn có thể bị bắt đánh thuế bất cứ lúc nào. Chở hàng đi dọc đường, mang hàng vào chợ phải rất cẩn thận. Áo quần, tôi lấy ở nơi người chị họ. Biết tôi không có vốn, chị cho tôi đi bỏ mối. Bỏ được cái nào, ăn cái đó. Số còn lại mang về. Tôi tìm mối ở nhiều chỗ, cho gối đầu thoải mái. Chợ An Đông, chợ quận Tám, chợ Kim Biên, chợ Đại Quang Minh, chợ Bà Chiểu. Còn chiều về, mang áo quần lên chợ La Kay, trải bán dọc lề đường, vừa bán vừa chuẩn bị chạy trốn công an. Với chiếc xe đạp không lấy gì làm tốt cho lắm, tôi đạp suốt ngày vòng vòng trên các ngả đường Sài Gòn, từ chợ này qua chợ khác. Hai tuần đầu, công việc tương đối chạy đều, ổn định. Sáng bỏ hàng, chiều ghé lấy tiền. Vốn đưa lại bà chị, lời mình giữ. Nhưng đến tuần thứ ba, bắt đầu có trục trặc. Một bạn hàng ở chợ Kim Biên bỏ sạp. Ba ngày sau, một bạn hàng khác ở chợ Bà Chiểu cũng biến mất. Sau này tôi mới biết cả hai đều đi vượt biên. Một tuần sau, lại thêm một người nữa ở Kim Biên bỏ chợ. Mất không gần hai chục bộ áo quần. Tôi hoàn toàn khủng hoảng. Vốn không có, lời cũng không. May mà bà chị họ thông cảm, bỏ qua. Vì rõ ràng không phải lỗi ở tôi. Thấy bấp bênh quá, tôi chào thua, bỏ nghề. Bà chị họ tốt bụng đó, sau này cũng bị bạn hàng quỵt luôn mấy vụ, mất vốn, bỏ hẳn nghề buôn áo quần.

*

Trong lúc hoàn toàn bối rối, một anh bạn, nguyên giáo sư cấp ba, đồng nghiệp cũ và cũng lại là bạn tù, đang bán vé số, rủ tôi bán vé số. Túng biến tùng quyền, tôi không suy nghĩ, nhảy ngay vào "nghề" bán vé số. Đây là một nghề tương đối đơn giản, ít vốn, có lẽ không cần cả vốn. Chỉ có việc lấy vé số từ người bỏ mối, bày một cái bàn nhỏ ra bên lề đường, ngồi bán. Bán lời ăn, lỗ thì trả vé lui. Thực ra, đó chỉ là cảm giác ban đầu. Chẳng có nghề nào là đơn giản cả.

Qua trung gian anh bạn, tôi lấy vé từ một thương lái tương đối dễ chịu: gối đầu một ngày cho vé tỉnh (vé từ các tỉnh đưa lên bán ở Sài Gòn). Riêng vé thành phố, vì là địa phương, nên khá dễ dàng: bỏ tiền lấy vé, buổi chiều vé nào không bán được, mang trả lui trước giờ xổ. Bù lại, số lượng bán không được nhiều. Tôi mượn một cái kệ nhỏ, cột sau xe đạp, chạy loanh quanh nhiều đường để quan sát. Đường phố gần như ngập tràn các bàn bán vé số. Nhiều nơi tập trung thành một tụ điểm với hàng chục bàn kế nhau. Có nơi còn dựng tấm bảng thật lớn, gắn đèn sáng choang, để ghi kết quả xổ số. Đến giờ xổ, dân chơi số đề, dân mua số chen chúc nhau, đợi người bán vé ghi kết quả từng lô trúng lên bảng (trực tiếp truyền thanh từ radio). Có những nơi, toàn bộ gia đình tham gia trực tiếp và toàn thời gian cho việc bán vé số. Anh bạn tôi cũng vậy. Hai vợ chồng và hai đứa con thay phiên nhau trực bàn. Vì bán một vài trăm vé như tôi thì không nói làm gì, còn bán lên đến vài ngàn vé như anh bạn thì công việc cũng lắm đa đoan: nhận vé, kiểm vé, làm dấu vé, trả vé, đổi tiền trúng cho khách, lập sổ ghi vé, ghi kết quả xổ số... Đó là chưa kể, nếu bạo gan nhận ghi thêm số đề cho bọn đầu nậu Chợ Lớn dấu mặt, thì công việc còn nhiêu khê hơn, trong đó có cả việc che mắt hoặc hối lộ công an đường phố.

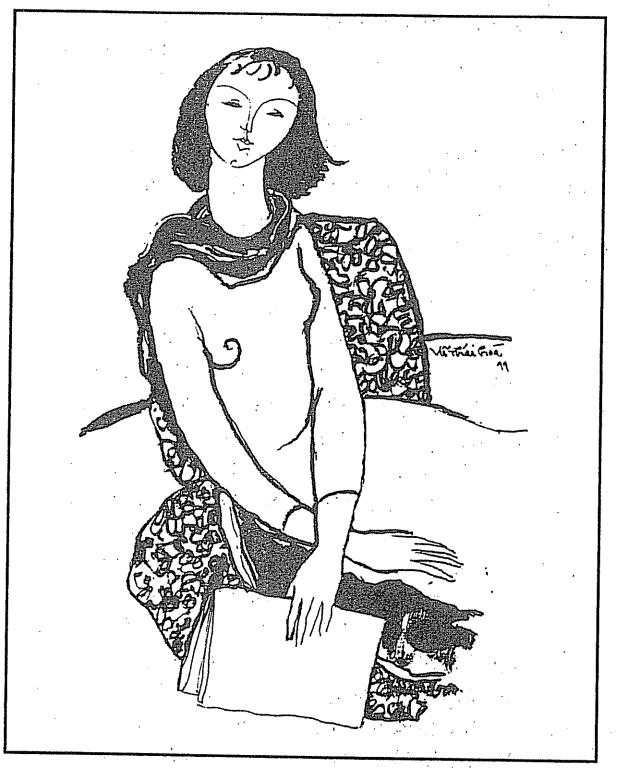

Thấy nơi nào cũng nhiều bàn quá, tôi chọn một đoạn vắng vẻ trên đường Cao Thắng, chênh chếch Tam Tông Miếu, cách một đoạn khá xa với tụ điểm bán vé số ngả tư Cao Thắng-Nguyễn Đình Chiểu (Phan Đình Phùng cũ). V. Từ, một người bạn mới quen, giúp tôi đóng lại bàn ghế và đóng một tấm bảng để ghi kết quả xổ số. Địa điểm này, trong ý nghĩ tôi, là nơi dễ bán vé vì chỗ thoáng, ít hàng quán chung quanh, đường lại rộng, hai chiều (đường Cao Thắng, Phan Đình Phùng đều một chiều). Cạnh đó, lại có một gốc cây lớn nằm trên lề đường rộng, bạn bè ai cũng có thể tạt ngang, ngồi tán gẫu. Ngày đầu tiên, tôi đi thật sớm, bày bàn ra. Vé sắp theo đơn vị xổ số và theo cặp. Vé Thành Phố (tức là Sài Gòn) một phía, vé các tỉnh một phiá. Trong 200 vé, tôi lấy 100 vé Thành Phố, vì vé Thành Phố có thể trả lại được trước giờ xổ, nếu bán không hết. Riêng vé tỉnh, phải mua đứt, lời ăn lỗ chịu. Mỗi vé bán ra 2 đồng. Chẳng biết lấy từ gốc là bao nhiêu, thương lái bỏ lại cho chúng tôi khoảng từ 1 đồng 85 đến 1 đồng 92 (tức là mỗi vé lời từ khoảng 13 hào đến 8 hào) tùy loại vé. Nói chung thì vé Thành Phố bán không chạy bằng vé các tỉnh như Tây Ninh, Tiền Giang, Đồng Nai. Lổ độc đắc của Thành Phố ít tiền thưởng hơn vé tỉnh. Vé Thành Phố lại ít cặp, chỉ có cặp 10, trong lúc vé của Tây Ninh, Đồng Nai, Tiền Giang cặp 20, rồi 30, 50 và sau này lên đến 100. Một lý do khác, vé tỉnh nhiều cặp "rin" hơn. Cặp "rin" là cặp trong đó, tất cả vé của nó mang cùng một số. Cặp không "rin," tức là cặp thường, thì các vé của nó chỉ mang ba hoặc bốn con số đuôi giống nhau, còn hai con số đầu thì khác. Trong số vé tỉnh, vé Tây

Ninh bán chạy nhất. Vé Tây Ninh bán chạy đến độ, ngày nào có xổ số Tây Ninh thì vé các nơi khác bán ế hẳn đi. Chính vì thế mà có lúc, vé Tây Ninh bị nhà cầm quyền thành phố cấm bán ở Sài Gòn. Cấm bằng thông tư hẳn hoi. Vé Tây Ninh biến mất khỏi các bàn bán vé, trở thành vé lậu, tiêu thụ ở Sài Gòn dưới dạng bán chui. Những người hâm mộ vé Tây Ninh phải tìm mua với giá chợ đen, có lúc lên đến 5 đồng/1 vé. Người ta săn lùng vé Tây Ninh để mua trong lúc công an cũng săn lùng vé Tây Ninh để bắt người và tịch thu vé. Chính vì thế, sau này, Thành Phố và các tỉnh phải thương lượng nhau để thống nhất về chính sách xổ số: mỗi tuần một tỉnh hay thành phố chỉ được mở xổ số hai lần tối đa, xen kẽ lẫn nhau theo một lịch trình có sẵn và chấp nhận tiền lô độc đắc bằng nhau. Chỉ riêng số cặp thì tùy nghi. Ấy thế mà rồi vé Tây Ninh vẫn bán chạy. Bán vé một thời gian dài, tôi vẫn không hiểu lý do nào khiến vé Tây Ninh bán chạy như vậy. Có người bảo vé Tây Ninh dễ trúng hơn. Tôi phì cười với ý nghĩ đó.

Vé bán ra phải làm dấu riêng của mình. Anh bạn bày cho tôi cách làm dấu vé: lấy cây kim nhỏ, đâm xuyên qua chồng vé tại một điểm nhất định nào đó chỉ có mình nhận biết. Sở dĩ phải làm thế vì tình trạng cạo sửa vé số độ này đang phát triển mạnh. Nhiều người đã trả tiền cho khách để đổi lấy những vé trúng giả mạo. Sau này, người ta chỉ đổi những vé trúng nào do mình bán ra thôi vì có thể kiểm tra được.

Dọn bàn xong, tôi kéo ghế ngồi lùi vào sâu phía trong, kế bức tường , nhâm nhi cốc cà phê, phì phà điếu thuốc Đà Lạt và ngắm nghía người người qua lại trên đường. Thỉnh thoảng, có một người đi honda hoặc xe đạp tạt ngang, lựa vé, lấy một hoặc hai cái. Vài người bạn quen, biết tôi khai trương bán vé số, ghé mua một vài cái gọi là ủng hộ tinh thần, ngồi lại đấu hót một hồi, rồi dông. Đến gần trưa, thấy vé bán chẳng được bao nhiêu, tôi bắt đầu sốt ruột. Thay vì ngồi sát tường, nhìn vu vơ đợi khách, tôi bắt đầu kéo ghế ngồi sát bàn, mắt nhìn từng người qua lại với hy vọng họ sẽ ghé lại mua vé. Tôi cảm thấy người ta sao vô tình lạ lùng. Hàng ngàn, hàng ngàn người đi qua đi lại, ấy thế mà chẳng ai thèm chú ý đến bàn vé số của tôi. Xe chạy ngoài đường chẳng nói làm gì, những người đi bộ, bao người đi sát cái bàn vé số của tôi, mà làm như chẳng hề biết rằng có một bàn vé số ở đó. Tôi ngồi ngáp vắn, ngáp dài. Thỉnh thoảng nhìn những bàn vé số phía bên kia đường, thấy có xe cặp vào hoặc có người vào lựa vé, tôi lại càng sốt ruột hơn. Kiểm điểm lại vé, tôi chỉ mới bán được có 30 vé. Vé TP không nói làm gì, vì có thể trả lại. Vé tỉnh mới phiền, vì mua đứt. Nắng trưa Sài Gòn làm nhừ người. Tôi đờ đẫn nhìn mông lung. Một vài khách bộ hành đứng, ngồi nghỉ dưới gốc cây, kế bàn vé số. Một người đàn ông trung niên nhìn những tấm vé số một cách hờ hững. Không hiểu ông ta nghĩ gì, bỗng bước tới lật từng tấm vé số, nhìn ngắm săm soi, rồi về lại chỗ ngồi của mình.

Sau buổi trưa, thời gian trôi qua nhanh. Giòng xe cộ không ngớt tuôn về mọi phía. Một giờ. Một giờ rưỡi. Hai giờ. Hai giờ rưỡi. Ba giờ rưỡi phải mang vé còn lại về trả cho thành phố nếu không muốn lỗ. Bốn giờ rưỡi xổ. Những cọc vé vẫn nằm một cách lặng lẽ trên mặt bàn. Lâu lâu mới có một người khách tạt vào mua một hoặc hai tấm. Dưới nắng và nóng, những tấm vé số khô, cong lên ở phía mép. Buổi sáng, chúng nằm thẳng nếp, gọn gàng, tươi mới, đợi chờ. Những con số. Vâng, những con số như có tiếng nói. Chúng uốn éo, ngúc ngắc. Không phải mỗi một con số mà là sự nối kết của chúng. Những số đuôi, nào là 2748, 8532, 6954... hoặc hai con như 65, 73, 84... tóm lại là những con số bất kỳ, không có gì đặc biệt, con số nào cũng có vẻ "dễ trúng." Con nào cũng nằm đó, tràn trề hy vọng. Con số nào cũng sống động. Con số nào cũng có thể biến ước mơ thành sự thật. Con số nào cũng chứa đựng những thần bí của sự đổi đời. Con số nào cũng thay đổi được kiếp người, thay đổi số phận.

Nhưng giờ này, sau một buổi phơi nắng, chúng nằm im, chịu trận. Chúng bị hất hủi. Người đi đường không hề biết đến chúng. Ngay cả tôi, tôi cũng xem chúng như không có. Chúng có thể biến đổi thân phận một ai đó, nhưng tuyệt đối không dính dấp gì đến thân phận của tôi. 1543, 76589, 54672... hay gì... gì... nữa đều giống nhau, tuyệt đối giống nhau. Chúng cần phải được bán đi. Càng sớm càng tốt. Có lẽ không ai hất hủi những tấm vé số chưa xổ bằng người bán vé số trong những lúc ế khách như thế này.

Trong lúc bối rối, anh bạn tôi tìm đến. Chỗ anh và chỗ tôi chỉ mất vài phút đi bộ.

"Sao, bán được bao nhiêu vé rồi?"

"Mới bán được có 38 vé, ông ơi!"

"Trời, có 200 vé mà bán không hết à?"

Tôi thở dài:

"Biết làm sao được. Người ta không mua, chứ có phải tại mình không muốn bán đâu. Còn ông thì sao?"

"Hết từ khi nãy."

"Bán sao mà tài thế! Bao nhiêu vé?"

"Hai ngàn."

"Trời! Hai ngàn vé mà y như hai chục vé không bằng."

"Ông chưa so sánh với tôi được đâu. Tôi bắt đầu bán từ chiều hôm trước. Bán đến 11 giờ đêm. Lại quen khách rồi. Địa điểm thuận lợi nữa. Mà thôi. Ông lùa hết vé mang sang chỗ tôi bán. Bảo đảm ông, sẽ hết."

Tôi không tin lắm vào lời hứa đó, nhưng lúc này những lời động viên như thế rất tốt. Tôi thu dọn hết chiến trường, dắt xe đạp và cả bàn qua chỗ anh bạn. N. giúp tôi sắp xếp lại vé trên bàn của anh ta. Nơi đây, hầu hết các bàn bán vé đều sạch nhẵn. Chủ nhân lật úp bàn, đi mất. Chỉ còn lẻ tẻ vài bàn nhỏ, số lượng vé chẳng còn bao nhiêu. N. sắp vé số rất cẩn thận, thứ tự, vé loại nào ra loại đó. N. giải thích:

"Ông phải tạo sự thuận tiện cho khách dễ lựa. Có người thích Thành phố, có người thích Tây Ninh. Có người mua vé lẻ, có người mua vé cặp. Họ không có nhiều thì giờ. Tạt vào, mua xong, dọt ngay. Nhiều người lựa cho có lựa, vì họ làm sao biết được vé nào chắc chắn trúng, vé nào không. Bởi thế, bày vé số như bày hàng tạp hóa vậy. Đẹp mặt, ưa nhìn, khiến họ không định mua cũng phải mua. Định mua một cái, nhưng rồi rút thành hai cái. Vé số là thứ hàng hóa co dãn. Mua bao nhiêu cũng được, mà không mua cũng được. Nên nhớ là nhiều người, không mấy ai ra đường với ý định đi mua vé số. Thấy vé số họ mới mua."

Tôi vui vẻ ghi nhận lời giải thích đầy kinh nghiệm thương trường đó của anh bạn. Vừa bày bàn xong là đã có người đến mua. Mười vé. Lát sau, có người vào lựa vé, không mua, bỏ sang bàn khác. Cứ thế, số khách ghé tương đối đều đặn. Chồng vé vơi dần. Ba giờ mười lăm. Tôi lại bồn chồn:

"Ba giờ rưỡi phải đi trả vé. Vé TP còn đến 70 cái."

N. cười:

"Còn nước còn tát. Có bồn chồn cũng vô ích. Kiên nhẫn, đợi tụi "bao chót."

"Bao chót?"

"Ừ, để xem."

Mấy bàn kia bây giờ đã bán sạch. Cả đoạn đường, chỉ tôi và một chị ở gần phía đầu đường là còn vé. Một vài người ghé lại, mua vài vé. Ba giờ rưỡi. Còn đến 70 vé TP và gần 20 vé TN. Thời gian không cho phép chần chờ nữa. Tôi quyết định thu xếp đi trả vé. Tôi để vé TN, nhờ N. bán giúp. Định đi thì một chiếc honda ghé lại. Một người đàn ông trung niên, đeo kiếng đen, bộ dạng của một tay mánh mun thành đạt, dở kiếng, lựa lấy lệ, lùa hết vé TN, nói như ra lệnh:

"Tính tiền. À, còn cặp TP nào nguyên không?"

"Còn, nhưng không có số 'đẹp.'"

"Nhằm nhò gì. Lấy luôn hai cặp TP."

Anh ta nhìn con số trên vé một cách không mấy quan tâm, rút tiền trả, rú xe vọt đi. Tôi ngơ ngác nhìn theo, chưng hửng trước cái cách mua vé nhặm lẹ, dễ dàng như thế: gần cả năm chục cái.

Tiếp đó, hai thanh niên ghé vào cùng lúc. Người nào cũng đòi lấy hết số vé còn lại. Rốt cuộc, tôi phải năn nỉ hai người "cưa" đôi (chia đôi). Thế là vé bán sạch, ngoài sức tưởng tượng của tôi. Lúc đó là kém 15 phút đầy 4 giờ. N. nhìn tôi cười một cách hãnh diện:

"Tôi nói đâu có sai. Đó là những người "bao chót," ông hiểu chứ. Có người săm soi chọn lựa từ bàn này đến bàn khác, mong mua cho được cái vé mà họ nghĩ là sẽ trúng. Lại có những người như mấy tay vừa rồi, chỉ đi mua vào những phút cuối cùng. Họ tin rằng những gì người ta chê có thể chứa đựng sự may mắn.

*

Tính sổ lại ngày đầu tiên bán vé số: lời gần hai chục đồng. Hơn bù thua, trung bình mỗi vé lời 10 hào. Thời giá hồi đó: một ly cà phê con cóc, một đồng rưỡi. Thuốc Đà Lạt (loại thuốc bình dân, phổ thông), hai đồng rưỡi/gói. Một bữa ăn tại quán cơm bình dân, bốn đến năm đồng.

Hôm sau, rút kinh nghiệm, tôi dời bàn bán vé đến tụ điểm. Lúc đầu, tôi cứ nghĩ mình ngồi lẻ loi một mình tại một nơi có cây cao, bóng cả, lề đường rộng thì dễ có khách. Hóa ra, khách chỉ thích ghé vào những tụ điểm bán vé vì có lẽ nơi đó, nhiều bàn vé số, dễ lựa chọn. Người ta thích lựa vé số, lựa những số mà do linh tính hay do tưởng tượng họ nghĩ rằng sẽ trúng. Lựa bàn này không có vé vừa ý, bước ngay qua bàn khác, vừa nhanh vừa thuận tiện. Hơn nữa, những tụ điểm thường dễ gợi sự chú ý của người qua đường. Dường như

người ta có cái tâm lý là mua vé ở những tụ điểm có vẻ dễ trúng hơn là ở các bàn lẻ loi trên đường. Chính vì thế, dân bán vé thường tập trung thành từng cụm, nơi đó dân mới ra nghề, cò con (như tôi) bám vào đám "lớn" vì họ có khách hàng quen thuộc. Đó là lý do tại sao ngồi một mình ở nơi xa không hấp dẫn khách mua.

Không dễ kiếm ra một chỗ, cuối cùng tôi phải ngồi chen chúc giữa một "khu vực" vô cùng chật hẹp với đủ thứ hàng hóa lỉnh kỉnh: chè, cháo, phở, nước mía... và các bàn bán vé số ngồi kế nhau tưởng như vô tận. Hầu như tôi chỉ có một khoảng nhỏ, vừa đủ đặt chiếc bàn và chiếc ghế để ngồi. Lâu lâu phải xích qua bên này, xích lại bên kia một chút, vì hoặc là người ta che chắn mình hoặc mình che chắn người ta. Không gian chừng như thu nhỏ lại, không còn chỗ để ngã người, suy tưởng. Chẳng còn chỗ cho bè bạn , người quen tạt vào đấu hót cho qua thì giờ và đỡ sốt ruột. Tôi lọt giữa một xóm chợ với đầy đủ ý nghĩa nhất của nó. Người ta chen chúc nhau, mua mua bán bán. Cãi vã ồn ào. Rộn rịp. Sôi động. Nhưng phải nhận rằng khách lúc nào cũng đông. Uống cốc nước. Ăn cái bánh bao. Mua bì chè, gói thuốc, tờ báo và... vé số.

Ở vị trí mới này, với số lượng khách hàng vào ra tương đối thường xuyên, tôi bị buộc phải ngồi một chỗ, nên có dịp quan sát cái cách người ta mua vé số. Một số người mua rất lơ đãng. Hình như mua cho có mua. Có thể họ mua xong, bỏ túi quần rồi quên luôn, không bận tâm đến việc dò kết quả. Họ uống nước, dư tiền thối, mua đại một vé. Thấy mời mọc quá, mua một vé. Có người rút tiền ra mua mà dường như chẳng chú ý đến cái mà mình vừa mua. Lại có người mua xong, để vé số trên bàn, châm thuốc hút hay nói chuyện rồi quên luôn, đứng dậy đi. Ngược lại, có người chọn lựa rất kỹ. Họ săm soi từng con số, số hàng chục, hàng trăm, hàng ngàn. Có một ông, nhiều ngày liên tiếp, đi từ bàn này qua bàn khác, dở từng tấm vé số, rồi lẩm bẩm một mình và... đi luôn. Có thể anh ta không tìm thấy con số mình muốn chăng? Cũng chính điều này giúp tôi hiểu tại sao người ta mê số đề. Chơi số đề, sau này được nhà nước một vài địa phương gọi một cách mỹ miều và hợp pháp là "số tự chọn," mình có quyền chọn cái số mà mình muốn một cách thoải mái. Đó là cách chơi số của Hoa Kỳ như ta biết bây giờ. Có người nhất định mua cho được cặp "rin," cặp "nguyên" của Tây Ninh hoặc Đồng Nai. Đây là loại khách sộp. Thường thì đám này chỉ ghé lại những bàn lớn, vì ở đó nhiều cặp nguyên hơn, và cũng vì có nhiều cặp để lựa hơn. Trong số này, có người chỉ chuyên chơi loại TN hoặc ĐN, hoặc Tiền Giang. Họ "kết" một loại số nào đó. Có kẻ đặt tiền cọc trước để có cặp rin, vì sợ hết. Trong thời buổi gạo châu củi quế này, tôi chứng kiến nhiều tay chơi vé số như một trò tiêu khiển vô cùng thượng lưu. Rõ là ném tiền qua cửa sổ. Họ đi xe honda (hồi này có chiếc honda cũ là quá sang), tạt vào quầy vé, lấy mấy cặp vé, mỗi cặp là một cọc vé, trị giá cả một nửa hoặc một chỉ vàng. Họ mua một cách tỉnh bơ, không đắn đo lựa chọn, không tiếc tiền. Tôi chẳng rõ họ mong muốn cái gì. Có người không sẵn tiền mặt, rút ra cả chỉ vàng đang đeo nơi ngón tay để mua vé số. Khi chiều đến, họ tạt ngang nhìn kết quả, thấy trật, cầm cả xấp vé xé vụn, rồi rú xe vọt đi. Tưởng thế rồi thôi, họ không còn chơi nữa. Không, tuần sau hoặc đôi khi vài hôm sau, họ lại tạt vào, mua tiếp những cặp khác (có khi cả trăm vé) để rồi chiều lại xé. *Sáng mua chiều xé.* Không hiểu từ lúc nào, bốn chữ này đọng lại trong trí tôi. Buổi sáng, nhìn những cọc vé số nằm nghiêm nghị, thứ tự trên các bàn vé số. Chúng sạch sẽ, mời mọc. Mỗi một tấm chứa đựng một thế giới kỳ diệu, đầy hứa hẹn, mơ ước. Những con số kết dính vào nhau (quanh đi quẩn lại cũng 10 con số!) kỳ diệu lạ lùng. Không hiểu sao tôi nghĩ đến bốn chất căn bản (N,H,O,C) kết xuôi kết ngược để tạo thành vô số chủng loại khác nhau trong học thuyết về di truyền DNA. Chúng mỏng mảnh, vô tri, nhưng hứa hẹn một cuộc đổi đời ghê gớm. Chúng mở ra những chân trời lớn rộng. Thế mà chiều đến, chúng nằm ngổn ngang, tan nát, vô dụng, biến thành rác rưởi bay tung toé khắp nơi. Người ta dừng lại, dò và "dụt" bỏ.

Cách dò vé và xé vé cũng khác nhau. Có người nhìn rất nhanh, liếc liếc bảng kết quả và nhẹ nhàng vứt bỏ y như ta vứt bỏ một miếng giấy lộn. Có người dò rất cẩn thận, nhất là những người mua một, hai vé. Họ nhìn chăm chú những con số trên bảng kết quả rồi lại cẩn thận nhìn những con số trên tấm vé của mình, y như chúng có thể biến đổi lẫn nhau. Dò ở bảng này, chưa thỏa mãn, lại đi đến bảng khác dò lại y như mỗi bảng có một kết quả khác nhau. Có người dò bằng cách dùng tay che hàng số và "nặn" dần từng con số trên tấm vé

của mình từ hàng đơn vị trở lên y như người ta "nặn" con bài tẩy trong bài xì phé. Họ là những ngươi mua vé số "mù" - nghĩa là họ nhắm mắt mua theo may rủi, mua không lựa chọn. Nhìn họ chầm chậm "nặn" từng con số, tôi thâm cảm được hết cái ước mơ trúng số của họ lớn lao, sâu sắc đến dường nào. Tất nhiên là họ nghèo: một anh xích lô, một chị bán hàng rong, một ông lão, một tay học sinh hay một anh chàng bộ đội... Tôi để ý thấy một anh chàng bộ đội, năm ba bữa ghé lại khu vực tôi mua số. Đến giờ xổ, anh ta ghé lại đây, mua một cốc nước trà đá, đợi dò kết quả. Anh chàng bộ đội này mang hình ảnh khá điển hình của một người miền Bắc ngơ ngác tản bộ trên đường phố Sài Gòn: áo quần bộ đội bạc thếch, dép râu, chiếc mũ cối và mặt mày thụng ra, ngơ ngác y như không hiểu mình đang lạc vào xứ sở nào! (Mười năm trôi qua từ khi chiến thắng, dường như Sài Gòn vẫn còn lạ lùng đối với dân miền Bắc, nhất là đối với những người lần đầu tiên mới đến Sài Gòn. Với họ, Sài Gòn là một thế giới hay một nước khác hẳn). Anh chàng bộ đội bưng ly nước, tìm một góc khuất kế hàng rào gần tường, thận trọng moi từ trong chiếc bóp nhỏ tấm vé số, vuốt cho thẳng, trải bảng kết quả photocopy nhỏ trên đất, lấy bàn tay che số, bắt đầu "nặn" từng con, để rồi lần nào cũng như lần nào , buông tấm vé xuống đất với một bộ mặt thẫn thờ, thiểu não. Anh ta không buồn uống hết cốc trà đá, trả ly, lờ đờ đi đến trước tấm bảng kết quả, nhìn chăm vào đó như cố tìm hiểu xem quanh đi quẩn lại có chừng ấy con số mà sao mình không thể trúng được.

Cách xé vé của anh này còn hiền từ. Nhiều người xé vé một cách giận dỗi, y như chúng là thủ phạm gây nên nỗi thất vọng riêng của mình. Có người, sau khi cẩn thận rà soát lại các lô số trúng với các tấm vé của mình, xé toạc nguyên xấp rồi ném mạnh xuống mặt đường, rú xe vọt đi một cách tức tối. Có người cầm từng vé xé vụn, khuôn mặt tái đi, đôi mắt trừng trừng nhìn vào tấm vé số cho đến khi những mảnh giấy vụn bay tan tác dưới mặt đường. Nhìn khuôn mặt và cách xé vé, đôi khi tôi tưởng như có thể đoán được hết những câu nguyền rủa mọc lên trong đầu họ. Và từ đó, tôi hiểu được hết những hy vọng mà họ ôm ấp từ khi mua tấm vé số cho đến khi xổ nó lớn lao, tha thiết đến dường nào. Hy vọng mọc lên trong tâm hồn y như người ta thổi hơi vào cái bong bóng, lớn dần , lớn dần và... nổ. Cứ thế, ngày lại ngày, sau khi cơn tuyệt vọng và giận dữ dịu đi, thì cái hy vọng đó chẳng biết từ đâu, mọc lại. Thế rồi, sáng hôm sau - có người ngay tối hôm đó - lại lần mò ra bàn vé số, tìm cách nhịn tiêu một khoảng tiền nào đó, và bắt đầu lựa những con số. Mầm hy vọng mong manh kia lại được thổi hơi vào cho căng phồng lên. Những con số vô tri, vô duyên trên mảnh giấy in đen đúa đó bắt đầu lung linh, nhảy múa. Chúng lấp lánh những chân rời viễn mộng. Một căn nhà đẹp. Một chiếc xe đạp mới. Một chiếc xe honda. Một cô người yêu xinh xắn hay một chuyến vượt biên an toàn sang bên kia thế giới. Tóm lại, đổi đời. Sáng hy vọng, chiều thất vọng. Hy vọng và nỗi hăm hở dâng lên rồi vụn vỡ theo những tấm giấy vụn. Sáng mua chiều xé. Buổi chiều, khung cảnh các bàn vé số như bãi chiến trường sau một trận ác chiến. Giấy vụn vé số bay tan tác, trắng đường. Bao nhiêu tiền mồ hôi nước mắt, bao nhiêu tiền dành dụm cũng tan theo. Nhiều lần, sau giờ xổ, ngồi nhìn hàng ngàn, hàng chục ngàn tấm vé số lăn lóc đó đây, tôi chợt thâm cảm hết cái vô nghĩa của cái nghề bất đắc dĩ này: Tôi đang bán ước

HOA CÚC

Cảm hứng nhân bài

CẢM TÁC HOÀNG HẠC LÂU

của Võ Doãn Nhẫn

(Tặng Võ Doãn Nhẫn và loài hoa tên...)

Hạc vàng nức nở vì đâu,
Phải chăng tiên chẳng ở lầu năm xưa?
Thời gian thấm thoát thoi đưa,
Năm mươi niên chẵn, tiên xưa trở về.
Lầu son rêu đã phủ mờ
Hạc vàng năm trước, bây giờ nơi đâu?
Ngàn năm trước, ngàn năm sau,
Phải chi mây trắng bên lầu ngưng trôi.
Hạc đừng bay lượn khác nơi...
Đời không biến động, tình thôi lỡ làng.
Nay tiên đã gặp hạc vàng
Mộng xưa lầu cũ, chứa chan tình nồng...

mơ để độ nhật. Một người bán ước mơ lại chẳng hề mơ. Tôi đang tồn tại trên giấc mơ của người khác. Chính cái cảm giác bất thường này khiến tôi một hôm, sau khi thối tiền lại cho khách mua hai tấm vé số, bất chợt thốt lên với khách:

"Mua đi anh, sáng mua chiều xé!"

Một lần khác, khi mời một người khách mua một cặp "rin," tôi lại đùa:

"Cặp 'rin' đây anh, sáng mua chiều xé!"

Nhiều lần khác, như một quán tính, sau khi bán xong cho khách, tôi lại thốt lên: "sáng mua chiều xé."

Tôi xem đó là một câu nói đùa vô hại cho đến một hôm, anh bạn tôi tình cờ sang chơi và nghe được. Anh ta liền gọi tôi ra quán nước và "rầy la":

"Ông buôn bán gì mà kỳ lạ như vậy? Ông nên nhớ rằng, ông đang kinh doanh, đang bán hàng. Bán hàng thì phải khen hàng mình tốt, phải nịnh khách, phải làm cho họ tin rằng mình có đồ tốt. Bán vé số, ông luôn luôn phải tạo cho khách cái ấn tượng rằng nhất định họ sẽ trúng số. Bất kể khách lạ hay khách quen, kể cả bạn bè và người thân của mình. Phải làm cho họ vui vẻ họ mua. Đừng để cho bất cứ ai có cảm giác rằng họ mua vài tấm vé của mình vì họ thương hại mình, muốn giúp mình, mà họ mua là vì họ có thể trúng số. Mua một cái, phải khích lệ họ mua hai cái. Mua 10 cái khuyến khích họ mua cho đủ cặp, vì họ *sẽ trúng số*. Phải gieo cái hy vọng đó vào trong tim họ. Họ *phải trúng số* chứ không phải là *sáng mua chiều xé.*"

"Nói thấy ngượng quá. Làm sao mà trúng được. Xác xuất trúng số quá nhỏ. Hồi chưa bán vé số, tôi cũng có hy vọng trúng số. Bây giờ bán vé số, thì chẳng khi nào nghĩ mình sẽ trúng số. Còn một vé cũng chẳng muốn giữ vì biết chắc rằng không bao giờ trúng cả."

"Cái ông này, họ trúng hay trật thì có liên quan gì đến mình. Xác xuất nhỏ lớn cũng chẳng dính líu gì đến việc bán vé số của mình cả. Họ mua rồi họ xé là chuyện của họ. Việc của mình là bán càng nhiều càng tốt. Bán nhiều vé lời nhiều. Ông bảo sáng mua chiều xé là phá vỡ cái mầm mống hy vọng trong tâm họ, làm họ mất vui thì làm sao họ mua vé cho ông!"

"Họ vẫn tiếp tục mua mà."

Tôi nói cứng thế, nhưng thực ra trong thâm tâm tôi thấy nhận xét của N. hoàn toàn đúng. Vả lại một vài ngày sau, tôi nhận thấy một vài khách quen không ghé lựa số ở bàn tôi.

"Ông thấy chứ - anh bạn tôi lại 'lên lớp' một lần nữa - khách bao giờ cũng thích nghe lời nói ngọt, nghe lời khích lệ. Điều ông biết, ai cũng biết cả. Nhưng hy vọng là một trong những động lực của cuộc sống, nhất là trong tình hình hiện nay. Hy vọng trúng số còn có vẻ thực tế hơn là hy vọng được lên Thiên đường hay Niết bàn. Vậy hà cớ gì không giúp họ nuôi thêm hy vọng. Họ có hy vọng, chúng ta có tiền. Buôn bán là tận dụng nghệ thuật nói láo. Nói láo ở đây chẳng hại ai cả. Vì quyền mua hay không là của họ. Giúp người ta nuôi dưỡng hy vọng và làm mới lại hy vọng ấy là nghệ thuật bán vé số."

Thấm thía lời vàng ngọc của người bạn, tôi bắt đầu nuôi dưỡng niềm hy vọng của kkách hàng. Tôi không còn thụ động ngồi trên ghế, lơ đãng nhìn khách qua đường, rồi có ai tới thì xé vé, thối tiền một cách miễn cưỡng. Tôi mời chào những người qua đường. Tôi học cái lối cười cầu tài của những bà sồn sồn bán hàng tạp hóa trong chợ. Cười cả khi khách nghiêm nghị. Cười cả khi khách nhăn mặt. Cười cả khi khách bực bội. Tôi bắt đầu tập ăn nói trơn tru, xuôi cũng được, ngược cũng xong. Miễn sao lọt lỗ tai người nghe. Lạt mềm buộc chặt. Đến bây giờ tôi mới thấm thía một điều: một lời nói láo ngọt ngào chứa đựng nhiều sự thật hơn cả sự thật, vì người ta thích lời nói láo ngọt ngào hơn sự thật cay đắng. Nhất là bịa đặt về một điều trừu tượng như Thượng Đế, Niết Bàn, kiếp sau và... vé số chẳng hạn. Nói đúng ra, không phải người ta bịa đặt về con số, mà giúp người ta dựng một giấc mơ, nuôi lớn giấc mơ đó. Một giấc mơ chẳng bao giờ thành sự thật, đó là trúng số. Thực ra, cũng có nhiều người trúng số. Vì có đến những mấy chục lô trúng. Nhưng giấc mơ trúng số thực sự bao giờ cũng là trúng số độc đắc. Chỉ có trúng số độc đắc mới đáng gọi là đổi đời. Còn những lô trúng khác thì cũng bất quá như những trò cờ bạc ăn thua hằng ngày, còn đó, mất đó.

Một anh bạn tôi, trốn về từ vùng kinh tế mới, phát biểu như sau:

"Tuy xác xuất trúng qua nhỏ, 1/1000.000 cho mỗi lần xổ, nhưng nếu thử làm một con tính, ta vẫn có thể thực hiện ước mơ được. Này nhé, mỗi tuần có bảy ngày, mỗi ngày có tối thiểu ba đơn vị xổ số. Nghĩa là trong một tuần có 21 lần xổ. Sẽ có 21 người trúng số độc đắc. Một năm ta sẽ có 21x tuần = 572 người là triệu phú. Tại sao tôi không hy vọng rằng tôi

sẽ là một trong 572 người đó, vì tôi giả thiết rằng không ai trúng hai lần độc đắc. Ước mơ trúng số không nên đặt trên một lần xổ mà trên một thời gian dài.

"Như thế, anh phải mua số liên tục, không bỏ sót một kỳ nào, một đơn vị nào."

"Tất nhiên. Tôi mua đúng 572 cái một năm, không nhiều hơn."

"Sao anh không mua nhiều hơn để tăng tỉ lệ xác xuất."

Anh ta cười:

"Tôi chưa hề trúng số bao giờ, dù là trúng hai con số đuôi, nhưng tôi có linh cảm rằng trúng độc đắc là trúng độc đắc. Vì trúng độc đắc là *godsend*, trời cho. Một món quà từ trên trời rơi xuống. Nó nhắm ngay mình mà rơi, không thể ai khác. Ở đây, không có xác xuất nào hết. Tôi không cần xác xuất. Tôi chỉ cần mua một lần một vé và đợi... trời cho."

"Anh nên nhớ người ta xổ từng con số chứ không xổ một lần sáu con. Tôi nói xác xuất ở từng con số."

"Không nhằm nhò gì. Tôi đã nói trời cho là trời cho. Từng con số phải rơi vào đúng vị trí của nó để tạo thành con số trúng cho mỗi số phần được chọn. Con số trúng là một sứ điệp. Vì nó đổi đời. Nó tái sinh một kiếp người, tái sinh cả một gia đình. Nó ban cho con người một số phận khác. Tôi không nói chuyện tốt xấu, nhưng chắc chắn sẽ có một số phận khác. Mà một số phận khác thì anh thấy rõ, đâu có thể là xác xuất được. Số phận là một cái gì được ban phát chứ không thể là ngẫu nhiên mà có được."

Tôi không rõ là anh bạn có tôn trọng lời anh ta nói không, nghĩa là mua liên tục tất cả các kỳ xổ số, mỗi lần chỉ một vé... cho đến khi trúng. Cũng chẳng rõ anh đã trở thành một trong 572 người chưa, vì tôi không còn gặp anh nữa, sau một vài lần anh ghé lại. Có một điều anh bạn không biết cái tỷ lệ anh đưa ra trên chỉ là lý thuyết. Thực tế là hầu như các lô trúng độc đắc thời đó đều bị tập đoàn mafia trong đường dây xổ số khống chế. Họa hoằng lắm, họ mới thả nổi một vài lần để cho một ai đó trúng. Nhiều vụ việc đổ bể, dính líu đến nhiều quan chức tai to mặt lớn trong các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, ngân hàng, tài chánh... Có vụ dính đến các quan chức trung ương ở Hà Nội. Nguyên nhân của các vụ đổ bể phần lớn xuất phát từ các tranh chấp phe phái, kiểu "trâu cột ghét trâu ăn." Lâu lâu lại rộ lên một vụ gian lận xổ số. Một số viên chức mất chức, một số ngồi tù. Rồi đâu lại vào đấy. Nghĩa là trước sau gì, tập đoàn mafia vẫn khống chế việc xổ số, bằng cách này hoặc cách khác. Thời đó, các tỉnh miền Nam, tiền lời lấy từ xổ số đóng vai trò rất quan trọng trong ngân sách của tỉnh, thành phố. Các tỉnh miền Bắc cũng tìm cách học theo, nhưng làm một cách dè dặt vì thiếu kinh nghệm, và dân cũng chưa có thói quen chơi vé số, số đề và cán bộ cũng chưa biết cách làm ăn theo kiểu tập đoàn quyền lợi. Có nơi, đó là ngân sách chính. Bởi thế, đảng ủy các tỉnh, thành phát huy kinh doanh xổ số đến tối đa bằng cách in thêm vé, nghĩa là tăng số vé cặp, từ cặp hai, ba rồi đến cặp năm, mười rồi đến cặp 20,30, 20 và đến cặp 100 và tăng tiền lô độc đắc để dụ người mua. Chính những món tiền lời béo bở đó mà hết "băng" này rớt thì có "bằng" khác lên thay.

Nhưng họ khống chế bằng cách nào? Lúc đầu, đám đầu nậu mánh mun bên ngoài bỏ tiền ra hối lộ ban phụ trách xổ số để mua đứt một số trúng nào đó, nghĩa là ban xổ số làm sao để cho ra con số trúng mà họ muốn. Về sau, nhận thấy việc bố trí cho ra sáu con số trúng đã định trước dễ bị lộ, họ thay đổi cách. Họ chỉ mua đứt ba hoặc bốn con số thôi, còn những số còn lại họ bỏ tiền ra mua hết ngay từ trong kho trước khi tung ra bán ngoài thị trường. Nghĩa là họ giảm bớt tiền thu nhập lại. Tóm lại, dù cách này hoặc cách khác, người mua vé chỉ được trúng những lô nhỏ. Cái tỷ lệ của ông bạn tôi chỉ còn rất thấp so với lý thuyết. Godsend cũng chào thua!

Nói cho rõ ra, thủ đoạn làm ăn của đám mafia có nhiều lắt léo bên trong. Nhà nước lại là nhà nước độc quyền, bao cấp nên mỗi khi có vụ gì đổ bể, họ chỉ cho xì ra trên báo chí nhà nước một vài chi tiết tượng trưng, còn thì là đàn xếp nội bộ.

*

Nghề gì, kể cả nghề chơi cũng lắm công phu, nghĩa là phải biết đầu tư thì giờ, tiền bạc, tri thức vào đó. Nghề bán vé số cũng thế. Một cái vé số, tuy nó là rất "nguội" (một mảnh giấy con con, in ấn lem luốc, số thì rất dễ cạo sửa), nhưng lại là mặt hàng "nóng." Giữ nó, phải đẩy đi càng nhanh càng tốt, vì để đến giờ xổ thì chỉ biết... xé. Ôm vài ba lần, với dân cò con như tôi, là bay hết vốn. Tôi đã trải qua vài lần ôm như thế. Lần đầu tiên, một cơn mưa tầm tã bất ngờ vào lúc hai giờ chiều, kéo dài cho đến tối đã khiến cho tôi "ôm" gần một trăm

vé. Lần khác, chủ quan, bán tà tà đợi đám bao chót, không ngờ, hôm đó, chẳng có con ma nào tới bao chót. Ôm một xấp vé chẳng muốn dò, vì biết chắc rằng chẳng thể nào trúng. Vài ngàn vé cũng chẳng trúng, nói gì vài chục vé hay một trăm vé! Ngay cả việc chỉ trúng hai con số đuôi. Sau này, rút kinh nghiệm, khi thấy trời mưa là tôi vội vã dẹp bàn, mang vé đi bán dạo trong các quán cà phê, quán ăn...

Bán ở đâu cũng thế, dẻo miệng là ăn tiền. Tôi vận dụng trí nhớ, nhớ lại cách bàn đánh số đề "Đa Kim" trên nhật báo Hòa Bình thời trước 75. Thực tình, tôi không phải là dân chơi số đề, nhưng hồi đó, đọc thấy vui vui nên nhớ. Tôi kết hợp thêm việc đoán điềm giải mộng. Tóm lại, để củng cố niềm tin của khách, tôi bịa đủ thứ. Đoán ngược, đoán xuôi, thêm mắm dặm muối cốt để làm đẹp những con số vô tri vô giác trên tấm vé số, cốt biến chúng thành ra một thiên đường đầy mơ ước để mời chào người mua. Nhất là những con số xấu, khó chơi như vì một lần ba, bốn con số giống nhau liên tiếp như 0000, 1111... Dân bán vé số rất kỵ những loại vé đó, vì khó bán. Thường thường , dân bỏ mối tìm cách tống những loại vé đó cho các cò con như tôi, còn các cặp "rin," số đẹp họ bỏ cho các mối ruột của họ, những mối "lớn." Để dễ bán những vé số loại này, tôi sưu tập kết quả xổ số nhiều đợt của nhiều tỉnh, thành cho thấy loại số "đặc biệt" đó vẫn thường xuất hiện, và lại xuất hiện khá thường xuyên. Xác xuất khá cao. Có lần, một lô trúng độc đắc, không biết có sự bố trí nào trước không, mang sáu con số 1.

Đó thời gian đầu. Về sau, khi đã quen mối quen lái rồi, tôi chẳng cần phải dẻo miệng nữa. Vì dù chậm, dù nhanh, trừ những trường hợp đặc biệt như trời mưa bất ngờ chẳng hạn, còn không thì ngày nào tôi cũng bán hết vé. Số lượng vé bán tăng dần. Có ngày tôi lấy đến 500 vé mà cũng bán hết. Vé đẹp, vé xấu, cặp "rin," cặp thường đều bán được tất. Nhìn con số vé cặp của các đơn vị xổ số tăng lên, tôi nhận ra rằng nhu cầu tiêu thụ vé số vẫn chưa đạt đến mức chót của nó. Nghĩa là, đối với dân tình hồi đó, vé số - ngoài cơm gạo mắm muối - đã trở thành nhu yếu phẩm hàng ngày trong đời sống của mọi người. Người ta có thể nhịn các thứ khác, kể cả mặc, nhưng hình như không thể nhịn được ăn và... mua vé số. Cứ nhìn cái quang cảnh buổi chiều sau giờ xổ số (sau bốn giờ rưỡi) tại các tụ điểm vé số, ta sẽ hiểu được cái nhu cầu đó nó lớn lao và cấp thiết như thế nào. Chưa kể, nếu ta chịu khó đi sâu vào các con hẽm, các khu nhà đông dân cư, khu ổ chuột, chuyện vé số và số đề nằm thường trực trong đời sống hàng ngày của mọi người. Quanh các bàn phở, hủ tiếu, cà phê, quán nước, sáng mới bửng mắt đã nghe lao xao bàn về các giấc mơ, các điềm báo... liên quan đến mua vé số và đánh số đề. Một anh chàng đạp xích lô tâm sự:

"Tôi vẫn nghĩ , chắc mình không bao giờ trúng được vé số đâu. Thay vì mua vé số, tôi bỏ ống số tiền đó hàng ngày trong một năm thì có thua gì mình trúng số, dù là số nhỏ. Ấy thế mà, không nhịn được anh ơi. Ngày nào không có tấm vé số dằn túi thì y như thiếu cơm, thiếu thuốc vậy. Có lúc, nhịn thèm, nhất định về nhà nằm ngủ, nhưng rồi sau đó, suy lui tính tới cũng phải chạy ra đường bỏ túi vài tấm. Không có chúng trong túi, mình thấy như mình có lỗi, bụng dạ bâng khuâng, đứng ngồi thắc thỏm, anh à."

Một ông khách "sộp" lại phát biểu:

"Tôi 'ghiền' vé số. Tôi chỉ cần trúng vài

THÁI TÚ HẠP

THUA CUỘC

Cuối cùng ta đã chịu thua
Thiền sư xuống núi bỏ chùa theo em
Vạn pháp huyễn - nắng đầu hiên
Mắt em chở mộng qua miền phù vân

Cho dù mật đắng thế gian
Vực sâu núi thẳm ta gần gũi nhau
Đời tan bọt sóng thương đau
Nghìn sông tâm nguyện chia sầu biển khơi

BẮT CHƯỚC VÔ KỴ

Sáng ra vườn ngắm hoa sương
Phận người như thể giọt vương trên cành
Chuyện đời đen bạc lanh quanh
Trần ai phố chợ hư danh mây trời
Lên non ta hát thảnh thơi
Cùng em gác kiếm tô môi phiêu bồng.

mánh lớn là còn hơn trúng độc đắc nữa. Nhiều lúc tôi cũng chẳng hiểu mình có muốn trúng số hay không nữa. Tôi khoái chọn số và dò số, giống như khoái ngồi vào chiếu bạc vậy."

Đó là nói về những người chơi vé số.

Một ông bạn cũ, còn được lưu dung dạy học, tình cờ thấy tôi ngồi bán vé số, bèn ghé vào. Sau một vài câu hỏi thăm xã giao, vỗ vai tôi cười rồi ghé sát vào tai, nói nhỏ:

"Ông đúng là đã thi hành rất sâu sát khẩu hiệu của nhà nước ta. Thời buổi này, ta không còn đánh Tây, đánh Mỹ, đánh Tàu nữa mà là đánh bạc. *Cả nước đi buôn, toàn dân đánh bạc.*"

Chẳng biết ông bạn học được câu nói này ở đâu, nhưng thật khá hợp thời, hợp cảnh.

Đi buôn và đánh bạc vốn là điều đại kỵ trong xã hội Cộng Sản. Thế nhưng, trong thời buổi mà các thử nghiệm XHCN trong một nước Việt Nam thống nhất hoàn toàn bị phá sản, xã hội phát sinh ra nhiều phản đề tác động từ trong bộ máy nhà nước ra ngoài, từ thượng tầng đến hạ tầng xã hội. Một trong những phản đề tích cực nhất là buôn bán tư nhân. Sự chênh lệch giá cả giả tạo từ giá chỉ đạo của nhà nước với giá thị trường, giữa vùng này và vùng khác khiến mọi người trở thành con buôn một cách rất tự giác, dù hoàn toàn không chính thức: mánh mun, móc ngoặc, tuồn hàng, chuyển hàng lậu, trốn thuế... Có một nền kinh tế tư nhân tồn tại bên dưới nền kinh tế chỉ huy. Chính nó, oái oăm thay, nuôi sống xã hội.

Xổ số, nói cho cùng cũng là một cách buôn bán. Buôn bán ở đây còn mang tính cờ bạc. Máu chơi vé số đúng là máu đánh bạc, dù trông nó có vẻ hiền từ hơn, dễ chấp nhận hơn. Đối với một thiểu số, đôi khi người ta mua vé cầu may. Nhưng hầu hết, sau cái cầu may đó, trở thành nghiện. Chọn số, chơi số, nuôi số, rồi số cặp, số đuôi làm phát sinh số đề. Tôi không muốn nói đến cái lợi cái hại của trò chơi xổ số (chơi xổ số thực ra là một hiện tượng xã hội, một hình thức làm kinh tế như ở Hoa Kỳ), nhưng chỉ muốn nhấn mạnh đến một hiện tượng trái khoáy trong xã hội CS: tiền lời xổ số trở thành một trong những ngân sách chính của nhiều địa phương, lại còn chi viện cho trung ương. Xổ số trở thành một trò mánh mun của các quan chức, một trò đánh bạc phổ thông lôi kéo được sự tham gia vô cùng tự giác của mọi tầng lớp nhân dân, nhất là giới nghèo. Càng nghèo, càng thiếu lại càng thích chơi vé số và số đề. Và cũng từ đó, nghề bán vé số trở thành nghề kiếm sống cho một bộ phận lớn những người không biết tìm ra được cách gì để sống giữa một thời buổi nhiễu nhương nhất của lịch sử, trong đó không thiếu người trở về từ các trại tù và vùng kinh tế mới. Càng trái khoáy hơn, nhiều người giàu lên từ nghề bán vé số (kể cả số đề). Anh bạn tôi là một trong những trường hợp điển hình. Từ chỗ lang thang vô định như tôi, sau một thời gian dài ở tù trở về, toàn bộ gia đình ở ngoài đường suốt nhiều năm (đúng là homeless), nhờ bán vé số đã mua nhà tậu xe và sống qua được một trong những giai đoạn tệ hại nhất của xã hội.

Người bán vé số ngồi tràn ngập các ngã đường Sài Gòn với đủ thứ bàn lớn, bàn nhỏ. Đó là chưa kể các người bán vé số dạo trong các quán ăn, quán cà phê, cửa hàng. Bán vé số trở thành phong trào. Chính số lượng đông đảo người bán vé số đã khuyến khích các tỉnh, thành phố đua nhau ra vé, tăng số lượng vé. Và cũng chính điều đó khuyến khích người người mua vé số. Trên khắp các ngã đường Sài Gòn, hình ảnh các bàn bán vé số trở thành rất quen thuộc. Đi bất cứ đâu, ta cũng có thể thấy cái bàn bán vé số. Hàng ngàn, hàng ngàn bàn lớn, bàn nhỏ. Sau chiếc bàn là một người im lặng ngày này qua ngày khác. Hình ảnh đó chìm khuất, lẫn lộn giữa vô số những hình ảnh quen thuộc khác trên đường phố Sài Gòn: nước mía, xe phở, nước ngọt, trứng lộn, sách báo, bong bóng... Vào nghề bán vé số rồi, mới thấy cái thầm lặng bên ngoài đó chứa đựng một bên trong vô cùng sôi động,vì lưu lượng tiền bạc lưu thông trên thị trường vé số rất lớn.

Ngồi sau các cọc vé số tinh tươm đợi chờ khách đến, tôi luôn luôn có những cảm giác lẫn lộn. Tôi bán cho họ nhưng điều giả tưởng, một điều hầu như không hề có thật. Hơn ai hết, đối với người bán vé số, không ai nghĩ đến chuyện trúng số, vì họ biết rằng *không thể trúng số được*. Cảm giác tôi chắc nịch. Không phải khó trúng, mà là không trúng. Mua một tấm vé số là mua một cái vô nghĩa. Nhưng chính cái vô nghĩa đó lại chứa đựng một điều vô cùng có ý nghĩa: giấc mơ. Con người mơ, tiếp tục mơ và mãi mãi còn mơ. Ngay cả trong những lúc tuyệt vọng nhất.

*

Như thường lệ, đêm đó, sau một ngày dài lăn lộn trên đường phố, liệu không tìm ra một

nơi nào tá túc qua đêm, tôi lại tìm về chỗ tạm cư thường lệ của tôi. Từ đường Lạc Long Quân, tôi đạp xe vào một con đường hẽm khá lớn, cây cối um tùm. Đêm mùa thu. Trời dịu mát. Trăng thượng tuần tỏa ánh sáng dịu dàng lên khu Tân Bình hoang vắng nửa khuya. Những mái nhà thấp nằm lẫn lộn giữa các lùm cây. Đường ngang ngõ dọc lung tung. Đúng ra đó là những lối đi, chạy vòng vèo quanh các ngôi mộ. Im lặng. Càng đi sâu vào càng im lặng. Không có một khu vực vốn đã từng là nghĩa trang này. Người chết, người sống thảy đều im lặng. Nhà nằm bên cạnh mồ mả. Hầu hết đều là nhà xây dựng theo kiểu tạm cư, vách gỗ, mái lá. Nhiều ngôi nhà của người sống ở đây không thể sánh được với những ngôi mộ. Nhất là những ngôi mộ cổ. Có ngôi rất lâu đời, ngày tháng đề từ cả thế kỷ trước, nằm nghênh ngang như thách thức với thời gian. Theo năm tháng, thành quách chung quanh , nền và bia mộ đều ngả sang màu nâu, lổ đổ như tổ ong. Có lẽ vì thế mà dưới bóng trăng, chúng mang dáng vẻ thần bí của những lâu đài nào đó trong chuyện cổ tích.

Chỗ tôi cư ngụ là một ngôi mộ nằm cuối một khu đất trồng tỉa. Là kẻ đến sau, tôi phải ở một nơi khá xa đường đi. Muốn vào, phải xuống xe, dắt xe đạp đi băng lên những ngôi mộ hoang. Ngôi mộ mà tôi tạm cư cỡ trung bình, có một tấm bê tông đúc phía trên vừa đủ che phần đầu ngôi mộ,nơi có di ảnh người chết và chỗ để đồ cúng. Đây là mộ của một thanh niên. Anh ta chết năm 1974, vào tuổi 28.

Dựng xe đạp ở một góc mộ, lấy xích khóa xe vào cột trụ, xoay ghi-đông vào phía trong dùng làm chỗ cột mùng. Sương đêm rơi ướt mộ. Lạnh. Tôi lấy báo cũ trải ngang trải dọc che kín mặt phẳng phía trên mộ để làm chiếu. Lấy một sợi dây buộc vòng quanh xe đạp, rồi lòn qua dưới mùng, xuyên ngang túi xách và đôi dép lào, hai thứ tôi dùng làm gối. Cẩn thận hơn, khi nằm, tôi còn quàng dây túi xách vào cánh tay. Tất cả biến thành một hệ thống an toàn phòng ngừa kẻ gian. Riêng xấp vé số mới nhận và một ít tiền, tôi gói kỹ, nhét sâu vào dưới bộ hạ. Xong những việc thường lệ như thế, tôi yên tâm, ngã người xuống "giường." Bây giờ mới cảm thấy rã rời. Hai xị rượu Cây Lý bắt đầu ngấm. Tôi cố nhướng mắt nhìn lên, qua tấm lưới mùng. Vầng trăng mơ hồ lơ lửng trên bầu trời cao rộng. Sài Gòn giờ này dường như ngủ kỹ. Không nghe tiếng động nào ngoài tiếng máy của một nhà máy nào đó đều đều vang lên. Trăng chập chờn trên cây, trên cỏ, trên những lối đi loang lổ, trên những khu vườn chiếm ngụ chẳng có biên giới rõ ràng. Người sống dành đất của người chết. Ngày xưa, người ta chọn khu đất xa thành phố này để làm nghĩa trang. Nhưng rồi vì cuộc sống, người ta lần lượt xâm lăng, đem con đàn cháu đống tới, trước thì tạm cư, sau dần dà chiếm hữu. Chỉ trừ những ngôi mộ nhà giàu, còn hầu hết đều xiêu tán. Cứ một ngôi nhà mới mọc lên thì một ngôi mộ vô chủ nào đó biến mất. Ta chỉ tưởng thế thôi. Thực ra, chúng chẳng biến đi đâu cả. Chúng vẫn ở đó để nuôi cây, nuôi cỏ, nuôi người.

Tôi lăn qua trở lại trên chỗ nằm hẹp. Cảm thấy lạnh hơn. Phía dưới chỗ tôi nằm vài mét là thân xác đã tiêu tán của một người không quen. Anh ta ra đi trước thời điểm 1975. Thế là hạnh phúc hay đau khổ? Dù sao, trong giờ phút này, trong hoàn cảnh này, tôi cám ơn anh đã cho tôi một chỗ để đi về, một chỗ để dung thân vào thời buổi khó có thể tìm ra chỗ dung thân. Tôi thiếp đi.

Một lúc nào đó, đang trong giấc ngủ chập chờn, tôi bị đánh thức bởi nhiều tiếng động, tiếng la hét và tiếng súng lên đạn lách cách. Tôi vùng dậy, chưa kịp định thần thì một tay công an đã xông tới, dí súng vào màng tang bắt tôi đứng yên, trong lúc một tay công an khác còng tay tôi lại. Mùng, xách, xe đạp được mấy du kích phường vơ hết thành một đùm, vứt lên chiếc xe ba gác đậu gần đó. Tất cả bọn, chừng mười mấy người, toàn những kẻ ngủ mộ chuyên nghiệp, bị áp tải về trụ sở công an phường.

Sáng hôm sau, lần lượt mọi người được gọi lên khai báo và làm kiểm điểm. Thì ra, công an phường phối hợp với công an văn hóa quận, mở một cuộc hành quân truy quét đám đào mộ chuyên nghiệp để ăn trộm nữ trang, vòng vàng, đồ đạc của người chết. Lúc này, việc đột nhập mộ đang là một phong trào khá thịnh hành ở vùng này. Không thể kiếm chác gì được từ người sống, họ tìm cách kiếm ăn từ người chết. Thế là đám ngủ mộ chúng tôi bị oan.

Sau hai ngày bị giữ lại tại trụ sở công an, tôi mất đứt 500 vé số, chiếc xe đạp và nhiều thứ lặt vặt khác. Biến cố này chấm dứt nghề bán vé số của tôi và cũng dứt luôn những ngày lang thang vô định trên đường phố Sài Gòn.●

(tháng 3-5/1999)

NẺO NGƯỢC

SONG THAO

Những tiếng còi xe dồn dập từ ngoài đường vọng vào làm mắt Tammy sáng lên. Tấm bìa giấy màu hồng chen giữa mười tám con thiên nga cũng màu hồng được thả đầy khu vườn nhỏ trước cửa nhà thế mà được việc. Tấm bìa mang giòng chữ nắn nót vụng dại của Tammy mời gọi những người lái xe ngang qua nhấn còi chung vui mừng sinh nhật thứ 18 của Tammy. Bày thiên nga bằng đất đứng trong nhiều tư thế khác nhau trông cũng linh động như bày thiên nga thật đang dàn hàng nghểnh mỏ ra đường chờ khách.

Cái kiểu bày thiên nga trang hoàng trước nhà trong dịp sinh nhật chẳng phải là một sáng kiến riêng của Tammy. Ngay cả chùm bong bóng bay lẫn lộn hai màu hồng trắng được cột vào lan can bậc thang dẫn vào cửa nhà cũng là một kiểu cổ điển. Nhà nào có tổ chức sinh nhật cũng cùng một điệu bày biện như vậy. Nhưng Tammy thì làm như đây là một sáng kiến mới mẻ của nó. Nó thích thú ra mặt khi ngắm nhìn công trình của nó trước cửa.

"Trông giống như nhà tây vậy, ba nhỉ!"

Tammy vừa nhảy cẫng vừa reo lên. Điệu bộ của con làm Cương nén vội hơi thở hắt. Mỗi ngày Tammy như xa anh thêm. Nó hớn hở xông vào con đường mà anh biết là tay anh không muốn với tới. Ngay từ nhỏ, con anh đã tự bóc mình cho hợp với lối suy nghĩ và cuộc sống của bạn bè chung quanh. Cái tên Tâm dịu dàng đầy ắp tấm lòng mà anh đã gửi gấm nơi con đã bị chính con anh hoạnh họe. Anh chẳng biết tự lúc nào nó đã kéo thêm cái đuôi để thành Tammy trước sự ngơ ngác bất lực của anh. Anh nghe đám bạn bè của con anh

gọi như vậy. Rồi anh nhói lòng khi nghe con anh tự xưng như vậy. Cái tên bá vơ ấy làm nhọc trí anh một thời gian dài trước khi anh đành xuôi tay gọi con bằng cái tên anh chẳng hề đặt cho nó.

Bạn bè của con anh thì nhiều nhưng thân thiết nhất có lẽ chỉ có Cindy. Hai đứa đang mặc sức xáo trộn căn phòng khách nhà anh. Chúng đang thích thú giăng ra những giải giấy màu, những trái bong bóng và dăm ba chiếc nơ hoa óng ánh giấy bạc. Toàn những màu chát chúa, ồn ào phô ra vẻ nhộn nhịp như muốn dấu cái lòng toen hoẻn như lòng hến.

Cindy chông chênh trên chiếc thang đứng, mớ tóc hoàng kim buông xuống như một tấm màn lóng lánh khi nó ngửa cổ lên cố gắn một bông hoa giấy sát trần nhà. Nhác thấy Cương vừa lảng vảng ra phòng khách, Cindy vội hỏi với một giọng hớn hở.

"Đẹp không bác?"

Cương miễn cưỡng gật đầu, phác thêm một nụ cười cho vui lòng cô bé đang lao xao hội hè. Tiếng nhạc loảng xoảng phát ra từ bốn chiếc loa ở bốn góc phòng xô lắc lư thân người cả Cindy lẫn Tammy. Con anh chẳng bỏ lỡ cơ hội nhõng nhẽo.

"Ba đứng sát vô đây. Như vậy đó. Đưa cho con cái màu đỏ dưới chân ba."

Cương nhìn vào đống hỗn mang màu sắc cạnh chân, cúi xuống nhặt giải giấy màu đỏ nằm xổ tung trên sàn nhà đưa cho con. Anh dợm bước đi thì lại nghe giọng Tammy.

"Chưa xong. Ba đứng yên đó. Con còn cần ba nữa!"

Cindy nhìn Cương nhoẻn miệng cười bằng cả khuôn mặt. Đôi mắt đồng thau tít lại lấp lánh. Cương vẫn khen nó có đôi mắt đẹp. Cindy biết mắt nó đẹp thật nhưng kể ra con nhỏ cũng khá tỉnh táo, công bằng với chính mình. Nó đã có lần hỏi Cương.

"Còn mũi cháu thì sao?"

Cương bối rối chẳng biết nói năng thế nào. Chính Cindy đã tự biết chiếc mũi quá khổ nằm chình ình trên khuôn mặt nó. Anh vụng dại an ủi.

"Không đến nỗi tệ lắm!"

"Cám ơn bác."

Anh nghe thấy vẻ giễu cợt trong lời cám ơn. Con nhỏ chẳng cần dựa vào một ảo tưởng nào cả. Nó bình thản mở to mắt nhìn vào thực tế không một chút mặc cảm. Nhưng cái tuổi đôi tám thường vẫn vướng chân vào những ước mơ. Nó tiếc rẻ mà như nghịch ngợm.

"Chắc bác không biết là ngày xưa măng cháu bồ với một ông Việt Nam nhỉ?"

Cương lắc đầu.

"Có chuyện đó à? Sao cháu biết?"

"Thì măng cháu kể với cháu. Bác biết cháu nói với măng cháu sao không? Cháu hỏi măng cháu tại sao hồi đó lại không cưới ông ta. Măng cười thích chí mặt đỏ lên. Nếu măng cháu mà cưới ông bồ đó thì mũi cháu đâu có bự thế này phải không bác?"

Mũi Cindy cố hỉnh to lên như châm chọc Cương. Anh cười xòa.

"Cháu lắm chuyện quá!"

Thực ra con nhỏ chẳng lắm chuyện nhưng nó quả thực khá bận tâm tới chuyện hụt mất nửa cái gốc Việt của nó. Nó tìm tới gia đình anh chắc chẳng phải vì một sự ngẫu nhiên. Tammy đã đưa rất nhiều bạn về nhà chơi. Hầu như đứa nào cũng thích vì nhà anh khác với nhà chúng. Phòng khách nhà anh bài trí giản dị với những tranh ảnh và các thứ đồ gốm, đồ sơn mài Việt Nam. Phòng ăn nối liền với bếp lủ khủ nhiều thứ bát đũa, nồi niêu, soong chảo, ấm chén nằm một cách tùy tiện. Lại còn cái kệ gỗ ôm gần kín hết một mặt tường chứa đựng các thứ mì gói, bánh kẹo, những đồ dùng lặt vặt sát cánh bên nhau với những sắc màu chen chúc lộn xộn chắc hẳn phải làm phiền lòng các ông họa sĩ. Chiếc bàn ăn dài nằm choáng gần hết căn phòng được phủ một tấm khăn bằng nhựa in hình các loại trái cây làm cho những cô đào phim bộ trên tấm lịch treo trên tường phải giương mắt nhìn xuống.

Tammy đã có lần mách với anh.

"Con Cindy nó bảo ngồi trong phòng ăn nhà mình đã lắm. Con đó chắc nó khùng phải không ba? Phòng ăn nhà nó vừa sang vừa đẹp nó không thích lại đi thích cái phòng ăn lộn xộn của má."

Dung mặt đỏ lên chống chế.

"Phòng ăn nào của má? Mấy đứa tụi bay ăn uống bạ đâu bỏ đó nên cái phòng trông như một tiệm chạp phô ấy chứ! Còn đồ đạc bày biện trong phòng ăn là ba tụi bay xếp đặt chứ ăn chung gì tới má!"

Cương bị cú đá giò lái của vợ la bai bải.

"Khổ nỗi phòng ăn và bếp dính với nhau nên bao nhiêu nồi niêu soong chảo cái lớn cái nhỏ má tụi bay bày binh bố trận lên hết, thêm vào nào là hũ nào là chai nằm lủng củng khắp nơi cứ như là đang garage sale. Làm sao mà gọn gàng được!"

Dung hứ chồng chuyển thế trận qua hướng

khác.

"Không có những thứ đó ba con tụi bay đã có cơm ăn đấy chắc!"

Tammy dậm chân dẹp lò lửa đang ngùn ngụt bốc cao.

"Thôi ba má đừng nói nữa. Để con nói cho mà nghe. Con Cindy nó bảo ngồi ở phòng ăn nhà mình nó thấy ấm cúng thân mật hơn ở nhà nó. Nó bảo phòng ăn nhà nó bóng loáng nên vô hồn. Mà còn thấy lạnh lẽo nữa chứ!"

Cương buông một câu tưởng như không ăn nhập vào đâu.

"Kể ra con Cindy nó cũng có tâm hồn nghệ sĩ đấy chứ!"

Mặt ngớ ra, Tammy không hiểu câu nói của Cương.

"Ba nói gì vậy?"

"Thì nó thích vẻ đẹp hoang sơ tự nhiên là người có tâm hồn chứ sao! Nhưng ba nghĩ nó thích cái phòng ăn nhà mình là vì có bàn tay của má.

Dung lơi tay làm, ngẩng phắt đầu lên khi nghe thấy chồng nhắc tới mình. Chẳng dại gì chơi với lửa, Cương vội hóa giải ngay.

"Anh khen đôi bàn tay của em chứ không phải chê đâu. Đừng nóng!" - quay sang Tammy Cương tiếp - "Ba nghĩ là con Cindy thích phòng ăn nhà mình là vì những món ăn má nấu."

Tammy reo lên. "Đúng đấy ba ạ! Nó bảo con là nó muốn ngày nào cũng được ăn cơm ở nhà mình. Nó thích đồ ăn Việt Nam. Măng nó cũng vậy. Tội nghiệp măng nó, chẳng bao giờ được ăn đồ mình thích cả."

Cương thấy tức cười vì lối nói tiếng Việt ngô nghê của con. Anh định sửa cho con nhưng thôi, sửa hoài nó vẫn chứng nào tật nấy, nhiều khi nó còn tức khí quay ra nói tiếng tây luôn cho bõ ghét. Anh hỏi con.

"Sao mẹ nó không đi ăn tiệm Việt Nam?"

"Không được đâu! Con Cindy nó nói là ba nó không bao giờ muốn đi ăn tiệm Việt Nam cả."

Cương làm bộ ngạc nhiên hỏi.

"Sao vậy?"

"Sao con biết được! Ngay con Cindy cũng nói là nó không biết luôn."

Cương nén tiếng cười. Hóa ra anh tây này cũng có máu ghen khá đậm đấy chứ. Anh quay sang vợ hỏi.

"Còn em, em có biết tại sao không?"

Dung làm mặt nghiêm, háy chồng.

"Anh vô duyên lắm!"

Cương cười lớn.

"Em cũng tinh gớm nhỉ! Mà này, em có để ý là Cindy nó cứ lân la tới làm bài với con Tammy nhà mình vào gần giờ ăn không?"

Dung xì một tiếng.

"Làm gì mà không biết! Nhưng kệ nó, tội!"

Chẳng mấy buổi đi làm về mà Cương không thấy Cindy chăm chú ngồi học với Tammy. Chăm chú đấy nhưng cái mũi của nó thì lại la cà vào tới tận nhà bếp. Nó nháy mắt hỏi Tammy xem Dung đang làm món gì mà thơm thế. Tammy biết ý bạn, chạy vào bếp, giở nắp nồi lên coi, hỏi mẹ.

"Má! Cho con Cindy nó souper ở nhà mình được không?"

Thường thì Dung gật đầu. Tammy hấp tấp chạy ra báo tin vui với bạn. Cindy nhoài người vào bếp, ôm ngang lưng Dung nói cám ơn rồi nhấc phôn xin phép măng. Chẳng bao giờ Cindy không được phép của măng. Nhiều lần, nó còn tía lia tả món sắp được ăn cho măng nó nghe. Dung nghe mà thấy cái bụng khoan khoái dữ. Như một người âm thầm làm việc sau hậu trường bỗng được mời ra sân khấu để nhận những tiếng vỗ tay rất mực chân tình của khán giả.

Nhưng cũng có những lần Dung ngại lưu Cindy lại. Đó là những bữa nàng làm món ăn phải chấm với mắm nêm. Nàng chẳng muốn Cindy phải tá hỏa với cái mùi nặng nề của thứ nước chấm mà Cương rất thích. Biết là Cindy buồn nhưng nàng cũng chẳng biết làm sao cho con nhỏ không buồn. Tammy gặng hỏi mãi nàng mới lấp lửng với con.

"Má sợ bữa nay Cindy không ăn được cơm nhà mình."

Tammy được nhà trường giáo dục để đi theo một con đường thẳng băng, chẳng chịu được những quanh co của tế nhị, hỏi thẳng.

"Tại sao?"

"Má sợ nó không ăn được mắm nêm."

Tammy mạnh tay mở nắp tô mắm nêm đã được pha sẵn. Mùi mắm xông lên nồng nặc. Nó chun mũi hít hà.

"Thơm chứ sao! Con Cindy nó ăn đồ Việt nghề lắm. Để con hỏi nó coi."

Nó nhanh tay bưng chén mắm lên đi ra phòng khách trước khi Dung kịp có phản ứng. Nàng vội chạy theo, sợ con đánh đổ ra nhà mà không dám níu con lại. Tammy đặt tô mắm trước mặt Cindy nói.

"Mày ngửi thử món này coi."

Cindy vén tóc cúi xuống chén mắm. Dung

vừa tức cười vừa lo lắng đứng nhìn. Cindy ngẩng lên tươi nét mặt.

"Mùi này tao chưa thấy bao giờ nhưng coi bộ tao cũng thích."

Tammy sẵng giọng thách thức.

"Mày ăn được không?"

Như một cánh én, Cindy nhanh nhẹn thọc ngón tay trỏ vào chén mắm, đưa lên miệng mút, mặt nhăn lại.

"Mặn nhưng ngon lắm!"

Dung cuống quít kiếm giấy lau đưa cho Cindy. Nó cầm giấy, không lau mà đưa ngón tay vào miệng liếm sạch. Tammy mắng bạn.

"Mày ngu quá! Nước chấm thì phải mặn chứ. Ngửi lại tay coi!"

Cindy đưa ngón tay vừa quệt mắm lên mũi ngửi.

"Có sao đâu!"

"Đừng làm tàng! Làm ơn vô rửa tay dùm tao đi mày ơi!"

Cindy miết tờ giấy lau khô tay, giọng tỉnh bơ.

"Xong rồi!"

Buổi tối, ngồi vào bàn ăn, Cương khẽ nói với vợ.

"Con Cindy làm sao ăn mắm được em?"

Dung không một chút bối rối.

"Em sợ nó ăn giỏi hơn anh nữa ấy chứ! Hồi chiều cô nàng đã nhúng tay vào mút một hơi rồi. Con nhỏ này có khiếu ăn đồ Việt thiệt."

Nghe vợ nói vậy, Cương vẫn không thấy an tâm. Mấy đứa con anh, trừ Tammy, có vẻ ngượng nghịu trước chén mắm. Bàn ăn yên lặng gượng gạo. Cindy nhìn hết người này qua người khác với đôi mắt ngơ ngác thăm dò. Cương như chất chứa sự bất an trong lòng.

"Anh thấy em nên lấy cho nó nước mắm pha thì hơn. Anh sợ nó ăn mắm vào đau bụng thì phiền quá."

Dung thấy chồng nói có lý, đứng lên lấy chai nước mắm pha sẵn, rót vào chiếc chén nhỏ trước mặt Cindy.

"Cháu chấm với thứ nước chấm này cũng ngon lắm."

Mọi người múc mắm vào chén nhỏ trước mặt. Đôi mắt Cindy nhìn quanh dò hỏi khắp vòng. Cả nhà nhìn nó cười. Nó lặng lẽ cười theo bằng một nụ cười thiếu tự nhiên. Chiếc hỏa lò đốt bằng còn tỏa những lưỡi lửa xanh đậm liếm dưới chân nồi dấm nhúng, mấy đĩa thịt bò cắt mỏng đỏ ong, màu xanh của rau, màu trắng của bún, chồng bánh tráng nhúng ướt như một câu đố lớn đối với Cindy. Nó chưa hề được ăn món này bao giờ. Dung tế nhị.

"Cindy, cháu cứ làm theo bác nghe!"

Nàng trải bánh tráng trên đĩa, thả thịt vào nồi dấm lăn tăn sôi, chờ vớt ra bằng chiếc vợt nhỏ, xếp các thứ rau lên, gắp vài sợi bún, cuốn lại. Tay nàng chậm rãi, mắt liếc chừng Cindy, miệng nhếch lên khuyến khích con nhỏ. Cindy cẩn tắc làm theo như một cô học trò ngoan. Dung vội giơ tay cản.

"Cháu chỉ nên ăn rau xà lách thôi. Các thứ

LÊ NHIÊN HẠO

TRÁI TIM BIỆT THỰ

Trời mấy hôm nay gió chuyển mùa
nhớ người tôi đếm những dòng mưa
mà lòng tôi nắng nên con mắt
buồn dụi hoài nghe vẫn cứ khô...

Một thoáng mùa Xuân ơi thoáng nắng
đủ cho đào nở để rồi rơi
tội cho cánh bướm bay vừa kịp
thì cũng vừa tung hoa tả tơi!

Là lúc gió mưa không bến đỗ
thì lòng tôi chịu nỗi hoang vu
để tròng con mắt cay niềm nhớ
để nước sông đầy chở ý Thu

Là biết người xa đến tận cùng
chỗ mà tôi gọi chỗ mênh mông
những giòng mưa lạnh tràn ra biển
chắc lại về thôi một khúc sông?

Người ơi nghe chữ lời xa vắng
bởi vắng vì xa chữ bởi vì
mai một tôi cầm câu lỡ sự
dễ gì ai biết lý do chi!

rau kia chắc cháu ăn không được đâu."

Cindy lễ phép nhưng bướng bỉnh.

"Xin bác cho cháu thử ăn giống mọi người."

Tammy có vẻ sốt ruột.

"O.K. Mày muốn ăn gì thì ăn!"

Cindy chăm chú cuốn bánh tráng. Lưỡi nó liếm môi lia lịa. Khi cuốn thịt đã tròn trong tay, nó giơ lên khoe với vẻ đắc thắng. Mắt nó sáng lên sung sướng ra mặt. Nó nghe ngóng từng miếng nhai trong miệng, gật gù.

"Ngon quá bác ạ!"

Tới cuốn thứ ba thì nó vùng lên bằng một câu năn nỉ.

"Bác cho cháu thứ nước chấm giống mọi người nghe."

Cương lắc đầu chịu thua.

"Bác sợ cháu ăn không quen thôi. Nếu cháu muốn thì bác chiều cháu."

Mắm nêm quyện vào lưỡi làm Cindy sảng khoái ra mặt. Nó ăn thêm mấy cuốn nữa rồi mới phát biểu một câu xanh rờn.

"Ngon ác hơn nữa bác ơi! Cháu thích thứ này lắm."

Cương nhìn con nhỏ nói giỡn như thật.

"Nhưng ăn xong cháu chịu khó đánh răng cho kỹ nghe!"

"Sao vậy bác?"

"Bác sợ ba cháu ngửi thấy mùi!"

Cindy nhe răng cười lớn, lắc đầu.

"Không sao đâu bác ơi!"

Cương nhìn thấy trong ánh mắt con nhỏ niềm vui trọn vẹn. Cũng như anh đã thấy nơi Tammy nét hạnh phúc tràn ngập mỗi khi được ăn ở nhà Cindy trở về. Con anh đã múa may líu lo khen hết món này đến món khác. Món nào cũng ngon hết xảy lại không tốn công nấu nướng như má. Nó dùng tay làm điệu bộ mở lon.

"Chỉ cần mở một cái thế này, đặt lên bếp một chút là ăn được liền. Chẳng cần chờ bữa ăn tới thóp bụng như ở nhà mình."

Cương cười với con nhưng ái ngại trong bụng. Công nấu nướng cực khổ để có một bữa ăn ngon cho cả nhà của Dung như bị đổ xuống sông xuống biển cả. Tội cho vợ, anh cũng tội cho con. Con anh đang nhắm mắt chen chân lấy một chỗ đứng cho giống với bạn bè chung quanh, cái chỗ đứng mà khuôn mặt và màu da của nó chẳng bao giờ cho phép nó an vị được. Nghĩ sao anh nói với con như vậy nhưng con anh chẳng bao giờ chịu chấp nhận sự thực rành rành trước mắt. Anh hiểu cái quay quắt của con khi muốn mang cái hồn ở nơi này nhập vào cái hình hài được tạo dựng ở một nơi khác. Khoảng cách giữa hai nơi lại quá dài, dài như một cuộc vượt biển hãi hùng mà thời gian chẳng có khả năng đo được.

Đã có lần, anh nói giỡn với vợ.

"Chắc mình phải bảo con Tammy với con Cindy đổi miệng cho nhau quá!"

Giỡn cho vui đấy, Dung hiểu nhưng câu trả lời của nàng nghe ra khá xót xa.

"Chẳng cứ cái miệng! Còn nhiều thứ khác phải đổi nữa!"

Thực đơn cho bữa ăn sinh nhật của Tammy cũng khá gian nan. Tammy muốn đãi bạn bè pizza, chip và nước ngọt, sau đó cắt bánh sinh nhật rồi coi một phim action, một phim tình cảm mướn ở Blockbuster. Một bản sao y chang những bữa ăn sinh nhật tại nhà các bạn bè của Tammy. Chiều con trong ngày vui của nó, vợ chồng Cương gật đầu. Cũng khỏe, khỏi phải nấu nướng, chỉ một cú điện thoại là có người mang tới tận nhà.

Nhưng rồi một cuộc chiến tranh nhỏ xung quanh cái thực đơn sinh nhật xảy ra giữa Cindy và Tammy. Cindy không chịu, tới nhà mày thì phải thức ăn Việt Nam. Tammy lắc đầu, sinh nhật của tao, tao thích sao thì tao làm như vậy. Hai đứa gân cổ cãi qua cãi lại, chẳng đứa nào chịu thua. Cindy giở miếng đòn giỗi, nếu vậy tao không tới dự mà cũng không giúp mày gì hết. Miếng đòn rất nhu nhưng trúng vào huyệt chí tử của Tammy. Nó phải chiều bạn. Cindy xì ra cho bạn lô an ủi bằng câu dỗ dành. Mày phải làm khác chúng nó mới nổi chứ, chúng nó sẽ chẳng bao giờ quên được sinh nhật của mày đâu.

Đề nghị món ăn của Dung được hai đứa bằng lòng. Súp chua ngọt, chả giò và cơm trộn. Một bày con gái choai choai ăn uống chộn rộn làm mệt hai người hầu bàn là vợ chồng Cương. Món súp được múc sẵn ra từng chén không xảy ra chuyện gì. Nhưng khi vợ chồng Cương mang chả giò ra để ở giữa bàn thì sóng gió nổi lên. Mỗi đứa được ăn mấy cái hả bác? Muốn ăn bao nhiêu thì ăn. Không được bác ơi, phải chia đều mới công bằng. Các cháu đừng lo, chỉ sợ ăn không nổi thôi. Dù sao cũng phải chia bác ạ, tụi cháu ở nhà ăn chia phần quen rồi. Ừ, thì đứa nào chia đi. Cindy đứng dậy lãnh chia. Chén nước mắm pha ở giữa bàn cũng được Cindy thành thạo múc ra từng chén nhỏ để sẵn trước mặt từng đứa. Riêng chén của nó vẫn trống trơn. Nó lớn giọng.

"Bác có thể cho cháu thứ nước chấm khác

không?"

Mặt nó làm nghiêm sau câu nói. Mọi cặp mắt đổ đày thán phục vào khuôn mặt đang vênh váo của Cindy. Dung ngỡ ngàng.

"Cháu muốn ăn cay như mọi lần phải không? Để bác lấy ớt cho cháu."

Cindy chậm rãi lắc đầu.

"Không, cháu muốn thứ nước chấm màu xám bữa trước đó!"

Dung hiểu ra. Con nhỏ đang muốn làm rành cho bạn bè lác mắt chơi. Nàng bấm bụng cười thương hại chưa biết trả lời làm sao. Cương đỡ lời cho vợ.

"Cháu cứ ăn thử coi. Chả giò chấm với nước mắm này ăn hợp và ngon hơn."

Tammy không có cái tế nhị của Cương, thẳng thừng châm biếm.

"Tao chưa thấy ai ăn chả giò chấm mắm nêm cả. Mày là người đầu tiên nghĩ tới chuyện này đấy!"

Bàn ăn rộ lên tiếng cười. Mặt Cindy đỏ lên thấy rõ. Những cái miệng vội vã ngấu nghiến từng cuốn chả giò sau đó đã giải thoát cho nỗi ngượng ngùng của Cindy. Những tiếng khen chen nhau tới tai Dung. Nhìn cách chúng ăn, Dung biết chúng thực bụng khen. Những chiếc miệng nhịp nhàng hối hả như chỉ sợ nếu lơ là thì không bắt được hết mùi vị thơm tho quyến rũ. Món cơm trộn được ăn sau khi dạ đã lưng lửng chả giò cũng vẫn làm đám nhỏ thích thú. Cindy lại không bỏ qua dịp làm mặt hơn.

"Cháu không thấy có saucisse phải không bác?"

Không ưa con nhỏ thích chơi trội, mấy cái miệng ngoạc ra cười.

"Saucisse à? Mày làm như đang ăn pizza không bằng!"

Cindy nổi tức la lớn.

"Tụi bay không biết cóc gì cả! Tao nói saucisse Chinoise chứ bộ!"

Dung hiểu ra. Con nhỏ muốn nói tới lạp xưởng. Nàng cười giảng hòa.

"Thường thì bác có bỏ saucisse Chinoise xắt nhỏ vào cơm. Nhưng thứ này hơi cứng, sợ các cháu ăn không quen nên hôm nay bác không cho vào. Cháu Cindy sành ăn quá."

Mũi Cindy đã lớn giờ như lớn thêm hơn một chút. Bàn thắng vừa ghi được làm miệng nó vung vít.

"Saucisse Chinoise ngon dễ sợ luôn. Tao được bác cho ăn hoài. Trộn vào cơm lại càng ngon hơn nữa. Tại vì tụi bay đó!"

Bàn ăn lại xôn xao những lời cãi cọ. Một mình Cindy một phe. Phe bên kia có đa số nhưng chẳng áp đảo được Cindy đang lúc hứng chí. Một con nhỏ mặt lanh lẹ sắc sảo nói lớn.

"Năm tới bác cho tụi cháu ăn saucisse Chinoise nghe bác!"

Một đứa khác khôn khéo hùa theo.

"Cần gì tới năm tới, bác cho tụi mình ăn lúc nào mà chẳng được, phải không bác?"

Dung lúng túng. Cả đám vỗ tay ầm ĩ. Cương để ý thấy tay Cindy vẫn nằm yên trên bàn. Nó như muốn kênh kiệu tách ra khỏi đám đông.

Khi đám thực khách nhộn nhịp chào vợ chồng Cương ra về, Cindy còn nán ở lại. Nó ôm hôn tiễn đám bạn như một gia chủ thực sự. Tammy thoáng có chút ghen tuông trong giọng nói.

"Mày ở lại chơi hả?"

Cindy thản nhiên.

"Ừ, để tao dọn dẹp giúp bác một tay."

Dung ôn tồn vỗ vai Cindy.

"Có gì nhiều đâu cháu. Để bác dẹp một chút xong ngay ấy mà. Khuya rồi, cháu có cần về thì cứ về đi. Bác cám ơn cháu."

"Để chút nữa cháu điện thoại cho măng cháu đem xe đến đón cháu về cũng được bác ạ."

Dọn dẹp bàn ăn xong Cindy mới ngập ngừng hỏi Dung.

"Bác có thể cho măng cháu mấy cái chả giò được không bác?"

"Được chứ! Để bác lấy cho. Coi chừng đừng làm đổ nước mắm nghe. Cháu nhớ bỏ vào lò trước khi ăn cho nóng. Nghe không cháu?"

"Dạ. Cháu nghĩ là mẹ cháu thích lắm. Ngày xưa chắc mẹ cháu ăn món này hoài đấy chứ!"

Nó cười tinh quái sau câu nói.

Cindy xách gói chả giò ra cửa khi thấy ánh đèn xe quét sáng rực bày thiên nga ở vườn trước. Nó ôm hôn từng người lưu luyến, Tammy, Dung rồi tới Cương. Cương nghe có tiếng thầm thì bên tai.

"Je t'aime, papa!" (*)

Chú thích

* "Con yêu bố, bố ạ."

> Ký ức là tài sản thật sự của một con người. Ngoài nó ra, chẳng có gì đáng gọi là giàu hay nghèo.
>
> **Alexander Smith**

BỊ CƯỚP Ở ÂU-CHÂU

PHẠM NGUYÊN LƯƠNG

Sau khi thăm viếng Venice, Phi và Lucille quyết định đáp tầu đi thăm Rome, thủ-đô của nước Ý và đi thăm thành-phố Vatican cũng là vương-quốc riêng của Giáo-Hoàng. Rome là một thành-phố lớn có tới hơn ba triệu dân, trái lại Vatican chỉ là một tỉnh-nhỏ sát đó nhưng lại có thủ-đô, quân đội riêng, ngân-sách riêng... của Giáo-Hoàng. Ở xa, đa-số đều nghĩ rằng nơi ở của một vị lãnh-đạo tinh-thần của một tôn-giáo lớn ,chủ-trương sống đời đạo-đức, phải là nơi tinh-khiết, hoặc ít ra dân-chúng tại đó phải có đời sống đạo đức, kỷ-luật vì chịu ảnh-hưởng của Giáo-hoàng. Nhưng vừa đến Âu-Châu Lucille và Phi đã được nhiều người cho biết là Vatican hay có nạn trộm cướp vào bậc nhất ở Âu-Châu! Họ khuyên cặp tình-nhân đó phải thận-trọng đề-phòng khi đến du-lịch ở đó!

Lucille đồng ý với Phi là sẽ tháo bớt những đồ trang-sức bọc thành những gói nhỏ khác nhau dấu trong người, để nếu bị kẻ trộm rút mất gói này, thì vẫn còn gói khác! Họ không muốn phô bầy như khi du-lịch tại các nước khác.Họ không muốn bọn trộm cắp ở Vatican theo dõi và gây nguy-hiểm cho họ. Lucille đã được một du-khách kể rằng một bà tuổi trung-niên khi đến du-lịch ở Vatican , khi đi gần lề đường đã bị hai tên cướp đi mô-tô giật chiếc xách tay. Vì tiếc của, bà ta đã không chịu buông chiếc xách của mình, vì thế du-khách đó đã bị hai tên cướp lôi ngã trên mặt đường. Bà ta bị thương nặng ở đầu, chở đến bệnh-viện thì vừa tắt thở !

Buổi trưa hôm đó Phi và Lucille đáp xe bus đến Vatican. Họ thấy thị-trấn này còn nhiều những kiến-trúc cổ xưa. Công-trường trước dinh của Giáo-Hoàng khá rộng.Nơi đây là chỗ Giáo-Hoàng vẫn làm lễ ngoài trời cho các con

chiên đến coi lễ. Khắp nơi được lát bằng những khối đá xanh xếp sát vào nhau. Đây có lẽ là lối làm đường cho xe đi từ thời xa-xưa, trước khi biết cách làm đường trải nhựa, hoặc xi-măng... Nhiều Giáo-hoàng chủng-viện ở chung quanh vẫn giữ những kiến-trúc cổ-kính từ mấy trăm năm trước. Muốn vào coi triển lãm trong các dinh-thự của Giáo-Hoàng, du-khách phải theo những chỉ-dẫn đã được viết sẵn trên các bảng để rải-rác quanh công-trường. Họ đòi hỏi du-khách phải ăn mặc lịch-sự. Đàn ông phải mặc quần dài, đàn bà không được mặc váy quá ngắn, phải đi giầy tề-chỉnh v.v...

Như đa-số những du-khách đến Âu-Châu mùa hè đó, Lucille và Phi đều bận đồ ngắn, không đúng tiêu-chuẩn để vào xem triển-lãm. Họ không lấy đó làm phiền, vì cả hai còn rất nhiều chỗ cần coi hơn là đi xem triển lãm về tôn-giáo. Lucille rủ Phi đi dọc theo công-trường, nhìn ngắm những binh-sĩ của giáo-hoàng. Những binh-sĩ này vẫn bận quần áo như thời trung-cổ. Họ đi thành toán trông nghiêm-trang và độc-đáo. Mỗi lần họ đi tuần quanh công-trường, chim bồ câu đang ăn trên mặt đường, thấy toán lính qua lại đã bay lên từng đoàn trông rất vui mắt.

Lucille kéo Phi đi coi những khu khác nhau ở Vatican. Đang đứng coi một pho tượng vệ-nữ nổi tiếng của một điêu khắc gia người Ý, Phi chợt thấy một nhóm thiếu niên chừng năm sáu đứa tiến lại phía anh.Một đứa bé trai tóc vàng, chạc chừng 13 hoặc 14, lên tiếng xin Phi một điếu thuốc lá. Thấy vẻ du-đãng của nhóm thiếu-niên, Phi không muốn làm mích lòng chúng, anh liền lấy bao thuốc lá, phát cho mỗi tên một điếu. Không ngờ cả bọn trẻ đột nhiên xúm lại, nắm lấy áo của Phi mà sờ-soạng lung-tung. Phi giật mình nhớ lại những thủ-đoạn của bọn cướp ở Vatican, anh vội đưa tay giữ chặt lấy chiếc ví của anh trong túi quần. Bọn trẻ hò nhau cậy tay anh ra để giằng chiếc ví. Chúng công khai cướp giật trước mặt những du-khách khác ở gần bên.Phi nổi-giận, một tay giữ chặt túi có chiếc ví, tay kia anh đấm túi bụi vào đám thiếu niên đang bám cứng lấy anh ta... Phi nhìn lại ,thấy Lucille và một bà du-khách khác cũng đang bị mấy nhóm thiếu niên, cả trai lẫn gái hò nhau giật đồ tương-tự như trường-hợp của anh. Đám thiếu niên đã làm bộ dò hỏi làm quen, rồi công-khai cướp đồ...

Thấy ba du-khách la lối cầu cứu, nhóm lính gác trong công-trường vội vàng chạy lại. Lũ trẻ hò nhau chạy toán loạn mất hút trong đám đông gần đó. Toán lính chẳng bắt được tên nào. Khi bọn trẻ chạy hết, Lucille vừa thở hổn hển, vừa chạy lại phía Phi ,mếu máo:

"Phi ơi, chúng cướp hết đồ của em rồi..."

Đang cơn nóng nẩy, Phi hỏi ngay :

"Bộ chúng cướp sạch đồ của em hay sao?"

Lucille chua chát:

"Chúng đông quá, lại làm bất ngờ. Năm, sáu đứa vừa giữ chặt tay, chân em ,lại vừa giật đồ thì làm sao mà giữ gì được? Chúng lấy sạch những gói em dấu trong người rồi!"

Thấy vẻ thiểu-não của Lucille, Phi an ủi cô bồ:

"Đúng vậy đó. Anh cũng bị bọn chúng cướp sạch, chỉ còn lại chiếc ví da anh giữ chặt trong túi quần. Bọn trẻ du-đãng này lộng hành và thành thạo quá đi! Anh nghĩ rằng chúng đã cướp giật cả trăm người theo kiểu đó rồi!

Lucille uất ức:

"Chúng lấy mất chiếc bọc em gói visa và các thẻ ngân-hàng của em nữa. Anh tính mình phải làm gì bây giờ?"

Phi vội cầm lấy tay cô bồ để an-ủi. Anh biết rằng chính anh cũng bị bọn trẻ lấy mất hai gói đồ trang-sức Lucille đã gửi anh. May mà anh còn giữ được chiếc ví trong có mấy tờ ngân-phiếu làm cho người đi du-lịch, phải được ký tên, ngân-phiếu đó mới có giá-trị. Thật đúng là lũ cướp cạn. Chỉ trong vòng không đầy ba phút bọn trẻ đã lột hết những đồ quí giá của Lucille, Phi và một bà du-khách đứng gần đó! Cặp tình nhân chỉ còn an-ủi rằng những đồ cá-nhân họ gửi ở hộc tủ có khóa ở nhà ga vẫn còn nguyên vẹn. Vụ cướp quá mau đó làm cả Phi lẫn Lucille bàng-hoàng. Họ không ngờ những lời đồn-đại về bọn cướp ở Vatican đã xảy đến cho chính họ .

Lucille lo-lắng không biết phải làm sao để lấy lại Visa và các giấy tờ cá-nhân khác. Toán lính chạy đến khuyên cả hai nên đi khai báo ngay cho cảnh-sát ở gần đó. Họ bảo rằng tụi trẻ du-đãng đó có thể là con cháu những người Gypsies, hoặc người Ý. Dù khi bị bắt quả-tang ăn cắp, mỗi đứa sẽ bị ở tù ít nhất là ba năm, nhưng bọn trẻ đó vẫn giở đủ trò để móc túi hoặc đánh cướp các du-khách. Chúng còn gạ-gẫm bán rẻ những đồng-hồ Rollex giả và nhiều thứ hàng bất hợp-pháp khác... Cảnh-sát có thể biết những chỗ bọn du-đãng ở Vatican vẫn liên-lạc, để đòi các khổ-chủ chuộc tiền lại

những món chúng đã lấy cướp... ! Phi nghe vậy lại thêm sôi máu. Anh không thể tưởng-tượng ở ngay đất của Giáo-Hoàng lại có những trò như vậy!

"Còn biết tin ai bây giờ?"

"Rõ ràng bị cướp còn ngờ chiêm-bao!"

Phi nhớ lại những chuyện về băng đảng của Mafia. Bọn thiếu niên cướp cạn có thể cũng do băng đảng tương-tự tổ chức để đánh cướp du-khách. Chúng biết rằng đa-số du-khách thường đem theo nhiều tiền để tiêu-xài. Các bà, các cô lại luôn đem theo đồ trang-sức để làm đỏm trong các dịp đi du-lịch. Vì thế, bọn cướp đã luôn tìm cách để trộm cắp và cướp giật. Từ những du-khách đi xe-hơi, đi taxi, chúng bám sát bằng xe mô-tô, đợi dịp để cướp giật đồ. Khách bộ-hành chúng cướp cách khác. Chúng dùng cả trẻ con và thiếu-nữ để du-khách không ngờ vực rồi bất chợt ra tay trộm cướp... Rõ ràng dù có lính tuần và cảnh-sát canh gác, tụi ăn cướp đã vẫn coi thường pháp-luật và gần như cướp giật công khai các du-khách...

Mất tiền, mất hết giấy tờ, Lucille trở nên thờ thẫn. Dù đã được Phi an-ủi nhiều lần, cô Mỹ không còn thiết ngắm bất cứ cảnh gì ở Vatican nữa. Lucille dục Phi đi mau qua công-trường Giáo-Hoàng, theo chỉ dẫn của toán lính tuần, để tìm đến trụ-sở của cảnh-sát và báo cáo chuyện họ vừa bị cướp. Phi biết rằng anh không hy-vọng gì lấy lại tiền bạc và đồ trang sức đã bị cướp giật, nhưng anh nghĩ rằng sau khi lấy hết tiền và đồ quí, bọn cướp sẽ ném chiếc xách tay của Lucille ở đâu đó với giấy tờ của cô bồ, và rồi sẽ có người trông thấy, hoặc nhặt được, trao cho cảnh-sát. Vì thế liên-lạc với cảnh-sát là có hy-vọng lấy lại giấy tờ! Lucille vẫn lo rằng tụi nhỏ đó có đứa biết xử dụng thẻ ngân-hàng và sẽ lấy ra hết số tiền dự-trữ Lucille vẫn có từ trước! Cô muốn báo cáo ngay cho ngân-hàng để đóng chương-mục của cô ta lại!

Thủ-tục làm giấy tờ trình cảnh-sát đã bị cướp của cũng như mất giấy tờ đã rất dễ-dàng và mau chóng. Cảnh-sát có sẵn ngay một mẫu cho Phi và Lucille điền vào những khiếu nại. Họ như đã quá quen thuộc với những vụ trộm cướp xảy đến cho du-khách như vậy! Điền giấy khai báo xong, Phi hỏi viên cảnh-sát đứng nhận đơn:

"Xin lỗi ông, chúng tôi muốn biết các ông có cách gì để khiến bọn cướp có thể trả lại giấy tờ chúng tôi đã mất hay không? Tại sao bọn chúng có thể cướp bóc du-khách công-khai như vậy?"

Viên cảnh-sát chăm-chăm nhìn Phi rồi nói:

"Ở đâu mà chẳng có trộm cướp ? Quí-vị phải biết tự đề-phòng chứ?"

Phi lại thấy nóng mặt vì câu nói của viên bạn-dân đó. Anh nói như cãi lại hắn:

"Nhưng đây là vụ cướp giật công-khai, trước mặt cả trăm du-khách! Bộ cảnh-sát không muốn bảo-vệ cho du-khách hay sao?

Viên bạn dân người Ý vẫn lạnh-lùng:

"Đành rằng như vậy. Chúng tôi vẫn có nhân-viên ở khắp nơi... Nhưng vấn đề chính vẫn là các ông phải lo cho các ông trước!"

Phi trừng mắt nhìn lại viên cảnh-sát. Trước cách trả lời vừa cãi cối, vừa trốn lánh trách-nhiệm đó, Lucille và Phi đành chịu thua. Tuy nhiên Lucille vẫn cố hỏi thêm:

"Mấy ông lính ở công-trường Giáo-hoàng bảo rằng cảnh-sát biết chỗ liên-lạc, để có thể chuộc lại những đồ đã bị cướp, có phải vậy không, thưa ống?"

Viên cảnh-sát như đỏ mặt. Hắn lúng túng trả lời:

"Làm gì có chuyện đó ? Làm gì có chuyện cảnh-sát biết chỗ cho chuộc lại đồ? Vấn đề là nếu có người nào thấy bọn cướp vất giấy tờ đâu đó, có thể họ sẽ nhặt và trao lại cho chúng tôi. Vì thế nếu ông bà lâu lâu gọi lại đây, nếu chúng tôi có giấy tờ thì sẽ trả lại ngay, hoàn-toàn miễn phí!"

Lucille thất vọng:

"Chờ đợi như vậy thì biết đến bao giờ mới tìm lại được giấy tờ cần thiết của tôi đây?"

Viên cảnh-sát nói: "Cũng tùy may rủi thôi! Hơn nữa chúng tôi có thể làm giấy chứng nhận là bà bị mất Visa ở Vatican, để bà có thể xin Visa khác và tiếp-tục đi du-lịch! Tuy nhiên phải mất một thời gian lâu trung-bình chừng ba tuần đó!"

Phi kêu lên:

"Phải chờ ba tuần? Chúng tôi chỉ tính đi chơi ở Âu-Châu ba tuần nữa là phải về lại Mỹ rồi!"

Viên cảnh-sát vẫn lạnh-lùng:

"Chuyện đó đâu phải lỗi của chúng tôi nhỉ, Ông bà có thấy thế không?..."

Cặp tình-nhân Phi và Lucille chán nản rời trụ-sở cảnh-sát. Số tiền Lucille dự trù đem theo để đi du-lịch nay bị mất hết. Số tiền Phi còn giữ được đã chẳng còn bao nhiêu. Hai người đang bàn với nhau là họ phải tìm cách làm ra tiền để tiếp tục cuộc du-lịch như cả hai

đã tính-toán ở Mỹ...

Vừa đi khỏi trụ-sở của cảnh-sát chừng năm trăm thước. Đang mải nói chuyện với Lucille, Phi đột nhiên thấy một bé gái tóc nâu chừng 11 tuổi, chạy đến dúi vào tay anh một mảnh giấy rồi chạy vụt đi mất. Phi thấy mảnh giấy viết nguệch-ngoạc mấy chữ như sau:

"Này bạn! Nếu bạn muốn tìm lại đồ đã mất, thì chỉ việc gọi ngay số sau đây trong vòng mười phút nữa: số xxx-1212-yyy từ 2:00P.M đến 2:10 P.M... O.K?"

Phi ngẩn người. Rõ ràng có một tổ-chức cướp giật đồ công-khai. Chúng đã cướp đồ của Phi và Lucille. Nay lại theo dõi, biết rằng hai người đã đi báo cảnh-sát, nhưng chúng không sợ, mà lại chờ hai người đi ra mới đưa mẩu giấy để đòi tiền chuộc! Anh đưa mẩu giấy cho Lucille đọc. Cô Mỹ kêu lên:

"Trời đất, vậy là chúng đã cướp đồ, nay lại bắt mình phải nộp tiền chuộc hay sao đây? Tụi mình phải trở lại ngay để báo cảnh-sát về mảnh giấy này mới được!?"

Phi bối rối. Anh biết chỉ còn bảy phút nữa để gọi điện thoại nếu anh định chuộc lại giấy tờ theo điều kiện của bọn nào đó! Nhìn chung quanh Phi đoán rằng có lẽ bọn cướp hoặc đồng đảng đang rình chờ anh và cô bạn. Có thể chúng đang chờ ở một cột điện-thoại công-cộng nào đó ở gần đó vì chung quanh Phi có rất đông du-khách và có nhiều cột điện-thoại công cộng ở rải-rác chung quanh. Phi có cảm tưởng hai người đang bị theo dõi. Nếu anh và Lucille đi ngược lại về phía trụ-sở của cảnh-sát, chúng coi rằng anh không muốn chuộc đồ và sẽ thủ-tiêu giấy tờ của Lucille. Phi nhớ lại vẻ mặt lạnh-lùng của mấy viên cảnh-sát Ý ở trụ-sở của họ. Chắc chắn cảnh-sát sẽ chẳng sốt sắng gì trong việc giúp anh chăng bẫy bắt gọn bọn cướp này! Những vụ cướp bóc hoặc đã quá thông thường ở Vatican, hoặc cảnh-sát sợ đụng-chạm với những tay anh chị vùng đó. Cũng có thể cảnh-sát ở đó lờ đi nhiều chuyện, vì họ cũng có nhấm-nháp chút đỉnh hoặc e-dè gì đó?

Phi nghĩ rằng, nếu bọn cướp đòi tiền chuộc hợp lý, thì Phi và Lucille sẽ thí cho chúng ít tiền để chuộc lại giấy tờ. Anh không muốn làm rùm beng mọi chuyện, vừa mất thì giờ, vừa chẳng đi đến đâu! Ngược lại, nếu chúng đòi hỏi quá đáng, quá khả-năng có thể trả cho chúng lúc này, lúc đó Phi sẽ báo cảnh-sát cũng chưa muộn! Phi bàn với Lucille và được cô bồ đồng-ý ngay. Hai người liền tiến đến một cột điện-thoại công-cộng ở gần đó để chuẩn bị gọi cho người vô-danh đã viết mãnh giấy nhắn tin. Phi và Lucille thêm hồi-hộp. Họ biết rằng có thể họ đang bị đồng đảng của bọn cướp theo dõi, vì thế bất kỳ có du-khách hoặc người bản-xứ nào tiến đến gần, họ đều e-dè

TRẦN TÚ UYÊN

ẢNH XƯA MÂY GỢN

Nhìn em cong nét chân mày
bỗng quên đi thuở chân mây cuối trời
bao giờ tình nở hoa môi
mình không tính tuổi để đời cứ Xuân!

Nhìn em ngồi rửa bàn chân
cái ao rau muống tưởng chừng biển sông
ôi em hai gót sen hồng
giẫm trên cỏ mượt từng dòng thơ anh!

Nhìn em giọt lệ long lanh
đôi khi cũng nhớ lại hình Mẹ Cha
tự ngày xưa, tự ngày xa
Cha tìm gặp Mẹ rồi qua chuyến đò...

Nhìn em tay bút tròn vo
thương sao ngón ngọc trời cho chữ Tình
gọi em thì hóa chữ Mình
gọi anh, lòng dặn: đừng đành đoạn xa!

Nhìn em, giờ, cõi bao la
ảnh xưa mây gợn trời ba bảy trời
nhớ là nước Việt Nam ơi
nhớ là em của một thời tương tư!

đề-phòng...

Phi đợi đúng giờ bọn cướp đã hẹn mới bỏ tiền vào để bấm điện-thoại. Đầu giây bên kia reo tới bốn lần liên-tiếp mới có người nhấc máy. Tiếng đám đông nói chuyện, tiếng xe cộ qua lại khiến Phi biết ngay rằng anh đang gọi tới một cột điện-thoại công cộng khác. Phi vội nói ngay:

"Alô. Alô... Xin cho biết tôi đang nói với vị nào đó ạ?"

Một giọng đàn ông đứng tuổi, khàn khàn, nói tiếng Mỹ nhát gừng như mới tập nói tiếng Mỹ, trả lời:

"Phải ông là người Á-Đông vừa bị mất đồ ở công-trường Vatican đó không?"

Phi ngạc nhiên:

"Đúng thế ! Sao ông biết rõ như vậy?"

Giọng người lạ tiếp tục trả lời:

"Thằng cháu của tôi nhặt được một sắc tay có thẻ Visa của một bà đề tên Lucille, và các giấy tờ khác cùng hai tấm traveler's check đề tên Phi-Nguyễn... Có phải là của ông không?"

Phi cao giọng:

"Đúng vậy! Cô bạn của tôi cần lại thẻ Visa đó và các giấy tờ khác. Ông có thể cho chúng tôi xin lại hay không?"

Giọng gã lạ nói ngay:

"Được chứ! Nhưng tôi cần phải có 500 Mỹ-Kim mới trả cho ông được. Tụi tôi nghèo lắm du-khách ơi!"

Phi đoán ngay gã này là đồng-đảng của bọn cướp, nhưng không ngờ gã lại đòi tiền trắng trợn như vậy! Anh biết rằng số ngân phiếu anh còn giữ được trong ví chỉ còn khoảng 800 Mỹ-Kim. Nếu phải trả mất 500, còn lại 300 Mỹ-Kim thì làm sao có đủ tiền mà du-lịch trong vòng ba tuần lễ nữa? Phi ngập-ngừng báo cho Lucille biết những đòi hỏi của người anh đang nói chuyện. Lucille nhăn mặt, bảo nhỏ Phi:

"Nhiều quá! Sao hắn lại có thể đòi nhiều thế, bộ hắn muốn trả lại luôn những đồ trang-sức tụi nhỏ đã cướp của em hay sao?"

Đang bực-tức vì gã đàn ông đang lên giọng đòi tiền, Phi đã phải buồn cười, anh nói nhỏ:

"Em nghĩ gì mà lạ vậy? Làm gì có chuyện trả lại đồ nữ-trang? Nhưng tùy em đó, muốn lấy lại giấy tờ thì phải theo điều-kiện của hắn. Còn không thì đợi cảnh-sát Ý liên-lạc với tòa đại-sứ Mỹ ở đây để cấp cho em thẻ chiếu-khán mới!"

Lucille nói ngay:

"Chờ đợi sẽ lâu lắm Phi à! Mình cần có nó để tiếp-tục đi du-lịch! Em đã nghĩ ra cách để làm ra tiền ở Âu-Châu rồi. Thôi thì cứ ưng đại đi. Em biết anh còn 800 Mỹ-kim tiền ngân-phiếu phải không?"

Bên đầu máy bên kia, gã đàn ông có vẻ sốt ruột:

"Sao, ông bạn quyết định đi chứ? Ông bạn có muốn lấy lại giấy tờ hay không?"

Phi năn nỉ:

"Ông có thể bớt chút xíu cho cô bạn của tôi được không?"

Gã đàn ông sẵng giọng:

"Không bớt một cắc! Cái đó là tùy ông bạn. Hơn nữa bạn phải đổi tiền Mỹ-kim của bạn ra tiền Ý, theo thời giá ngày hôm nay, bỏ tất cả vào một phong-bì, rồi đến đứng ở ngay dưới chân chiếc đồng-hồ lớn ở công-trường thánh Phê-Rô... Bạn có thể thấy đồng hồ đó từ chỗ bạn đang đứng, ở phía bên trái của bạn đó, thấy chưa? Khoảng hai giờ nữa sẽ có người đến liên lạc với bạn tại chỗ đó để trao lại giấy tờ cho cô bạn Lucille của bạn! Nhớ là phải sòng-phẳng và đừng báo cảnh-sát đó! Tụi tôi không dọa suông bạn đâu!"

Gã lạ nói xong cúp máy cái cụp! Phi bàng-hoàng cả người! Anh giải-thích mau cho Lucille biết gã đàn ông đó đã đòi hai người những gì. Lucille cũng hồi-hộp. Họ chỉ có hai giờ đồng-hồ để tìm chỗ đổi tiền và làm những chuyện bọn cướp và đồng lõa đã đòi hỏi...

Buổi trưa hôm đó Phi và Lucille chưa ăn gì, nhưng hai người đã không thấy đói. Những sự việc không hài lòng đã liên-tiếp xảy đến. Đúng là "Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí" cả hai vừa bị cướp của ,vừa bị làm tiền trắng-trợn! Phi và Lucille đã nghe nói về những sự tàn-ác của bọn cướp Mafia, chính gốc Ý. Họ đang đương đầu với một bọn cướp vừa thiếu-niên ,vừa người lớn không biết có phải cũng thuộc băng đảng đó không? Nhưng rõ-ràng, Phi và Lucille đang ở ngoài sáng, lại tứ cố vô thân; trong khi đó bọn cướp như ở trong tối, nhưng lại biết rõ từng hành-động của hai người... Nếu chúng muốn thủ-tiêu Phi và Lucille chắc cũng không khó gì; lại thêm hai xác người được tìm thấy ở Rome như báo chí vẫn đăng tải. Đúng là:

Chẳng dại nào, giống dại nào
Vụng tính một chút, để bao muộn-phiền!

Đâm lao thì phải theo lao, Phi nghĩ rằng anh đã dại dột, vì nếu anh trả lời gã đàn ông lạ rằng anh không có tiền, vì bị cướp hết tiền, rồi anh xin tòa đại-sứ Mỹ cấp giấy chiếu-khán mới

cho Lucille thì dù có phải chờ đợi, nhưng hai người không mất thêm tiền, mà lại khỏi lo-lắng vì không phải gặp mặt và đương-đầu với bọn cướp! Đã lỡ không nói gì với gã lạ mặt, coi như đã gián tiếp nhận lời; Phi và Lucille đương nhiên phải theo đúng những yêu-sách của bọn cướp nếu muốn được an-toàn tiếp-tục đi du-lịch. Thôi thì đành chịu mất thêm tiền để lấy lại giấy tờ và sự an-ninh cá-nhân của hai người. Phi nghĩ rằng "còn người, thì còn có thể làm ra của!" Phi mới nghe Lucille nói rằng đã nghĩ ra được cách làm ra tiền ở Âu-Châu. Anh chưa muốn hỏi ngay cô bồ về chuyện đó. Việc đầu tiên là cần tìm ngay ra chỗ để đổi tiền, và thu-xếp để cả hai đến chỗ bọn cướp đã hẹn cho đúng giờ...

Gần đến giờ, cặp tình-nhân Việt-Mỹ hồi-hộp tiến lại điểm bọn cướp đã hẹn. Chiếc đồng-hồ lớn ở công-trường là nơi công-cộng. Ai đi qua cũng có thể nhìn thấy đồng hồ đó. Hơn nữa chỗ treo đồng hồ chỉ cách đường xe cộ qua lại không đầy 50 thước. Lucille nắm chặt lấy tay Phi, tay kia cầm chiếc phong bì lớn đựng tiền mà bọn cướp đã giao-hẹn! Cả hai nhớn nhác nhìn khắp nơi. Họ không biết là bọn cướp sẽ đến từ hướng nào và gồm những tên nào? Phi chỉ sợ bọn cướp lại giương bẫy hai người, chúng vừa tìm cách cướp số tiền hai người để trong phong-bì, vừa không trả lại Visa và các giấy tờ họ đã bị mất!

Chỗ Phi và Lucille được hẹn có ít người qua lại. Lâu lâu có các bé gái bán hoa tươi cho du-khách đến mời hai người mua hoa hồng. Gần phía lề đường có một xe bán các đồ giải-khát và sand-wich. Lại có nhiều bé trai, gái đứng gần đó để vẫy các xe hơi qua lại mời mua hoa... Gần bên là công-trường, từng đoàn chim bồ câu bay lên, bay xuống khi được các du-khách qua lại liệng cho đồ ăn... Trưa hè ở Ý bầu Trời xanh ngát, từng đám mây trắng trôi lững lờ. Những nóc nhà thờ cao vút chung quanh... tất cả đã rất thơ mộng cho những du-khách đến du-lịch tại đó. Với Lucille và Phi thì khác hẳn! Càng gần đến giờ hẹn, cả hai càng lo-lắng ra mặt.

Lucille nhìn đồng hồ tay, vật duy nhất còn xót lại chưa bị bọn thiếu niên Ý ăn cướp vì cô Mỹ dấu trong một gói nhỏ, dắt vào trong giầy thể-thao của cô ta! Đã qua giờ hẹn năm phút mà vẫn chưa thấy gì lạ. Lucille định lên tiếng hỏi Phi gì đó, thì thấy một bé gái bán hoa đến sát mời họ mua hoa. Thay vì đưa hoa, cô gái nhỏ tóc nâu đó liền đưa cho Phi một mẩu giấy, có hàng chữ viết nguệch-ngoạc như sau:

"Hãy trao phong bì tiền cho cô bé này, rồi theo cô ta để lấy lại giấy tờ! Ký tên: Người đã gọi điện thoại!"

Lucille và Phi giật mình, cô bé bán hoa đó chỉ chừng 11 tuổi, trông ngây thơ như các em gái bán hoa khác. Hai người ngạc-nhiên, nhưng cũng trao phong bì tiền cho cô bé. Cô gái cầm được chiếc phong bì, liền quay lưng đi về phía xe bán đồ giải khát ở gần đó. Lúc ấy có mấy chiếc xe hơi đang dừng lại để mua nước uống... Lucille và Phi đi theo cô gái, gần đến lề đường, cô bé quay lại bảo Phi và Lucille đứng chờ ở đó. Từ lề đường này Phi thấy có thể quan-sát chung quanh rất rõ ràng, nhất là khu dẫn đến chỗ cột đồng-hồ lớn mà bọn cướp đã bảo hai người đứng đợi. Phi thấy con bé bán hoa chạy vội ra một chiếc xe hơi đậu bên ngoài nhất. Nó đưa chiếc phong bì tiền cho hai người đang ngồi trong chiếc xe Fiat mầu đen. Xe này có kính mầu đậm, bên ngoài không thể nhìn vào trong xe. Tuy nhiên Phi đã nhìn thấy hai tên người Ý lớn tuổi ngồi ở băng sau khi chúng hạ kính xuống,để đón lấy chiếc phong bì!

Phi thấy rõ ràng hai tên Ý mở chiếc phong bì như để soát lại tiền, rồi chúng đưa ngón tay cái lên trời, như ra hiệu cho Phi và Lucille thấy là chúng hài lòng với số tiền chúng đã nhận được. Tên ngồi sát cửa liền đưa cho cô gái bán hoa mấy tờ giấy bạc, như để trả công cho con bé. Sau đó chúng lên kính và cho xe chạy về phía trước... Phi hết hồn. Anh như giật mình chạy theo, mồm la lối:

"Hê, Hê... Trả lại giấy tờ cho tụi tôi đi chứ! Hê, Hê, Tụi tôi đã trả tiền rồi mà ?....Hê, hê..."

Trong kính sau của xe đó, Phi thấy hai tên Ý vừa cười, vừa dơ tay lên cao vẫy vẫy như chào cặp tình-nhân... Phi như sôi máu. Anh nghĩ rằng Lucille và anh lại bị bọn cướp đánh lừa, và lấy mất tiền đi trước mắt!! Lucille cũng la lên và định chạy theo, nhưng con bé bán hoa đã mau mắn tiến đến gần cô Mỹ. Nó trao cho cô ta một bó hoa hồng đỏ, trong có gắn sẵn một phong bì mầu hồng... Lucille mở mau phong bì. Tấm thiệp "Have a nice day!" bật ra, bên trong thấy rõ thẻ Visa của Lucille, các giấy tờ, và hai tấm traveler's check của Phi...●

(Trích trong truyện dài
Nắng SÀI-GÒN nắng HOA-KỲ,
sắp xuất bản)

QUẬN CAM

Đài VNCR phát hành Kỷ Yếu 1999-2000

Sáng ngày thứ Tư 14 tháng Bẩy năm 1999, đài phát thanh Việt Nam Califronia Radio (VNCR) đã tổ chức phát hành 15,000 tập Kỷ Yếu của đài đến khắp thính giả, thân chủ quảng cáo và thân hữu ngay tại trụ sở của đài trước sự hiện diện của gần 100 văn nghệ sĩ và thân chủ.

Nhân viên VNCR và thân hữu trong buổi phát hành Kỷ Yếu.

Tập Kỷ Yếu của đài VNCR được phát hành vào dịp sanh nhật hằng năm của đài VNCR với một nội dung phong phú liên quan đến các đề tài truyền thông. Đặc biệt để thực hiện Kỷ Yếu năm nay, VNCR đã gửi phái viên đến thăm và tìm hiểu các đài có chương trình phát thanh Việt Nam ở hải ngoại, như BBC (Anh quốc), RFI (Pháp quốc), SBS (Úc), VOA (Hoa Kỳ), RFA (Hoa Kỳ)... mà hàng triệu thính giả Việt Nam trong và ngoài nước vẫn thường xuyên theo dõi.

Tập Kỷ Yếu VNCR 1999-2000 còn có sự cộng tác của các nhà văn, nhà báo, người làm phát thanh chuyên nghiệp viết về nhiều đề tài thời sự như phỏng vấn Nguyễn Thanh Giang, phỏng vấn Phan Trần Hiếu "Người Thanh Niên về Nguồn"... Ngoài ra còn có những bài viết về nhiều đề tài hữu ích cần thiết cho đời sống như y tế, du lịch, giáo dục, luật pháp, Internet, văn nghệ... do những thân hữu và thân chủ của đài VNCR thực hiện.

Trong thư gởi độc giả, ông Hoàng Ngọc Tuệ, giám đốc Hội Đồng Quản Trị của đài viết: "Quyển Niên Giám Mùa Hè (Kỷ Yếu VNCR) hôm nay là phương tiện liên lạc đơn giản nhưng hữu hiệu để tất cả bà con Cộng Đồng người Việt toàn thế giới biết đến danh tánh, địa chỉ, dịch vụ hay sản phẩm của các cơ sở do người Việt Kinh doanh làm chủ tại một vùng đất được nhiều người gọi là Thủ Đô tị nạn."

Trong buổi ra mắt, ông Hoàng Ngọc Tuệ cho biết vào Mùa Hè các năm sắp tới, Niên Giám VNCR sẽ tiếp tục cống hiến bà con ở xa gần thêm tin tức ở những nơi khác và lần hồi sẽ tạo điều kiện cho độc giả - mà cũng là người mua sắm tiêu thụ - có cách liên lạc ngang dọc với nhau, hoặc liên lạc trực tiếp với các cơ sở dịch vụ mỗi ngày một phát triển ở hải ngoại.

Ông Hoàng Trọng Thụy, người phối trí chương trình của VNCR, cho biết trong Kỷ Yếu VNCR năm tới, đài sẽ thực hiện nhiều cuộc phỏng vấn liên quan đến những sinh hoạt của nhiều đài phát thanh Việt Nam ở rải rác khắp Bắc Mỹ , đặc biệt là ở Hoa Kỳ. Ông Thụy nói rằng nhiều thính giả của đài VNCR rất thích thú với các chương trình phỏng vấn qua làn sóng với nhiều nhân vật từ trong nước Việt Nam cho đến hải ngoại và rất nhiều thính giả muốn biết những đài phát thanh Việt Nam ở hải ngoại làm ăn ra sao.

Thính giả và độc giả khắp nơi muốn có tập Kỷ Yếu VNCR miễn phí có đến để trực tiếp nhận tại đài, số 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove, CA 92840. Trường hợp ở xa (trong nước Mỹ) có thể gửi về đài US$5.00 cước phí, sẽ nhận được qua đường bưu điện (trong nước Mỹ). Liên lạc: cô Phan Mỹ Sương, điện thoại số (714) 534-9430, 534-9431, 534-9432.

Lễ Phát Thưởng Giải Khuyến Học Việt Nam Kỳ XI

Lễ Phát Thưởng Giải Khuyến Học Việt Nam kỳ XI đã được cử hành trọng thể trong khuôn viên của trường Đại Học Golden West College với sự tham dự đông đủ của các nhân sĩ, mạnh thường quân, các cơ sở bảo trợ, các thầy cô giáo cùng với phụ huynh học sinh và các em sinh viên học sinh, vào chiều ngày Chủ Nhật 18 tháng Bẩy năm 1999.

Cô Nguyễn Thị Kim Ngân trưởng ban tổ chức Giải Khuyến Học trong diễn văn khai mạc cho biết lịch sử thành hình của Giải Khuyến Học: khởi đầu từ trường Đại Học Long Beach năm 1988 nhằm mục đích giúp cho tuổi trẻ Việt Nam ở hải ngoại phát huy hai lãnh vực Về Nguồn và Hội Nhập: để không quên những truyền thống tốt đẹp về dựng nước và giữ nước của cha ông và vẫn tiếp tục hấp thụ nét đẹp nền văn hóa xứ người để phong phú hóa nền văn hóa dân tộc.

Giải Khuyến Học năm nay nhằm vào các chủ đề Tình Gia đình, Tình Quê hương và Đất nước, Trách nhiệm của Tuổi trẻ, dành cho các bậc Tiểu học, Trung học và Đại học qua hai hình thức Thi Viết và Thi Đố Vui với các môn Lịch sử, Văn học, Địa lý. Đặc biệt, năm nay Giải Khuyến Học cũng phát giải thưởng cho các học sinh và sinh viên ưu tú về học lực cũng như về khả năng lãnh đạo chỉ huy trong các sinh hoạt phục vụ Cộng Đồng. Giải Tiểu luận có thể viết bằng Anh ngữ hay Việt ngữ nhằm mục tiêu giới thiệu những nét văn hóa Việt Nam đến với người bản xứ cũng như các cộng đồng thiểu số khác.

Cô Kim Ngân cho biết có tất cả hơn 400 thí sinh của gần 30 trung tâm Việt Ngữ miền Nam California tham dự trong các môn thi. Cô cũng cho biết, bước vào thiên niên kỷ mới, Giải Khuyến Học dự định thành lập một thư viện, đồng thời sẽ tạo thêm một giải có tên là Giải Sáng Tạo.

Dịp này, ông Trần Mạnh Hùng, hội trưởng hội phụ huynh trường trung học Westminster đã lên diễn đàn thông báo một tin vui: lần đầu tiên môn Việt Ngữ đã được chấp thuận xếp vào học trình ngoại ngữ ngang hàng với các ngoại ngữ khác như các thứ tiếng Pháp, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Đại Hàn... trong các trường trung học ở Hoa Kỳ. Mùa hè này ba lớp Việt ngữ đã được mở tại trường trung học Westminster với 120 em ghi tên tham dự. Và trong mùa khai giảng tới, học khu sẽ tiến đến việc mở thêm hai lớp nữa. Trong dịp này, ông Hùng khuyến khích các phụ huynh ở các trường khác có đông học sinh Việt Nam nên yêu cầu nhà trường tiến hành thành lập các lớp Việt Ngữ với đầy đủ tín chỉ thuận lợi cho các con em lên đại học sau này.

Cử tọa đã vỗ tay nhiệt liệt trước thành quả của trường trung học Westminster. Sau đó là cuộc phát thưởng. Các vị giáo chức, mạnh thường quân đã lần lượt trao giải thưởng gồm hiện vật và tiền cho các em, trước sự cổ võ nồng nhiệt của cử tọa.

So với các kỳ phát giải Khuyến học trước, kỳ XI này hoàn chỉnh hơn hẳn từ tổ chức cho đến kỹ thuật. Được cộng đồng hỗ trợ, phụ huynh khuyến khích cùng với sự hợp tác của nhiều vị giáo chức giàu kinh nghiệm, giải Khuyến Học Việt Nam có thể đi tới bằng những bước vững chắc. Bước vào thiên niên kỷ tới, có lẽ cần có những dự án phát triển để Giải Khuyến Học Việt Nam có thể vượt ra khỏi không gian của vùng Nam California, hầu có thể đến với toàn thể sinh viên học sinh Việt Nam trên toàn cõi Hoa Kỳ.

Ra mắt CD & Tập Thơ Nhạc "Chuỗi Ngày Kỷ Niệm"

Nguyệt Cầm

Dường như việc ra mắt CD Chuỗi Ngày Kỷ Niệm và tập Thơ Nhạc cùng tên chỉ là một cái cớ để cho tình cảm những bằng hữu của Nguyệt Cầm và Vũ Bạch Cúc, hai người thuộc hai thế hệ khác nhau, cùng được thể hiện. Trong khuôn viên trường đại Học Santa Ana College, vào buổi chiều Chủ Nhật 25 tháng Bẩy năm 1999, khoảng trên 300 bạn bè, thân hữu đã tập hợp để nhắc nhớ những ngày hoa bướm cũ của thế hệ người lớn, đồng thời những ngày vui trong trường đại học vừa mới kết thúc vào đầu mùa hè năm nay.

Hai tác giả tập thơ nhạc và CD Chuỗi Ngày Kỷ Niệm, Nguyệt Cầm và Vũ Bạch Cúc là hai

người "bạn văn nghệ" trên những nốt nhạc nhưng đồng thời họ là hai mẹ con. Nguyệt Cầm kể lại rằng nàng bị mẹ bắt ngồi sau đàn dương cầm từ bốn tuổi nên mới có được tài nghệ ngày hôm nay. Nguyệt Cầm bắt đầu viết ca khúc từ năm cô mới 16 tuổi. Tập nhạc Những Chuỗi Ngày Kỷ Niệm là một công trình chung của hai mẹ con, trong đó có những bài mỗi người làm riêng rẽ, cũng có bài con soạn nhạc, mẹ viết lời.

CD Những Chuỗi Ngày Kỷ Niệm được hát bởi Ý Lan, Việt Dzũng, Chung Tử Lưu, Hồng Quang, Quang Trung, Ngọc Quỳnh... nét nhạc trong sáng nhẹ nhàng, nói lên tình cảm chân phương của con người đối với thiên nhiên, tình yêu lứa đôi, tình bạn... Đặc biệt là tình bạn, những rung động chân thành, mộc mạc nhưng trong sáng đối với bạn bè chung một mái trường. Buổi ra mắt này cũng chính là một thể hiện của tình bạn. Những người bạn từ trường Gia Long xưa của Vũ Bạch Cúc và những người bạn học bây giờ từ đại học Pasadena City College, UCLA của cô con gái.

Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm khi giới thiệu đĩa nhạc đầu tay của Nguyệt Cầm cháu ông, đã nhận xét cô sẽ còn đóng góp cho nền âm nhạc Việt Nam nhiều sáng tác nữa, cho dù hiện nay cô đã đậu Cao Học về Hóa Học và đang làm Phụ Giảng (Teaching Associate) tại UCLA.

Nhiều nhân vật trong ngành Giáo dục cũ tại Sài Gòn đã hiện diện cùng với bạn bè xưa nay, tạo một bầu không khí đầm ấm, thân mật và vui tươi cho buổi ra mắt.

Đêm thơ nhạc thính phòng Trần Lãng Minh - Nga Mi

Hơn 500 thân hữu, văn nghệ sĩ đã tham dự đêm thơ nhạc thính phòng Về Với Thi Ca, cũng là dịp giới thiệu đĩa nhạc mới Đô Bờ Thương Nhớ của cặp ca sĩ tài tử từ miền đông bắc Hoa Kỳ đến Quận Cam, vào tối thứ Sáu 25 tháng Sáu năm 1999 tại nhà hàng Emerald Bay. CD Đôi Bờ Thương Nhớ là một đĩa nhạc mà Trần Lãng Minh và Nga Mi đã dầy công thực hiện.

Giọng ngâm thơ sang sảng của Trần Lãng Minh kèm theo tiếng trống vang rền trong bài Nam Thi Tháo đã mở đầu cho một chương trình văn nghệ thi nhạc giao duyên phong phú đã quyến rũ cả hơn 500 khán giả thưởng lãm say sưa, thích thú. Trần Lãng Minh là một nhạc sĩ sáng tác, đã tham gia các chương trình và tổ chức văn nghệ tại các đại học Saigon và Chính Trị Kinh Doanh Đà Lạt từ trước 1975.

Nhạc sĩ Minh cũng còn là một thành viên sáng lập phong trào Hưng Ca, sinh hoạt từ năm 1984 tại nhiều nơi ở Hoa Kỳ và hải ngoại. Từ 1990 đến nay, nhạc sĩ Trần Lãng Minh đã thực hiện nhiều chương trì nghệ thuật về các bộ môn ngâm thơ, dân ca và nhạc kịch Opera vùng Hoa Thịnh Đốn. Ông còn là người đầu tiên phổ nhạc 20 bài thơ của thi sĩ Nguyễn Chí Thiện trong tập Hoa Địa Ngục hay Tiếng Vọng Từ Đáy Vực.

Nga Mi, người bạn đời sát cánh với Trần Lãng Minh với làn hơi phong phú cao vút và phong cách trình diễn điêu luyện, đã khiến nhiều người đánh giá tiếng hát Nga Mi như một tổng hợp của một số các giọng hát nổi tiếng của nền âm nhạc Việt Nam. Ngoài giọng hát, Nga Mi còn có giọng ngâm thơ trác tuyệt, đầy sức sống. Đó cũng là giọng thích hợp với là Dân Ca, và nhạc kịch Opera.

Với tài năng điêu luyện của mình, đôi uyên ương nghệ thuật này đã được nhiều trường Đại Học danh tiếng ở Hoa Kỳ mời trình diễn Dân Ca và Dân Nhạc Việt Nam.

Trong đêm trình diễn nhạc thính phòng Về Với Thi Ca, Trần Lãng Minh và Nga Mi đã diễn tả xuất thần bài thơ Hồ Trường cùng những liên khúc thi nhạc giao duyên. Tiếng hát lôi cuốn như những lượn sóng vỗ mạnh vào tâm hồn từng khán giả. Một số nghệ sĩ thân hữu như Du Tử Lê, Nguyễn Đức Quang, Hoàng Trọng Thụy, Thùy Hạnh, Việt Dzũng, Lucie Hoàng, Đặng Nho, tam ca Thùy Dương... đã góp phần không nhỏ làm cho đêm nhạc thính phòng thêm nhiều màu sắc phong phú.

Tạ Tự, một thi sĩ thiền?

Tạ Tự, một thi sĩ trẻ và còn xa lạ với giới sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam California lần đầu tiên ra mắt một thi phẩm của anh tại Trung Tâm Văn Hóa Nguyễn Bá Học trước một cử tọa Việt Mỹ chọn lọc khoảng 100 người, vào chiều ngày Chủ Nhật 27 tháng Sáu năm 1999.

Trong phòng, những bức tranh trên tường làm cho bầu không khí buổi ra mắt thơ Tạ Tự vừa trang trọng vừa mang nét Thiền tính như những bài thơ theo thể Hài Cú của tác giả. Thi sĩ Tạ Tự đã tỏ ra xúc động khi anh trình bày lý do chọn thể thơ Hài Cú của Nhật Bản để diễn đạt tư tưởng cùng những bức xúc, những trăn trở của mình trước cuộc sống.

Thi sĩ Du Tử Lê bày tỏ lòng qúy trọng của ông đối với một người trẻ đang theo học ngành y khoa, mà tiếng thơ và tâm hồn lại rất phương đông, rất tĩnh, lặng. Nhà thơ họ Du cho biết dù có muốn ông cũng không thể có những bài thơ Hài Cú như Tạ Tự đã làm bởi vì muốn làm được thể thơ cô đọng vào 17 chữ này, người làm thơ phải có một nội lực tâm thức thâm hậu, một chiều sâu suy tư và cảm nghiệm cực kỳ sung mãn và bén nhậy.

Giáo sư Lưu Trung Khảo, chủ tịch Hội Cựu Giáo Chức VN hải ngoại cũng cho thấy lòng qúy trọng của ông trước một cõi thơ gần như vô ngôn mà lại phong phú giầu có vô ngần của Tạ Tự. Sự giầu có, phong phú của ngôn ngữ không nói ra thành lời mà theo giáo sư Khảo, nó đã nằm ngay cả ở trong những chiếc dấu mà Tạ Tự sử dụng rất nhiều, như dấu chấm than, dấu hỏi...

Tiến sĩ triết học Trần Công Tiến đã lên diễn đàn tóm lược tương quan giữa Triết học và Thi ca. Theo ông con người không chỉ sống với với thế giới vật chất này mà còn sống với với một thế giới khác, thế giới của hư vô. Mục tiêu của triết học là nói về thế giới đó nhưng đã thất bại. Chỉ có Thi sĩ là người có thể làm được việc đó.

Thi sĩ Tạ Tự đã nói những suy nghĩ của anh về thi ca: "Ta có được niêm luật của Đường Thi, âm điệu của lục bát và sự phá chấp của thể thơ tự do ở thế kỷ 20. Hầu hết đều vẽ cho ta một con đường đằng sau "cánh cửa hé mở," nhưng hầu hết trong chúng ta, mỗi người có một con đường đi rất khác biệt đằng sau cánh cửa hé mở đó. Có lẽ vì vậy mà thi sĩ Du Tử Lê có những gạch, chấm, phẩy, chấm phẩy, hoán vị... Phải chăng là một sự trùng hợp với hài cú?"

Tập thơ Tạ Tự nhỏ vuông gọn trong lòng bàn tay, bìa chỉ là một dấu chấm than đen in trên nền trắng. Thơ gồm những bài thơ song ngữ với những hình ảnh gợi một không khí thiền.

Điểm xuyết cho buổi ra mắt thơ Tạ Tự là một chương trình văn nghệ ngâm thơ, ca hát của Tâm-Châu, Kim Chi, Trọng Nghĩa, Tuấn Dũng, Trang Ngọc, Chúc Minh...

Khách tham dự được Tạ Tự ký tặng tập thơ và sau đó đi xem tranh của họa sĩ Trương Tuấn Khanh và tác phẩm điêu khắc của nhà điêu khắc Ưu Đàm.

CHICAGO

Ninh Hạ ra mắt "Cơn Giông, Ngày Về"

Một trăm năm mươi thân hữu và người mến mộ văn chương đã đến tham dự buổi ra mắt tuyển tập truyện ngắn "Cơn giông, ngày về" của Ninh Hạ vào chiều 20 tháng Sáu, 1999 tại nhà hàng Edgewater Beach Café bên bờ hồ Michigan. Đối với một thành phố nơi mà người Việt không đông và tình trạng sinh hoạt văn học nghệ thuật rất âm thầm thì buổi ra sách của Ninh Hạ là một thành công rất lớn. Trong bầu không khí thân tình và đầy chất văn nghệ, người tham dự đã được nghe ý kiến phân tích tập truyện từ nhiều góc nhìn khác nhau của bác sĩ Nguyễn Minh Châu, nguyên Cục phó cục Quân y QLVNCH, kỹ sư Hoàng Phương và giáo sư Kim Thoa. Đặc biệt là phần tranh luận rất lý thú và thẳng thắn của tác giả và một độc giả trí thức trẻ, kỹ sư Bùi Hữu Anh Huy. Chương trình ca nhạc với các nghệ sĩ Chicago, những ca khúc được chọn lựa cho các chủ đề của tập truyện làm cho buổi ra mắt rất lôi cuốn và xúc động.

Buổi ra mắt do Tuần báo Truyền thanh Thành phố Gió WWMR tổ chức. MC Lê Ngoan, tức là biên tập bình luận viên thời sự Cam Thảo, đa tài linh hoạt đã dẫn chương trình rất linh động và thành công.

Cũng trong dịp này Ninh Hạ giới thiệu tập truyện thiếu nhi "The Silver River," OSng Ngân hà hay chuyện Ngưu Lang Chức Nữ viết bằng Anh ngữ hợp tác với nhà xuất bản Steck-Vaughn, giới thiệu kho tàng truyện tích Việt Nam cho các học sinh Việt Nam và Hoa Kỳ.

Tác giả Ninh Hạ, độc giả Anh Huy và MC Lê Ngoan

"Cơn giông, ngày về" do Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ phát hành. Và Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm là một tác giả quen thuộc đối với bạn đọc *Thế Kỷ 21,* đã đăng nhiều truyện trên tạp chí này từ nhiều năm qua.●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Thiên Nga Giữa Cõi Người

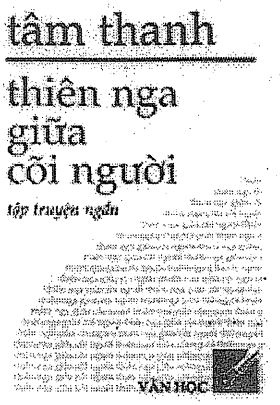

tập truyện ngắn của **Tâm Thanh**, Văn Học xuất bản, 196 trang, giá US$10.00, ngoài Hoa Kỳ thêm $2.00 cước phí. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Tác giả là một người tị nạn tại Na Uy. Những truyện của ông liên quan đến nơi cư ngụ mang một ý vị "hương xa" đối với đông đảo người Việt tị nạn các nơi khác. Nên thơ, trong lành, không ồn ào căng thẳng, mặc dù nội dung các truyện cũng vẫn là những chuyện muôn thuở của con người, của thiên nhiên. Đó là nét đặc biệt mà Thanh Tâm tặng cho chúng ta, ông miêu tả nếp sống gia đình của người Việt tị nạn tại Na Uy, sự liên hệ với người bản xứ qua tình láng giềng và sở làm, và ngay cả những câu chuyện, những tình huống giữa người Việt với nhau tại xứ sở ấy, tất cả là một thế giới rất khác với các cộng đồng tị nạn quen thuộc ở các nơi, nhất là ở Mỹ. Nhưng tài năng của ông không dừng ở chỗ miêu tả, chỉ nhằm tạo nên một bức bích họa cho môi trường mà ông đang sống. Phải mượn lời Nguyễn Mộng Giác để phanh phui những chỗ ẩn dấu:

Bối cảnh truyện của anh đều đẹp. Nhân vật truyện đều hiền. Mạch truyện xuôi dòng êm ả. Ngôn ngữ truyện trong sáng, nhiều khi thi vị như ngôn ngữ thơ. Thiên nhiên hùng vĩ và diễm lệ của vùng Bắc Âu, cùng với tình người cao đẹp của các dân tộc địa phương đối với người tị nạn Việt Nam, như đã hiển hiện trên từng trang truyện của Thanh Tâm. (...)

Nhưng Thanh Tâm không chủ tâm viết những bài tụng ca, thay mặt cho các đồng hương tị nạn. Những hoàn cảnh lý tưởng của truyện, thật ra, chỉ là màn khói giả trang. Hoặc là những cái cớ. Chủ ý của anh là truy tầm những bi kịch muôn thuở ngay trong những hoàn cảnh bất ngờ nhất, nơi người ta tưởng không bao giờ có bi kịch. Người đọc bước vào truyện như lạc vào một cõi mơ, và ra khỏi truyện thì ngơ ngẩn bàng hoàng vì băn khoăn không hiểu nổi những vấn nạn muôn thuở của nhân sinh. Có thể xem truyện ngắn của Tâm Thanh như những bài thơ triết lý.

Và cũng có những truyện mang đề tài Việt Nam, với lối dựng truyện rất công phu, dù là ngắn hay dài. Đặc biệt như truyện Nam Quốc Sơn Hà, chỉ là một hoạt cảnh rất ngắn, mà cô đọng cả ý hướng và sự nghiệp của Hồ Chí Minh: cái sơn hà, cái sông núi Việt Nam mà "bản tuyên ngôn độc lập" đầu tiên của Lý Thường Kiệt có nói là *Nam quốc sơn hà Nam đế cư* thì Hồ Chí Minh đặt cho các tên mới, núi Các Mác, suối Lê Nin... Tác giả đã thấy suốt được cái ngụ ý ghê gớm đó của họ Hồ từ khi còn ở trong hang đá khởi nghiệp Pắc Bó, nguyện đem nước Việt Nam hiến dâng cho sự nghiệp cách mạng vô sản thế giới. Dưới dạng văn học, truyện Nam Qước Sơn Hà là một soi rọi đầy đủ nhất, trực tiếp nhất bản chất tâm hồn của người cán bộ đệ tam quốc tế trung kiên ấy.

Thiên Nga Giữa Cõi Người như một đóa hoa đẹp một cách tinh khiết vừa nở bừng. Nhưng trong vẻ đẹp lại có ẩn bao nỗi mong manh, bi kịch, mang lại cho người đọc cảm giác huyền hoặc, như thể vừa chạm tới cái muôn thuở.

Những Hạt Đậu Biết Nhảy

tuyển tập truyện ngắn Phật học, nguyên tác Hoa ngữ của **Lâm Thanh Huyền**, do *Phạm Huê* dịch sang Việt ngữ, Văn Nghệ xuất bản, 261 trang, giá US$13.00, ngoài nước Mỹ $15.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Wesminster CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Tôn giáo nào cũng có giáo điều để dạy tín đồ, và thường các giáo điều thì nghiêm trang, khô khan, nhiều khi khó hiểu nữa. Vì thế tín đồ thường tụ tập nghe tu sĩ giảng kinh, đem lời lẽ trong kinh sách ra quảng diễn một cách dễ hiểu vừa tầm với quần chúng. Cuốn *Những hạt đậu biết nhảy* cũng có thể coi là những bài

giảng giáo lý Phật giáo, dưới dạng văn viết.

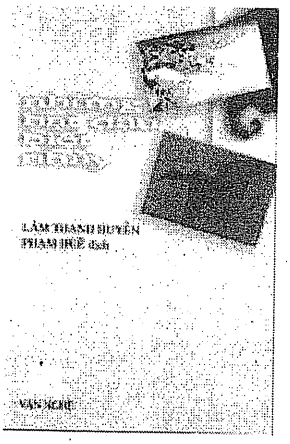

Lâm Thanh Huyền là một nhà văn chuyên trứ tác truyện ngắn và tản văn trong thế giới văn học Đài Loan hiện nay. Văn của ông trong sáng, nhẹ nhàng. Mười lăm năm trước ông bắt đầu tìm hiểu về đạo Phật. Ông đã lên núi đọc kinh kệ, những sách nghiên cứu Phật học, nhất là lịch sử Phật giáo Trung Hoa. Những bộ kinh Phật với triết lý sâu sắc đã khiến ông suy nghĩ rất nhiều, ông đã quyết tâm diễn dịch để phổ biến đến cho Phật tử. Nhưng những trứ tác đầu tiên của ông viết về đạo Phật đều bị các nhà xuất bản từ chối, phần đông người ta nghĩ rằng loại sách này sẽ bán rất khó và không thể nào lôi cuốn được độc giả. Nào ngờ quyển sách đầu tiên thuộc thể loại này của ông đã trở thành Best Seller suốt nhiều tháng liền và đã tái bản 30 lần trong năm đầu tiên. Truyện của ông hiện nay không những được đăng tải trên những tạp chí Phật giáo mà còn xuất hiện trên các tạp chí Thiên Chúa giáo nữa.

Đạt được sự thành công ấy trước tiên vì truyện của ông đọc rất thú vị. Những cái như giáo điều, giáo lý... (những cái thường khiến người đọc — cũng như những nhà xuất bản bên Đài Loan — ngần ngại) thường ẩn dấu rất kỹ, được ngụy trang một cách tinh tế trong các câu chuyện hoặc trích ra từ kinh điển, hoặc lấy từ cuộc sống hàng ngày của tác giả. Nhưng chính phần giáo lý cuối cùng lộ ra trong các truyện ấy mới là điều thú vị nhất làm nên giá trị cho văn của ông, một thứ giáo lý đã được văn chương hóa, tình tiết hóa, sẵn sàng đi thẳng vào tâm hồn chúng ta và ở đó như những bài học do một giáo sư có một trình độ sư phạm rất cao giảng dạy.

Khi theo một tôn giáo, những giáo điều căn bản thì hầu như ai cũng đã nắm được rồi, nhưng sự ôn luyện nhắc nhở việc thực hành sống đạo thì luôn luôn cần lặp lại, vì tu hành là thứ rất dễ xao lãng. Tu tâm dưỡng tánh theo Phật giáo, nên có những cuốn sách như *Những hạt đậu biết nhảy* này, thỉnh thoảng đọc vài truyện, ta sẽ cảm nhận ý tứ sâu sắc của chúng một cách rất vui thích, chắc chắn từ đó ta sẽ hái được ít nhiều kết quả tốt cho tâm ý của ta.

Như Những Ngọn Gió

tập truyện ngắn của **Nguyễn Huy Thiệp**, Văn Nghệ xuất bản, 569 trang, giá US$22.00, ngoài Hoa Kỳ $25.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Cuốn sách gồm những truyện: *Chảy đi sông ơi, Tâm hồn của mẹ, Tướng về hưu, Cún, Huyền thoại phố phường, Không có vua, Muối của rừng, Con gái thủy thần, Giọt máu, Chút thoáng hương xưa, Mưa, Những người thợ xẻ, Những bài học nông thôn, Kiếm sắc, Vàng lửa, Phẩm tiết, Nguyễn Thị Lộ, Trương Chi, Đời thế mà vui, Sang sông, Thiên văn, Thương nhớ đồng quê, Mưa nhã nam, Tội ác và trừng phạt, Những ngọn gió tua hát, Chăn trâu cắt cỏ, Thương cả cho đời bạc, Hạc vừa bay vừa kêu thảng thốt, Không khóc ở California, Truyện tình kể trong đêm mưa.*

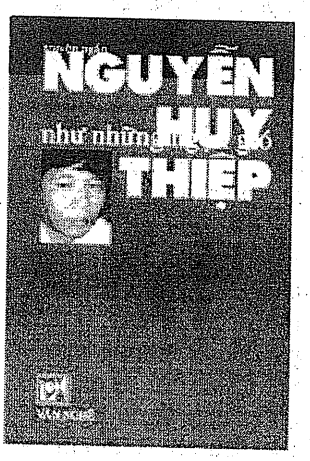

31 truyện, từ những truyện xuất hiện từ thời "đổi mới" khoảng giữa thập niên 80 đến những truyện mới viết thời gian gần đây, tuyển tập này có lẽ là tập hợp đầy đủ nhất truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp. Tác giả Tướng Về Hưu nổi tiếng ngay sau khi truyện ngắn này được đăng lần đầu tiên trên báo trong nước vào khoảng năm 1986, và những truyện liên tiếp sau đó ngày càng được chú ý vì tính cách độc đáo của chúng. Văn ông sắc, gọn, sẵn sàng phô bày những nét "kinh khiếp" của lòng người cũng như của xã hội. Ông phá hết mọi che đậy cái xấu xa hình như với mục tiêu là khai đường để đi xuyên qua đấy tìm đến lẽ thiện ẩn nấp ở một nơi sâu kín hơn. Vì thế dù rất quan tâm đến cái thiện, văn ông luôn luôn gợn lên nỗi rờn rợn của cái ác mà ông rất có biệt tài mổ xẻ phanh phui với một lưỡi dao giải phẫu sắc bén, bằng những đường rạch rất gọn không thừa không thiếu. Ông nhìn thấy những cái bóng âm u giữa ánh nắng ban trưa.

Trong *Những bài học nông thôn*, Nguyễn

Huy Thiệp viết: *Với nông thôn, tất cả bọn dân thành phố và bọn có học vấn chúng ta đều mang tội trọng. Chúng ta phá tan phá nát họ ra bằng những lạc thú vật chất của mình, cả giáo dục lẫn khoa học giả cầy, hành hạ bằng luật lệ, lừa bịp bằng tình cảm, bóc lột tận xương tủy, chúng ta đè dí nông thôn bởi thượng tầng kiến trúc với toàn bộ giấy tờ và những khái niệm của nền văn minh... (...) Lợi phải do dân chúng tạo ra bằng sức lao động của mình. Họ cần phải hiểu rằng phải cầu một thứ cao hơn thế nữa, đấy là giá trị chân chính cho toàn bộ cuộc sống của mình, quyền được tự mình định đoạt cuộc sống, tóm lại là tự do.*

Chân Mang Giày Số 6

tập truyện của **Song Thao**, Văn Mới xuất bản, 184 trang, giá US$10.00, ngoài nước Mỹ thêm $2.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 South La Cienega Bl., Los Angeles, CA 90035. Tel: (310) 559-0413.

Có lẽ Song Thao là tác giả viết nhiều nhất về sự liên hệ giữa người tị nạn Việt Nam với người bản xứ (và ở đây là Canada, nơi tác giả cư ngụ). Đó là những người tị nạn đã hội nhập kha khá vào xứ sở mà mình tới ở nhờ, có công ăn việc làm, ngôn ngữ không trở ngại, vẫn giữ rất kỹ văn hóa Việt nhưng cuộc sống mở ra rất nhiều giao tiếp với người không phải là đồng hương của mình. Tác giả quan sát, nắm bắt những điểm đặc biệt, ngộ nghĩnh, cảm động, và dĩ nhiên cả những cái không vừa ý (ít thôi) từ những giao tiếp ấy, làm thành những hoạt cảnh sinh động rất có ý nghĩa trong cuộc sống mới. Từ những nền văn hóa khác nhau, ngôn ngữ khác nhau, hoàn cảnh đã xô đẩy người ta lại gần nhau, làm nảy lên tình bạn giữa những đứa trẻ di dân và bạn cùng trường, sự quan tâm giành cho nhau giữa hàng xóm láng giềng hay người cùng sở, và đây đó cũng đã có tình yêu giữa những người dị chủng. Đây là nét đặc biệt của truyện Song Thao. Ông nhìn sự liên hệ mới ấy một cách vui vẻ, đôi khi rất âu yếm, vì cuối cùng, sau nhiều năm tháng sống nơi xứ lạ, chắc ông đã thực chứng cái điều đã được người xưa nhìn thấy từ lâu rồi: *Cũng nhân tâm ấy, há thiên lý nào.* Vượt qua khỏi bao hình thức cách biệt, rốt cuộc, ai cũng là người. Song Thao đã tới chỗ ấy, ông rất thanh thản, tự nhiên với những liên hệ mới ấy, học hỏi nơi người, truyền đạt cho họ những nét đặc thù của văn hóa mình, với một cung cách vô cùng thân thiện, không mặc cảm tự tôn hay tự ti.

Không khí chân tình và lạc quan bao trùm trong tác phẩm của ông. Ông đề cao sự bền chặt của đời sống gia đình và tình cảm bạn bè, xã hội, mặc dù ông thường xuyên nhìn thấy những đe dọa đầy kịch tính cho những điều tốt đẹp ấy. Trước những lời than vãn cho "thân phận lưu đày" rất thường thấy trong tâm lý tị nạn, truyện của Song Thao vẽ ra một viễn cảnh khác: con đường hội nhập nhẹ nhàng, bình đẳng, đầy tình người. Cuộc sống muôn mặt, văn chương cũng muôn mặt, nhưng phải nhận cái "mặt" mà Song Thao chọn là một mặt rất tích cực.

Căn Nhà Búp Bê

kịch bản, nguyên tác tiếng Na Uy của **Henrik Johan Ibsen, Bạch Liên Trương Kim Anh** dịch sang Việt ngữ, Anh Em (Na Uy) xuất bản, 138 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Tổng phát hành Làng Văn, P.O. Box 218 Station "U", Toronto Ontario M8Z 5P1 Canada.

Sách in trên giấy quý, trình bày mỹ thuật, với những tranh phụ bản của Nguyễn Hữu Nhật và một bài thơ ngắn của ông cảm đề cuốn sách:

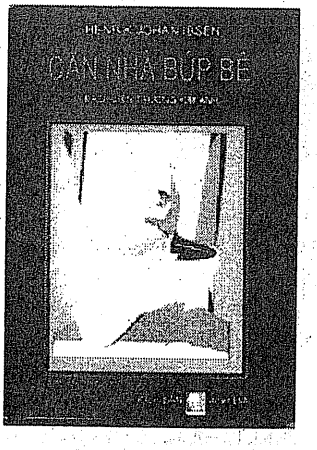

trăm năm trước đời không hạnh phúc
người với người sống chẳng hiểu nhau
tuồng đóng lại màn buông khuất cảnh
đau khổ, còn nguyên trăm năm sau...

Những câu thơ cho thấy đây là một bi kịch. Tác giả Henrik Johan Ibsen, một kịch tác gia người Na Uy sống trong thế kỷ 19 và một ít năm đầu của thế kỷ 20, đã nổi tiếng thế giới sau khi viết vở kịch này vào năm 1879. Vào

cuối thế kỷ trước, ngay tại Tây phương, địa vị người đàn bà hãy còn rất thấp kém, và trong xã hội bắt đầu có những tranh luận về nữ quyền, như cuốn *The Subjection of Women* của John Stuart Mill đã gây tiếng vang trên toàn thể Âu châu. Tác giả Ibsen viết kịch này dựa trên một câu chuyện có thật để đưa ra thảm kịch của một người phụ nữ, hết lòng lo lắng thương yêu chồng đến độ phải lén đi vay nợ để chữa bệnh cho chồng, thế nhưng khi chuyện nợ nần vỡ lở, vẫn bị chồng kết án là ăn tiêu hoang phí, và bị mất quyền nuôi các con... Nora, nhân vật ấy, đã phản kháng, với ý thức đầy đủ nhân phẩm của người phụ nữ, cắt đứt cuộc sống với chồng, một hành động có thể coi như tượng trưng cho sự đoạn tuyệt với các áp chế của đàn ông:

...khi ở nhà với ba em, ba kể cho nghe những ý nghĩ của ba, thì em cũng phải nghĩ như ba, nếu em có ý kiến khác, em cũng phải dấu đi, vì ba không thích. Ba gọi em là con búp bê của ba, chơi đùa với em như em chơi đùa với con búp bê của em vậy. Rồi khi em về nhà anh... (...) Ý em muốn nói, khi em từ tay ba em qua tay anh. Anh sắp đặt mọi việc theo sở thích của anh, và thế là dần dà em cũng có cùng sở thích như anh, hay em chỉ giả bộ nói là em thích như vậy. (...) anh và ba đã làm một sai lầm lớn với em. Anh có tội, làm cho em bây giờ chẳng trở thành cái gì hết.

Để người phụ nữ thôi đóng vai trò của một con búp bê, đã phải trải qua những đau khổ và những cuộc tranh đấu dài. Vở kịch này là một vết tích, cũng như Đoạn Tuyệt của Nhất Linh là một vết tích, trong xã hội Việt Nam tiền bán thế kỷ này. Khi chọn dịch vở kịch này, có lẽ dịch giả Bạch Liên Trương Kim Anh không những chỉ nhằm giới thiệu một tác phẩm có tiếng của nền văn học Na Uy với người Việt Nam, mà còn đưa ra một nhắc nhở về ý thức tự chủ của người phụ nữ; dù là cuối thế kỷ 20 rồi, vai trò của người phụ nữ, nhất là phụ nữ Á Đông trong đó có Việt Nam, vẫn còn nhiều điều đáng phàn nàn lắm.

Lối Khác

thơ **Hà Nguyên Du**, Tân Thư xuất bản, 186 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Tân Thư, P.O. Box 277, Garden Grove, CA 92842, USA. Tel: (714)265-1394.

Ngoài thơ, cuối sách còn có phần nhạc phổ thơ của tác giả, do các nhạc sĩ Vũ Thành An, Trần Duy Đức, Đỗ Lễ, Ngô Văn Tín, Hoàng Linh Duy thực hiện. Về thơ Hà Nguyên Du, có lẽ những nhận xét sau đây của Du Tử Lê là chính xác nhất:

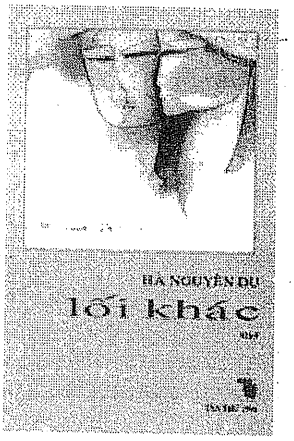

Thịt, xương thi ca mang tên Hà Nguyên Du, trong những năm, tháng gần đây, đã là một thịt, xương khác. Nơi cõi thịt xương mới này, mặt nào đó, đã mang lại đời thơ Hà Nguyên Du những lượng máu sáng tạo cần thiết, cho tiến trình tự hủy để tựu thành một lên đường khác. Tôi muốn gọi đó là sự hóa thân kỳ diệu của một con ngài, để trở thành cánh bướm.

Tôi muốn gọi đó là phần thưởng vô giá của một ăn ở tốt đẹp, bất biến. Mặc dù, ánh sáng, mầu sắc, hình tượng mở ra lần thứ nhất, đôi khi đã làm/ chóa mắt/ choáng váng nơi cảm, nhận của họ Hà. Nhưng, vòm cao, sẽ là nơi cánh bướm bay lên. Chân trời, sẽ là nơi họ Hà đi tới. Tôi rất mừng, vì không phải đời thơ nào của chúng ta hôm nay, ở quê người, cũng có được chân trời, mênh mông và, vòm cao, bát ngát kia.

K.Khúc Của Lê

diễn dịch một cách dễ hiểu tựa đề trên thì là: **Ca Khúc của Du Tử Lê.** Đây là một đĩa CD gồm các bài hát được phổ nhạc từ thơ của Du Tử Lê, do các nhạc sĩ Phạm Đình Chương, Trần Duy Đức, Nguyên Bích, Anh Bằng, Đăng Khánh, Từ Công Phụng, Hoàng Song Nhi thực hiện. Song song với các giọng hát của Thùy Dương, Tuấn Ngọc, Mai Khanh, Anh Dũng, Lê Uyên, Lệ Thu, Huân Ngữ là lời dẫn nhập do chính Du Tử Lê soạn và đọc, bay bổng và sâu sắc, giúp sự thưởng ngoạn bài hát thêm trọn vẹn. Liên lạc: HT Prodictions, 12751 Lucille Ave. Garden Grove CA 92841, USA.●

MUỐN CÓ CĂN BẢN ANH VĂN CẤP TỐC ĐỂ

THÀNH CÔNG TRÊN ĐẤT NGƯỜI

TRAU GIỒI NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP TÂN TIẾN

ZIÊN HỒNG

Nói, viết Anh Ngữ đúng và hay? Muốn có căn bản về Anh Ngữ mau lẹ và hữu hiệu nhất, quý vị nên dùng những sách do cố giáo sư **Lê Bá Kông** biên soạn rất công phu, hoàn toàn thích hợp với người Việt, căn cứ trên 40 năm kinh nghiệm.

Có rất nhiều điểm soạn giả ngoại quốc không biết là hệ trọng đối với học viên Việt, chẳng hạn cách dùng đúng: *a, an, the; in, on, at; may, might, should, would; present participles, gerunds, compound verbs, nouns and adjectives; âm dài và âm ngắn (fool, full; sleep, slip;...)*, và còn hàng trăm trường hợp khác.

Phương pháp Ziên Hồng rất thích hợp với người Việt và có nhiều trình độ tùy mục tiêu của quý độc giả muốn đạt tới.

THỰC TIỄN THÍCH HỢP

HỘI THOẠI VIỆT ANH PHÁP

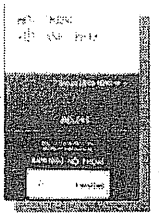

Một cuốn sách gọn gàng, đầy đủ, thực tế, xinh xắn mà người Việt nào muốn trau giồi đàm thoại tiếng Anh và tiếng Pháp phải có. Có ghi phát âm từng chữ chuẩn xác và thích hợp để độc giả Việt tiện dùng.

Có cuốn cassette C-90 để dùng kèm, do nữ xướng ngôn viên Ruth Ascher giọng New York phát âm chuẩn xác rõ ràng và được viên ghi âm công phu. Ai dùng cũng hài lòng. Dùng phương pháp này trong 2 tới 3 tháng có thể đi chợ, mua sắm, thường đàm được.
#HTVAP - US$12.00

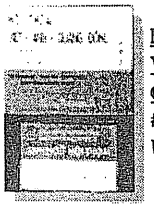

HỘI THOẠI VIỆT ANH QUẢNG ĐÔNG
#HTVAQ - US$12.00

KẾT QUẢ NHANH TRÔNG

ANH NGỮ THỰC HÀNH

Cần nói ngay tiếng Anh ? Thiếu giáo sư ? Bận công việc ? Đây là phương pháp tự học.

Hướng dẫn đàm thoại. Sách được soạn công phu theo phương pháp sư phạm mới, xếp đặt thành từng chủ đề để học viên dễ hiểu và dễ nhớ lâu đủ tất cả các ngành sinh hoạt. Có bảng kê đầy đủ các động tự bất quy tắc, các đơn vị đo lường, trọng lượng, tiền tệ Anh, Mỹ.

Có 2 cassettes C-90 để dùng kèm, giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.
#ANTH - US$22.00

CĂN BẢN ANH NGỮ VỮNG CHẮC

MODERN ENGLISH

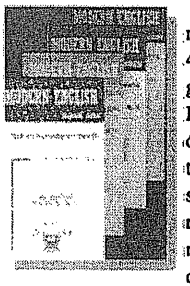

Kinh nghiệm hơn 40 năm của giáo sư Lê Bá Kông đã được tập trung để soạn bộ sách rất giá trị này, được các nhà chuyên môn ngữ học Việt và ngoại quốc khen ngợi.

Bộ gồm 4 cuốn giáo khoa từ sơ cấp đến hoàn bị, 4 cuốn hướng dẫn để tự học, và 8

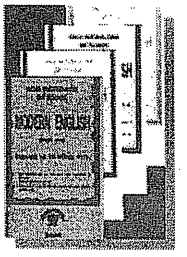

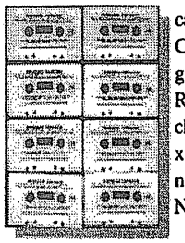

cassettes C-90, giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York. Hướng dẫn phát âm điêu luyện, hơn hẳn những phương pháp khác.

Phần văn phạm và cú pháp căn bản vững vàng, hợp với người Việt, được giảng giải cặn kẽ, mạch lạc, dễ hiểu và đầy đủ.

Các bài tập nhằm vừa áp dụng những điểm mới học vừa ôn lại thường xuyên những điều đã học. Bài vở nhằm giúp học viên vui học.
#ME - US$99.00 toàn bộ.

Giá đặc biệt khi mua chung bộ Modern English và bộ TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng, bìa bọc plastic:
#METĐ - US$120.00

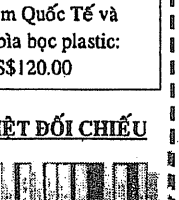

BỘ ANH VIỆT ĐỐI CHIẾU

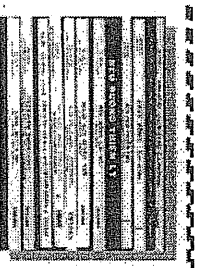

Bộ 12 cuốn, 2,400 trang văn chương, dịch thuật công phu. Gồm những truyện ngắn lừng danh nhất thế giới, được trình bày Anh Việt đối chiếu. Sẽ giúp độc giả thưởng thức lời văn tuyệt vời và tư tưởng thâm trầm của các văn sĩ quốc tế.

Bộ sách này cũng rất tốt cho con em trau giồi tiếng Việt !
#AVĐC - US$90.00 toàn bộ.

Giá đặc biệt khi mua chung bộ Anh Việt Đối Chiếu và bộ Tự Điển Anh-Việt Việt-Anh:
#AVĐCTĐ - US$110.00

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783
Xin gửi check hay money order
Có nhận credit card

Canada xin thêm 10%, các nước khác 20% cho cước phí

Xin gửi về:
Zieleks Company Inc.
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, Texas 77581, USA
(281) 481-3783

Xin quí hãng gửi cho chúng tôi
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
Cước phí US$_____
Tổng cộng US$_____
(Canada xin thêm 10%, các nước khác xin thêm 20% cho cước phí)
Kèm theo đây là:
☐ check ☐ money order
☐ chi tiết cho credit card
Tên _____
Địa chỉ _____
_____
Tỉnh _____
Tiểu bang _____ Zip _____

Nếu dùng credit card:
Số _____
Hết hạn _____
Chữ ký _____
Điện thoại _____

A.V. TRAVEL

Chuyên-nghiệp & Phẩm-chất & Tin-cẩn & Chu đáo

Bạn đã dự-định cho chương trình Vacation của bạn chưa?

Nếu chưa! A. V Travel sẽ giúp ý-kiến bạn.

Bạn muốn tặng bố mẹ, người thân một chuyến du-lịch thật thú vị,nhưng ngại vì không có thì giờ đi theo !!

A. V Travel sẽ thay bạn lo chu-đáo điều đó.

Lịch-trình Tours cho năm 1999 - 2000

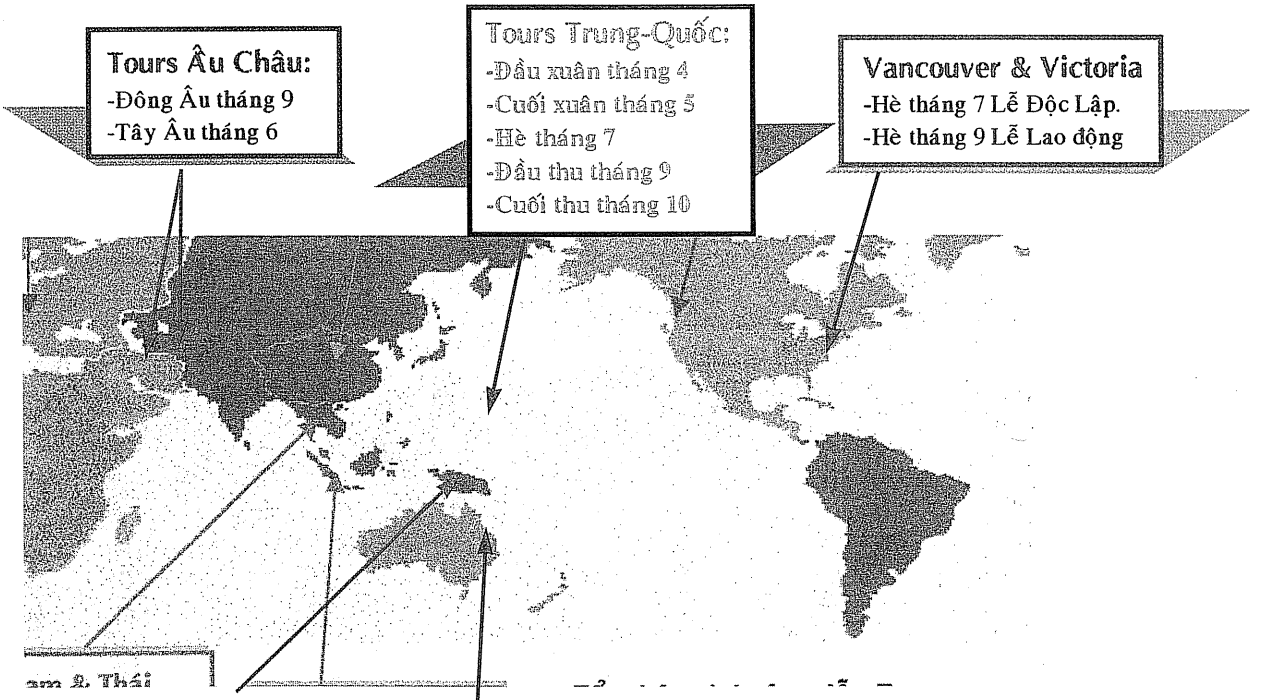

- **Tổ chức và hướng dẫn Tours.**
- **Bán vé đi khắp nơi trên thế giới.**
- **Các tours Hawaii, Cancun...**
- **Các dịch-vụ liên quan về du-lịch.**

A.V Travel

Tel: (714)537-2200 ***Fax: (714) 741-2900***

số miễn-phí: (877) AV TOURS / (877) 288-6877

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

24 HOURS
BAIL BONDS SERVICE

ANY BAIL

TOLL FREE 1-888-499-BAIL (2245)

ANY JAIL

Lic# BAIC20895

ĐÓNG TIỀN RA TÙ

IMMIGRATION BONDS

Tuấn V. Hồ

- Our agent Will Come To You
- Easy Credit Available (O.A.C.)
- Agent On Duty 24 Hrs.
- Freedom Is Just A Phone Call Away
- Immediate Jail Release Assistance
- Lowest Rates 8%

- Có Nhân Viên Chúng Tôi Đến Gặp Quý Vị
- Thế Chân Dễ Dãi
- Chúng Tôi Có Nhân Viên Trực 24/24
- Tự Do chỉ Trong Chốc Lát Qua Đường Dây Điện Thoại
- Có Luật Sư Chuyên Lo Ra Tù Gấp

Vanessa

VISA MasterCard

1227 W. 17th St, Suite#200
Santa Ana, CA 92706
(714) 899- 6858

18546 Sherman Way.,Suite #105
Reseda, CA 91335
(818) 757- 0222

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim